NĂM THỨ MƯỜI • # 113 • SEPTEMBER 1998

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

TÒA ÁN HÌNH SỰ QUỐC TẾ
LS. TRẦN THANH HIỆP

THẤT TÌNH LẦN N
HỒ NHƯ

TÔI ĐI RÀO THÉP GAI
TRẦN DOÃN NHO

GRAND DRAGON SEAFOOD BUFFET

AMERICAN - FRENCH - CHINESE - VIETNAMESE

- Trên 50 món ăn và trên 20 món tráng miệng thay đổi mỗi ngày
- Có Tôm Hùm hoặc Tôm Càng mỗi tối
  Do đầu bếp Trung Hoa đã đoạt được 7
  Huy Chương vàng trên toàn nước Mỹ phụ trách
- Khung cảnh ấm cúng, tiếp viên lịch sự, parking rộng rãi
- Grand Dragon là nơi lý tưởng để tổ chức những buổi tiệc cưới, sinh nhật, họp bạn, v.v...

ĐẶC BIỆT:

LẨU HẢI SẢN
HẢI SẢN TƯƠI XÀO TẠI CHỖ

BEER & WINE

ALL YOU CAN EAT!!!

6838 & 6840 & 6842 Edinger Ave.
Huntington Beach, CA 92647
(Góc Edinger và Golden West, trong khu Home Depot)

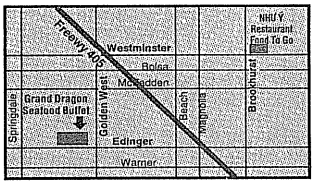

Tel: (714) 842-7262

LUNCH: 11:00AM-3:30PM
DINNER: 5:00PM-9:30PM
Mở cửa 7 ngày trong tuần

Chủ nhân Như Ý kính mời

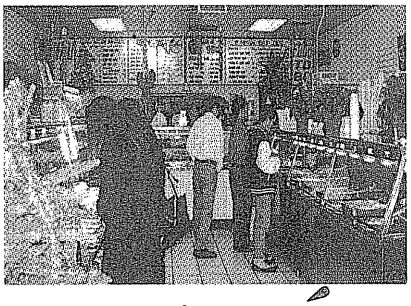

Như Ý

(Góc Brookhurst & Westminster, trong khu chợ Kinh Đô)

Như Ý
FOOD TO GO

13898 Brookhurst St., Garden Grove, CA 92843

Tel: (714) 636-4883

Thứ Hai-Thứ Sáu: 5:00 AM-9:30PM
Thứ Bảy-Chủ Nhật: 6:00AM-9:30PM

- *Trên 40 món mặn và 15 món chay thay đổi mỗi ngày.* • *Bánh mì thịt đủ loại*
- *Các loại chè: Mua 2 tặng 1*
- *Các loại bánh trái, Xôi, Chè*
- *Các món nhậu: Bê Thui, Tiết Canh, Lòng Heo...*
- *Nhận đặt tiệc cho các buổi họp mặt: Chả Giò, Cơm Chiên, Mì Xào, Gỏi Sen Thập Cẩm...*

Open 7 Days a Week
Mở cửa 7 ngày trong tuần
Cơm phần Chay & Mặn

Nếu có quý vị muốn mở **TO GO, Restaurant** hoặc **Buffet** chủ nhân Như Ý sẽ tận tâm định hướng dẫn từ A tới Z và chắc chắn sẽ thành công, xin L/L
(714) 636-4883
(714) 636-4885
(714) 842-7262
Pager: (714) 355-5188

Như Ý
RESTAURANT

BEER & WINE

13892 Brookhurst St., Garden Grove, CA 92843

Tel: (714) 636-4885

Thứ Hai-Thứ Năm: 10:AM-12:AM, Thứ Sáu: 10:AM-3:AM
Thứ Bảy: 8:30AM-3:AM, Chủ Nhật: 8:30AM-1:AM

- *Trên 200 món ăn Việt, Tây, Tàu*
- *Đặc biệt: Bánh Khọt Vũng Tàu ngon độc đáo*
- *Các món nhậu trứ danh: Cá sấu chiên bơ. Nai nướng vỉ, bò tái chanh, tiết canh, lươn bầm xúc bánh tráng, ốc len xào dừa, ếch chiên bơ, lẩu súng Vũng Tàu, cua tôm rang muối...*
- *Đặc biệt: lẩu lươn sống, lẩu dê, lẩu Hải sản*
- *Nhận đặt tiệc cho sinh nhật, họp mặt...*

NHÀ HÀNG CHUYÊN VỀ ĐÁM CƯỚI

DRAGON KING
SEAFOOD RESTAURANT
CHINESE AND VIETNAMESE CUISINE

DO ĐẦU BẾP TRUNG HOA ĐÃ ĐOẠT NHIỀU HUY CHƯƠNG VÀNG TRÊN TOÀN QUỐC ĐẢM TRÁCH

ĐẶC ĐIỂM CỦA NHÀ HÀNG
- 600 chỗ ngồi
- Sân khấu đẹp
- Sàn khiêu vũ rộng
- Phòng thay đồ cô dâu
- Parking rộng thênh thang
- Tiếp viên lịch sự chu đáo

Tel: (714) 842-7262
Pager: (714) 355-5188
1830 W. 17th ST.
SANTA ANA, CA 92706

NHÀ HÀNG SANG TRỌNG, LỘNG LẪY
MỞ CỬA 7 NGÀY
CÓ CHỖ NGAY
Xin gọi để biết chi tiết

Mỗi Video, Một Bước Tiến

Mỗi ngày, nhiều khám phá mới lạ của văn nghệ xứ người (cho giới trẻ) hòa đồng với những Điệu Nhạc Quê Hương (cho giới cao niên)

PARIS BY NIGHT 45

Chủ đề:

VÀO HẠ

Điều khiển chương trình:

NGUYỄN NGỌC NGẠN - NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

với sự góp mặt của:

Ái Vân, Ý Lan, Như Quỳnh, Hương Lan, Hoàng Lan, Lưu Bích, Lynda Trang Đài, Thùy Dương, Bảo Ngọc, Châu Ngọc, Mỹ Huyền, Bảo Hân, Thiên Kim, Trúc Lam, Trúc Linh, Đôi Song Hằng, Phương Vy, Don Hồ, Thế Sơn, Nguyễn Hưng, Chí Tâm, Tommy Ngô, Thanh Phong, Phương Đại, Hoài Nam và Ban nhạc M.F.L Canada.

Xin liên lạc: **THÚY NGA**

Giá $28 1 Bộ

MỸ & CANADA: **P.O. Box 2174 Westminster, CA 92683**
Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673

ÂU CHÂU: **44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris France.**
Tel: 01-45-83-34-30

ÚC: **323 Chapel Rd. - Bankstown - N.S.W 2200 - Australia. Tel: (02) 796-7227**

MỚI PHÁT HÀNH:

Băng đọc truyện mới đặc sắc của nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn, giọng đọc Hồng Đào cùng tác giả:

- Giòng Sông Hờ Hững (Audio Book 45)

- Trong Sân Trường Ngày Ấy (Audio Book 46)

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....
Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....
Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.
Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HÓA • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... *ĐT. / Phone:*.....
Địa chỉ / *Address:*.....
Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me:*
□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #*.....

Gửi Bulk Rate	□ 1 năm / 1 year US$50.00	□ 2 năm / 2 years US$90.00
Gửi First Class:	□ 1 năm / 1 year US$64.00	□ 2 năm / 2 years US$120.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA	□ 1 năm / 1 year US$68.00	□ 2 năm / 2 years US$130.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*	□ 1 năm / 1 year US$90.00	□ 2 năm / 2 years US$170.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	□ 1 năm / 1 year US$106.00	□ 2 năm / 2 years US$196.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 15 tháng Giêng 1998. / *Effective from January 15, 1998.*
(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*
(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*
(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*
(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA ■ TEL: (714) 638-9510 FAX (714) 638-1944

Công Ty Điện Toán Chuyên Về Những Dịch Vụ Internet

KICON

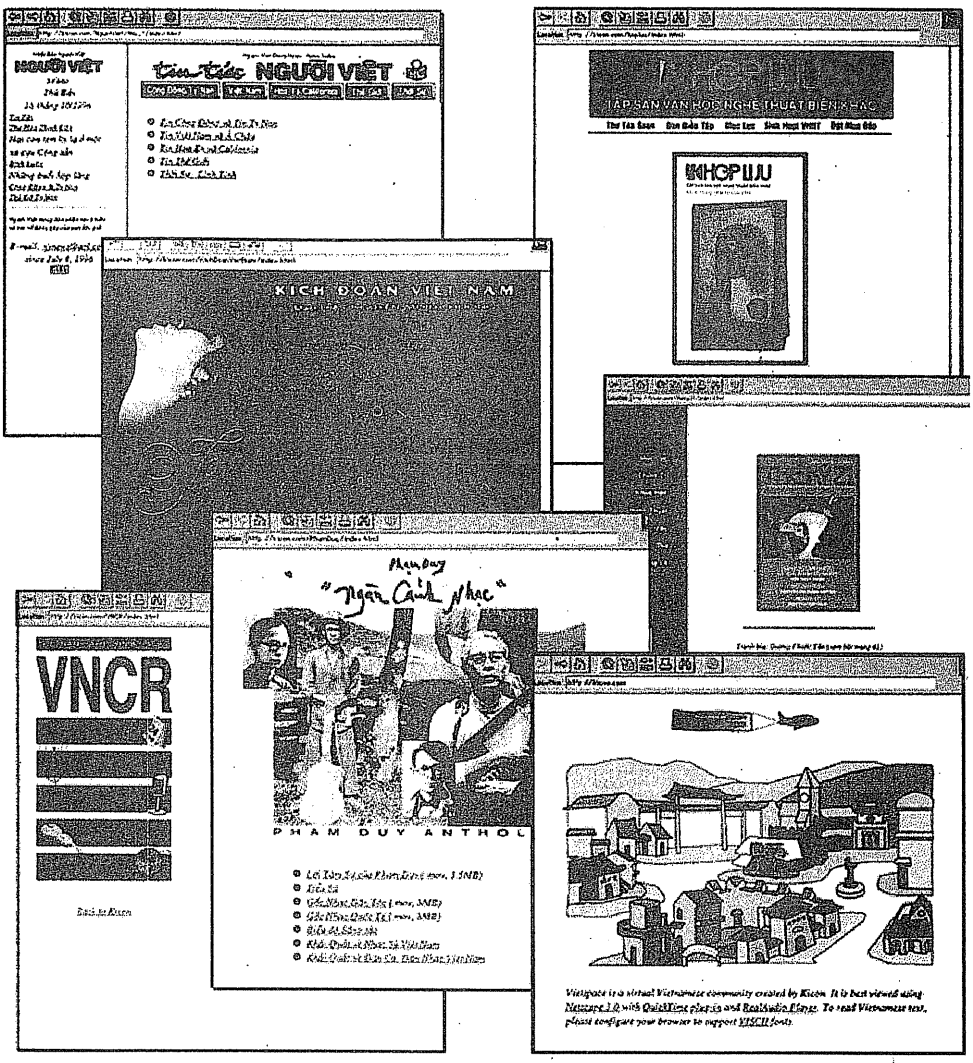

Kicon đảm nhận các dịch vụ đưa các cơ sở thương mại, hội đoàn, báo chí trên toàn thế giới lên mạng lưới Internet với những kỹ thuật điện toán mới nhất, một cách mỹ thuật và hiệu quả nhất.

12866 Main St., Suite 101, Garden Grove, CA 92840, Tel 714-590-3080, Fax 714-590-3084

http://kicon.com

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA

NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

* CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.
* HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.

** Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*

** Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT
* TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG
* LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI
* NHA KHOA THẨM MỸ
* NHA KHOA NHI ĐỒNG

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

Vietnamese American Arts & Letters Association
11022 Acacia Parkway, Garden Grove, CA 92840
Tel: (714) 537-8352 * Fax: (714) 638-1944

LỚP VẼ THIẾU NHI KHÓA HÈ 1998

do nữ họa sĩ SUZIE VƯƠNG hướng dẫn

Khai giảng: Ngày thứ Bảy, 18 tháng 7 năm 1998, lúc 9 giờ 30 sáng.
Bế giảng: Ngày 03 tháng 10 năm 1998
Khóa học: Kéo dài 12 tuần lễ vào mỗi sáng Thứ Bẩy, từ 10 giờ đến 12 giờ trưa.
Cấp 1: Dành cho các em mới học vẽ.
Cấp 2: Các em đã theo học lớp hè 1997.
Địa điểm: Tại Phòng Sinh Hoạt của Hội VAALA, địa chỉ như trên đây.
Hạn tuổi: Từ 7 đến 15 tuổi, không phân biệt nam nữ.
Sĩ số thu nhận: Từ 10 đến tối đa là 25 em.
Học phí: 150 Mỹ kim, cộng thêm 10 Mỹ kim tiền mua giấy, bút, màu. Đóng tiền ngay lúc nhập học và không hoàn trả nếu bỏ học vì bất cứ lý do gì. Tiền mặt hay chi phiếu, trả cho VAALA.
Mọi chi tiết xin liên lạc với ông **Vũ Duy Tự, điện thoại (714) 537-8352.**

TRẦN ĐẠI LỘC — ẢNH

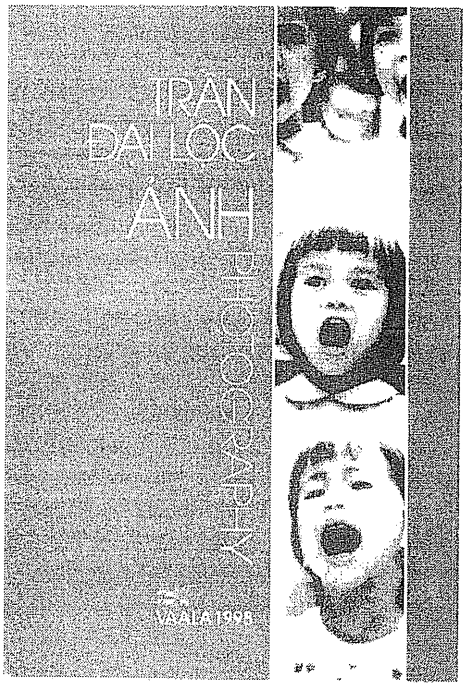

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) in và phát hành.

Trần Đại Lộc vốn là Phó Chủ Tịch của Hội VAALA. Anh mất ngày 30 tháng Chín 1997, thọ 56 tuổi.

Ngoài tài chụp ảnh ---- sau khi tốt nghiệp nhiều khóa nhiếp ảnh nghệ thuật ở Hội Việt Mỹ Saigon ---- anh còn soạn ca khúc, và cắm hoa nghệ thuật. Nhưng anh được biết đến nhiều, và được yêu mến, qua các hoạt động phục vụ xã hội và tuổi trẻ.

Hội VAALA sưu tập một số ảnh nghệ thuật, trong đó có nhiều bức đã đoạt giải ở trong nước trước 1975, cùng một số tài liệu nói về cuộc đời của Trần Đại Lộc, để giới thiệu một tài năng văn học nghệ thuật Việt Nam với bốn phương.

Mời quý độc giả và thân hữu mua với giá 25 mỹ kim một cuốn. Sách khổ 9 x 12 ins, giấy mịn, bìa màu, dày 96 trang.

Xin quý thân hữu điền vào phiếu kèm theo thư này, gửi về cùng ngân phiếu hoặc lệnh phiếu trả cho VAALA, phần memo ghi "Trần Đại Lộc."

PHIẾU ĐẶT MUA ALBUM "TRẦN ĐẠI LỘC - ẢNH"

Yêu cầu gửi cho tôi ..... cuốn với giá US$25.00 một cuốn.

Tôi kèm theo đây chi/lệnh phiếu mang số tiền:.....

Tôi biết rằng số tiền trên là tiền sách, kể cả công đóng gói và cước phí hạng tư trong nước Mỹ, và tàu thủy ngoài nước Mỹ. Nếu tôi muốn sách được gửi bằng hạng nhất thì tôi sẽ phải thêm US$3.00 trong nước Mỹ, hoặc US$10.00 ngoài nước Mỹ, cho 1 cuốn.

Họ tên: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

- Ở Pháp: 150FF -- gửi về Đinh Xuân Trần Bích Nga, 13 Place de Frenaie, 94470 Boissy St Léger.
- Ở Úc: A$33.00 -- gửi về Bình Anson, 1 Parwich Rise, Carine WA 6020.
- Ở Đức: 39DM -- gửi về Nguyen Phi Hung, Stadtspakasse Dortmund, Bankleitzahl 440 501 99, Konto-Nr. 622016893.
- Ở Canada: C$35.00 -- gửi về Hoàng Chiều Nhân, 3895 Beriot, Brossard, Québec J4Z 2W8.
- Ở Mỹ và các nơi khác: US$25 gửi về Hội, VAALA, 11022 Acacia Pky #A, Garden Gorve CA 92840.

Tranh bìa: Diễm Lệ của Ngọc Dũng, sơn dầu, 41 x 33
Trình bày bìa: Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp
Minh họa: Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Nguyễn Thị Hợp, Đinh Cường
Hí họa: Babui
Ảnh: Anh Thành, Kịch Đoàn Hải Ngoại, tài liệu

MỤC LỤC

Số 113 . Tháng Chín 1998

THỜI SỰ - CHÍNH TRỊ - KINH TẾ

12 Hai vấn đề chiến lược chế độ Cộng sản không thể giải quyết được - **Tôn Thất Thiện**
16 "Đổi mới" Trung Quốc ở khúc quanh - **Hoàng Quế**
23 Tòa án hình sự quốc tế - **LS Trần Thanh Hiệp** trả lời phỏng vấn của đài VNCR
109 200 năm ngày Đức Mẹ hiện ra ở La Vang - **Hà Tường Cát**

LỊCH SỬ - NHÂN VẬT

28 Nhân quyền trong luật Hồng Đức - **Hoàng Xuân Hào**
40 Phan Chu Trinh và công cuộc vận động dân quyền - **Trần Gia Phụng**
55 Người cầm đuốc trong đêm - **Minh Tâm**
70 Mặt trận dân chủ dưới sách lược Mạc Tư Khoa - **Tưởng Vĩnh Kính, Thượng Huyền** dịch

NGÔN NGỮ - XÃ HỘI

34 Thanh niên hải ngoại và vấn đề hội nhập - **Bs Trần Minh Tùng**
46 Tiếng Anh: lai rai đôi điều - **Bill Bryson, Võ Đình Mai** dịch
59 Sự liên hệ giữa Việt ngữ và Ấn Âu ngữ qua các từ ổn định con số - **Nguyễn Xuân Quang**

CHUYỆN VĂN CHƯƠNG

82 Nói chuyện với thi sĩ Yên Thao - **Bích Huyền**
102 Một trăm bài phú độc vận - **Bảo Vân**

VĂN

67 Chiếc ghế cũ - **Thái Tuấn**
74 Tôi đi rào thép gai - **Trần Doãn Nho**
85 Thất tình lần N - **Hồ Như**
88 Ôm rơm - **Song Thao**
94 Cầu Diên Khách - **Vương Chí** dịch
106 Bữa ăn trưa - **Somerset Maugham, Nguyễn Mạnh Tiến** dịch

THƠ

67. Buổi chiều đẹp - **Thái Tuấn**. 68. Tôi cùng gió mùa - **Nguyễn Xuân Thiệp**. 80. Hải phận - **Trần Mộng Tú**. 84. Nhà tôi - **Yên Thao**. 86. Phụ tình - **Đỗ Thì Kênh G**. 91. Tự tứ, Móc - **Huỳnh Mạnh Tiên**. 97. Bùi Giáng - **Hồ Minh Dũng**. 100. Trang sách đời - **Huy Phương**, 105. Vĩnh Cửu - **Cổ Ngư**

MỤC THƯỜNG LỆ

7Thư trong tháng: Sự thật và lương tri... - **Phạm Phú Minh**
8 Bạn đọc viết
11 Tòa soạn và bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
11 Thư trị sự - **Phan Mỹ Sương**
50 Sổ tay
111 Chân trời Văn Học Nghệ Thuật - **Anh Thành** và **Cam Vũ**
115 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Văn phòng trưởng & Phát hành:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
Lê Tất Luyện: 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương 01 39 84 00 84
Tr. T. Diệu Tâm: 01 45 70 72 35
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61- 8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

SỰ THẬT VÀ LƯƠNG TRI THAY THẾ DỐI TRÁ, BẠO LỰC

PHẠM PHÚ MINH

Xã hội Việt Nam đang có những chuyển động nội tại để thoát ra khỏi sự dối trá và bạo lực của chủ nghĩa cộng sản mà cho đến nay nhóm cầm quyền vẫn còn dùng như vũ khí để bám lấy quyền lực. Sau bức thư đòi tự do và dân chủ của tướng Trần Độ, theo quán tính bấy lâu, đảng CSVN lại vẫn bài bản cũ, bày ra một trận thế để đánh gục người đề xướng cải cách và triệt hạ luôn sự hưởng ứng chắc chắn là đông đảo của quần chúng, kể cả quần chúng đảng viên. Trong quá khứ những ngón đòn ấy luôn luôn hữu hiệu, vì sự trấn áp tàn bạo quá, đảng muốn nghiền nát con người đến mức nào cũng được, nên đã tạo ra trong lòng người một nỗi sợ hãi thực sự. Nhưng tình thế đã thay đổi nhiều, người dân trong nước bây giờ đang thoát dần ra khỏi sợ hãi để bắt đầu có thể sống thực với lương tri của mình.

Bức thư của mười đảng viên lão thành ở Hà Nội gửi Bộ Chính trị đảng Cộng sản VN ngày 15 tháng Sáu 1998 đã phản ứng mạnh mẽ trước các phương thức mà CS đang tiến hành nhằm chuẩn bị dư luận cho một cuộc trấn áp bắt bớ ông Trần Độ có thể diễn ra sau đó. Mười bô lão ấy đã rất rắn rỏi, không úp mở:

Chúng tôi xin tuyên bố thẳng thắn là:

Nếu kỷ luật đồng chí Trần Độ, chúng tôi sẽ vứt trả lại thẻ đảng, vì cái Đảng này không xứng đáng để những con người chân chính đứng trong hàng ngũ nữa.

Hai, nếu bắt đồng chí Trần Độ, chúng tôi sẽ xuống đường phản đối để tỏ thái độ, nguyện cùng sống chết với đồng chí Trần Độ, con người đã trở thành biểu tượng cao đẹp của đất nước.

Chúng tôi lúc ấy không phải chỉ là 10 người nữa đâu, mà sẽ có hàng ngàn các cựu chiến binh, các đảng viên chân chính, các cán bộ nghỉ hưu, và vạn vạn những người dân lành ủng hộ chúng tôi, đứng về phía chúng tôi.

Sau bức thư này lại mới có bài "Luận Bàn Quốc Sự" của ông Thanh Hư Nguyễn Hoài Nam, mà các nơi nhận là: *Các đồng chí Bộ Chính trị, Đ/c Trần Độ, các cơ quan báo chí, các bè bạn.* Một thời gian sau khi bức thư đòi dân chủ của tướng Trần Độ được phổ biến, ông Phạm Thế Duyệt đại diện Thường vụ Bộ Chính Trị đã gặp ông Trần Độ vào ngày 25-5-1998, và sau đó ông Duyệt làm một bản thông báo về việc này phổ biến tới các cơ sở đảng từ cục vụ trưởng trở lên. Ông Thanh Hư Nguyễn Hoài Nam, qua bài Luận Bàn Quốc Sự dài bảy trang đánh máy, đã vạch từng điểm chỉ trích, lên án của ông Duyệt đối với bức thư của ông Trần Độ, tóm tắt là: *Anh dám bác bỏ định hướng xã hội chủ nghĩa; bác bỏ kinh tế quốc doanh là chủ đạo; bác bỏ sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, cho rằng sự lãnh đạo hiện nay là "đảng trị;" bác bỏ chủ nghĩa Mác Lê nin là nền tảng tư tưởng của Đảng v.v...* Ở mỗi điểm, ông Nguyễn Hoài Nam đều trích đoạn liên hệ mà ông Trần Độ đã viết và chứng minh rằng viết thế là đúng, các chỉ trích của ông Duyệt chỉ là lặp lại giáo điều lạc hậu, không đưa ra được một lý chứng thuyết phục nào cả. Ông cũng trích dẫn Hiến pháp và điều 19 Công ước Quốc tế về quyền Dân sự và Chính trị để cho thấy đảng CS đã hoàn toàn vi phạm luật pháp trong nước và quốc tế.

Dối trá và bạo lực, món võ sở trường của cộng sản, xem ra không còn công hiệu mấy đối với đồng bào trong nước. Với nỗi sợ ngày càng giảm đi, sự thật và lương tri đang trỗi dậy và đang thắng. Dân tộc Việt Nam phải thắng trong trận này, một cuộc chiến không có khói lửa mà mục tiêu nhắm tới là Tự Do và Nhân Quyền cho mọi tầng lớp nhân dân.

Cần học để khỏi bị lừa

Tôi rất thích các bài viết về kinh tế của Vương Hữu Bột. Cám ơn tác giả. Rất mong đọc các bài viết về kinh tế Việt Nam của anh, đặc biệt là về Thị Trường Chứng Khoán và Ngân Hàng để chúng tôi có thêm kiến thức. Dân Việt Nam trong nước mù tịt với các chính sách kinh tế, nên cần biết thêm các môn võ "lừa đảo" của chính quyền.

Liên *(Internet, từ Nga)*

Đời sống tinh thần của bà con Đông Âu

Đã hơn 10 năm sang học tập và sinh sống ở Đông Âu, đã được đọc khá nhiều sách, báo và tạp chí của người Việt hải ngoại, tuy đã được nghe nhiều về tạp chí Thế Kỷ 21 bên Mỹ có nhiều đề tài, phong phú đa dạng lắm, nhưng đã bằng ấy năm Yên Sơn chưa có dịp may được đọc một số nào của tạp chí Thế Kỷ 21.

Dịp may đã đến khi có anh bạn ở Đức đến chơi, có mang theo một số tạp chí Thế Kỷ 21 cũ (số 93 - tháng 1/97), thế là Yên Sơn mượn đọc liền. Tuy cũ nhưng là lần đầu tiên được "mục sở thị," Yên Sơn rất thích, rất có cảm tình với Thế Kỷ 21. Tạp chí đã mang đến cho Yên Sơn rất nhiều tri thức bổ ích mà Yên Sơn đang cần, đang muốn biết. Rồi sau đó bạn bè, bà con lại mượn đọc (chỉ có một quyển nên phải đợi nhau). Ai cũng nói là tạp chí rất hay.

Ở bên nước Tiệp này hiện nay có khoảng trên ba mươi ngàn người Việt Nam đang làm ăn sinh sống. Ngoại trừ một số ít ở lại từ trước (cựu học sinh, công nhân) còn đa phần là trong nước mới sang bao gồm đủ các thành phần: vô nghề, công nhân, học sinh, trí thức, bộ đội, đảng viên CS... Nói chung đều có trình độ nhận thức thấp. Sang Tiệp được sống trong môi trường tự do dân chủ đang từng bước hoàn thiện, hầu hết đều có nhu cầu tìm hiểu học hỏi về mọi mặt, nhất là các vấn đề về tự do dân chủ, dân quyền, nhân quyền, rồi văn hóa nghệ thuật, kể cả lịch sử nước nhà mà ở Việt Nam bị xuyên tạc, bóp méo.

Nhu cầu của bà con thì lớn mà tình hình bên Tiệp này lại không đáp ứng được. Bởi vì đã mấy năm nay ở Tiệp chưa có một tờ báo hay tạp chí nào của "Việt kiều" cả. Cho đến nay, ngoài một hai bản tin nhỏ của một số công ty thương mại ra, hầu hết "món ăn tinh thần" của người Việt bên Tiệp này là đọc "báo đảng" ở trong nước gửi sang bán.

Do vậy đời sống tinh thần của người VN bên Tiệp này vô cùng thiếu thốn. Đọc báo đảng thì chẳng có gì mới mẻ, chỉ có... ngu thêm! Còn sách báo hải ngoại thì thiếu, vì thế sự mở mang dân trí rất chậm, và một điều đáng buồn là sống ở xã hội tự do dân chủ mà về tư tưởng nhận thức thì lại... nhờ và hướng về trong nước. Đó là một sự ngược đời!

Vì thế Yên Sơn nghĩ rất cần sự hiện diện thường xuyên của một tạp chí như Thế Kỷ 21 tại đây. Trước hết Yên Sơn xin làm một độc giả dài hạn, và hy vọng sau đó tờ báo sẽ có kế hoạch phát hành tại Tiệp.

Yên Sơn *(Trutnov, Tiệp Khắc)*

Đồng ý và không đồng ý

Tôi có hai điều để nói sau khi đọc bài Chuyện Đá Banh của Phạm Xuân Đài trong Thế Kỷ 21 số 112, tháng Tám 1998.

1. Tác giả gọi Huyền Vũ là *cố ký giả thể thao* (trang 104, cột hai, dòng 5 từ dưới lên). Theo chúng tôi biết thì Huyền Vũ, ký giả thể thao và tường thuật viên túc cầu tại miền Nam thời trước 1975, hiện nay còn sống. Chẳng lẽ tác giả PXĐ muốn nói là "cựu ký giả" mà lại viết lộn thành "cố"?

2. Thoạt mới đọc câu: *Mà xin các nhà ngữ học xem lại coi, người Bắc có dùng chữ "bóng" để chỉ một cái gì khác ngoài cái vật ngoại nhập có tên gọi là* balle *ấy hay không?* (trang 107, cột hai, dòng 16 từ dưới lên) thì tôi thấy tác giả hơi... lẩm cẩm. *Quả bóng* là tiếng Việt đứt đuôi rồi, chứ còn phải xem xiếc gì nữa. Thế nhưng ngẫm nghĩ lại, dần dần tôi thấy nghi vấn ấy có lý: tôi không tìm ra một vật gì cổ truyền của người Việt Nam có tên gọi là "quả bóng" cả. Ngày xưa để chỉ một vật có khối tròn người ta gọi là *quả cầu*, những vật có hơi ở trong bất kể hình dạng gì thì gọi là *bong bóng*, như bong bóng lợn, bong bóng cá, bong bóng nước..., nhưng "quả bóng" thì không có. Từ "quả bóng" có vẻ chỉ mới xuất hiện sau khi

trái *balle* được người Pháp du nhập vào Việt Nam, và chỉ dùng để chỉ vật ấy mà thôi. Và vì tôi không dám quả quyết lắm (chắc tác giả PXĐ cũng vậy) nên tôi cũng có nhu cầu lặp lại câu thỉnh cầu nêu trên: *Xin các nhà ngữ học xem lại coi...*

Phan Thu Tâm *(Seattle, WA)*

Thưa bà, tác giả Phạm Xuân Đài không viết lộn "cựu" thành "cố," ông ta quả đã bị thông tin sai lầm là ký giả Huyền Vũ đã qua đời. Sau khi biết là mình lầm, tác giả Chuyện Đá Banh đã dọ hỏi được số điện thoại của ông Huyền Vũ và đã gọi xin lỗi. Cựu ký giả thể thao Huyền Vũ hiện vẫn khỏe mạnh.

Về chuyện chữ nghĩa thì lúc nào cũng dài dòng, có thể rồi đây các góp ý sẽ còn dài dài. Xin cám ơn bà đã có ý kiến đầu tiên và là ý kiến rất tích cực, sẽ gợi ý cho những nhà chuyên môn (và không chuyên môn) về ngôn ngữ đóng góp thêm các nhận xét và kiến thức của mình.

Về ký giả thể thao Huyền Vũ

Mặc dù World Cup đã kết thúc từ hơn một tháng, âm hưởng vẫn còn vang mãi trong lòng người mộ điệu. Nhắc đến túc cầu, chúng ta không thể quên Huyền Vũ, một ký giả làm "báo nói" về thể thao có tài nghệ sử dụng từ ngữ và ứng khẩu tường thuật trực tiếp các trận đấu, làm thính giả mộ điệu khi thì hồi hộp, khi thì sướng thỏa theo dõi diễn tiến trận banh.

Tôi được thuật lại rằng trong một trận cầu quốc tế tại Sài Gòn ngày xưa, một khách từ lục tỉnh lên cố mua vé cho bằng được chỗ ngồi sau Huyền Vũ. Khi hết hiệp đầu, vị khách này hỏi Huyền Vũ có phải là người Bắc không, vì nếu là người Trung hay Nam thì phải đặt hiệu là Huyền Võ chứ, nhất là ông nói rành giọng cả ba miền. Huyền Vũ đáp rằng ông là người Phan Thiết, và Huyền Vũ là tên một ngôi sao trong nhị thập bát tú của khoa thiên văn Trung Hoa. Sở dĩ ông nói được giọng cả ba miền là do tập luyện vì nhu cầu nghề nghiệp.

Ông đã cố gắng dịch hoặc tạo ra chữ mới, kể cả những chữ mượn của quân đội, để diễn tả những tình huống trong thể thao, như *mở tỷ số, mấy phút phù du, san bằng cách biệt, chạm trán, đụng đầu, vua phá lưới v.v...* Nghệ thuật tường thuật các trận cầu trên đài phát thanh của ông đã làm cho không khí thể thao trở nên hào hứng trên cả nước vào thời ấy. Ngay bản nhạc (hình như có tên là *Football)* ông chọn để làm nhạc mở đầu và kết thúc mỗi chương trình cũng đã trở thành thân thiết với thính giả. Bây giờ nhắc đến đá banh tôi vẫn như còn nghe văng vẳng điệu nhạc nhanh nhẹn vui tươi ấy.

Nguyễn Hưng Quảng *(Connecticut)*

Khoa học và chân lý, khoảng cách gần hay xa?

Trong báo Thế Kỷ 21 # 111, ông Nguyễn Kết trách tôi phê phán nặng các khoa học gia khi nói một số phải "bám víu vào thuyết tình cờ vô nghĩa lý để che dấu sự thiếu hiểu biết của họ," và không đưa ra lời giải thích thỏa đáng. Thành thực xin lỗi ông Kết và các bạn đọc quan tâm, vì TK 21 có nhã ý trích một đoạn ngắn trong một bức thư trao đổi ý kiến của tôi nhưng không đăng hết những đoạn liên hệ, cho nên mới có sự thiếu sót dễ gây hiểu lầm.

Thực ra, điều tôi đề cập không liên hệ gì với khái niệm tình cờ trong quantum mechanics. Đó chỉ là giả thuyết cho rằng vũ trụ được ngẫu nhiên tạo thành, và thế giới sinh vật cũng được hình thành một cách tình cờ ngẫu nhiên - không có bàn tay Thượng Đế, cũng không phải do một số quy luật thiên nhiên nào đó chưa ai biết. Tôi cho rằng giả thuyết tình cờ này là vô nghĩa lý, vì sự tạo thành vũ trụ và sự hình thành thế giới sinh vật quá kỳ diệu và phức tạp, cần phải có một nguyên nhân sâu xa nào đó nằm ngoài khả năng hiểu biết của con người. Hiện nay, toàn bộ kiến thức con người về astrophysics, quantum mechanics, biology và biochemistry góp lại cũng không thể đưa ra một lời giải thích ổn thỏa.

Trong bất cứ quốc gia nào, các áp lực xã hội kinh tế luôn luôn đòi hỏi khoa học gia phải **che dấu sự thiếu hiểu biết của mình** để giữ uy tín với quần chúng, để tìm nguồn tài trợ nghiên cứu, và để tránh sự công kích của đồng nghiệp. Đó là lý do tại sao một số khoa học gia làm bộ như là kiến thức chuyên môn hạn hẹp của họ có thể giải thích nhiều điều và giải quyết được nhiều vấn đề, trong khi thực tế phạm vi áp dụng của những kiến thức chuyên môn này rất giới hạn.

Khi tôi nói ra điều này, tôi chỉ muốn nêu lên một sự kiện chứ không hề có ý phê phán các khoa học gia. Trong lãnh vực khoa học kỹ thuật, có vô số chuyên gia tài năng liêm chính âm thầm làm việc để phục vụ nhân loại và làm thế giới tiến bộ. Nếu họ thành danh nhân thế giới, thì đó là do sự phát minh và khám phá

của họ, như Louis Pasteur hoặc Albert Einstein. Chỉ có một thiểu số có tham vọng thành danh bằng cách viết sách chạy theo thời thượng, nhưng thâm tâm tôi cũng thông cảm với họ chứ không chê trách. Là con người, ai lại đi vạch áo cho người xem lưng? Là kẻ sĩ, ai không muốn được lưu danh hậu thế? Nếu chúng ta để cho họ đánh lừa hoặc dẫn dụ, đó là lỗi của chúng ta tin tưởng mù quáng vào họ chứ không chịu khó **read between the lines!**

Về quan điểm ông Kết cho rằng *các khoa học gia khác tất nhiên phải tin theo các chuyên gia vật lý... chúng ta hoàn toàn sai lầm nếu cho rằng ngay trong lãnh vực của họ mà đa số trong họ cũng thiếu hiểu biết về những gì họ tin*, tôi xin được mạn phép kể một câu chuyện. Lúc Mỹ bắt đầu tham gia Đệ Nhị Thế Chiến, Einstein có gửi thư cho Tổng thống Roosevelt yêu cầu tiến hành ngay việc thí nghiệm chế tạo bom nguyên tử, vì ông sợ nếu Đức Quốc Xã thành công trước Mỹ trong việc này thì Hitler có thể thành bá chủ thế giới. Khi Tổng thống Roosevelt tham khảo với các chuyên gia uy tín của Mỹ, đa số chống đối dự án này, vì theo kiến thức Lý Hóa thời đầu thập niên 40, thì việc chế tạo một quả bom có sức nổ mạnh bằng 100,000 tấn TNT chỉ là chuyện... nằm mơ! Tổng thống Roosevelt đã định dẹp bỏ dự án chế tạo bom nguyên tử, nhưng may mắn có một cố vấn thân tín của ông kiên trì thuyết phục ông nên tin vào "kẻ lưu vong" Einstein hơn là các chuyên gia Mỹ, và kết quả ra sao thì các bạn đã rõ.

Câu chuyện trên đây cho thấy kiến thức khoa học thập niên 1940 đã hoàn taon lạc hậu so với kiến thức thập niên 1990. Nhưng **khoa học có ngưng tiến bộ vào thời điểm này không?** Chắc chắn là không! Vào thời điểm thập niên 2040, kiến thức các chuyên gia vật lý thời nay như Stephen Hawking, Ilya Prigogine, David Peat, John Gribbin... sẽ còn giá trị bao nhiêu? Như vậy, chúng ta có nên tin tưởng tuyệt đối vào những kiến thức mà chỉ vài chục năm sau sẽ trở nên lỗi thời?

Nếu ông Kết theo dõi lịch sử tiến hóa của bất cứ ngành khoa học nào - y khoa từ thời Hippocrates, vật lý từ thời Descartes, thiên văn học từ thời Ptolemy... ông sẽ thấy rằng **các khoa học gia luôn luôn lầm lẫn hoặc thiếu sót ngay trong lãnh vực chuyên môn của họ, và người đời sau luôn luôn phải sửa chữa hoặc bổ túc sự nghiệp của người đời trước.** Tôi nghĩ rằng chúng ta không nên quá quan trọng hóa kiến thức thập niên 1990, vì chúng ta đang viết bài cho báo... Thế Kỷ 21 chứ không phải là báo Thế Kỷ 20!

Trên đây là vài lời nói thẳng, để trao đổi ý kiến chứ không có một hậu ý nào khác. Rất mong được đọc những bài khảo luận có giá trị của ông Kết trong những số báo tới.

Phạm Ngọc Khôi *(Montréal, Canada)*

Nhắc nhở hay Nhắc nhớ

Theo Tòa soạn trả lời ông Nguyễn Ngọc Kim (Philadelphia) trong Thế Kỷ 21 số 111 thì i và y cũng vậy thôi *"...cách phát âm không có gì khác nhau, ...chỉ dùng một chữ thôi cho tiện..."* Với sự hiểu biết rất hạn hẹp của tôi, tôi không đồng ý với Tòa soạn bảo rằng i và y có cùng âm cùng nghĩa. Ví dụ: Hôi thúi (đồng ý); Thanh Thúy (thì sao?), nếu chúng ta dùng i ngắn thì Thanh Thúy thành Thanh Thúi mất!

Nhân đây tôi muốn đề cập đến một chuyện khác, là việc dùng các từ láy quá tùy tiện hiện nay. Các từ như *lóng la lóng lánh, vui vẻ, xanh lè, đỏ lòm, đen thui*, là những từ láy vẫn thường dùng, trong đó các chữ *nhở, la, lánh, vẻ, lè, lòm, thui...* là những chữ không có nghĩa gì cả khi tách riêng ra, nhưng khi được thêm vào cho chữ trước thì làm đậm nghĩa hơn. Gần đây tôi lại hay nghe chữ "nhắc nhớ" dùng như một từ láy, thay vì là "nhắc nhở" như vẫn thường dùng. *Nhắc* và *nhớ* đều là động từ, cả hai đều có nghĩa, khi dùng chung như một từ láy thì thấy nó không ổn. Đây là một từ mới được tạo ra. Tôi nghe mà nhẩm mãi không trôi thì các em nhỏ làm sao học cho nhuần được!

Cát Tiên *(Garden Grove, CA)*

Phần trả lời của Thế Kỷ 21 trên số báo 111 chỉ nói về những chữ có âm i mà thôi (ví dụ chiến sĩ, nhà *Lý*v.v...), chứ không nói các trường hợp i và y ghép với một chữ khác để tạo nên một âm khác.

Nếu xem "nhắc nhở" như một từ láy thì quả nó không theo quy luật như thông lệ. Nhưng mà nó đã ra đời, và đang được thử thách xem có được mọi người dùng lâu dài hay là bị loại bỏ. Ý kiến của ông/bà có lẽ cũng góp phần vào việc chọn lựa ấy của mọi người.

Đính chính: Trong mục Sách Báo Trong Tháng số 112 vừa rồi, phần giới thiệu cuốn *Yêu Em Từ Thuở* của Bình Huyên, người phụ trách đã viết: *Không ghi địa chỉ liên lạc về xuất bản và phát hành.* Nay xin bổ túc địa chỉ liên lạc: Nguyễn Bình Huyên, 2 A Boulevard Pablo Picasso, 94000 Créteil, France.

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Phương Nguyễn, Hồ Minh Dũng, Sương Mai, Nguyễn Hữu Thống, Trần Gia Phụng, Trần Viết An cựu, Trần Doãn Nho, Phạm Ngọc Khôi, Hồng Khắc Kim Mai, Thái Tuấn, Hồ Trường An, Tôn Thất Sơn, Nguyễn Xuân Quang, Nguyên Dũng, Trần Yên Hòa, Võ Đình Mai, M.H. Le, Huỳnh Hùng, Hoàng Xuân Hào, Nguyễn Hưng Quảng, Trần Công Sung, Nguyễn Hoàng Yến Nhi, Đặng Văn Âu, Trần Mộng Tú, Nguyễn Huy Phước, Cổ Ngư, Lê Nguyễn, Vũ Hạ, Nguyễn Tiến Cảnh.

Nguyễn Minh Hùng *(Los Angeles, CA)*: Tòa soạn có nhận được bức thư của ông viết gửi ông Kiều Duy Vĩnh, mà có lẽ ông lầm tưởng là người gần gụi với tòa báo hoặc ít ra cũng là người tị nạn đang sống tại Hoa Kỳ. Thật ra ông Kiều Duy Vĩnh, thỉnh thoảng vẫn có bài về cuộc sống trong các trại tù cộng sản đăng trên Thế Kỷ 21, hiện đang ở Hà Nội, Việt Nam. Những bài viết của ông chuyển cho Thế Kỷ 21, nói lên sự thật tàn nhẫn trong các trại tù miền Bắc khi Hà Nội muốn tiêu diệt hẳn một lớp người để "xây dựng chủ nghĩa xã hội." Sự thật ấy góp phần trong công việc tranh đấu cho quyền làm người tại Việt Nam hiện nay. Kính.

Hộp thư trị sự

Độc giả gia hạn và độc giả mới:

Chu Xuân Viên (Mclean VA), Thủy Armstrong (NEW ZEALAND), Đàm Trung Pháp (Dallas TX), Vũ Thất (Gaitherburg MD), Nguyễn Quý Bổng (CANADA), Nguyễn Hữu Báu (Vienna VA), Minh Hà (Stockton CA), Nguyễn Thị Vân (Orange Park FL), Mai Xuân Trần (Baton Rouge LA), Nguyễn Quang Hiển (San Antonio TX), Nguyễn Văn Mỹ (Fremont CA), Nguyễn Xuân Cảo (Missouri City TX), Bryan Thomas (Placentia CA), Thái Tú Hạp (Rosemead CA), Đặng Văn Tân (BELGIQUE), Nguyễn Hoàng Lân (Seattle WA), Nguyễn Văn Lộc (Huntington Beach CA), Trần Khánh Toàn (Tulsa OK), Lê Công Mừng (Morgan Hills CA), Nguyễn Như Lâm (Richmont VA), Francois Guillemot (FRANCE), Nguyễn Văn Luân (Garden Grove CA), Đặng Trung Chính (AUSTRALIA), Nguyễn Can (Orlando FL), Hoàng Hưu (San Jose CA), Vũ Trọng Tiến M.D. (Stockton CA), Lê Văn Ninh (Arlington TX), Lê Văn Hướng (Los Angeles CA), Lại Mạnh Cường (NETHERLAND), Tùng Xuân Công (Glen Allen VA), Đoàn Liên (Seal Beach CA), Nguyễn Kỳ Hùng (Garden Grove CA), Vũ Đức Bằng (Clearwater FL), Lê Đình Khôi (Santee CA), Nguyễn Văn Vạn (Anaheim CA), An Nguyễn (Grand Rapids MI), Thanh Bùi (Gaithersburg MD), Nguyễn Văn Bích (Houston TX), Nguyễn Văn Hai (Louisville KY), Ban Đức Nguyễn (Burbank IL), Quang T. Nguyễn (Fairfax VA), Nghiêm Tuyết Nhung (Champaign IL), Trần Huỳnh Mính (Tustin Ca), Truyên Nguyễn (Rockville MD), Hoàng Tổng (Sandiego CA), Thiên Tu Phạm (Fort Worth TX), Đoàn Kim Nguyên (Overland Park KS), Tô Văn Minh (Monterey Park CA), Nguyễn Nguyên Phương (Denver CO), Đoàn Nhựt Quang (Houston TX), Nguyễn Hồng Son (Irvine CA), Nguyễn Mạnh Tường (San Diego CA), Trần Văn Quảng (Westminter CA), Nguyễn Thành Văn (San Francisco CA), Hiếu Nguyễn (Phoenix AZ), Hàn Long Toàn (Wilmette IL), Trịnh Ngọc Bằng (Irving TX), Nghiêm Xuân Khuyến (Irvine CA), Ngọc Trần (Grayslake IL), Nguyễn Hưng Quảng (Bridgeport CT), Thái Quốc Mưu (Chamblee GA), Trần Cao Tường (Marrero LA) , Bùi Minh Tâm (San Diego CA), Vườn Hồng Havinam (Monticello FL), Brian Ngo (Mclean VA),

Độc giả đổi địa chỉ:

Nguyễn Thị Vân (Orange Park FL), Nguyễn Đình Hòa (Mountain View CA), Tạ Ty (San Diego CA), Trần H. Dũng (Saint Louis MO), Lưu Hữu Phúc (Pearland TX), Quách Chiêu Thanh (AUSTRALIA), Bùi Duy Thuyết (San Jose CA).●

HAI VẤN ĐỀ CHIẾN LƯỢC CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN KHÔNG THỂ GIẢI QUYẾT ĐƯỢC: THAM NHŨNG LAN TRÀN VÀ ĐẠO ĐỨC SUY ĐỒI

(Nhân đọc Đêm giữa ban ngày của Vũ Thư Hiên) *

TÔN THẤT THIỆN

Xã hội Việt Nam hiện nay đang đứng trước nguy cơ tan rã hoàn toàn, không cứu chửa được vì tham nhũng lan tràn và đạo đức suy đồi một cách khủng khiếp.

Tình trạng này rất mới trong lịch sử. Trong suốt mấy nghìn năm qua dân tộc ta chưa lúc nào bị lâm vào một tình trạng đốn mạt như vậy. Nó cũng không phải là ngẫu nhiên: nó đi đôi với sự kiện Việt Nam nằm dưới quyền cai trị của cộng sản. Như vậy, câu hỏi đương nhiên phải đặt ra là: tại sao chỉ có dưới chế độ cộng sản mới có một tình trạng như vậy, và tại sao với chế độ này vấn đề không thể giải quyết được?

Tình trạng trên đây có nhiều nguyên do. Trong những nguyên do này tất phải có một căn nguyên, một nguyên do căn bản quyết định.

Một vấn đề phức tạp

Tìm được căn nguyên của tình trạng tuột dốc trầm trọng của xã hội Việt Nam hiện nay không dễ, vì tình trạng này là kết quả của sự hợp tụ của nhiều yếu tố. Trong số này có những yếu tố hiển nhiên, nhưng cũng có những yếu tố bị che lấp hoặc bị bưng bít, mà phải là người trong cuộc, đặc biệt là ở trong chế độ cộng sản, mới thấy được, và ta chỉ có thể biết được rõ nếu những người này chịu tiết lộ, và có khả năng và cơ hội làm việc đó.

Trong 10 năm qua, số người xuất thân từ hàng ngũ cộng sản lên tiếng tố giác chế độ cộng sản, phanh phui những xấu xa của chế độ này càng ngày càng nhiều. Những tiết lộ của họ đã giúp chúng ta thấy một cách rõ ràng, chi tiết và chính xác hơn bản chất của chế độ. Một trong những tác phẩm làm sáng tỏ nhất vấn đề, đặc biệt là tác động sâu xa cũa bản chất của chế độ đó vào xã hội Việt Nam về phương diện đạo đức, là *Đêm giữa ban ngày* của Vũ Thư Hiên.

Qua sự mô tả một cách chi tiết thái độ, chính sách, hành động của các cán bộ cao cấp của Đảng cùng những kẻ thừa hành của họ, và phản ứng của không biết bao nhiêu người, ngoài Đảng cũng như trong Đảng, đối với các thái độ, chính sách và hành động đó, Vũ Thư Hiên đã giúp ta trả lời được dứt khoát câu hỏi trên đây.

Từ từ xuống cấp, tuột dốc phi nhân

Vấn đề chính ở đây không phải là vấn đề người, mà là một vấn đề thể chế, vì rất nhiều người là người lương thiện, đáng kính, biết tự trọng trước khi vào ĐCSVN, và chỉ trở thành "quỷ", thành "giun" sau khi vào Đảng. Sự thành "quỷ" thành "giun" đó theo một quá trình như sau:

"trong cái gọi là xã hội chủ nghĩa con người quan chức, không trừ lãnh tụ, bị buộc chặt vào cái cơ chế đến mức không thoát ra được, dù họ có muốn... bằng sự xuống cấp từ từ, không nhận thấy được, của chuẩn mực đạo đức trong một xã hội bị bần cùng hóa; con người quan chức trong cơ chế đó đã hành động một cách vô thức, theo bản năng tự vệ, để không bị cơ chế tống ra ngoài.

Hơn thế nữa, những bản năng thấp hèn được khơi dậy dưới những vỏ bọc hào nhoáng như những chuẩn mực đạo đức trong lối sống, và cứ thế họ tuột dần dần xuống dốc phi nhân bản lúc

nào không biết." (544) [1]

Vũ Thư Hiên đề cập đến trường hợp một đoàn trưởng tên là Đức. Ông này bị kết tội oan trong một vụ mang thuốc phiện, bị năm năm tù, và bị ngược đãi. Khi ở tù ra, thức tỉnh, ông ta nhận thấy mình đã sai lầm và sa vào một "quỷ vương." Ông nói:

"Bây giờ tôi mới hiểu: ông Hồ không phải là đồng chí của ta, ông ấy cũng vua như các ông vua khác, lại không phải là vua hiền; ông ấy biến những người lương thiện thành những con quỷ. Ông ấy là quỷ vương." (249)

Trong quỷ vương quốc ấy, những người chấp nhận thân phận làm "con giun" không ít. Ví dụ nhà văn danh tiếng Nguyễn Đình Thi. Văn Cao, một nạn nhân của Thi, kể: "Trước cách mạng nó là thằng anh hùng, bây giờ nó cam phận làm con giun." Vì cam phận làm "con giun" nên trong vụ Nhân Văn Giai Phẩm, theo ý muốn của Đảng, Thi đã nhận làm việc bất lương hèn hạ là: trong "một cuộc đấm ngực tập thể" anh ta đã lên diễn đàn xỉ vả Văn Cao, và chửi xong, từ diễn đàn bước xuống ôm chầm lấy Văn Cao thì thầm: "Văn hiểu cho mình, cái thế mình phải thế." (416) Nghĩa là anh ta vu oan cho một người bạn mà anh ta biết là vô tội, để lấy điểm với Đảng, tiếp tục giữ chức vụ quan trọng và hưởng lợi lộc Đảng ban cho.

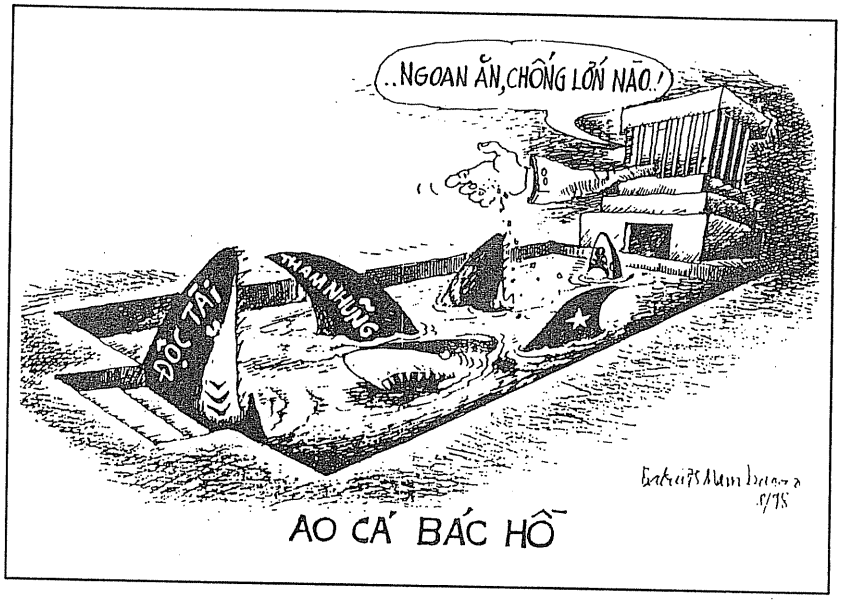

Trong vương quốc xã hội chủ nghĩa những người lương thiện bị *xuống cấp* từ từ và *tuột dốc phi nhân* dần dần thành "quỷ," thành "giun" như thế nào? Bằng cách bị ép vào thế chịu MẤT HẾT TỰ TRỌNG. Khi mà họ quy phục những kẻ mà họ không khâm phục mà còn khinh bỉ, khi mà họ làm những việc mà họ biết là hèn hạ, trái với lương tâm và lẻ phải, khi mà họ nói những điều trái với những điều mà họ nghĩ, mà họ biết là sai, oan, và sẽ làm hại người khác, lúc đó họ không còn Tự Trọng nữa.

Tự Trọng liên quan mật thiết đến Cá Nhân. Nó là một biểu trưng của cá nhân tính. Mà diệt cá nhân tính là một chính sách căn bản mà ông Hồ Chí Minh đã đòi hỏi đệ tử ông phải áp dụng triệt để. Ông đã nói rất mạnh và rất rõ: "chủ nghĩa cá nhân trái ngược với chủ nghĩa tập thể," nó là "một kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội," cần phải "gột sạch" và "tiêu diệt" [2]. (Hiện nay, chính sách diệt cá nhân tính, nghĩa là diệt Tự Trọng, vẫn được áp dụng. Báo cáo chính trị Đại hội VIII nhắc nhủ cán bộ phải "khắc phục chủ nghĩa cá nhân." [3]

Mất hết tự trọng là mất hết nhân phẩm, mất hết nhân cách, không còn biết xấu hổ, không còn phân biệt phải trái, thiện ác, sẵn sàng làm những gì xấu xa nhứt, tồi bại nhứt. Trong tình trạng này, tham nhũng, gian lận, dối trá, lừa gạt, vu khống, phản bội, ác độc trở thành những hành động bình thường. Con người trở thành vô đạo. Mà khi con người vô đạo thì xã hội cũng vô đạo.

Đạo đức cọng sản = trung thành với Đảng

Nói rằng xã hội Việt Nam hiện nay vô đạo thật ra không đúng hẳn. Nó có đạo đức của nó. Nhưng đạo đức này là một thứ đạo đức đặc biệt. Ông Tổng Bí Thư Đỗ Mười đã nói rõ lãnh đạo ĐCSVN quan niệm "đạo đức" thế nào. Tại Hội nghị lần thứ III của BCHTƯ, ngày 9-6-1998, khi ông nói đến "Tài, Đức" và kêu gọi cán bộ ĐCSVN phải "trau dồi đạo đức." Ông giải thích:

"Đức đây cần được hiểu đầy đủ với các nội dung: Trước hết đó là phẩm chất chính trị, trình

độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa, lòng trung thành với Đảng... ý thức kỷ luật, chấp hành nghiêm túc chỉ thị, nghị quyết, sự phân công điều động của cấp trên, ý thức lãnh đạo tập thể đi đôi với trách nhiệm cá nhân." [4]

Lời giải thích trên đây của ông Bí Thơ Đỗ Mười được làm sáng tỏ thêm trong tác phẩm của Vũ Thư Hiên.

Trước hết, và trên hết, ĐCSVN đòi hỏi ở mọi người, trong cũng như ngoài Đảng, một sự quy phục tuyệt đối. ĐCSVN không tha tội không theo họ. Tên công an hỏi cung Vũ Thư Hiên, Huỳnh Ngự, chỉ muốn anh này hiểu một điều: "Chỉ có một con đường là đầu hàng, chịu khuất phục." Nếu không, Đảng sẽ "thẳng tay trừng trị, không chiếu cố gì hết." (146) Chỉ thị của Đảng là "cái mà chúng ta, những cán bộ của Đảng, chỉ có việc tuân theo" (81) Không ai được suy nghĩ vì "chỉ có sự thật của Đảng mới là sự thật, chân lý;" "cái sự thật" của những trí thức như Vũ Thư Hiên "không đáng giá một đồng xu keng..." (388). Đảng nói sao, mọi người phải tin vậy. Mọi người phải tin tưởng tuyệt đối ở Đảng, vì "Đảng là cha mẹ".(578) Đảng "như chúa Trời, cho thì có, lấy thì mất" (410) Chính Vũ Thư Hiên cũng thú nhận rằng anh ta đã "đi theo những người dẫn đầu cuộc cách mạng như con vật trong đàn đi theo con đầu của nó." (31)

Nhưng Đảng là ai? Tất nhiên nó là những tên cán bộ mà người ngoài cũng như trong Đảng phải tiếp xúc như Huỳnh Ngự. Nhưng Huỳnh Ngự chỉ là một tên thừa hành, có vênh váo, hống hách, tung hoành thì cũng chỉ trong những giới hạn nào thôi. Đảng, thực sự, là người nắm quyền tối hậu, tuyệt đối. Như Lê Đức Thọ, người đã một thời nắm thực quyền, nói: "Đảng là tao!" (329). Ông ta không cho những người ở dưới quyền ông ta được phép nói gì khác ngoài sự lập lại những tín điều do ông ban bố (231), và ông sẵn sàng dùng bạo lực tối đa để ép họ phải theo mình. Vũ Thư Hiên là một trường hợp điển hình. Tình hình ngày nay có khác thì trên căn bản chỉ khác tên, còn chế độ vẫn không thay đổi. Cũng như những phương thức mà cấp lãnh đạo áp dụng để buộc mọi người phải quy phục Đảng, cúi đầu trước quyền lực của họ không thay đổi.

Sợ "có vấn đề" và "mất nồi cơm"

Phương thức thứ nhất là đe dọa, khủng bố, tạo ra một không khí sợ sệt bao trùm cả xã hội, và ngay cả trong hàng ngũ cán bộ cao cấp của Đảng. Với một "hung thần" như Lê Đức Thọ, (314) sự sợ sệt này lại càng lớn hơn lúc nào hết. Từ cán bộ kỳ cựu, Đại tướng tư lệnh quân đội lừng danh, như Võ Nguyên Giáp, hay là cách mạng lão thành, chủ tịch Nhà nước, như Nguyễn Lương Bằng, đến Thủ Tướng Phạm Văn Đồng, đến Trần Hữu Tước, bác sĩ của ông Hồ, ai cũng sợ khiếp vía, không dám ngo ngoe lên tiếng bênh, mà lại còn tránh xa ông Vũ Đình Huỳnh, một người mà họ mang ơn và cho là vô tội, vì nghe nói ông đó "có vấn đề." Ông Huỳnh là thân phụ của Vũ Thư Hiên, một người đã cống hiến cuộc đời cho Cách mạng, đã che dấu, nuôi dưỡng, giúp đỡ họ trong thời gian hoạt động bí mật, nhưng bị Lê Đức Thọ buộc cho tội "xét lại" và tống giam.

Vũ Thư Hiên đã tả rất tỉ mỉ những cách đối xử rất tàn tệ độc ác trong các trại giam đối với những người bị "tội chính trị," hay chỉ bị nghi thôi, như anh và thân phụ anh. Mang tội chính trị là "coi như đời tàn" (163). Trong Đảng, và trong nước ai cũng biết vậy, nên mọi người đều tránh né những ai bị coi là "có vấn đề." Họ cho tránh né như vậy là "khôn ngoan." "Vấn đề" đây là bị lãnh đạo Đảng trù áp vì bị nghi là có tư tưởng chống đối, hay chỉ khác thôi, những tư tưởng của họ. Ai cũng sợ. Trong tác phẩm *Viết cho Mẹ và Quốc Hội*, ông Nguyễn Văn Trấn, một đảng viên kỳ cựu, cũng nói nhiều về không khí sợ hãi bao trùm lên toàn Đảng. [5]

Phương thức thứ hai là "chính sách kiểm soát dạ dày... giam đói để dễ trị," để bẻ gãy ý chí của những kẻ bị coi là cứng đầu, chống đối, hay chỉ dám có ý kiến riêng. Trong vụ Nhân Văn Giai Phẩm, 304 văn nghệ sĩ, cán bộ văn hóa, đã không biết hổ thẹn gởi thơ cho Ban Chấp hành Trung Ương lên án nhóm Nhân Văn Giai Phẩm chống lại chế độ. "Đảng đã giúp văn nghệ sĩ cắt bỏ cảm giác xấu hổ như cắt khúc ruột thừa... đại đa số trường hợp đó là sự bảo vệ nồi cơm." (425) Phần khác, như Vũ Kiện nói, thỉnh thoảng Đảng ban cho một "ân huệ," như cho đi nước ngoài. "Vì ân huệ ấy, có nói vài điểm trái với lương tâm kể cũng đáng," như đổ cho bạn mình chống đối Đảng có tổ chức, và làm cho bạn mình vào tù. (410)

Nếu lãnh đạo Đảng không bẻ gãy được ý chí của đương sự thì họ chĩa mũi dùi vào gia đình của người này, không những làm cho vợ con phải khốn khổ, đói rách, mà còn ngăn cản

không cho con cái học hành. Ngay cả sau khi đã bỏ chức vụ, họ cũng không tha. Như Hữu Loan, một nhà thơ danh tiếng, đã từ bỏ một chức vụ quan trọng vì bất đồng ý kiến với Đảng. Nhưng Đảng vẫn không tha cho anh ta cái tội "không theo họ," và không cho con cái ông ta được học hành tử tế. Nhiều người, vì thương vợ con, phải đầu hàng. Và lại hối hận là mình đã sai lầm! Như Hữu Loan thú nhận: "Đời đục ta trong làm sao được! Thân mình trong sạch, nhưng con cái không được học hành thì mình sai lầm mất rồi!" (425)

Thảm trạng của Hữu Loan là thảm trạng của rất nhiều người, nếu không nói là của hầu hết những người sống dưới chế độ cọng sản Việt Nam. Họ chà đạp tự trọng để tỏ lòng trung thành với Đảng; họ tôn vinh Đảng "trong những lời ồn ào," (413) để khỏi bị Đảng nghi ngờ và "tống" ra ngoài "cơ chế." Như ông Nguyễn Thái Bát, một cán bộ bị giam cùng nơi với Vũ Thư Hiên, nhận xét: "không làm cán bộ nữa là hết, thì người ta không tin mình nữa, không còn trọng mình nữa. Mà làm dân thì, ối dời ơi, khổ lắm, khổ đủ đường." (746)

Tự buộc với Đảng, dù sai dù đúng

Như Vũ Kiện, một nhà văn khác, nói: "Chúng mình lần lượt rồi cũng bị hết, chẳng có đứa nào thoát đâu." (409) Vì nhu cầu bảo vệ bát cơm cho mình và cho gia đình và tránh cho con cái khỏi bị thất học, họ dần dần buông tay đặt mình vào bàn tay Đảng. Như Vũ Thư Hiên nhấn mạnh:

"Mọi người sau khi đặt số phận mình vào bàn tay Đảng đều phải gò mình vào cái tôi chung, cái tôi tập thể, là một cái tôi vô hình vô ảnh, để tự biến mình thành nó.

Trong cái tôi tập thể này ai cũng thấy vướng víu, không thoải mái. Nhưng đã tự nguyện chấp nhận nó rồi, người ta buông tay, mặc cho mọi sự xuôi dòng." (420)

Rút cục, từ bị ép buộc, cái tôi cá nhân con người bị chế độ cọng sản "nhào nặn" thành một cái tôi tập thể, tự nhiên và tự nguyện, kéo dài không những vài năm mà cả đời. (421) Qua thời gian, thấm nhuần tập quán vun trồng từ thập niên này qua thập niên khác, "lũ tinh tinh hiện đại tự nguyện xóa bỏ bản thân để tuân theo Đảng ngõ hầu được Đảng thương đến." (414) Từ đó, dù nội tâm có dằn xé, dù là bất bình với những bất công phi lý, đồng cảm với nỗi đau của nhân dân không có tự do, những người cọng sản giữ im lặng. Họ bị người cọng sản trong họ ngăn lại, không cho nói ra. Đó là trường hợp điển hình của nhà thơ danh tiếng Chế Lan Viên. (423)

Hoặc, như Nguyễn Tạo, một cán bộ cao cấp ngành công an đã về hưu, tuyệt đối chấp nhận quyết định của Đảng, dù sai dù đúng. Ông ta tự biện hộ như sau:

"Chúng tôi tự đặt mình trong sự ràng buộc với Đảng, với những quyết định của nó, dù sai dù đúng. Chúng tôi lo lắng cho uy tín của Đảng. Chúng tôi thấy nhục nhã nếu Đảng bị phỉ báng. Đảng là cuộc sống tinh thần của chúng tôi, là danh dự chung của chúng tôi." (609)

"Dù sai dù đúng" không thể làm căn bản cho sự xây dựng một xã hội bền vững, văn minh, tiến bộ được. Căn bản đó phải là liêm sĩ và đạo đức, hai điều kiện then chốt, chiến lược, biểu trưng của Tự Trọng. Trong chế độ cọng sản mác-lê "trong sáng" hiện nay, Tự Trọng bị diệt, cho nên tham nhũng lan tràn, đạo đức suy đồi, và xã hội bắt buộc phải tuột dốc. Đây phải là một ưu tư lớn về tiền đồ của đất nước cho mọi người Việt, và nhất là những người có lương tri trong ĐCSVN.●

Ottawa. Hè 1998

* Vũ Thư Hiên, *Đêm giữa ban ngày,* Văn Nghệ, Westminster, CA, 1997.

Tác phẩm *Đêm giữa ban ngày* là một tác phẩm rất phong phú. Nó chiếu sáng rất nhiều khía cạnh của chế độ cọng sản Việt Nam, cho ta thấy "Ngày giữa ban đêm" cọng sản. Nhưng bài này chỉ đề cập đến những dữ kiện liên quan đến vấn đề giải quyết tham nhũng lan tràn và đạo đức suy đồi.

1. Những đoạn trích trong bài này hầu hết lấy trong tác phẩm của Vũ Thư Hiên. Do đó, để tránh quá nhiều chú thích, gây rườm rà, tôi chỉ sẽ ghi số trương sau mỗi trích dẫn. Tôi chỉ ghi chi tiết nếu trích dẫn từ một tác phẩm khác với tác phẩm của Vũ Thư Hiên.

2. Đặc biệt là trong bài nói về "Đạo Đức Cách Mạng", 1958, *Hồ Chí Minh Tuyển Tập,* tập II, Nhà Xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1980, tr.92 và tiếp theo.

3. Đỗ Mười. Báo cáo chính trị, Đại hội VIII, 28-6-1996. Đảng Cọng Sản Việt Nam: *Văn Kiện Đại Hội Đại Biểu Toàn Quốc lần thứ VIII,* Nhà Xuất Bản Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội, 1997, tr.50.

4. Đỗ Mười, phát biểu tại Hội nghị III BCHTƯ, 9-6-1998. *Văn Kiện Hội Nghị lần thứ ba BCHTƯ, khóa VIII.* Nhà Xuất Bản Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội,1997, tr.109.

5. Nguyễn Văn Trấn, *Viết cho Mẹ và Quốc Hội,* Westminster, CA, 1996.

"ĐỔI MỚI" TRUNG QUỐC Ở KHÚC QUANH

HOÀNG QUẾ

Sau 20 năm đổi mới theo định hướng XHCN dưới sự chỉ đạo của ê kíp Đặng Tiểu Bình (ĐTB) và Giang trạch Dân (GTD), Trung Quốc đã trở thành một cường quốc kinh tế, một thực tế chính trị hàng đầu và đang thi hành bốn hiện đại hoá kể cả hiện đại hoá về quốc phòng. Trung Quốc đã tiếp thu Hồng Kông. Họ Đặng đã qua đời và ê kíp Giang Trạch Dân - Chu Đông Cơ lên cầm quyền sau đại hội đảng vừa qua. Mới đây tổng thống Clinton mới qua thăm TQ, người lãnh đạo Hoa Kỳ đầu tiên viếng TQ sau vụ Thiên An Môn (1989).

Từ cuộc cách mạng chống Mãn Thanh của Tôn Dật Tiên vào 1911, TQ đã LIÊN TIẾP trải qua con đường gian nan xây dựng đất nước: bị các nước lớn cấu xé (Nhật, Anh, Pháp, Đức, Hoa Kỳ, Bồ Đào Nha, vv.), trải qua đệ nhị thế chiến, nội chiến quốc-cộng và sau cùng xây dựng xã hội chủ nghĩa bất thành với những lỗi lầm gây trên 40 triệu người thiệt mạng. Qua việc hiện đại hoá, TQ có tham vọng làm một cuộc cách mạng như Nhật dưới thời thiên trị (Meiji), tiếp tục mở cửa và nâng cao địa vị của TQ trên thế giới.

Khi TQ đổi mới, nhiều chuyên gia quốc tế về kinh tế cho đây là chính sách cải cách từng bước (gradualism), các cánh cửa ngày càng mở và đất nước ngày càng phát triển. Sau 20 năm, TQ đã thành công trong việc hiện đại hoá và mở cửa cho đầu tư ngoại quốc.

TQ đang tiến đến chỗ tự coi mình là cường quốc với việc đóng góp giúp Indonesia, việc hăm dọa phá giá đồng Nhân dân tệ (NDT) và hứa giữ ổn định kinh tế trong vùng. TQ đã thành công tiếp quản Hồng Kông và nay có tham vọng khống chế Đài Loan và vùng biển Đông [tranh chấp với Đài Loan, Phi và VN về Hoàng Sa và Trường Sa].

TQ đã ảnh hưởng VN rất nhiều qua chiêu bài "kinh tế thị trường theo định hướng XHCN," các tư tưởng về "diễn tiến hoà bình" mà các báo và cơ quan truyền thông của đảng CSVN nhai lại nhiều lần, việc quân đội tham gia kinh tế, vv. Lãnh đạo CSVN có vẻ đang noi gương TQ, nhưng nếu TQ trở thành một cường quốc vào thế kỷ 21 thì sẽ tăng hăm dọa cho phía VN, nhất là việc bảo toàn lãnh thổ.

Chúng tôi sẽ cố gắng có một cái nhìn TQ trong dài hạn, và phân tích quy trình thay đổi kinh tế và đổi mới tại TQ. Sau đó sẽ nêu lên các khó khăn kinh tế hiện tại TQ trong bối cảnh khủng hoảng tài chính đang trở thành khủng hoảng kinh tế tại Á châu, chương trình cải cách khu vực quốc doanh, việc cấm quân đội làm kinh tế, chiến dịch chống tham nhũng vv..., và cuối cùng sẽ đưa ra một số nhận xét kinh tế-chính trị tại TQ.

I. Đổi mới tại Trung Quốc

Trong thời kỳ Mao Trạch Đông (MTĐ), cuộc 'nhẩy vọt' đã làm trên 30-40 triệu người thiệt mạng và nhiều lãnh đạo chống đối chính sách của Mao bị tù đầy (cải tạo lao động), chết

trong tù như trường hợp Lưu Thiếu Kỳ cựu Thủ tướng và là đồng chí với Mao và một số lãnh đạo khác. Điều ít người để ý là sau thời kỳ Mao có hiện tượng Hoa Quốc Phong (HQP). HQP là người được Mao chọn làm kế vị. Sau khi diệt được Giang Thanh (vợ MTĐ), Đặng Tiểu Bình đã thay HQP nhưng ông này vẫn được tiếp tục sống yên tại Bắc Kinh và hiện nay vẫn còn là thành viên Trung Ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, chứ không bị thanh trừng như truyền thống tranh giành quyền bính tại các nước xã hội chủ nghĩa trước đây.

Quy trình thay đổi chính sách kinh tế

1. Khi đổi mới, điều đầu tiên họ Đặng làm là đã gởi rất nhiều sinh viên TQ sang Hoa kỳ và các nước Tây phương học (trên 100,000 người). Hiện nay mỗi năm có khoảng 20 - 40,000 sinh viên Trung Quốc học tại Hoa Kỳ. Nếu phí tổn trung bình mỗi người là US$ 40,000/năm thì mỗi năm TQ phải chi ra US$ 1 - 2tỷ/năm cho việc đào tạo sinh viên. Đây là cố gắng đầu tư lớn lao về nhân sự.

Đã có nhiều tranh luận trong trung ương đảng và bộ chính trị. Tại TQ (cũng như tại VN) có hai phe chính: phe "cải cách" và phe "bảo thủ" hay nói đúng hơn là phe cải cách nhanh (phe nói là thị trường sẽ giúp TQ tiến nhanh) và phe cải cách theo kiểu kế hoạch tập trung. Hai bên đều muốn TQ trở thành một cường quốc và cần phải cải tiến kinh tế, cần có trí tuệ và do đó việc gởi sinh viên du học, bắt kịp các nước Tây phương được chấp nhận dễ dàng vì các Đại học bị đóng cửa khá lâu trong thời kỳ cách mạng văn hoá (nay được lịch sử coi là mưu tranh chấp quyền hành của họ Mao) và các sinh viên bị gởi đi lao động tại thôn quê.

2. Sau đó ĐTB đã cho nông dân quyền sử dụng đất vào tháo gỡ các công xã, cứu nguy nông nghiệp XHCN không nuôi nổi TQ. Đã có nhiều tranh luận trong TUĐ và Bộ Chính trị TQ. Hai bên đều muốn TQ trở thành một cường quốc và có một quân đội hùng mạnh. Hai bên đều công nhận là cần phải có kinh tế mạnh và kinh tế mạnh đòi hỏi một nền nông nghiệp tốt. ĐTB bắt đầu cởi mở bằng chính sách nông nghiệp. Các tranh luận trong BCT về chính sách nông nghiệp tương đối dễ dàng vì trong thời kỳ Mao, nhiều lãnh đạo đã bị đi đầy tại các nông trường hay các công xã. Họ đã thấy tận mắt những khó khăn và gian nan của nông dân. Hai phe trong BCT đều muốn TQ gia tăng về sản xuất nông nghiệp và lương thực để các lãnh đạo TQ yên tâm về vấn đề lương thực. Rảnh tay về nông nghiệp ĐTB đã tiến tới việc đổi mới và hiện đại hoá kinh tế.

3. Muốn có kinh tế mạnh thì phải đầu tư vốn và kỹ thuật. ĐTB mở cửa cho đầu tư ngoại quốc để tìm kỹ thuật cao, để có thể sản xuất hàng hoá có tính cách cạnh tranh cao để xuất khẩu tìm ngoại tệ. Phe 'bảo thủ' sợ ảnh hưởng của việc thay đổi quá mau chóng và sợ đầu tư ngoại quốc sẽ lũng đoạn TQ. Họ chỉ chấp nhận cho ĐTB thử chính sách "mở cửa" tại một số thí điểm. Quy trình đổi mới chỉ được nhất trí chấp nhận một số 'thí điểm' tại một số tỉnh ven biển.

Chính sách mở cửa đã giúp TQ nhận đầu tư tư nhân (FDI). Riêng năm 1996, TQ nhận trên US$ 50 tỷ và trung bình từ US$ 30-40 tỷ từ nhiều năm qua. Năm 1997, vì có khủng hoảng kinh tế cho nên có giảm chút ít. Đài Loan đã đầu tư hơn US$ 30 tỷ trong các năm qua vào những vùng phía nam. TQ cũng là nước nhận nhiều viện trợ ODA hàng đầu trên thế giới từ nhiều nguồn khác nhau, nhất là từ Ngân Hàng thế giới, ngân hàng phát triển Á châu, vv.. Trong hơn 20 năm qua, có lúc TQ tăng trưởng trung bình là 18% năm và tụt xuống còn 13-14 % vào các năm 1992-1993 và sau đó TQ đã kiềm hãm tăng trưởng xuống khoảng 9-10%/năm và gần đây vào năm 1998, tăng trưởng ở mức 6-7%.

TQ đã thành công tháo gỡ cho nông nghiệp, rồi dần dần xây dựng công nghiệp tại các vùng ven biển theo ảnh hưởng của các phe phái trong BCT, theo sự "nhất trí giai đoạn" trong cơ quan đầu não này. Nhìn chung, thăng trầm trong quy trình đổi mới của TQ là do ảnh hưởng giai đoạn của các phe phái trong ĐCSTQ.

Những khó khăn

1. Khu Doanh nghiệp nhà nước (DNNN) tại TQ là một mối nguy vì 2/3 các DNNN không có lời. Dưới chế độ XHCN, công nhân hoàn toàn tùy thuộc vào các DNNN về các vấn đề xã hội như giáo dục, nhà ở, sức khỏe, vv. Các DNNN chưa tách ra được việc tìm lời nhuận và việc tạo nên mạng lưới xã hội, cho nên tuy ở trong cơ chế thị trường mà mạng lưới xã hội lại do chính phủ cấp. Nợ các DNNN chồng chất và có thể gây nhiều khó khăn cho hệ thống ngân hàng quốc doanh thiếu vốn. Việc thay đổi DNNN là một công cuộc đòi hỏi nhiều thời gian vì phải gỡ dần

dần. Dù sao, khu vực quốc doanh đã giảm nhiều theo các con số sau đây:

Tỷ lệ DNNN trong kinh tế Trung Quốc 1980-1995

Mục	1980	1995
Xuất khẩu	100%	56.9%
Nhập khẩu	99.8%	44.8%
Công nhân	94%	18%
Đầu tư hạ tầng	81.9%	54.5%
Tỷ lệ trong công nghiệp	80%	47%
Xây dựng	63.7%	38.6%
Thương nghiệp	61.4%	29.8%

2. Khi mở cửa, các tỉnh ven biển tăng trưởng rất mau (15-20%/năm), TQ cũng có dịp tiếp xúc với bên ngoài nhiều hơn. Nhưng tăng trưởng không đồng đều. Các vùng ven biển nhận được nhiều đầu tư ngoại quốc cho nên tăng trưởng rất cao trong khi đó thì các vùng nội địa còn nghèo. Sự chênh lệch nông thôn/thành thị khá lớn và gây sức ép cho chính phủ. Theo một cuộc điều tra thì vào năm 1994, lợi túc trung bình của Thượng Hải là US$ 2353/năm [hơn gần 10 lần VN] trong khi đó ở nông thôn thì nhiều nơi lợi túc trung bình/đầu người chỉ có US$ 90/năm hay cỡ 1/26 lần lợi tức ở Thượng Hải. Việc tăng trưởng các vùng ven biển - các khu chế xuất đặc biệt càng ngày càng làm tăng sự khác biệt giữa ven biển tăng trưởng cao, giàu có và lục địa chậm tiến, nghèo nàn. Các tỉnh trong lục địa cũng 'bắt chước' các tỉnh ven biển cho nên gây khó khăn cho trung ương (TU), nhất là khi luật lệ còn kém, chưa có hành chính chuyên môn và TU chưa có một hệ thống thu thuế tốt để có phương tiện ngân sách.

3. TU, khi phe bảo thủ thắng thế đã giúp xây dựng công nghiệp tại các vùng nông thôn để giữ dân và cùng lúc tiếp tục duy trì chính sách 'hộ khẩu' để kiểm soát sự đi lại của dân chúng. Với sự thành công của chính sách mở cửa, việc xây dựng các hạ tầng cơ sở, các khách sạn, các cao ốc tại các thành phố đã kéo nhiều nông dân đổ về thành thị tìm việc. Tại các thành phố lớn - thị trấn lớn đã có nhiều khu "chợ người," tức là chỗ mà các nông dân đến tập họp để chờ được mướn đi làm việc hàng ngày. Việc di dân "vô trật tự" được các chuyên gia ước lượng là khoảng 75-100 triệu người đổ về các thành thị tìm việc.

4. Trong quy trình "đổi mới và mở cửa" đã có nhiều chặng quan trọng. Quân đội đã được ĐTB cho làm kinh tế để tìm vốn và để đầu tư "hiện đại hoá" quân đội. Quân đội sử dụng phương tiện ngân sách để kinh doanh. Họ đã xây dựng các khách sạn, các nhà máy sản xuất quân cụ, hàng xuất khẩu, vv. và đã có trên 20,000 cơ sở kinh doanh thuộc quân đội ở nhiều cấp. Đã có nhiều lúc quy trình 'mở cửa' đã bị khựng lại vì các thành phần bảo thủ trong BCT đã nắm ưu thế. Trong thời gian này, phe 'kinh tế tập trung' lại hô hào đầu tư vào DNNN, vào thị trường theo đường hướng XHCN TQ. Khi TQ nói nhiều về diễn tiến hoà bình thì có nghĩa là khi phe bảo thủ thắng thế và kinh tế tư nhân lại bị xiết. Cũng nên lưu ý là 80% dân và lãnh thổ TQ chưa được mở và phe bảo thủ vẫn tìm cách ảnh hưởng lên các doanh nghiệp nhà nước. Sau vụ Thiên An Môn, phe bảo thủ và quân đội thắng thế. Quân đội đã tăng cường việc xuất khẩu vũ khí, tên lửa, phi đạn, vv. và tiếp tục làm giầu, nhiều khi ngược lại với chính sách ngoại giao của TQ về vấn đề vũ khí nguyên tử, về phi đạn, và nhất là nạn buôn lậu.

Vụ TQ đánh VN hồi cuối thập niên 70 đã cho thấy những yếu kém của quân đội TQ. Họ cũng đã chứng kiến trận chiến điện tử Hoa Kỳ - Iraq và thấy những yếu kém khi "tập trận xâm chiếm Đài Loan" và do đó đã cố nhiều cố gắng hiện đại hoá quân đội, nhất là về hải quân. Trên lý thuyết, quân đội TQ có số quân lớn nhất thế giới nhưng với một trang bị khá cổ lỗ. Ngân sách quốc phòng TQ tương đương với US$ 8.7 tỷ/năm nhưng theo các nhà nghiên cứu thì con số này đã được nhân lên nhiều lần. Lý do là ngân sách quốc phòng tách ra nhiều chi tiêu quốc phòng dưới nhiều mục khác nhau. Một ví dụ điển hình việc hiện đại hoá quân đội là việc mua và mua họa đồ chế tạo máy bay SU 27 của Nga.

5. Hiện giờ TQ chưa có một nền hành chính chuyên nghiệp. Việc này đã mang đến nạn tham nhũng vì các thủ tục không rõ ràng. Một vụ án lớn nhằm cựu đô trưởng Bắc Kinh Trần Hy Đồng, thành viên BCT bị bắt về tội tham nhũng, lạm dụng chức quyền và phải lãnh 16 năm tù ở (Đồng là thành viên BCT cho nên được tha tội chết). Cải cách hành chính phải đi đôi với "đổi mới chính trị" vì trong hệ thống XHCN không có một nền hành chính trong suốt, các "quan chức" lợi dụng chức vụ làm tiền, bao bì, nhiều hiện tượng tiêu cực, nhất là đối với nông dân.

Tóm lại, trong quá trình đổi mới, TQ vấp nhiều trong chính sách "mở cửa" vì có nhiều

giai đoạn phe bảo thủ thắng thế. Thăng trầm của sự đổi mới tuỳ thuộc vào ê kíp lãnh đạo, tiến hay lùi là tuỳ theo ảnh hưởng đang thắng thế của phe nào trong Bộ Chính trị.

II. Chính sách đổi mới trong giai đoạn hiện tại

Trong các năm qua, TQ tăng trưởng khả quan kể cả về đầu tư ngoại quốc nhưng từ 1996 đến nay, nước này đã bước vào một giai đoạn mới trong việc phát triển và đổi mới kinh tế. Tăng trưởng kinh tế khó khăn hơn và đòi hỏi nhiều thay đổi cơ bản.

Chính sách kinh tế của nhóm Giang Trạch Dân - Chu Đông Cơ

TQ là một nước lớn, có nhiều dân tộc khác nhau, lãnh đạo các tỉnh có khuynh hướng tránh né trung ương, có tham vọng chia rẽ, như trường hợp tại Tân Cương, Tây Tạng hay các tỉnh khác. Nhóm lãnh đạo hiện nay của TQ từ Giang trạch Dân (GTD) đến Chu Đông Cơ (CĐC), Lý Bằng (LB) là thuộc thành phần tương đối có học. TQ đã có nhiều cố gắng trẻ trung hoá thành phần lãnh đạo trong guồng máy hành chính và chính trị, tuổi trung bình ở cỡ 60 và đã đi ngoại quốc nhiều lần. Họ được cái may mắn là giới lãnh đạo già nua đã dần dần chết hết, mở rộng chỗ cho thành phần đổi mới.

TQ lúc nào cũng có một chính sách khuyến khích kinh tế rõ ràng. TQ cho Indonesia vay trong cuộc khủng hoảng tài chính trong năm qua, hứa không phá giá hối suất tiền nhân dân tệ trong khi hối suất đồng Yen Nhật phá giá, gây thêm khó khăn cho sự hồi phục của các nước Á châu. TQ cố gắng cải cách khu vực DNNN, cải cách hành chính, xin gia nhập Tổ chức quốc tế về thương mại (WTO), vv. TQ cố

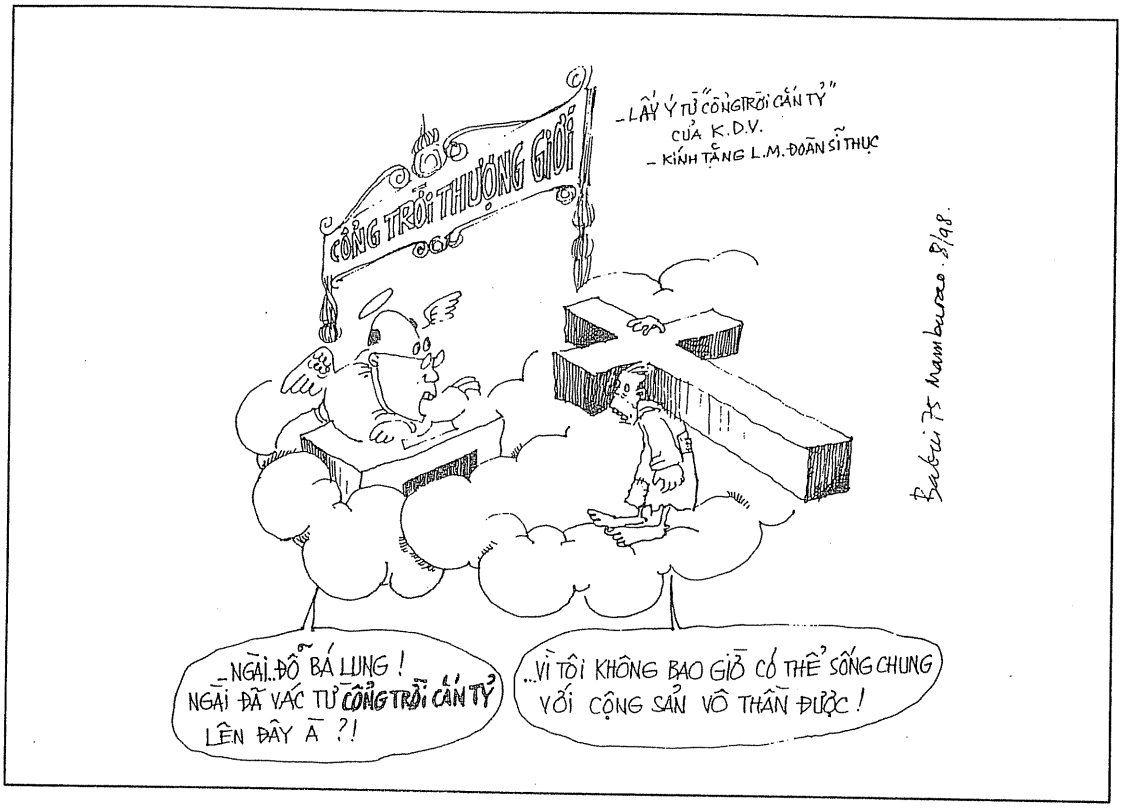

gắng cho thế giới thấy bộ mặt tiến bộ, cải cách, đáng được giúp đỡ.

Về chính trị thì TQ tìm đủ mọi cách xích lại, làm hoà với Hoa Kỳ. Họ cũng học cách vận động hậu trường và "lobby" đảng dân chủ, mời phó T.T. Al Gore, trên 80 dân biểu Thượng/Hạ nghị viện của hai chính đảng và gần đây TT Clinton thăm TQ. TQ có một chiến dịch PR (quảng cáo) khôn khéo với chiêu đề: một nước TQ ngày càng cởi mở và có trách nhiệm. Hình ảnh TT Clinton tranh luận với sinh viên tại Bắc Kinh và các nơi khác, được truyền hình trực tiếp có ngụ ý làm quên vụ "thiên an môn." Việc TQ hứa không phá giá tiền NDT hầu tránh gây thêm khó khăn cho các nước Á châu ngầm ý cho thấy

một TQ có trách nhiệm. TQ ký thỏa ước ngăn chặn sự lan tràn của vũ khí nguyên tử, kiểm soát việc bán hỏa tiễn, vv... cho thấy mặt tiến bộ - trách nhiện nước lớn của TQ. TQ cũng muốn xích gần Nhật. Giang Trạch Dân cũng sẽ đến thăm Tokyo trong một ngày gần đây. Vậy chính sách ngoại giao TQ là làm hoà với các nước chung quanh Thái Bình Dương. Nhưng song song với chính sách hoà hoãn, TQ cũng cố gắng cô lập gây khó khăn cho Đài Loan và các nước láng giềng Biển đông trong khi tranh chấp lãnh thổ.

TQ đang cố cho bên ngoài thấy là họ có tầm nhìn xa, có đường lối ngoại giao và kinh tế rõ ràng và thực tế.

Giải quyết các khó khăn

Trong thập niên trước đây, các lãnh đạo già đã cho thấy là TQ cần mở kinh tế và đã cho thực thi những thay đổi tối thiểu cần thiết để cho kinh tế thị trường chạy. Họ gọi là "kinh tế thị trường theo định hướng TQ." Kinh tế TQ ngày một phức tạp vì cần thay đổi cơ cấu. Nhóm Giang Trạch Dân - Chu Đông Cơ, nay cố gắng giải quyết các khó khăn kinh tế như sau:

1. Khu Doanh nghiệp nhà nước có trên 100,000 doanh nghiệp nhưng chỉ có 1/3 là có lời. Theo các ước lượng quốc tế và TQ thì nợ DNNN chồng chất, có thể gây nguy hại cho hệ thống ngân hàng. DNNN gây quỹ cho đảng và còn là mối cãi nhau giữa phe "cởi mở" và phe "bảo thủ." Việc "cổ phần hoá" các DNNN tại TQ đã được Đại hội đảng chấp nhận.

Quy trình cổ phần hóa (1) theo GS W.T. Woo của Đại học Davis, được tính là TQ sẽ "xiết tín dụng," do đó các DNNN yếu sẽ phá sản và các DNNN có lời sẽ có thể "cổ phần hóa." TQ đã có nhiều thị trường chứng khoán trong đó có Hong Kong là một thị trường có tầm cỡ quốc tế. Các DNNN có tầm vóc tại TQ cũng có mặt trên thị trường chứng khoán Hồng Kông, cả tại thị trường New York nữa. Các DNNN khác thì sẽ được ngoại quốc bơm tiền mua cổ phần. Nhưng hiện nay, các nước Á châu bị khủng hoảng, các đầu tư ngoại quốc rút khỏi Á châu do đó quy trình "cổ phần hoá" sẽ gặp khó khăn [các cổ phần doanh nghiệp TQ đang bị xuống giá]. Kinh tế Nhật to gấp tám lần kinh tế TQ, gấp hai lần các nền kinh tế Á châu khác cộng lại, và kinh tế Nhật bị trì trệ. Các ngân hàng Nhật đang rút ra khỏi Á châu, bớt cho vay vì các khó khăn khu vực ngân hàng. Nhật là nước cho vay nhiều nhất nhưng bị trì trệ cho nên ảnh hưởng đến các nước Á châu, kể cả TQ. Trong tính toán cải cách khu vực DNNN với vốn ngoại quốc, TQ phải chậm lại. Hơn nữa nạn thất nghiệp tăng, do đó TQ phải cho giảm tốc độ cải cách/cổ phần hoá các DNNN.

2. Với kinh tế thị trường, vì có khác biệt trong chính sách đối xử về đầu tư kinh tế cho nên sẽ có chênh lệch nông thôn/thành thị, miền ven biển/lục địa, vv... đem theo nhiều tệ đoan xã hội và hiện tượng tiêu cực. Trung bình chênh lệch giữa thành phố Thượng Hải, (được mở cho đầu tư ngoại quốc) và nông thôn là 27 lần. Việc tăng trưởng mau chóng các vùng ven biển - các khu chế xuất đặc biệt, càng ngày càng làm tăng sự chênh lệch giữa ven biển cởi mở, giàu có và lục địa chậm tiến, nghèo nàn. Việc này đã làm cho TQ phải tính chính sách mở và phát triển thêm các vùng thí điểm cho những vùng như đảo Hải Nam và các tỉnh miền trong lục địa.

Ê kíp lãnh đạo mong đầu tư ngoại quốc giúp tăng trưởng, nhất là khi họ mở lục địa cho đầu tư nước ngoài. Những khó khăn Á châu đã làm khó thêm các tính toán của chính sách kinh tế của TQ. Kinh tế Nhật không có tăng trưởng và kinh tế Á châu gặp khó khăn, các nước đầu tư, nhất là Á châu, đã khựng lại.

3. Một trong những mục tiêu là "hiện đại hoá" quân đội. Nhưng quân đội lo nhiều về kinh tế hơn là làm nhiệm vụ của mình. *Các cơ sở kinh doanh thuộc quân đội lại là một cản trở lớn cho việc 'chuyên môn hoá' quân đội*, nhất là khi quân đội đóng vai thủ phạm lớn nhất trong các vụ buôn lậu. Ví dụ các máy vi tính IBM làm tại Shenzhen, xuất khẩu qua Hồng Kông rồi được bán 'lậu' trở lại cho lục địa với sự yểm trợ của các tàu hải quân TQ, tránh được 20% thuế hải quan và 17% thuế trị giá gia tăng về tiêu thụ. Thuế đánh trên các xe hơi là trên 150%, do đó buôn lậu được là lời lớn. Các vụ buôn lậu không những ảnh hưởng đến ngân sách mà còn có hại đến chính sách ngoại giao của TQ (như buôn lậu vũ khí).

Hiện nay, phe 'bảo thủ' trong bộ chính trị đã mất dần ảnh hưởng vì giới lãnh đạo già tàn rụi đi, thế hệ lãnh đạo trẻ có học hơn đang dần dần nắm quyền. Với thành công của chính sách đổi mới, mức sống dân TQ tăng mong chóng, phe "bảo thủ" dần dần mất ảnh hưởng. Họ chỉ còn "kêu ca" về nạn thất nghiệp, xã hội đồi trụy, thiếu kỷ cương XHCN, và việc di dân "vô trật tự" về các thành thị. Nhóm Giang

Trạch Dân - Chu Đông Cơ nay, sau khi được sự đồng tình của một số sĩ quan cao cấp 'cấp tiến' đã ra lệnh cho quân đội rút ra khỏi hoạt động kinh tế, giải tư các doanh nhiệp quân đội. Đây là một quy trình lâu dài nhưng cho thấy là phe 'cởi mở' đang ở thế thượng phong hiện nay tại TQ.

4. Các nhà đầu tư ngoại quốc than về cách làm việc và hành chính TQ. Cấp lãnh đạo tương đối cởi mở nhưng ở dưới, hành chính rườm rà, phải qua nhiều cửa, nhiều chữ ký, và nó cho các nhà đầu tư thấy là TQ, tuy có thị trường lớn nhưng làm ăn thì khá tốn kém. Một viện kinh tế tại Hồng Kông đánh giá môi trường đầu tư tại TQ và VN là những chỗ tham nhũng nhất châu Á. Trong tình trạng đó, nạn tham nhũng lộng hành và các vụ si-can-đan đầy rẫy. TQ thẳng tay trừng trị (vụ cựu đô trưởng Bắc Kinh cho thấy Giang Trạch Dân đang thắng thế trong giai đoạn này). Lợi dụng thời cơ, Giang cho cải cách hành chính và xây dựng một ngành hành chính chuyên nghiệp. Khi có đầu tư ngoại quốc, khi dân TQ ngày càng biết nhiều tin tức bên ngoài qua TV, báo chí và đi tham quan, thì sẽ đòi hỏi một guồng máy hành chính rõ ràng, có quy củ và khoa học hơn. Cải cách hành chính là một phần của "đổi mới chính trị." TQ cũng cho thực thi các thay đổi chính trị ở cấp làng-xã qua các cuộc bầu cử trực tiếp ở cấp này (nhằm tránh tình trạng tham nhũng và lạm dụng ở nông thôn). Nhiều 'quan chức' sẽ mất việc hay phải tái huấn luyện. Hệ thống đào tạo luật và hành chính được thay đổi, bớt lý luận chính trị và nặng về chuyên môn.

5. Về vĩ mô các lãnh đạo TQ gặp hai khó khăn: chính sách tiền tệ và khu vực ngân hàng. Khủng hoảng Á châu cho thấy là TQ cũng bị ảnh hưởng qua việc tỷ lệ tăng trưởng xuất khẩu chậm lại. Tăng trưởng trong năm 1998 được ước tính là khoảng 7.5% so với dự tính là 8.3%. TQ hứa không phá giá đồng NDT, mà thật ra theo giáo sư R. Dornbush của Đại học MIT thì không cần phá giá (2). Phá giá không có lợi vì TQ phải nhập khẩu 50% giá trị của hàng xuất khẩu. Nếu phá giá hối suất quá cao, TQ sẽ kéo theo các nước Á châu phá giá hối suất, gây tình trạng khủng hoảng kinh tế mà TQ không có lợi. Theo tính toán của Goldman Sachs (3) vì kinh tế Á châu nhất là Nhật đang bị khủng hoảng, TQ không nên phá giá hối suất.

Khu vực ngân hàng là chỗ yếu của TQ. Các ngân hàng quen cho vay theo chỉ thị và hệ thống ngân hàng là công cụ phân phối ngân sách đầu tư của nhà nước. Các DNNN làm ăn lỗ lã không thể trả nợ và chính phủ nay không tiếp tục trợ giúp cho nên các ngân hàng gặp khó khăn. Khu vực ngân hàng có ba nhiệm vụ chính: 1) thu tiết kiệm; 2) hướng dẫn đầu tư vào kinh tế; và 3) làm dịch vụ trả tiền. Các ngân hàng TQ chỉ làm được hai nhiệm vụ, chưa quen làm ăn với các doanh nghiệp nhỏ và trung (small business) tư nhân. Nay trong kinh tế thị trường, vì có quá nhiều nợ không thu được, vốn các ngân hàng càng ngày càng nhỏ, do đó khả năng cho vay càng ngày càng giới hạn. Gần đây các ngân hàng ngoại quốc như trường hợp Deutsche Bank và Commerz Bank (ngân hàng số 1 và 3 tại Đức) cũng có nhiều tranh chấp với DNNN bị phá sản (4). Ngoài ra cũng còn rất nhiều các trường hợp khác ít được biết hơn đối với các ngân hàng TQ. Như vậy khu vực ngân hàng không làm tốt được dịch vụ phân phối đầu tư.

Tóm lại, TQ đổi mới vì muốn hiện đại hoá đất nước. Trong quá khứ, thay đổi tại TQ (kinh tế hay chính trị) lên xuống theo các tranh luận nội bộ, theo tình hình phe nào thắng thế trong đảng. Nhóm Giang Trạch Dân nay có vẻ thắng thế. Họ Giang và ê kíp cầm quyền thuộc phe "cải cách" nhanh vì họ tin là "thị trường" sẽ giúp TQ biến thành cường quốc trong một thời gian ngắn. Họ đã chứng nghiệm kinh nghiệm quá khứ về phát triển theo "mô hình XHCN" đã phá sản và mang lại

* Còn một thứ quan trọng hơn kiến thức, đó là xác định được giới hạn của kiến thức.

— Asimor

* Chính những gì hữu hình là bí ẩn của vũ trụ chứ không phải những gì vô hình.

— Oscar Wilde

* Ăn năn, hối hận về những tội lỗi chúng ta đã phạm dễ hơn là ăn năn hối hận về những tội lỗi chúng ta dự tính sẽ phạm.

— Billings

* Con khỉ hơn con người ở điểm này: Khi con khỉ nhìn vào gương, nó thấy một con khỉ.

— Chazal

thất bại. Lãnh đạo TQ ngày càng bớt nói về XHCN mặc dù vẫn hay nhắc tới "một nền kinh tế thị trường theo định hướng TQ." Họ có tầm nhìn chiến lược (vision) nhưng nay đang gặp nhiều vấn đề nan giải phải gỡ: nạn thất nghiệp, khu vực ngá hàng, vấn đề DNNN, ổn định trong các v.. g của TQ, vv... trong môi trường khủng hoảng kinh tế toàn diện tại Á châu.

Kết luận

Nghiên cứu về cách đổi mới tại TQ có thể cho VN nhiều bài học. TQ đổi mới vì họ có tầm nhìn rộng và vì muốn biến TQ thành cường quốc. TQ cần thiết phải thay đổi sau cơn ác mộng Mao Trạch Đông và XHCN. Tinh thần của lãnh đạo TQ là tinh thần yêu nước có suy nghĩ, đã khéo léo thực thi chính sách mở cửa trong khi gặp nhiều chống đối của phe bảo thủ ít học. Họ dám quyết định táo bạo như cho sinh viên TQ du học một cách ồ ạt (mặc dù nhiều người không về). Họ dám tháo gỡ cho nông nghiệp, hiện đại hoá công nghiệp và mở cửa cho đầu tư ngoại quốc. Sau đó TQ lại quyết tâm giải quyết cái ung nhọt Doanh nghiệp nhà nước đã gây quá nhiều nợ nần chồng chất cho hệ thống ngân hàng. TQ đã quyết định "cổ phần hoá" các DNNN để làm giảm gánh nặng ngân sách. Tuy nhiên gặp lúc kinh tế Nhật trì trệ, TQ thiếu vốn không thể mạnh tay cải cách DNNN khi thất nghiệp đang gia tăng mau chóng.

Chênh lệch giữa các thành phố và nông thôn là một mối lo. TQ cho cải cách hành chính và xây dựng một nền hành chính chuyên nghiệp. Cải cách hành chính là một phần của "đổi mới chính trị" và cũng cho thực thi các thay đổi chính trị ở cấp làng xã qua các cuộc bầu trực tiếp ở cấp này.

Quân đội phải rời bỏ làm ăn kinh tế để trở về nhiệm vụ quốc phòng, lập lại trật tự kỷ cương. Cải cách DN trong quân đội sẽ đòi hỏi thời gian, và cũng giống cải cách các DNNN, phải tuỳ thuộc vào vốn và ảnh hưởng trong nội bộ, phe nào thắng thế trong đảng.

TQ đang gặp khó khăn về chính sách tiền tệ và việc cải tổ khu vực ngân hàng. Kinh tế Nhật bị trì trệ, thị trường Á châu đang 'co rút' lại vì khủng hoảng cho nên TQ phải mau điều chỉnh chính sách kinh tế. Kinh tế chậm lại cho nên nhà nước phải 'bơm tiền' xây dựng các công trình hạ tầng cơ sở, 'mồi' cho kinh tế tăng trưởng bằng tiêu thụ nội địa trong lúc xuất khẩu bị giảm.

TQ đang bắt đầu bước vào cải cách chính trị. Nhiều lãnh đạo và trí thức TQ thấy là không thể đẩy mạnh kinh tế nếu không giải toả về chính trị. Nhóm Giang Trạch Dân nay có vẻ thắng thế và ngày càng bớt nói về XHCN. Họ đang tìm cách ra khỏi cái gọi là XHCN bằng cách ngày càng cho tự do ngôn luận nhiều hơn và cho bầu cử ở cấp cơ sở — làng xã. Dân chúng sẽ có thể kiểm soát các quan chức một cách dễ dàng hơn qua lá phiếu của họ.

Nhóm lãnh đạo TQ hiện nay uyển chuyển, mau chóng sửa chính sách khi cần vì không bị mắc cái ách giáo điều chủ nghĩa Mác xít. Liệu họ sẽ thành công trong cuộc "phục hưng" TQ không? CHXHCN Việtnam có học được bài học nào của TQ không?●

Tokyo, tháng 8, 1998

Chú thích:

1. W. T. Woo, ADB Institute workshopJuly 31, Tokyo 2. Rudi Dornbush, Financial Time August 5, 1998 3. Fred Hu, South China Morning Post, August 8, 1998 4. Asian Wall street, August 5, 1998

Tìm đọc

ĐÁ MỤC

truyện của
THẢO TRƯỜNG

Một cuốn truyện thâm trầm, cô đọng. Một người bạn của tác giả đã nhận xét:
Ngày xưa anh sản xuất rượu bia, ngày nay anh nấu rượu mạnh.

Đồng Tháp xuất bản,
Văn Nghệ phát hành

Liên lạc: Đồng Tháp,
P.O. Box 2054-J,
Westminster CA 92683, USA

TÒA ÁN HÌNH SỰ QUỐC TẾ

Luật sư TRẦN THANH HIỆP

(Trả lời phỏng vấn của Lê Đình Điểu, đài phát thanh VNCR)

LTS. *Ngày 17 tháng Bảy 1998, dưới sự bảo trợ của Liên Hiệp Quốc, các đại biểu của một hội nghị quốc tế do Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc triệu tập, đã bỏ phiếu thông qua bản Điều Lệ Tòa Án Hình Sự Quốc Tế. Dư luận chung đã chào đón sự ra đời của Tòa án này như là một biến cố quốc tế đánh dấu một bước phát triển lịch sử của luật quốc tế cũng như của nhân quyền.*

Sau đây là bài phỏng vấn Luật sư Trần Thanh Hiệp về đề tài Tòa Án Hình Sự Quốc Tế do Lê Đình Điểu thực hiện. Ông Trần Thanh Hiệp nguyên là luật sư các tòa Thượng thẩm Sài Gòn và Paris. Hiện nay ông giữ chức Chủ tịch Trung tâm Việt Nam về nhân quyền, trụ sở đặt tại Paris.

*

Thưa luật sư, xin ông cho biết những phản ứng đầu tiên về việc Tòa Án Hình Sự Quốc Tế vừa mới được Hội Nghị Ngoại Giao thành lập cuối tháng Bảy 1998 tại La Mã.

Tôi nghĩ rằng đó là những biến cố mang những ý nghĩa đặc biệt biểu hiện mức tiến hóa của nhân loại. Trên bình diện lịch sử. Trong lãnh vực luật học. Về mặt nhân đạo. Dưới khía cạnh nhân quyền. Trước viễn tượng dân chủ, tự do, hòa bình đầy hứa hẹn của thế kỷ XXI. Những thế hệ tương lai của nhân loại chắc chắn sẽ ghi ơn những người tại kinh thành La Mã hạ tuần tháng Bảy vừa qua đã khai sinh ra được định chế quốc tế mà mọi người mỏi mắt trông chờ suốt gần một thế kỷ nay, đó là Tòa Án Hình Sự Quốc Tế. Tòa án này sẽ đặt trụ sở tại La Haye.

Thưa ông, như vậy chúng ta có thể chờ đợi phiên tòa đầu tiên của Tòa án này trước khi thế kỷ 20 chấm dứt?

Trước hết tôi xin nhấn mạnh rằng nhưng tin tức đầu tiên liên quan đến TAHSQT mà tôi thu thập được chưa thể coi là đầy đủ. Mặt khác, việc thành lập tòa án này còn ở trong giai đoạn sơ khởi và các thủ tục đăng ký phê chuẩn, gia nhập đang tiến hành. Phải đợi một thời gian nữa, không quá ngắn mà cũng không quá dài, mới có thể đưa ra những nhận định chắc chắn về tòa án ấy. Bởi thế, tôi sẽ trình bày các ý kiến của tôi với mọi dè dặt sai sót và cũng sẽ chỉ nhấn mạnh về một số điểm chính yếu mà thôi.

Xin ông nói rõ thêm, nhất là về các mặt lịch sử, luật học, nhân đạo, nhân quyền, vân vân.

Trên bình diện lịch sử, việc cộng đồng quốc tế, bằng đồng thuận — cuộc đầu phiếu do Hoa Kỳ phút chót yêu cầu chỉ là một hình thức cụ thể hóa sự đồng thuận trước đó mọi người đã minh thị biểu lộ — đã phản ánh xu thế toàn cầu hóa các vấn đề chung của nhân loại. Tòa Án Hình Sự Quốc Tế là một bước đi thể hiện sự toàn cầu hóa ấy, là nét đặc trưng của lịch sử loài người vào thời điểm những năm chót của thế kỷ XX. Không một quốc gia nào có thể đứng tách rời khỏi cộng đồng nhân loại, nhất là sau khi cái gọi là "phe xã hội chủ nghĩa" tan ra đã kéo theo nó sự tiêu trầm của một hệ thống luật quốc tế một thời nó tự đặt ra để hòng ngang nhiên "một mình một cõi"! Một khi đã phải sống chung với nhau thì đương nhiên phải tìm ra những định chế chung để củng cố và giúp cho cuộc sống chung trường tồn.

Trong lãnh vực luật học, sự ra đời của TAHSQT đã giải tỏa được nhiều bế tắc từ rất nhiều thập niên tưởng không có lối thoát. Cho

đến nay, người ta vẫn coi luật quốc tế là một luật sơ đẳng (primaire) nghĩa là không có chế tài được tổ chức chặt chẽ nên thiếu sự thực hiệu của luật quốc gia. Sự kiện Tòa Án Hình Sự Quốc Tế được thành lập chứng tỏ rằng tình trạng không có chế tài nói trên đã chấm dứt vì các phán quyết của Tòa Án Hình Sự Quốc Tế sẽ được thi hành. Nói cách khác, luật quốc tế sẽ có chế tài nghĩa là có hiệu lực cưỡng hành đối với các thành viên của cộng đồng quốc tế. Luật quốc tế như vậy đã vượt qua được giai đoạn sơ lập để bước sang giai đoạn phát triển .

Từ nền công lý riêng (justice privée) — mỗi quốc gia tự cho mình quyền xét xử khi có tranh chấp — luật quốc tế đang có bước nhảy vọt chuyển sang nền công lý chung của nhân loại (justice publique) - quyền xét xử do một cơ quan tài phán ở ngoài và ở trên các quốc gia. TAHSQT là phác thảo của một Nhà nước siêu quốc gia, một Nhà nước quốc tế trong trạng thái bào thai.

Về mặt nhân đạo — hiểu theo nghĩa đạo lý của nhân loại — sự kiện TAHSQT có thẩm quyền xét xử bốn loại tội phạm được coi là nguy hiểm nhất là một bằng chứng cho thấy đã có những con đê ngăn giữ không cho tình trạng "luật rừng" mạnh được yếu thua, dù dưới hình thức chiến tranh có chính nghĩa, còn có cơ kéo dài thêm nữa. TAHSQT là cảnh sát viên chăm lo bảo vệ kỷ cương mới của loài người.

Về phần nhân quyền thì với TAHSQT, quyền của mỗi con người cá thể được tăng trưởng một cách đáng kể vì các thủ phạm chà đạp lên các quyền ấy, bất luận giữ địa vị nào trong một quốc gia đều có thể bị trừng trị.

Sau hết, nói một cách tổng quát, TAHSQT đã mở ra một triển vọng mới cho luật quốc tế trước ngưỡng cửa những năm 2000, kỷ nguyên của dân chủ, tự do, chung sống hòa bình thực sự trên quy mô hoàn vũ. TAHSQT là sự tổng hợp của bốn tòa án quốc tế đã ra đời trước nó là tòa án Nuremberg, tòa án binh Tokyo, tòa án quốc tế Nam Tư cũ và tòa án quốc tế Rwanda.

Lâu nay chúng ta vẫn thường nghe nói đến một tòa án quốc tế đã có từ lâu, đó là Tòa án quốc tế La Haye. Xin ông cho biết thêm về tòa án này.

Tòa án này tuy là một cơ quan tài phán quốc tế nhưng chỉ xét xử về mặt trách nhiệm dân sự liên quan đến những tranh chấp giữa các "quốc gia." Nó không đặt vấn đề trách nhiệm hình sự của "cá nhân" và nó không có quyền tuyên những bản án trừng trị như TAHSQT. Lại nữa, Tòa án Quốc Tế La Haye là một cơ cấu của Liên Hiệp Quốc, được thiết lập bởi Hiến chương Liên Hiệp Quốc (điều 92) trong khi TAHSQT là một cơ cấu độc lập đối với Liên Hiệp Quốc tuy có những liên hệ mật thiết với Liên Hiệp Quốc.

Thưa Luật sư, xin ông nói thêm về sự phát triển của nhân quyền, và vai trò của Tòa Án Hình Sự Quốc Tế trong việc bảo vệ nhân quyền?

Kể từ khi bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền được Liên Hiệp Quốc thông qua đến nay, 50 năm đã trôi qua, đã có thêm rất nhiều văn bản pháp lý khác về nhân quyền nhưng nhân quyền vẫn bị chà đạp một cách có hệ thống và trên qui mô lớn. Nhân loại đã kinh hoàng về những hành động sát nhân, cá thể cũng như tập thể của quốc xã, phát xít và cứ tưởng rằng những loại hành động đó chẳng thể tái diễn. Vậy mà ngay từ đầu thập niên 50 đã thấy cả một thế giới tù ngục cộng sản được dựng lên rồi trong suốt hơn bốn thập niên qua, nó trắng trợn xâm phạm thô bạo nhân quyền, tàn sát hàng trăm triệu người. Các thủ phạm của những tội ác này nấp bóng chủ quyền quốc gia, nhởn nhơ ngoài vòng pháp luật. Từ nay, với quyền truy tố và quyền xét xử độc lập của nó, Tòa Án Hình Sự Quốc Tế sẽ trừng trị và phòng ngừa các loại hành vi xâm phạm nhân quyền này. Sinh mạng, danh dự, phẩm giá con người cá thể sẽ được luật quốc tế bảo vệ chống lại mọi bạo lực xuất phát từ những người cầm quyền bất cứ ở cương vị nào trong bộ máy Nhà nước. Nghĩa là từ nay, sẽ không còn tình trạng khiếm trừng (impunity) đối với các hành vi xâm phạm nhân quyền dù rằng những kẻ phạm tội đã nhân danh chủ nghĩa này chủ nghĩa nọ, trật tự quốc gia, quyền dân tộc tự quyết, văn minh, tiến bộ v.v... Hễ xâm phạm nhân quyền là có thể bị trừng trị dưới hình thức này hay hình thức khác.

Thưa Luật sư, khi nghe tin sự ra đời của Tòa Án Hình sự Quốc Tế, nhiều người vui mừng, tin tưởng, nhưng cũng vẫn có người cho rằng TAHSQT chỉ là một món hàng bày chơi, chứ sẽ không đủ lực để xử một vụ án, chưa nói đến khả năng thi hành các biện pháp chế tài. Luật sư nghĩ sao?

Cũng là điều tự nhiên nếu nhiều người nghi ngờ khả năng tài phán của TAHSQT. Có

thể nói nó là một giấc mơ đã kéo dài từ cuộc thế chiến 1914 - 18 đến nay, là một dự định đòi hỏi 50 năm vật vã — Liên Hiệp Quốc đã có sáng kiến từ 1948 — mới thực hiện được. Căn cứ vào quá trình hình thành và những điều kiện ngoại giao đã lập ra nó, TAHSQT không còn là một điều ước nguyện suông mà là một định chế quốc tế có pháp nhân hẳn hoi, có thẩm quyền truy tố và xét xử thường trực và độc lập. 160 quốc gia thành viên LHQ đã tham dự Hội nghị La Mã cùng với 17 tổ chức liên chính phủ, 14 định chế chuyên biệt của LHQ, 124 tổ chức ngoại chính phủ. Hai phần ba thành viên LHQ đã bỏ phiếu thông qua bản Điều lệ La Mã thiết lập TAHSQT.

Đêm hôm thứ sáu 17-7-98 khi các đại biểu các quốc gia tham dự Hội nghị vỗ tay hoan nghênh cuộc biểu quyết khai sinh ra TAHSQT thì cử tọa ý thức ngay được rằng họ vừa làm một quyết định lịch sử. Thật vậy, từ đầu thế kỷ này, nhân loại đã mong ước có một tòa án chung của loài người, không bị ràng buộc bởi chủ quyền quốc gia mỗi khi muốn xét xử những hành vi chà đạp nhân đạo, gây nguy hại cho đời sống cộng đồng quốc tế. Hội Vạn Quốc đã thảm bại trong cố gắng cho ra đời cơ quan tài phán ấy. Phải đợi đến thập niên 40 mới thấy xuất hiện Tòa án Nuremberg và Toàn án binh Tokyo mà người ta thường coi là những tòa án nhất thời của kẻ thắng trả thù kẻ bại. Thập niên 90 còn góp cho loài người hai tòa án quốc tế với thẩm quyền hạn chế trong phạm vi nước Nam Tư cũ và nước Rwanda. Nhưng với sự ra đời ngày 17-7-98 của Tòa Án Hình Sự Quốc Tế, một bước tiến rất xa đã mang lại cho hậu thế một cơ quan tài phán xứng đáng với tên gọi của nó.

Tòa Án này sẽ làm việc như thế nào? Chẳng hạn xử những tội nào? Ai ngồi ghế chánh án, vân vân.

Từ nay, nhân loại đã có một tòa án hình sự thường trực, độc lập, có quyền trên đại thể xét xử về bốn loại tội danh mà bản Điều lệ đã quy định và liệt kê, xét xử những cá nhân phạm tội — chỉ xử cá nhân mà thôi, không xử "quốc gia" — bất luận mang quốc tịch nào, mắc bốn loại tội ác được coi là đặc biệt nguy hiểm. Đó là tội diệt chủng, tội chống loài người, tội gây chiến tranh và tội xâm lăng.

Tội diệt chủng là tội diệt toàn thể hay một nhóm người mang tính dân tộc, bộ tộc, chủng tộc hay tôn giáo, thể hiện ra bằng các hành động cố sát, xâm phạm sự toàn vẹn thể xác hoặc tinh thần, áp đặt những điều kiện sinh sống vô nhân đạo, áp đặt những biện pháp cưỡng bức sinh đẻ ở trong nhóm, bắt cóc trẻ em.

Tội chống nhân loại hay là những hành vi trong khuôn khổ một cuộc tấn công tri tình, có hệ thống hay có quy mô lớn vào dân chúng như các hành động giết người, hủy diệt tận gốc rễ, tra tấn, lưu đày, hiếp dâm, bắt làm tì thiếp, kỳ thị chủng tộc.

Tội phạm chiến tranh, gồm những tội phạm đặc biệt được chuẩn bị và thực hiện trong khuôn khổ một chương trình hành động hay một chính sách được thực hiện theo quy mô lớn, những tội vi phạm qui ước Genève 1949 hay là các văn bản pháp luật, tục lệ khác về chiến tranh còn đang được luật quốc tế áp dụng. Cũng kể như tội phạm chiến tranh việc sử dụng những vũ khí bị cấm có liệt kê trong qui ước hay việc áp dụng những phương pháp chiến tranh nhằm gây ra những thiệt hại hay những khổ đau không cần thiết.

Bản Điều lệ cũng quy định rằng tất cả những tội phạm kể trên dù xảy ra trong một cuộc nội chiến vẫn có thể bị đưa ra xét xử, trừ trường hợp những vụ nổi loạn hay bạo hành có tính cách lẻ tẻ.

Tội xâm lăng, sẽ được quy định sau (trong vòng bảy năm nữa).

Cũng nên nhấn mạnh rằng quyền truy tố là một chỉ dấu cho thấy một tòa án có độc lập hay không. Về điểm này tuy có một vài giới hạn nhưng tựu trung Biện lý của Tòa Án Hình Sự Quốc Tế có thể tự mình lấy sáng kiến khởi động tố quyền, dĩ nhiên dưới sự kiểm soát của một thứ tòa án tiên thẩm giống như Phòng Luận Tội của các tòa án đại hình.

Tòa án làm việc theo thời biểu như thế nào? Có những định kỳ hay không? Khi nào thì mở phiên tòa?

Có ba trường hợp khởi động tố quyền của TAHSQT:

a/ Có đơn khiếu tố của một quốc gia thành viên,

b/ Có lời yêu cầu của Hội Đồng Bảo An,

c/ Biện lý Tòa Án Hình Sự Quốc Tế tự mình lấy sáng kiến mở cuộc điều tra để xem có truy tố hay không.

Mặt khác, những nguyên tắc cơ bản về việc áp dụng luật hình sự như trách nhiệm hình sự cá nhân, không có trách nhiệm hình sự tập thể, tính không thể bị thời tiêu của các tội phạm, thể thức điều tra và truy tố, thủ tục xét

xử, chế độ các hình phạt tù giam 30 năm hay hơn nữa, tù chung thân nếu tội đặc biệt nặng, thủ tục kháng án v.v... sẽ được Tòa Án Hình Sự Quốc Tế áp dụng.

Thưa Luật sư, TAHSQT xét xử theo luật pháp nào, theo thủ tục nào?

Dĩ nhiên là TAHSQT phải dựa vào bản Điều lệ La Mã mà Hội nghị La Mã đã thông qua ngày 17-7-1998, bản Điều lệ mà nội dung có thể ví như hai bộ luật Hình sự và Tố tụng hình sự hợp nhất. Các yếu tố cấu thành các tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của TAHSQT đã được quy định nơi các điều 6,7 và 8 của bản Điều lệ này.

Tưởng cũng cần nói thêm rằng tuy là một tòa án quốc tế nhưng TAHSQT vẫn tôn trọng những nguyên tắc cơ bản của luật hình sự như "không có luật bắt tội thì không có tội" (nullum crimen sine lege), "không có luật phạt thì không có hình phạt" (nulla poena sine lege), không dùng hiệu lực "hồi tố" để trừng trị những hành vi xảy ra trước khi có luật phạt, phạt theo trách nhiệm hình sự cá nhân, không theo trách nhiệm tập thể v.v...

Tuy nhiên không nên quên rằng TAHSQT không thay hẳn các tòa án hình sự quốc gia. Chỉ khi nào các tòa án quốc gia không tự thụ lý để xét xử hoặc không có luật để xét xử thì TAHSQT mới thụ lý để xét xử, dĩ nhiên trên cơ sở bản Điều lệ của mình.

Người bị TAHSQT xét xử có được quyền bào chữa không?

Có đủ mọi bảo đảm như bất cứ một thường phạm nào. Nếu không có phương tiện mướn luật sư, tư pháp bảo trợ sẽ cung cấp luật sư. Bị cáo được trưng bằng cớ để tự biện hộ. Biện lý có trách nhiệm trưng bằng cớ về tội phạm bị truy tố. Bị cáo có quyền kháng cáo nếu không chấp nhận án sơ thẩm v.v...

Nói chung, người bị xét xử có đủ bảo đảm như đã được nêu lên trong các văn bản quốc tế về nhân quyền.

Bao giờ thì TAHSQT bắt đầu hoạt động?

Phải trù liệu một thời gian chờ đợi tối thiểu để hoàn tất thủ tục ký kết phê chuẩn hay tham gia bản Điều lệ La Mã. Kể từ ngày 17-7-1998 văn bản này được ký thác tại bộ Ngoại Giao nước Ý cho tới ngày 17-10-1998 thì chuyển tới ký thác tại trụ sở LHQ (Văn phòng Tổng thư ký) ở Nữu Ước để các thành viên LHQ ký tên phê chuẩn hay tham gia trước thời hạn chót là ngày 31-12-2000. Tuy nhiên nếu trong thời hạn nói trên mà có đủ 60 chữ ký chính thức phê chuẩn hay tham gia thì bản Điều lệ coi như bắt đầu có hiệu lực pháp lý. Và lúc đó người ta mới tính chuyện thành lập TAHSQT, tuyển chọn thẩm phán (18 người), cơ cấu hóa tổ chức. Bản Điều lệ đã dự liệu rằng sau bảy năm kể từ năm thành lập (1998) sẽ duyệt xét lại bản Điều lệ.

Từ nay tới đó đương nhiên là còn có nhiều trở ngại cần khắc phục để TAHSQT có thể hoạt động một cách bình thường. Một mặt không nên coi nhẹ những trở ngại này nhưng

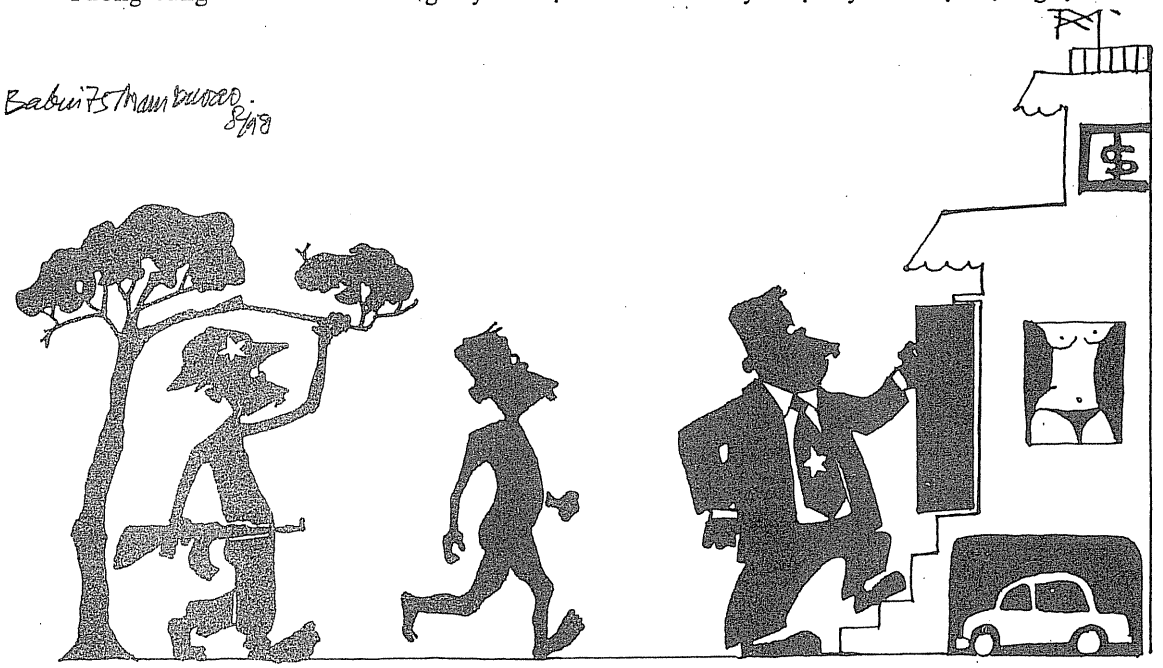

mặt khác cũng không nên đánh giá chúng quá cao. Nhân loại đã bước được một bước lịch sử về luật quốc tế và về nhân quyền, bước đi mà nhân loại đã mất gần cả thế kỷ XX để chờ đợi! TAHSQT là bộ mặt mới của công lý loài người ở thế kỷ XXI.

Thưa Luật sư, ông đã theo dõi tiến trình hình thành TAHSQT này từ lâu. Theo ông thì việc hình thành Tòa Án cũng như các vấn đề điều hành công việc Tòa Án nay mai có những trở ngại nào đáng kể?

Trong cuộc bỏ phiếu đêm 17-7-1998 có 120 thành viên LHQ bỏ phiếu thuận, bảy thành viên (trong đó có hai thành viên Hội Đồng Bảo An là Mỹ và Trung Quốc) bỏ phiếu chống, 20 thành viên bỏ phiếu trắng. Số còn lại, 13 thành viên, không tham dự cuộc bỏ phiếu.

Người ta nhận định rằng sự chống đối, không ngờ, của Mỹ sẽ có cơ khiến cho TAHSQT bị vô hiệu hóa. Đó là điều đáng tiếc nhưng không phải là một trở ngại chí tử cho TAHSQT. Trước hết, thái độ của Mỹ không hẳn là sẽ không thể thay đổi trong tương lai. Vả lại trong Hội nghị La Mã thành lập TAHSQT sự đóng góp của Mỹ rất tích cực. Mỹ đã bỏ phiếu chống vì có một số điều kiện của Mỹ không được thỏa mãn. Mỹ muốn TAHSQT bị ràng buộc nhiều hơn với Hội Đồng Bảo An. Cũng là điều dễ hiểu. Mỹ là một đại cường quốc, có một địa vị quốc tế rất đặc biệt nên không muốn cho quyền tài phán của mình bị giảm thiểu tới mức tối đa. Nhưng không vì vậy mà Mỹ có thể chống lại công lý của cả nhân loại. Vả lại Mỹ chưa bao giờ xử sự như vậy. Sau đệ nhị thế chiến, Mỹ là tác nhân chính làm cho hai tòa án Nuremberg và Tokyo ra đời. Còn Trung Quốc, tuy vì lý do nội chính, phải bỏ phiếu chống nhưng xưa nay Trung Quốc vốn chống các quy phạm của luật quốc tế theo quan điểm phương Tây. Sự chống đối của Trung Quốc thật ra cũng không ngăn cản được luật quốc tế này phát triển.

Xin được hỏi câu cuối cùng: Người Việt Nam muốn biết liệu TAHSQT có thể truy tố nhà cầm quyền Cộng sản Việt Nam về những tội ác diệt chủng, vi phạm nhân quyền có hệ thống của chính quyền này hay không?

Những nạn nhân của cộng sản Việt Nam rất mong muốn thấy công lý của loài người văn minh thực sự được thể hiện qua việc xét xử công bằng cộng sản Việt Nam. Trước mắt, họ sẽ thất vọng vì nhiều lẽ. Đầu tiên, TAHSQT chưa thành hình. Thứ đến, tòa án này không có thẩm quyền hồi tố. Những việc gì xảy ra trước khi bản Điều Lệ La Mã được biểu quyết đều không thể đưa ra xét xử trước TAHSQT tuy rằng theo bản Điều Lệ này thì quả thật cộng sản Việt Nam có phạm những tội diệt chủng, tội chống nhân loại, tội phạm chiến tranh v.v... Ngoài ra, TAHSQT không xét xử quốc gia mà chỉ xét xử cá nhân. Tố quyền của TAHSQT phải coi như đã tiêu diệt nếu thủ phạm đã chết. Chúng ta đều biết phần lớn những thủ phạm cộng sản Việt Nam đều đã qua đời. Vậy sẽ không còn có vấn đề trừng trị được đặt ra với những thủ phạm này.

Nhưng còn có vấn đề "phòng ngừa" bốn loại tội ác dự liệu trong bản Điều Lệ của TAHSQT. Trong tương lai, giả dụ cộng sản Việt Nam lại trở về áp đặt "chuyên chính vô sản" theo mô thức Stalin hay Mao Trạch Đông, tái diễn các thủ đoạn tẩy não, đấu tố, giết người tập thể, trại tập trung v.v... thì các nạn nhân có thể tìm cách khởi động tố quyền của TAHSQT. Dĩ nhiên không dễ dàng gì nhưng không phải là họ sẽ phải bó tay bất lực như hiện nay.

Nói tóm lại, vẫn biết rằng sẽ còn có những điều chỉnh về quy chế Tòa Án HÌnh Sự Quốc Tế, sẽ còn phải chờ đợi một thời gian không dưới ba bốn năm kể từ khi bản Điều Lệ được thông qua cho đến khi Tòa án này hoạt động bình thường. Nhưng ngay từ bây giờ, tác dụng phòng ngừa của Tòa Án này đã có thể bắt đầu có hiệu lực. Trong tương lai sẽ không thể để cho những cuộc tàn sát tập thể, những cuộc đọa đầy tập thể ngang nhiên tái diễn, như đã từng xảy ra dưới thời quốc xã, phát xít hay hơn 70 năm cầm quyền của phe xã hội chủ nghĩa, trên thế giới cũng như ở Việt Nam.

Những nạn nhân hàng trăm triệu bị đàn áp nay đã có vũ khí để tự vệ, đó là TAHSQT. Những kẻ cầm quyền không thể tiếp tục áp đặt quyền hành chuyên chế dã man của họ mà không lo sợ phải đền tội. Tòa Án Hình Sự Quốc Tế ra đời sau một thời gian thai nghén gần một thế kỷ là một lời cảnh cáo nghiêm khắc để cho mấy chính quyền chuyên chế còn sót lại của nhân loại ở cuối thế kỷ này ý thức được rằng nếu cứ ngoan cố đi theo con đường cũ, chắc chắn sẽ có ngày phải ra trả lời trước công lý nhân loại về những tội ác không thể dung tha được của họ.

Xin cám ơn luật sư Trần Thanh Hiệp.●

NHÂN QUYỀN TRONG LUẬT HỒNG ĐỨC: NIỀM TỰ HÀO DÂN TỘC

HOÀNG XUÂN HÀO*

Năm 1483 vua Lê Thánh Tông cùng với một số quan đại thần biên soạn bộ THIÊN NAM DƯ HẠ gồm 100 quyển viết về việc chính là Hình Luật. Bộ luật được đặt tên là QUỐC TRIỀU HÌNH LUẬT và thường được gọi là LUẬT HỒNG ĐỨC, gồm 722 điều khoản liên hệ tới nhiều lãnh vực luật pháp. (1) 504 năm sau, lần đầu tiên thế giới được giới thiệu một cách chính xác sự đóng góp của nó trong lãnh vực Dân Luật vào truyền thống luật pháp Đông Á nhờ cuốn LÊ Code: Law in Traditional Vietnam , do ba giáo sư Tạ Văn Tài, Nguyễn Ngọc Huy và Trần Văn Liêm biên soạn và được Ohio University Press xuất bản năm 1987. (2) Nhưng điều làm cho người Việt hãnh diện là tác phẩm kế tiếp của giáo sư Tạ Văn Tài, The Vietnamese Tradition of Human Rights do đại học University of California Berkeley xuất bản năm 1988, đã đánh tan ngộ nhận của trí thức Tây phương (3) và ngụy thuyết của các nhà độc tài Á Châu (4) cho rằng Á Châu không có truyền thống nhân quyền. Thật vậy, trước năm 1988, nhiều học giả Tây phương cho rằng nhân quyền ghi trong hiến pháp của các nước trong bốn thập kỷ vừa qua và luật pháp nhân quyền quốc tế đều bắt nguồn từ truyền thống Âu Mỹ với Luật Dân Quyền Anh Quốc 1689, Tuyên Ngôn Nhân Quyền và Dân Quyền Pháp Quốc 1789, và Luật Dân Quyền Hoa Kỳ 1791. Trái lại, sự phân tích đối chiếu các điều khoản của Luật Hồng Đức với những tiêu chuẩn nhân quyền quốc tế của Liên Hiệp Quốc đã khiến các học giả Tây phương ngạc nhiên và thán phục tinh thần tôn trọng nhân quyền của Luật Hồng Đức đã có trước Tây phương. Học giả Mỹ Robert Foster nhận định rằng công trình sưu tầm của giáo sư Tạ Văn Tài đã nhắc nhở giới học giả Âu Mỹ rằng những tiêu chuẩn về nhân quyền không phải là sáng tác độc quyền của thế giới Tây phương. (5) Như vậy Luật Hồng Đức thật xứng đáng là niềm tự hào của dân tộc Việt Nam trên cả hai bình diện quốc tế và quốc gia. Trên bình diện quốc tế, phân tích đối chiếu các điều khoản của Luật Hồng Đức với các tiêu chuẩn nhân quyền quốc tế được quy định trong Hiến Chương Liên Hiệp Quốc (điều 1 và điều 56), bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền và bảy công ước quốc tế về nhân quyền (6), ta thấy những quy định của Luật Hồng Đức rất gần gũi với những tiêu chuẩn nhân quyền quốc tế ngày nay trong cả bốn lãnh vực : quyền toàn vẹn thân thể, quyền bình đẳng, các quyền dân sự và chánh trị, và các quyền kinh tế, xã hội, và văn hóa. Trên bình diện quốc gia, những quy định của Luật Hồng Đức về các quyền bình đẳng và các quyền kinh tế, xã hội, và văn hóa là nét son nổi bật nhất vì hai lý do . Về mặt nhân bản và nhân đạo, những quy định ấy tiến bộ hơn và bỏ xa luật pháp của các nước Đông Á và Tây phương ít ra là bốn thế kỷ. Về mặt độc lập quốc gia, những quy định ấy chứng tỏ Đại Việt có bản sắc dân tộc độc đáo riêng, chứ không phải là cái bóng văn hóa và luật pháp của Trung Hoa. Hai lý do ấy thôi thúc tôi chỉ trình bày các quyền bình đẳng và các quyền kinh tế, xã hội, và văn hóa trong Luật Hồng Đức đối chiếu với các tiêu chuẩn nhân quyền quốc tế để chúng ta cùng nhau phủi bụi thời gian hơn 500 năm trên nét son nhân quyền Luật Hồng Đức và vinh danh Luật Hồng Đức như bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền và Luật Nhân Quyền đầu tiên của Việt Nam, vinh danh vua

Lê Thánh Tông là Thánh Tổ nền Luật Học Việt Nam, là chiến sĩ tiên phong của phong trào nhân quyền quốc tế. Từ đó chúng ta cùng nhau suy gẫm rút ra những bài học thiết thực. Như vậy bài nói chuyện gồm 2 phần: I. Quyền bình đẳng ; II. Những quyền kinh tế , xã hội, và văn hóa.

I - Quyền bình đẳng

Quyền bình đẳng trong Luật Hồng Đức tương đương với những tiêu chuẩn nhân quyền quốc tế và gồm có bình quyền dân sự giữa vợ và chồng, và bình đẳng chủng tộc.

I. Bình quyền dân sự giữa vợ và chồng: Luật Hồng Đức đã hơn hẳn và bỏ xa mọi nền luật pháp khác trên thế giới ít ra là bốn thế kỷ ở chỗ nó đã quy định bình quyền dân sự giữa vợ và chồng về cả hai mặt nhân thân và tài sản.

1. Về nhân thân, Luật Hồng Đức định rằng nếu người chồng chểnh mảng hay bỏ bê vợ mình vì si mê một người đàn bà khác thì bị trừng phạt nếu vợ y cáo giác trước cửa quan.

Thậm chí người vợ có thể kiện xin ly dị nếu sự chểnh mảng của chồng vì bất cứ lý do gì kéo dài tới năm tháng hay một năm nếu có con.

Người vợ chỉ không kiện được nếu người chồng ở xa nhà vì thừa hành công vụ. Những lý do ly dị này không có trong luật Trung Hoa ,luật Gia Long và các nước Đông Á khác. Luật Hồng Đức còn tiến bộ hơn luật Tây phương ít ra là bốn thế kỷ ở chỗ đã dành cho đàn bà quyền tham gia công vụ (làm quan) và dự liệu rằng "nữ quan" được ưu đãi trong thủ tục thiết triều.

2. Về tài sản: Khác hẳn luật Trung Hoa và luật Gia Long , Luật Hồng Đức cho con gái hưởng thừa kế ngang hàng với con trai. Quan trọng hơn nữa, Luật Hồng Đức cho vợ chồng hoàn toàn bình đẳng về hôn sản bằng cách quy định rằng khi một người phối ngẫu chết thì người phối ngẫu còn sống bất luận là vợ hay chồng có quyền thu hồi đầy đủ quyền sở hữu về toàn bộ bất động sản phát xuất từ gia đình bố mẹ mình, về phần nửa bất động sản do hai vợ chồng tạo mãi trong thời kỳ giá thú, và về phần nửa động sản còn lại sau khi đã trả lãi những món nợ. Ngoài ra, người vợ còn có quyền ứng dụng thu lợi trên phần di sản của chồng đã qua đời.

Lúc hai người còn sống, vợ và chồng đều bình quyền trong việc quản trị tài sản. Vì vậy trong mọi giấy tờ chuyển nhượng thường có câu: "mỗ cùng với vợ mỗ..." và phía dưới là phần chữ ký hay điểm chỉ của cả hai vợ chồng.

Vì có quyền tư hữu tài sản ngang hàng với chồng nên người đàn bà dưới thời Hậu Lê giữ vai trò kinh tế quan trọng trong xã hội. Luật Hồng Đức tiến bộ hơn luật Âu Châu và Hoa Kỳ ít ra là trên 400 năm. Tại Mỹ, mãi tới năm 1890 nhiều tiểu bang mới sửa đổi và một số tiểu bang vẫn còn áp dụng học lý Femme Couverte của Thông luật, theo đó người vợ là vật sở hữu của chồng và không có quyền pháp lý đối với lợi tức do chính bà ta kiếm ra cũng như đối với con cái và tài sản của bà ta trừ khi hai vợ chồng ký hôn khế trước đặt tài sản của họ dưới chế độ giám hộ (trust). (7) Vì bình quyền dân sự giữa vợ và chồng là truyền thống dân tộc Việt Nam nên đã được người Việt thế kỷ 19 và 20 tuân thủ. Các bộ luật gia đình và bộ Dân Luật của Việt Nam Cộng Hòa đều giữ truyền thống này. (8)

II. Quyền bình đẳng chủng tộc: Luật Hồng Đức đã quy định tương xứng với điều Năm Công Ước Quốc Tế về việc Loại Bỏ Mọi Hình Thức Phân Biệt Chủng Tộc bằng ba biện pháp:

1. Tại tòa án, sắc dân thiểu số được xét xử theo tục lệ của họ nếu vụ kiện chỉ liên hệ tới những người trong cùng một sắc tộc. Luật quốc gia chỉ được áp dụng nếu các bên đi kiện thuộc những sắc tộc khác nhau. Quy tắc giải quyết phân tranh pháp luật này quả là hiện đại vì nó đã dành cho mọi sắc tộc thiểu số sự bảo vệ đồng đều trước pháp luật.

Sắc dân thiểu số còn được đảm bảo mọi thủ tục hình sự và được cung cấp thông dịch viên trước tòa.

2. Luật Hồng Đức còn cho phép sắc tộc thiểu số được quyền tự trị hành chánh bằng cách đặt ra các châu (ngang cấp huyện của người Kinh) do chính người sắc tộc giữ chức Tri châu (ngang cấp Tri huyện của người Kinh) cai trị, và các phụ đạo cai trị các thôn là những Tù trưởng cha truyền con nối.

3. Luật Hồng Đức cũng đảm bảo các quyền kinh tế và văn hóa của các sắc tộc bằng cách cho họ tự do canh tác không hạn chế diện tích các vùng đất hoang (điều 348), trừng phạt quân và quan triều đình nào xách nhiễu hay cướp bóc người sắc tộc (điều 72) .

Quan hay quân phạm pháp còn phải bồi thường cho nạn nhân.

Việc quy định hai loại quyền bình đẳng nêu

trên chứng tỏ hồi thế kỷ 15 nước ta về mặt luật pháp đã văn minh hơn Tây phương vì mãi tới thế kỷ 18 ở Âu Châu và thế kỷ 20 ở Mỹ địa vị pháp lý của người đàn bà vẫn còn thấp trong cả gia đình lẫn ngoài xã hội. Cao trào phụ nữ (Feminism) chỉ thực sự lên cao tại Mỹ vào thập niên 1960 và thu thành quả tích cực vào những năm 1990. (9) Mãi đến năm 1965, với đạo luật Quyền Bầu Cử, tất cả mọi người da đen tại Mỹ mới được bình đẳng đầy đủ về chính trị; (10) trước đó năm thế kỷ Luật Hồng Đức đã dành cho sắc tộc thiểu số quyền bình đẳng rồi. Luật Hồng Đức còn đi xa nhiều hơn nữa trong các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.

II - Các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa

Vua Lê Thánh Tông đã lập được thành tích ngoạn mục hơn cả các nước dân chủ ngày nay về việc đảm bảo các quyền kinh tế, xã hội, và văn hóa cho người dân. Thật vậy, hiện nay các nước hội viên Liên Hiệp Quốc không bị bó buộc phải thực thi những quyền ấy ở một mức độ định trước vì việc thực hiện bị giới hạn bởi mức khả dụng của tài nguyên quốc gia. Ngược lại, vua Lê Thánh Tông không những đã đặt việc thực thi các quyền này thành mục tiêu hàng đầu mà còn coi những quyền ấy là thực sự mà nhà nước có nghĩa vụ phải đảm bảo cho những người thụ hưởng luật định bằng cách trừng phạt quan chức nào không thi hành.

I. Các quyền kinh tế: Luật Hồng Đức đảm bảo cho người dân bốn thứ quyền kinh tế ghi nơi điều 25 bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền của Liên Hiệp Quốc.

* Ai nói dối dùm cho anh sẽ nói dối với anh.

— Tục ngữ Bosnian

* Lắm lúc, chính công lý mới là thứ làm ta đau hơn là sự bất công.

— Mencoel

* Nếu tôi biết tôi là hạng người như thế nào thì có lẽ tôi đã chạy trốn từ lâu!

— Goethe

* Đau khổ, chính là sự sống.

— Charles Lamb

1. Quyền an sinh xã hội (social security): Luật Hồng Đức buộc nhà nước cung cấp lương thực, nơi ở và thuốc men cho người bệnh tật, nghèo khó hay tật nguyền, cô nhi, quả phụ không nơi nương tựa. Luật trừng phạt quan chức không thi hành nghĩa vụ này.

2. Quyền được săn sóc sức khoẻ (medical care) : Luật Hồng Đức quy định ba biện pháp đảm bảo quyền này. a) Quân sĩ bệnh được săn sóc y tế; viên chỉ huy không thi hành điều này sẽ bị trừng phạt. b) Nhà nước cung cấp dịch vụ y tế cho dân đinh đi sưu dịch và tội nhân bị giam cầm. c) Quan chức địa phương có bổn phận cung cấp thuốc và săn sóc những người cô đơn không nơi nương tựa bị đau yếu.

3. Quyền không bị bỏ đói (freedom from hunger) : Vua Lê Thánh Tông đã làm những việc mà 500 năm sau Liên Hiệp Quốc mới đề ra để đảm bảo quyền người dân không bị bỏ đói: cải thiện phương pháp sản xuất và phân phối thực phẩm. Ngài đảm bảo cho dân không bị bỏ đói bằng các công trình thủy lợi, khuyến nông, phát triển trồng trọt, chăn nuôi, khẩn hoang, mở đồn điền, và đảm bảo sự công bằng trong việc quân cấp công điền. Luật Hồng Đức còn khuyến khích phát triển quyền tư hữu ruộng đất bằng cách công nhận về pháp lý quyền này cho những người đã chiếm cứ lâu năm những đất hoang hóa và chưa ghi sổ bộ.

Vua Lê Thánh Tông còn cứu đói bằng cách đặt cho nhà nước bổn phận phân phối thực phẩm cùng với những biện pháp khác để cứu trợ những người bị mất mùa do thiên tai hay loạn lạc, miễn thuế nông nghiệp, bắt điền chủ giảm tô theo tỷ lệ thất thu của tá điền, ổn định giá thóc bằng cách bán thóc nhà nước với giá hạ cho những người đói (gọi là bình chuẩn thương, xã thương), và lập kho thóc cứu trợ (gọi là nghĩa thương).

4. Quyền tư hữu: Luật Hồng Đức đảm bảo quyền tư hữu tương xứng với điều 17 Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền quy định "Không có ai có thể bị tước đoạt quyền tư hữu một cách độc đoán, "bằng ba biện pháp chính: a) Luật pháp nhìn nhận và đảm bảo quyền thủ đắc và thừa kế tài sản; việc quốc hữu hóa tư sản phải được bồi thường thỏa đáng. b) Quan chức xâm phạm tư sản bị trừng phạt tới tội lưu hay tội tử. Độc đáo hơn luật Tàu và các nước Đông Á khác, chỉ có Luật Hồng Đức bắt buộc quan chức phạm tội không những phải trả lại tài sản cho nạn nhân mà còn phải bồi

thường thiệt hại có tính cách trừng phạt (punitive damages) nữa. c) Quan chức nào ra lệnh tịch thu trái phép tài sản tư nhân sẽ bị nghiêm trị. Quan trọng hơn nữa, một phần tối thiểu tài sản cần thiết cho sự sinh sống không thể bị tịch thu. Điều này tương đương với nguyên tắc "Phần tài sản bảo lưu bất khả tịch thu" (non-confiscable reserve portion of property) của luật pháp hiện đại. Ngoài ra, Luật Hồng Đức cũng dự liệu ngoại lệ cho phép tịch thu tài sản của tội nhân bị tội lưu hay tử và không thể sử dụng tài sản của mình được nữa.

II. Các quyền xã hội và văn hóa: Theo tiêu chuẩn nhân quyền Liên Hiệp Quốc các quyền này gồm hai loại: quyền gia đình và quyền tự do giáo dục đều được Luật Hồng Đức đảm bảo.

1. Quyền gia đình: Luật Hồng Đức đảm bảo ba quyền chính: a) Quyền thuận tình kết hôn và lập một gia đình. Luật Hồng Đức đảm bảo quyền thuận tình kết hôn bằng cách trừng trị việc cưỡng bách hôn nhân. Quan chức dùng quyền thế kết hôn với phụ nữ trong quản hạt cai trị sẽ bị trừng phạt, và giá thú trở nên vô hiệu. Quả phụ thủ tiết thờ chồng không thể bị thân nhân ngoài cha mẹ ép buộc tái giá. Những vụ ép buộc cưới gả chỉ là biệt lệ do hệ quả của luân lý Khổng Giáo. Sự cấm đoán hôn nhân chỉ áp dụng cho trường hợp loạn luân, xâm phạm trật tự xã hội và an ninh quốc gia.

Phát huy truyền thống dân tộc coi gia đình là đơn vị căn bản của xã hội, Luật Hồng Đức đảm bảo quyền lập một gia đình và đề cao sự đoàn kết gia đình đến độ cho phép những người trong gia đình che dấu lẫn cho nhau khi phạm pháp. Đạo hiếu là nghĩa vụ luật định với chế tài hình sự: bổn phận làm con phải phụng dưỡng cha mẹ lúc sống, thờ cúng sau khi chết, và có con nối dõi tông đường. Thậm chí kẻ phạm tội lưu hay tử nếu là con một có thể ở nhà phụng dưỡng cha mẹ. b) Quyền bình đẳng dân sự giữa vợ chồng trong thời kỳ giá thú và khi giá thú giải tiêu đã phân tích ở đoạn trên. c) Quyền bà mẹ và trẻ em được săn sóc và bảo hộ đặc biệt bằng những biện pháp sau đây. Thứ nhất, việc trừng phạt nữ phạm nhân đang mang thai được đình hoãn cho tới 100 ngày sau khi sinh đẻ. Thứ nhì, việc bảo hộ trẻ em được đảm bảo bằng cách trừng phạt tội hiếp dâm trẻ vị thành niên, tội không trình nhà chức trách trẻ lạc, mà lại đem dấu và bán nó đi, và tội thân nhân đem bán tài sản của trẻ vị thành niên.

2. Quyền tự do giáo dục: Luật Hồng Đức quy định gần tương đương với những tiêu chuẩn nhân quyền quốc tế về ba loại đảm bảo quyền tự do giáo dục:

a) Quyền hưởng cơ hội đồng đều về giáo dục: Trừ vài biệt lệ, mọi người không phân biệt tuổi tác, giới tính, nguồn gốc hay địa vị đều được tự do theo đuổi học vấn và đi thi để rồi được tuyển dụng làm quan. Một mạng lưới giáo dục công lập miễn phí được thiết lập từ trung ương tới địa phương. Ở cấp quốc gia có Quốc Tử Giám hay Quốc Học Viện (national college) liên kết với Văn Miếu và Hàn Lâm Viện tại kinh đô. Trường công lập ở cấp tỉnh do quan Đốc học, ở cấp thành do quan Giáo thụ, và ở cấp huyện do quan Huấn đạo điều khiển.

b) Quyền tự do mở trường dạy học: Tư nhân có quyền tự do mở trường dạy học. Một mạng lưới tư thục được thiết lập từ thành thị tới thôn quê bởi các thày đồ vốn là nhà nho hỏng thi, hay quan lại bị bãi chức hay về hưu. Trường tư được tự do cạnh tranh với trường công và độc lập với chính quyền về mọi mặt.

c) Quyền tự do chọn trường học và chọn thày dạy học được đảm bảo một cách rộng rãi vì phụ huynh có thể mời thày về nhà dạy con mình đi thi đến học vị tiến sĩ.

d) Tuy nhiên, quyền tự do giáo dục cũng bị hạn chế xét theo tiêu chuẩn nhân quyền ngày nay ở vài điểm. Hai loại người không được tiến thân theo đường khoa bảng mặc dầu quyền đi học của họ vẫn được tôn trọng: con ca và kịch sĩ mà người xưa gọi là phường tuồng con hát và con của kẻ phạm trọng tội không được đi thi. Ngoài ra, nguyên tắc "Tính trung lập ý thức hệ và thế tục" của nền giáo dục công lập trong chế độ dân chủ ngày nay không được Luật Hồng Đức nhìn nhận vì Khổng Giáo là ý thức hệ chính thức.

Kết luận

Các quyền bình đẳng và các quyền kinh tế, xã hội, và văn hóa vừa phân tích tuy chỉ là hai trong bốn lãnh vực nhân quyền do Luật Hồng Đức quy định cũng đủ cho ta lý do để tự hào với thế giới về truyền thống nhân quyền Việt Nam mà vua Lê Thánh Tông đã kế thừa và phát huy cao độ. Chúng ta tự hào vì các quyền bình đẳng giữa vợ chồng, và giữa các chủng tộc là tinh thần dân chủ mà nhân loại đã cố công thực hiện hàng ngàn năm nay nhưng tới

nay vẫn chưa hoàn thành. Chúng ta tự hào vì các quyền kinh tế, xã hội, và văn hóa trong Luật Hồng Đức thể hiện lý tưởng công bằng xã hội và quốc gia an lạc mà các nước dân chủ gắng công theo đuổi ròng rã hơn ba thế kỷ nay nhưng cho tới nay vẫn chưa thành tựu. Chúng ta tự hào vì một số nhân quyền chỉ tìm thấy trong Luật Hồng Đức , chứ không hề có trong luật Trung Hoa và các nước Đông Á khác hay các nước Tây phương. Chúng ta tự hào vì Luật Hồng Đức chứng minh cho thế giới rằng quốc gia Đại Việt thế kỷ 15 có nền văn minh và văn hóa cao.

Niềm tự hào chính đáng ấy dục chúng ta vinh danh Luật Hồng Đức là Tuyên Ngôn Nhân Quyền và luật Nhân Quyền đầu tiên của Việt Nam, tôn vinh vua Lê Thánh Tông là Thánh Tổ nền Luật Học Việt Nam và chiến sĩ tiên phong của phong trào nhân quyền thế giới. Do đó, chúng ta có thể đòi hỏi nhà cầm quyền Việt Nam đề nghị Tổ Chức Giáo Dục, Khoa Học, và Văn Hóa Liên Hiệp Quốc kỷ niệm 515 năm ngày ban hành Tuyên Ngôn Nhân Quyền Việt Nam đầu tiên là Luật Hồng Đức vào năm 1998.

Việc tôn vinh ấy chỉ có ý nghĩa nếu chúng ta rút ra từ tư tưởng nhân quyền tiến bộ của Luật Hồng Đức và tầm vóc vĩ đại của vua Lê Thánh Tông được bốn bài học lớn: Bài học Một về tinh thần thượng tôn luật pháp của vua Lê Thánh Tông. Mặc dầu Ngài vừa là nhà lập pháp tối cao, nhà hành pháp tối cao và Chánh án Tối Cao Pháp Viện, Ngài đã hành xử những quyền ấy trong niềm say mê công lý và tuyệt đối tôn trọng luật lệ do chính Ngài làm ra. Mê say công lý, Ngài đã phá án Thị Lộ và phục hồi danh dự cho đại công thần Nguyễn Trãi. Tuyệt đối thượng tôn luật pháp, Ngài thường nhắc nhở quần thần "Pháp luật là phép tắc chung của nhà nước, ta và các ngươi phải cùng nhau tuân theo." (11) Tinh thần thượng tôn luật pháp đó là truyền thống do tiên đế Lê Thái Tổ truyền lại qua câu giáo huấn "Từ thuở xa xưa, muốn cai quản quốc gia phải có luật pháp. Không có luật pháp thì nhà nước sẽ loạn." (12)

Bài học Hai về xây dựng nền móng tinh thần cho dân tộc và tài trị quốc. Ngài làm Luật Hồng Đức dựa trên nền móng tinh thần do chính Ngài thiết chế gồm có bốn cột trụ: tinh hoa Khổng Giáo với cốt lõi nhân bản và tâm linh, tư tưởng Việt Nho do sĩ phu Đại Việt sáng tạo (13), đức từ bi vô úy của Phật Giáo, và truyền thống dân tộc quý trọng phụ nữ và lòng thương dân như con ruột của người lãnh đạo. Trên nền móng tinh thần ấy, Ngài đã áp dụng một sách lược trị quốc kết hợp nhuần nhuyễn pháp trị, nhân trị, và kỹ trị (technocracy) qua giới sĩ phu.

Bài học Ba về những yếu tố thành công của người lãnh đạo quốc gia. Trị quốc theo Luật Hồng Đức, Ngài đã mở ra cho dân tộc một thời kỳ rực rỡ về mọi mặt pháp luật, văn hóa, chính trị, kinh tế, xã hội, ngoại giao, và quân sự. Ngài thành công vì Ngài hiểu rộng, nhìn xa, thực tâm yêu nước thương dân, tuyệt đối thượng tôn luật pháp, nỗ lực đào tạo và trọng dụng nhân tài, và giới sĩ phu đã cộng tác chặt chẽ với Ngài.

Bài học Bốn và sau chót là đấu tranh cho nhân quyền. Lịch sử nhân quyền Việt Nam từ thời Luật Hồng Đức đến nay dạy chúng ta hai điều. Thứ nhất, việc đấu tranh cho nhân quyền là công tác lâu dài với những bước thăng trầm đòi hỏi quyết tâm, dũng cảm, kiên trì, và tình thương. Thứ hai, việc đấu tranh cho nhân quyền của dân ta dù ở bất cứ chế độ nào cũng phải dựa vào bằng cớ cụ thể và hai luận cứ vô tư và xác đáng nhất: lên án những vi phạm luật pháp và những chà đạp truyền thống nhân quyền của dân tộc ta khiến kẻ vi phạm hết đường chối cãi.

Trong chiều hướng ấy, Luật Hồng Đức là niềm tự hào dân tộc, là cẩm nang của chiến sĩ nhân quyền Việt Nam, và là tiếng chuông ngân vang muôn đời cảnh tỉnh những kẻ xâm phạm quyền con người.●

* Ông Hoàng Xuân Hào, Tiến sĩ Luật khoa, Giáo sư Học viện Quốc Gia Hành Chánh, Thượng Nghị Sĩ, thời Đệ nhị Cộng Hòa. Bài này đã được tác giả thuyết trình trong ngày giỗ vua Lê Thái Tổ do Lê Tộc Hải ngoại tổ chức tại San Diego, California, ngày 21-9-1997, và đã được đăng trong nội san Lê Hoa, mùa Xuân 1998.

ĐỌC VÀ GIỚI THIỆU
TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21

Chú thích

1. Đại Việt Sử Ký Toàn Thư Tập II, trang 488. Nhà Xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1993. Cũng xem Việt Nam Sử Lược, Trần Trọng Kim, quyển I, trang 261. Trung Tâm Học Liệu Saigon 1971.

2. Luật Hồng Đức lần đầu tiên được giới thiệu một cách chính xác bởi vì trước năm 1987 đã có một bản dịch và chú giải duy nhất bằng Pháp ngữ của De Loustal với tựa đề *Justice Dans l'Ancien Annam, Traduction et Commentaire du Code des Lê* do trường Viễn Đông Bác Cổ xuất bản tại Hà Nội vào năm 1908, nhưng sách này có một số sai lầm. Xem *Vietnam's Code of Lê Dynasty,* Tạ Văn Tài, reprinted from The American Journal of Comparative Law, vol. Xxx/ summer 1982, No.3. Massachusetts: Harvard Law School, 1982.

3. Xem: a) Duchacek, Ivo. *Rights and Liberties in The World Today.* Santa Barbara, 1973. b) Henkins, Loui. "*Constitutional Rights and Human Rights.*" Harvard Civil Rights - Civil Liberties Law Review, Vol. 13, No.3.p. 596. Summer 1978.

4. Xem: a) Zakaria , Farled. "*Culture Is Destiny: A Conversation With Lê Kuan Yew.*" Foreign Affairs, vol. 73 No.2 (109-126). March/April 1994. b) Trần Quang Cơ "*Rights and Values*" Far Eastern Economic Review, August 4, 1994. P.17. Cũng xem quan điểm phản bác : (1) Kim Dac Jung "*A reponse to Lê Kuan Yew: Is Culture Destiny. The Myth of Asia's Anti-Democratic Values.*" Foreign Affairs, vol. 73 No.6 (189-194), November/December 1994. (2) Lâm Lễ Trinh viết ba bài : (a) "*Đọc và nghĩ về Culture Is Destiny của Lý Quang Diệu trong Foreign Affairs. Dân Chủ Mới là Định Mệnh,*" (b) "*Culture and Democratization*" và (c) "*Việt Culture Adrift*". (3) Vương Hữu Bột "*Nhận Định: Ông Trần Quang Cơ viết những luận cứ sai lầm,*" Thế Kỷ 21 tháng 10, 1994, trang 10-13. (4) Đoàn Viết Hoạt "*Nhân Quyền Nhìn Từ Quan Điểm Nhân Bản và Xã Hội." Viết lén trong nhà tù nhân "Ngày Quốc Tế Nhân Quyền 1993" và gửi "chui" ra ngoài. (5) Los Angeles Times, Thursday, June 8, 1993, Special World Report on Human Rights, "Declaration of Bangkok*" p. H4.

5. Ít ra đã có chín giáo sư Đại học Canada và Mỹ và hai tạp chí Việt Nam ca ngợi truyền thống nhân quyền Việt Nam qua sự phân tích của g.s. Tạ Văn Tài: (1) L.C. Green thuộc University of Alberta, Canada. Xem Pacific Affairs (1990) Book Reviews, p. 412. (2) Alexander Woodside, Professor of History, University of British Columbia. (3) Dr. John Whitmore, University of Michigan. (4) Oliver Oldman, teamed Hand Professor of Law, Director, East Asian Legal Studies, Harvard Law School. (5) Robert Scalapino, Director, Institute of East Asian Studies, University of California, Berkeley. (6) Florence Trefethen, Executive Director, Council of East Asian Studies Publications, Harvard University. (7) Tang Thanh Trai Le , Professor, Notre Dame Law School. (8) Robert Foster. Book Reviews , Harvard Human Rights Journal vol. 3. p. 270 (June 1990). (9) John A. Martin , Research and Evaluation Division, City of Boulder Colorado. (10) Tạp chí Thế Kỷ 21, tháng 9/1990, trang 86. (11) Tạp chí Văn Học.

6. Bảy công ước về nhân quyền: 1) International Covenant on Civil and Political Rights, 2) International Covenant on Economic , Social and Cultural Rights, 3) Convention on the Prevention and Punishment of the Crime of Genocide, 4) International Convention on the Elimination of All Forms of Racial Discrimination, 5) International Convention on the Elimination of Discrimination Against Women, 6) Convention on the Rights of the Child, và 7) International Convention of the Suppresion and Punishment of the Crime of Apartheid.

7. Lois W. Banner. *Women in Modern America: A Brief History* . p.9. San Diego: Harcourt Brace Jovanovich Inc. 1984.

8. Tạ Văn Tài. Sách đã dẫn, trang 553. Cũng xem Ginsburgs. "*The Role of Law in the Emancipation of Women in the Democratic Republic of Việt Nam*" 23 Amer.J.Comp.L.613 (1975).

9. Patricia Aburdene & John Naisbitt. *Megatrends for Women,* pp. xv-xxiv. New York: Villard Books,1992.

10. J. Owens Smith,Mitchell F. Rice, and Woodrow Jones Jr. *Blacks and American Government: Politics, Policy and Social Change,* p. 59. Second Edition. Iowa: Kendall/Hunt Publishing Company, 1991.

11. Ban Văn Hóa Văn Nghệ Trung Ương . Sách đã dẫn, trang 174.

12. Nguyễn Thanh Giang "*Nhân Quyền Khát Vọng Ngàn Đời,*" tạp chí Khai Thác Thị Trường, 27th Issue, July/August/Sept. 1977, trang 25. Toronto, Canada: Viet Business Publications 1977.

13. Kim Định. *Cửa Khổng: Nho Giáo Nguyên Thủy và Triết Lý An Vi.* Lousiana, USA: Nhà Xuất bản Lĩnh Nam , 1997.

* Chúng ta sống, thường không vì lý do phải trái, mà do xu hướng.

— Seneca

* Tôi không hề nghèo, tôi chỉ không có tiền.

— Kike Todd

* Tại vì chúng ta sẽ không bao giờ biết Thượng Đế cho nên chúng ta mới tin Thượng Đế.

— Krisnamurti

THANH NIÊN VIỆT NAM HẢI NGOẠI VÀ VẤN ĐỀ HỘI NHẬP

Bác sĩ TRẦN MINH TÙNG

Nếu không tính các người trẻ, thì dân Việt Nam di cư mang nặng hai mối lo âu. Thứ nhứt họ lo sống còn: dầu họ đang lãnh trợ cấp xã hội, welfare, nhưng ai hết thảy cũng đều mong có công ăn việc làm bền vững, để sao có thể tự lập, sinh sống không cần người giúp. Cái lo thứ nhì là về con cái, gia đình. Người chưa gia thất thì tạm nhởn nhơ, nhưng mà khi có thì ai như ai, đều lo không biết con cái rồi sẽ ra sao, thành người hay không, thành bại thể nào.

Cái lo thứ nhì không phải là mới: người Việt vẫn thương và lo cho con từ lâu, hậu thế vẫn luôn cấn cái bên lòng. Khởi đầu, một số sở dĩ quyết định tha hương vì tại con cái nhiều hơn là tại bản thân: họ đi là vì đoàn trẻ, muốn thế hệ sau có thể tránh được tương lài đen tối và không ngã thoát nếu phải ở lại sống với Cọng sản. Tiếp đến trên đường tỵ nạn, con cái là niềm an ủi khi họ đuối sức, tuyệt vọng, những lúc nhớ nhà , ê chề vì hoàn cảnh mới: chính vì nhớ đến lớp trẻ cùng với tương lài của chúng cho nên họ mới kiên trì, tin rằng bấy nhiêu hy sinh sẽ được đền bù, không cho chính họ mà cho con họ, rồi sẽ khá hơn, thành công hơn họ bây giờ .

Nhưng sau khi vui, họ lại thấp thỏm, lo rằng xã hội cướp mất con mình, vì chúng đã thành khác lạ, thay biến, có người nói là Mỹ hóa, Pháp hóa, khác mẫu con người Việt Nam mà họ vẫn quen hoặc vẫn ước ao. Nguy cơ có thể không đến mức độ họ sợ nhưng mà mối lo của họ chính đáng, bài toán có thật và đang thể hiện ở trong cọng đồng Việt Nam hải ngoại. Con cái chúng ta thật đang hội nhập vào văn hóa mới, trẻ con Việt Nam khác hơn và không như trước. Chuyện ấy ai ai cũng nhận; nếu không đồng ý thì chỉ ở điểm xét coi tình hình đến đâu, kết quả ra sao, lợi hại thế nào và ta có thể làm gì được không. Do đó mới có đề tài hôm nay, trình bày vấn đề thời sự liên quan đến mọi gia đình nhưng ít khi nghe bàn luận chín chắn : bài toán tuổi trẻ Việt Nam hải ngoại đang phải đương đầu quá trình hội nhập văn hóa. Người viết chỉ mong chia sẻ một số dữ kiện, nhận định khách quan, còn về ý nghĩa, xét đoán, giải luận, xin để mỗi người suy luận, bàn cãi, may ra lóe được ánh sáng và thấy đường đi.

Hội nhập

Hội nhập *(integration)* tức là quá trình của những kiều dân di cư hòa mình với xã hội chủ, tiêm nhiễm thể thái, ngôn ngữ, ý niệm của dân bản xứ. Cùng đích là sao trở thành phần tử tích cực của xã hội ấy, đóng góp, sản xuất, và là bộ phận thiết thực của cộng đồng. Hội nhập là một hiện tượng tự nhiên phải có và tất cả mọi người phải qua, để cho thích ứng với dân và xứ mình đang sanh sống. Người lớn, vì lẽ còn mang ký ức, ý niệm đem tư quá khứ và xứ chôn nhau cắt rún cho nên thích ứng khó khăn, miễn cưỡng và không hoàn toàn. Còn các em trẻ qua tư thuở nhỏ hay sanh tại đây thì dễ dàng hơn vì bởi thấm nhập bão hòa yếu tố văn hóa nơi chúng sinh trưởng. Cha mẹ là những tác viên tiên phong khải đạo văn minh, đáng lý là người then chốt, nhưng trong trường hợp chúng ta, thường không luôn luôn hiện diện, đành phải chật vật cạnh tranh với các nhân tố, ảnh hưởng luôn sẵn có mặt và hấp dẫn hơn: vườn trẻ, học đường, thầy cô giáo, bạn bè đồng môn hoặc đồng trang lứa... Ngoài ra còn nhiều yếu tố có vẻ vô ngã nhưng

không thể quên, thí dụ truyền hình có thể thu hút con trẻ ngay khi còn nhỏ, không khí xã hội và các sứ điệp bàng bạc ở khắp mọi nơi, trong các phương tiện truyền thông đại chúng, tạo thành áp lực vô hình khó sao em nhỏ cưỡng lại.

Người trẻ Việt Nam: động tác, ăn vận

Kết quả ra sao thì tùy theo thời gian dài vắng em nhỏ đã vào môi trường - hay là tới Mỹ hay Pháp hay Đức. Có những em bé sanh tại ngoại quốc, lớn lên ngoài nước và không biết chút gì về xứ Việt Nam. Với chúng, không có hội nhập mà là thấm nhập văn hóa *(acculturation)*, trẻ con nhái theo xã hội tiếp cận ngay từ bước đầu. Quá trình gọn ghẽ như viết vào tờ giấy trắng. Có những em khác theo chân cha mẹ di cư khi đã lớn hơn, mang theo ít nhiều kiến thức về nước Việt Nam, nên còn dằn co, thích ứng có phần công phu. Nhưng vài ba năm, trí của em trẻ như cục đất sét dễ dàng nhào nặn, rồi cũng theo khuôn của xã hội mới.

Hội nhập gồm mọi khía cạnh đời sống, từ các hành động, tư thái, ngôn tư , cách thức ăn vận, cho đến suy tư, thái độ, tình cảm, luận lý... Người trẻ Việt Nam quả đã đi qua tất cả những ngã đường ấy.

Như tôi được thấy ở nơi phòng mạch, chỉ nhìn hành vi và so tác động các trẻ sanh tại hải ngoại với trẻ Việt Nam thuần túy là ta thấy rõ phần nổi của sự khác biệt. Không biết có ai để ý hay không, nhưng các trẻ nít hải ngoại động đậy nhiều hơn, cách tự nhiên hơn và buông thả hơn, trả lời liến thoắng, nói năng nhiều hơn, đùa nghịch không sợ, không nể. Chúng quả khác hẳn với trẻ Việt Nam bên nhà , thông thường e ngại, rụt rè , dễ bảo, gọi là "dễ dạy," nhưng thường yên lặng, ít khi ngang tàng, bướng bỉnh. Có thể có người cho rằng nhu thuần (theo nghĩa chữ sage cuả Pháp) là hay, nhưng trong khi ấy chính nét ngỗ ngáo (aggressivity) mới là đặc tính sẽ dắt đi xa trong các xã hội Âu-Mỹ hiện tại.

Cách thức ăn vận cũng thuộc văn hóa, khiến cho mỗi nhóm mỗi khác. Và người Việt Nam không thua ai hết về mặt hội nhập kiểu ấy. Có thể Cali hay những nơi nào có nhiều Việt Nam còn có những người che dù hay bận áo ngắn, bà ba ra đường, nhưng không có các người trẻ VN vì họ luôn luôn theo đúng thời trang của Pháp, hay Mỹ, hay Gia Nã Đại ... từ ngày ra ở ngoại quốc.

Hội nhập: ngoại ngữ, Việt ngữ, học vấn

Còn về ngôn ngữ thì họ rất nhanh. Không còn cái sợ lúc đầu rằng các đám trẻ sẽ thua đồng bạn về mặt ngôn ngữ : người Việt trẻ tuổi không chút ngượng ngùng để nói tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, và luôn nói cách lưu loát, sau khi đã học ở trường một ít, còn qua bạn bè , hay ở truyền hình nhiều hơn. Và các trẻ nhỏ luôn rất bén nhạy, "bắt" tiếng ngoại quốc như gió và nói lanh và rành hơn cha mẹ. Đến mức ai cũng công nhận : ngoại ngữ thông dụng hơn là Việt ngữ đối với con trẻ VN. Chúng có thể nói vài câu tiếng Việt ở nhà khi phải trả lời cha mẹ hay là bà con, nhưng chúng ngập ngừng, ngọng nghịu, nói như "Tây con." Với lại đồng bạn, chúng dùng ngoại ngữ một cách ung dung và tự nhiên hơn, còn thì rất ít tiếng Việt. Người trẻ lối 20-30 tuổi nói được khá nhiều tiếng Việt nhưng vẫn tiếng Tây, tiếng Mỹ thường hơn. Thành ra trong nhiều chương trình truyền hình Việt Nam coi ở Quận Cam, Cali, rất thường nghe tiếng Anh, vài chữ, có khi là nguyên cả câu, pha chè vào trong câu chuyện tiếng Việt, khi nào phỏng vấn người trẻ, khiến cho đôi lúc chính xướng ngôn viên phải theo và nói tiếng Anh. Sách báo Việt ngữ, tuy còn thịnh vượng vì còn người đọc Việt ngữ, nhưng vì ngoại ngữ thông dụng cho nên một số ấn phẩm của nhà xuất bản Việt Nam có phần bằng hai thứ tiếng, nhằm vào người trẻ.

Cũng vì lý do kể trên nên mới nảy sanh những lớp để dạy Việt ngữ cho trẻ em. Số lớp rất nhiều và khắp mọi nơi: theo một tài liệu năm 1998 (Los Angeles Times 8/6/98), chỉ riêng vùng Nam California có 55 lớp dạy Việt ngữ, trong đó đa số là các cơ quan tôn giáo (nhà thờ, chùa). Nhưng theo nhận xét thì một số lớn phải sống bấp bênh, phần vì tài chánh eo hẹp, phần vì cha mẹ thiếu sự kiên trì ủng hộ, không chịu đưa con đi học khi quá thời gian nào đó.

Có điều nên nói là tuy Việt ngữ vẫn tồn, nhưng không có việc vài người đã sợ : nếu giỏi Việt ngữ thì sẽ trở ngại Anh ngữ hay là làm chậm hội nhập. Rất nhiều công trình nghiên cứu chứng minh rằng các em nhỏ biết rành tiếng Việt, nói, đọc và viết tiếng Việt, đều giỏi tiếng Anh và giỏi tổng quát hơn là những trẻ chỉ biết tiếng Anh và không biết rõ tiếng Việt (Min Zhou and Bankston C. 1998, Caplàn, Choy and Whitmore, 1992).

Cũng xin luôn dịp nhắc đến một chuyện thường vẫn khác nhau giữa giới đồng bào nhưng nay đã có rất nhiều chứng cớ qua các điều tra, khảo cứu khoa học khách quan: con trẻ Việt Nam thường học rất giỏi, rất siêng, ngay dầu hoàn cảnh khắc nghiệt, thua kém, dầu trong môi trường không mấy thuận lợi, có khi ngang trái là khác (Rutledge, 1992, Caplan, Choy and Whitmore, 1992, Rumbaut, 1995). Điểm ấy đáng nhắc là vì nhiều thuyết xã hội cho rằng sở dĩ các trẻ Việt Nam không chịu buông lơi mà còn quật khởi, chống lại xu hướng của thanh niên Mỹ thường hay coi thường giáo dục, đặt nhẹ học đường, khinh dễ thầy cô, là bởi ảnh hưởng cộng đồng và Việt Nam tính khiến họ vẫn trọng nhà giáo và coi học đường là ngõ tiến thân hay nhứt, chắc nhứt (Bankston C. 1997, Min Zhou and Bankston C. 1998). Các lớp về sau tuy vẫn hãy còn hương thơm đem về cho dân di cư, nhưng có một phần kém hơn. Sở dĩ có sự sút kém là vì một mặt, các trẻ qua sau đã ở nhiều năm với lại Cộng sản: tuy còn ảnh hưởng cổ truyền, nhưng bị vạ lây vì nền giáo dục suy đồi, khiếm khuyết. Mặt khác các trẻ sanh trưởng tại đây, tuy không chút nào khó khăn vì đã quen nước quen cái, nhưng đã tiêm nhiễm không khí tự do dễ dãi Âu Mỹ nên bớt coi nặng giáo dục hay giữ khuông sáo tôn ti trật tự. Chúng quen chào hỏi cách không khúm núm, nhưng quên và bớt thưa gởi người lớn; chúng quen coi trọng thực nghiệm nên không còn mấy ham chuộng từ chương, hàn lâm. Chúng đổi tinh thần, cho nên thể thái và cách xử thế theo đó mà đổi.

Hội nhập: tinh thần gia đình, đồng bào, xứ sở

Quan trọng mới là chỗ nầy : người trẻ di cư học biết không chỉ văn minh cụ thể của nước mình đang cư ngụ, nhưng cũng một thể, hấp thụ thái độ, cách thức suy luận, ý hướng, cảm xúc của dân bản xứ. Khó lòng biết hết các cuộc đổi thay thế ấy, mà chỉ đoán được phần nào qua các dấu chứng gián tiếp bộc lộ bằng các lời nói, việc làm, thể thái. Nói chung thì so với cuộc hội nhập vật thể, chuyển đổi tâm linh tinh vi và chậm chạp hơn. Dầu vậy thành quả sẽ thấy sâu đậm hơn nhiều vì bởi con người thay đổi toàn diện.

Điểm qua vài điểm chính yếu, có thể cho rằng hội nhập chưa đi quá xa để ta phải sợ người trẻ Việt Nam mất gốc hay là ngoại lai.

Thí dụ *tinh thần gia đình* thường vẫn còn mạnh, con cái vẫn còn khắng khít cha cha mẹ, bà con, hơn hẳn gia đình Tây phương. Anh em vẫn còn đùm bọc lẫn nhau và mối liên hệ ở trong thân quyến vẫn coi là trọng. Cảnh tượng con cháu hắt hủi cha mẹ bỏ trong nhà già ít khi xảy ra như trước chúng ta đã sợ. Nếu các ông già bà già vào ở nhà lão thì tại họ muốn hơn là vì con bắt buộc.

Đối với người ngoài thì họ rộng rãi hơn xưa. Đến trường thì các học sinh Việt Nam tự nhiên làm bạn với trẻ Việt Nam nhiều hơn người ngoài và luôn cho đến đại học. Nhưng nói rộng ra thì họ làm quen với đủ hạng người và các sắc dân, không có chút nào kỳ thị. Trong chiều hướng ấy là số tăng phát các cuộc hôn phối dị chủng so với thời trước cách đây vài năm. Văn hóa Việt Nam không quá khắt khe như là người Tàu để cấm những cuộc hôn nhơn giữa Việt với lại ngoại bang, nhưng quả đến lúc sau nầy mới thấy rộ lên đám cưới với người không giống sắc dân, không coi là chuyện ngoại lệ rắc rối mà là một việc bình thường giản dị. Cha mẹ trước đây đã chối đây đẩy không chịu có dâu hay rể ngoại quốc nay thì chấp nhận không quá khó khăn. Tuy nhiên phải nói : hôn nhân dị chủng vẫn là số ít và dân di cư phần lớn vẫn còn tìm người Việt Nam để làm bạn đời.

Đối với đồng bào, người trẻ hội nhập có phần lưỡng ước. Gia tài Việt Nam vẫn là đáng kể cho nên tối thiểu, họ vẫn thích ăn những đồ quốc hồn quốc túy, vui có đồng bào bao quanh, thích đi chợ Tết, mua sắm ở phố Việt Nam. Nhiều trẻ lần lần chuộng nhạc Việt Nam, trước kia họ không mấy ưa, chê là rên rỉ. Nhưng mà mặt khác, họ không muốn mình ở gần sát, cạnh bên đồng bào: đi học đại học thì muốn thật xa, đến khi ra trường thì không muốn về chỗ nào có người Việt Nam quá nhiều, sợ "họ nhiều chuyện" như vài người nói. Chúng tôi không có con số chỉ rõ tỉ lệ loại ấy là bao, nhưng mà hiện tượng có vẻ khá thường cho các nhóm dân Á châu tại Mỹ, thường hay than phiền là người thành tài có nhiều nhưng đi mà không thấy về, nên không đủ người phục vụ cộng đồng thiểu số.

Trên mặt tinh thần thì có thể nói : đa số tràn đầy lý tưởng hướng về *quê mẹ Việt Nam.* Một số mong muốn tìm hiểu, biết thêm quang cảnh, lịch sử Việt Nam: họ hỏi cha mẹ, hoặc kiếm sách báo để đọc, có khi đi học lớp riêng đại học tìm hiểu thêm về lịch sử cận đại. Cái

khổ là các tài liệu họ gặp, lịch sử mà họ nghe dạy đều theo nhãn quan ngoại quốc, thường là tả phái, quên bẵng chính nghĩa cùng là vị trí của phía Quốc Gia, mà chỉ đề cao Cọng sản hay là quyền lợi ngoại bang mà thôi. Đến khi con trẻ về nhà, thì mới vỡ lẽ: chúng chỉ toàn lập lại luận cứ của bên đối phương, khiến ta lại phải một phen "giải độc," cắt nghĩa, sửa sai.

Cũng thường vào bực Đại học, một số bắt đầu *hoạt động* theo chiều dân tộc. Khá nhiều thanh niên thiếu nữ gia nhập các đoàn sinh viên Việt Nam hay *Vietnam club,* bắt đầu sanh hoạt tập thể: ca hát, kịch nghệ, trình diễn thời trang... nhấn mạnh căn tánh dân tộc của mình trong giữa đám đông các chủng tộc khác. Và ý nghĩa hơn là họ bắt đầu tham gia sinh hoạt cộng đồng : vận động cứu trợ đồng bào tị nạn vượt biên, hay bị thiên tai, hay bị đàn áp. Một số chỉ vì "ai sao mình vậy," nhưng cũng nhiều người hăng hái đi bộ, biểu tình, xuống đường, nhịn đói... một cách nhiệt thành, hăng say, phản đối Hà Nội, đòi quyền tự do, dân chủ... Nghĩa là đức tính Việt Nam của họ hãy còn và chưa mất hẳn và họ vẫn thấy trạnh lòng khi biết quê cha đói khổ, đồng bào bất hạnh.

Một thí dụ khác của tâm trạng ấy là khi ra trường, một số tỏ ý mong muốn có thể làm gì để *giúp xứ sở,* đền đáp quê hương. Họ nói mơ hồ có thể đi về Việt Nam góp tay xây dựng xứ sở nhưng thường không thấy mấy ai thể hiện lời ước vì nhiều ngăn cản thực tế và nhứt là khi hãy còn Cọng sản ngự trị. Nhưng mà ý niệm thì luôn luôn có và đó là điều đáng mừng.

Hội nhập: tình cảm

Một nét sau cùng cha mẹ Việt Nam nào cũng nhận thấy ở nơi con cái là các *đòi hỏi tình cảm* của các con trẻ rõ hơn, nhiều hơn lúc trước. Chúng có nhiều cách biểu lộ nhưng việc rõ ràng là chúng không còn khép nép yên lặng như xưa. Cha mẹ có thương thì phải nói ra, có lo thì phải biểu tỏ: mọi việc đều phải xác nhận và chúng không chịu lặng thinh như hồi thủa nào. Và nhứt là chúng đòi hỏi cha mẹ nhìn nhận, tôn trọng quyền hành của chúng : một câu sáo ngữ nhưng khó phủ quyết là : *"We, children, have rights too"* (Chúng tôi, con nít, cũng có quyền hạn nữa chớ). Phạt vạ mà không lý do và không cắt nghĩa thì là bất công; con cái có quyền cãi lại và không đồng ý; cha mẹ không thể bắt ép nếu chúng không ưng. Nhiều chuyện nho nhỏ từ đó mà trở thành to, hoặc làm cha mẹ điên đầu, hoặc làm em bé khốn khổ, chỉ vì hai bên không hiểu và không thông cảm với nhau. Từ đó cha mẹ mới thấy chua chát, đổi câu ngạn ngữ thông dụng thành câu mỉa mai nửa đùa nửa thiệt: *"Con cái đặt đâu, cha mẹ ngồi đó"* để nói lên sự cay đắng mất quyền quyết định vào chính trong tay con cái.

Cùng một hướng ấy, con trẻ đòi phải tôn trọng quyền *sống riêng tư* của nó. Chữ Việt không thấy có từ dịch sát chữ *"privacy"* hay *"quant-a-soi"* có lẽ vì bởi châu Á quá quen với sự chung đụng, đồng sàng. Nhưng nay đổi khác và trẻ quen có phòng riêng, cho nên nó đòi chúng ta nể vì địa hạt và đời sống riêng của nó, muốn rằng cha mẹ không phải xét phòng, coi vở, gạn hỏi, kiểm duyệt. Nhu cầu giám sát, bảo vệ con trẻ rồi sẽ xét lại vì chúng coi việc riêng tư là một địa hạt bất khả xâm phạm, nếu bị đụng tới là chúng dẫy nẩy.

Cũng tại đổi thay cho nên người trẻ Việt Nam bớt thấy e ngại *bộc lộ tình cảm* của mình, ít khi nén ép như trước. Do đó họ dễ làm việc hơn trước trong những hoàn cảnh tâm lý trị liệu (psychotherapy), người bịnh phơi bày vấn nạn tình cảm để cùng với tâm lý gia hay là bác sĩ mổ xẻ và tìm ngõ thoát. Trước kia thì phải "cạy miệng" họ mới chịu nói những chuyện "riêng tư." Giờ thì người trẻ chỉ mong được nói: về mình, về chuyện gia đình, về chuyện tình cảm, chính họ khởi xướng và đòi biểu lộ.

Hội nhập: tổng trạng

Tóm lại, người trẻ Việt Nam hải ngoại đã đi khá xa trên đường hội nhập tuy rằng chưa thật trọn vẹn. Lý do là vì xã hội tiếp cận Mỹ, Pháp... còn phải dằn co với lại ảnh hưởng cha mẹ, gia đình trì kéo về một hướng khác, tồn cổ, đặc thù. Người Việt lớn tuổi di cư, dầu 1975 hay 80 hay 93, cũng từng thích nghi với hoàn cảnh mới. Vì phải sinh tồn nên họ tâm niệm: *"Nhập giang tùy khúc, nhập gia tùy tục."* Nhưng họ chỉ thay bên ngoài, còn về bên trong thì tâm trí họ vẫn không lay chuyển thật sự vì còn nuối tiếc một xứ Việt Nam họ chưa quên bỏ hoàn toàn. Con cái của họ như là hiện thân quê hương đã mất, nên họ càng muốn chúng sẽ lớn lên theo một mẫu mực mà họ đã biết, thành người kiểu họ còn mong. Thế nên sẽ có xung đột với lại xã hội bên ngoài, cũng đang nặn uốn đứa trẻ nhưng theo khuôn khác. Kết quả là những sản phẩm lưng chừng, kết hợp

đức tính của cả hai bên nhưng không hoàn toàn giống riêng bên nào.

Ta nên chú ý : công trình không luôn suông sẻ, và có vài trường hợp hội nhập thất bại hay không hoàn toàn. Thí dụ người trẻ Việt Nam chỉ học được một số điều bất lợi của xã hội mới mà không dùng đến bài học về các điều tốt hay là xây dựng. Chẳng hạn tự do phóng khoáng thì rõ nhưng tinh thần trách nhiệm, ý chí kiên trì thì quên. Còn nhiều khi khác thì việc hội nhập quá khó, không thành, cá nhân ấm ức, bất yên. Con người khi ấy bộc lộ tâm cang bằng những hành động bất xứng và không có lợi, tối đa là những hành vi phạm pháp, chống đối xã hội. Sự thật thì có rất nhiều lý do khiến cho thanh niên lạc đường, nhưng riêng một mình hội nhập khiếm khuyết có thể là dịp để đưa thanh niên đến những hành vi tự hại.

Hội nhập: lợi, hại ra sao?

Ai ai cũng biết : hội nhập là điều bắt buộc, luôn luôn phải có. Nhưng về thành quả thì là dư luận chia rẻ, ý kiến bất đồng, có người hoan nghinh, có người ta thán. Câu hỏi thông thường ma ai cũng muốn có câu trả lời : hội nhập như thế có lợi hay là có hại cho mình ?

Giải đáp sẽ tùy hoàn cảnh mỗi người và nhứt là tùy cách nhìn căn bản vấn đề. Có người chấp nhận lý tưởng đồng hóa, cho rằng mô hình tốt nhứt là lò luyện kim *(melting pot)* của Hiệp Chủng Quốc: tất cả sắc dân sẽ đúc lại thành một khối. Có người có thế đứng khác, chấp nhận đa hóa *(multi-culturalism)*, đề cao dị biệt, với nhiều truyền thống khác nhau tồn tại trong thế liên hiệp, như kiểu lập trường chánh thức của chánh phủ Úc hay Gia Nã Đại. Đa số cha mẹ không cần rườm rà lý thuyết mà chỉ nôn nóng muốn biết rồi đám con trẻ sẽ còn Việt Nam hay không, giống Mỹ, giống Pháp hay là giữ nguyên, giống y như con họ đã sanh.

Do đó trả lời sẽ tùy công việc đem bàn: thí dụ không thể trách cứ người trẻ biết rành ngôn ngữ, phong tục xứ người một khi sẽ sống ở tại ngoại quốc rất lâu, không chừng suốt đời. Nhưng biết và hiểu ngôn ngữ mẹ đẻ sẽ có nhiều lợi: biết thêm được một thứ tiếng, và nhứt là còn gần gốc rễ dân tộc. Còn về tư thái cũng vậy: nếu sống với người, thì ta không thể quá khác. Nên chi đồng hóa là phải. Nhưng cũng không nên trở thành ngoại lai và đi quá xa gốc rễ của mình.

Gút mắt là ở vấn đề: nếu phải thay đổi, thì là cái gì nên bỏ và cái gì không, để thành người mới nhưng vẫn là người Việt Nam? Chúng ta mỗi người đều có danh sách của khuyết điểm hay là tật bịnh của dân tộc Việt mà ta muốn sửa, song song với bản kê khai những đức tính tốt mình nghĩ là đã sẵn có và nên nuôi dưỡng. Ta nên thẳng thắng, bộc trực hay là khéo léo, ngoại giao trong khi giao dịch? Ta phải hòa đồng, nhịn nhục và cứ như thế giữ luôn nguyên trạng hay là xông xáo và kiếm đổi thay? Thường thường đồng ý chỉ là ở trên nguyên tắc; vô đến chi tiết thì là phân ý, mỗi người mỗi ngã, nhứt là khi chọn quyết đoán xem nét tánh nào là đúng Việt Nam, nên giữ, hay chỉ vay mượn, nên bỏ. Vì vậy nên phải bản cãi, thảo luận để tránh bịnh quá chủ quan.

Dự đoán

Câu hỏi lớn nhứt là ta ảnh hưởng hội nhập được những phần nào, cải hoán quá trình hội nhập tới đâu và ta thật có hiệu quả hay không? Tôi không bi quan, cũng không lạc quan quá đáng, nên tin rằng ta không phải bất lực hoàn toàn, tuy không nhất thiết luôn luôn làm chủ tình hình. Và tôi nghĩ rằng không khí gia đình, tình thương cha mẹ, môi trường họ hàng có thể ảnh hưởng phần nào chiều hướng cuộc diện.

Nhưng có điều khác làm ta hy vọng: con cái chúng ta rồi sẽ hội nhập nhưng không đồng hóa. Hội nhập *(integration)* là khi cá nhân thay đổi để vào văn minh xứ người. Đồng hóa *(assimilation)* là khi hội nhập đến độ không còn phân biệt được nổi với người bản xứ. Cho người gốc Việt, có một chướng ngại rất thường nhưng không vượt nổi khiến ta hội nhập mà không đồng hóa: chúng ta Á châu có riêng những nét vật thể không lẫn lộn được với Tây phương. Thử xem thí dụ các người Âu châu hay người Cuba qua Mỹ: chỉ một hay hai thế hệ là họ đồng hóa hoàn toàn sau khi sanh đẻ lớn khôn tại Mỹ, sống, làm và nghĩ như Mỹ, không thể phân biệt nếu trong đám đông. Ngược lại nếu là người Tàu hay Phi thì đầu đến đời thứ bốn, thứ năm, nét mặt, da vàng vẫn không dấu nổi, dầu có thấm nhuần ý tưởng, thể thái người Mỹ, nói năng hoạt bát, trôi chảy, mới nghe tưởng Mỹ, nhưng trong đám đông tức thì rõ ràng khác, không phải là Mỹ. Có thể là dưới trời Á, ở Tàu, ở Nhựt chúng ta trà trộn được với quần chúng, nhưng sống với người da trắng chúng ta khó sao ẩn

núp ở trong đám đông. Do đó người trẻ Việt Nam sẽ không rời hẳn cộng đồng hay là sợ mất tông tích hoàn toàn: lý do là họ không sao thống thuộc nguyên vẹn vào xã hội mới và vẫn thấy mình đứng ngoài. Khi ấy, họ sẽ trở về đồng chủng, vì kiếm đồng minh, họ sẽ tìm đến dân tộc, vì muốn trở lại căn cội Việt Nam.

Thật ra, điều tôi dự đoán không gì mới lạ. Trước nhóm chúng ta, đã có kinh nghiệm lịch sử của các sắc dân gốc Á lập nghiệp và sống lâu đời tại Mỹ. Các nhóm Nhật-Mỹ (Japanese-Americans), Tàu-Mỹ (Chinese-Americans) đã thấy những người trong nhóm di cư mới qua đời thứ nhứt khư khư hoài cổ, giữ chặt những dân tộc tính, còn qua đời hai, thì con cái họ hăng say hướng ngoại muốn thành người Mỹ. Phải đến đời ba và sau nữa, lũ cháu rồi mới tỉnh ngộ và trở về nguồn, kiêu hãnh tìm học Nhật ngữ, Hoa ngữ, tìm hiểu đặc tánh, lịch sử, văn hóa cha ông. Bánh xe tiến hóa xoay tròn như thế nên tôi không sợ tất cả thế hệ nối tiếp trong nhóm chúng ta rồi sẽ mất gốc hoàn toàn.

Một dữ kiện khác có thể đoán được là khối người Việt rồi sẽ tăng cường những phần tử mới, sẽ từ Việt Nam xuất ngoại qua ở với ta. Một số là những họ hàng của người di cư qua trước, một số được phép xuất ngoại rồi sẽ ở luôn, dầu là hợp pháp hay không hợp pháp. Những người kể trên rồi sẽ tiếp nối tinh thần Việt Nam và cụ thể hơn, tiếp nuôi Quận Cam, California, hay quận 13, Paris, cùng là những nơi tập trung đồng bào Việt Nam tại Úc, tại Đức, tại Gia Nã đại... Có lần tôi đã tự hỏi: sau vài ba năm, những nơi vừa kể không biết sẽ còn phồn thịnh hay không, sợ các con trẻ Việt Nam chỉ ra kỹ sư, bác sĩ và đi tứ tán, không chịu kế nghiệp cha mẹ làm nghề thương mãi. Nhưng nay nghĩ lại thì thấy mối lo có phần hão huyền: những người mới qua sẽ sang máu mới và sẽ tập trung tại các khu ấy như cảng núp gió, như chỗ khao khát khi còn bơ lúc đầu... Và vì hội nhập đã khiến xã hội VN giống cộng đồng chủ, cho nên sẽ có người khá cũng có người dở, trung lưu, hạ lưu đều có chớ không hoàn toàn thượng lưu như ta ước muốn. Do đó sẽ có những người buôn bán, làm công hoặc làm nhà hàng, tóm lại tất cả thành phần của một cộng đồng bình thường rồi sẽ tồn tại lâu dài.

Vấn nạn

Trên đây là những dữ kiện lấy từ kinh nghiệm riêng tư, cộng chung với những nhận xét thâu lượm từ các hội đoàn và các đồng bào tại nhiều tiểu bang, quốc gia chúng tôi đã được tiếp xúc. Tuy cố khách quan nhưng các sự kiện không chắc phản ảnh trung thực bình diện rộng hơn của hết tập đoàn di cư hải ngoại. Thế nên mong rằng độc giả rồi sẽ bổ cứu, sửa chữa nếu cần. Còn lại vấn nạn then chốt là phần phán đoán, cũng xin dành lại để cho mỗi người xét coi hội nhập có lợi hay hại, ở đâu, tại sao. Câu hỏi quan hệ là coi chúng ta có thể làm được cái gì, tới đâu, mục đích ra sao, cách thức thế nào.

Chắc chắn là ai cũng mong làm sao giữ dân tộc tính. Nhưng việc chánh yếu là phải biết lựa mục tiêu thực tiễn, đề ra hành động cụ thể và biết giới hạn những gì có thể. Có thế mới mong hữu hiệu và mong cộng đồng Việt Nam hải ngoại trường tồn, không những vững mạnh, mà còn phát triển trong chiều hướng tốt, đóng góp tích cực cho đất nước nhà.

Tham khảo

- Bankston, Carl III, 1997, "Education and Ethnicity : Community and Academic Performance in an Urban Vietnamese village". In *Beyond Black and White.* New York, S.U.N.Y. Press

- Bankston C. and Min Zhou, 1995. "Effects of a minority-language Literacy on the Academic Achievement of Vietnamese Youth in New Orleans" *Sociology of Education* 68:1-17.

- Caplan, Nathan, John K. Whitmore and Marcella H. Choy,1991. *Children of the Boat People.* Ann Arbor: The University of Michigan Press.

- Los Angeles Times, 6/8/98 : "Classes" Rumbaut Rúben, 1995. "The New Californians". In *California Immigrant Children.* San Diego : University of California, San Diego.

- Rutledge, Paul, 1992. *The Vietnamese Experience in America.* Bloomington: Indiana University Press.

- Zhou Min and Bankston C. 1998. *Growing up American,* New York, Russel Sage Foundation.

* Con hỏi mẹ trong lúc tắm biển:

"Cho con bơi ra xa nghe mẹ?"

"Không!"

"Sao vậy mẹ? Bố bơi ra xa tít, mẹ có cấm đâu?"

"Bố mày đã có bảo hiểm nhân thọ, mày chưa có."

PHAN CHU TRINH VÀ CÔNG CUỘC VẬN ĐỘNG DÂN QUYỀN

TRẦN GIA PHỤNG

Phan Chu Trinh, tự Tử Cán, hiệu Tây Hồ, biệt hiệu Hy Mã, sinh năm 1872 (Nhâm Thân) (1) tại làng Tây Lộc, huyện Tiên Phước, phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, là con thứ ba trong một gia đình đông con, cha là Phan Văn Bình, mẹ là Lê Thị Chung.

Phan Văn Bình từng giữ chức Quản Cơ Sơn Phòng nên được gọi là ông Quản Bình. Sau khi hưu trí một thời gian, Phan Văn Bình hưởng ứng hịch Cần Vương, gia nhập nghĩa quân do Nguyễn Duy Hiệu lãnh đạo ở Quảng Nam, giữ chức chuyển vận sứ đồn điền A Bá tại Tiên Phước. Năm 1887, Nguyễn Thân đem quân đánh Tam Kỳ, Nguyễn Duy Hiệu nghi ngờ những người gốc Tam Kỳ làm phản, sai người đến đồn điền A Bá mời Phan Văn Bình đi họp. Ngang qua sông làng Mỹ Lưu, Phan Văn Bình cùng người con nuôi tên Vò bị chặt đầu theo mật lệnh của Nguyễn Duy Hiệu. (2)

Thuở thiếu thời, ngoài việc học, Phan Chu Trinh có một thời gian theo phụ thân vào núi luyện tập võ nghệ. Năm 1887, khi phụ thân thọ nạn, Phan Chu Trinh trở về làng sống với người anh cả tiếp tục việc học. Năm 1900 (Canh Tý), Phan Chu Trinh đỗ thứ ba kỳ thi Hương tại trường Thừa Thiên, năm sau (Tân Sửu 1901), đỗ Phó Bảng. (3)

Ở nhà một năm cư tang ông anh cả từ trần, Phan Chu Trinh được bổ làm Thừa Biện Bộ Lễ ở Huế năm 1903. Nhưng chán ngán quan trường, năm 1904, Phan Chu Trinh từ chức Thừa Biện để bước vào con đường hoạt động chính trị. Ông về Quảng Nam cùng hai người bạn thân là Huỳnh Thúc Kháng và Trần Quý Cáp du hành về phương Nam để tìm hiểu tình hình. Khi đi ngang qua Bình Định, tỉnh đang tổ chức kỳ thi tuyển sinh, cả ba ông đều vào dự thi, lấy tên chung là Đào Mộng Giác (4). Phan Chu Trinh làm bài *Chí Thành Thông Thánh Thi*, còn Huỳnh Thúc Kháng và Trần Quý Cáp làm chung bài *Danh Sơn Lương Ngọc Phú*. Sau đây là nguyên văn bài thơ Chí Thành Thông Thánh:

Phan Chu Trinh

Thế sự hồi đầu dĩ nhất không,
Giang sơn vô lệ khấp anh hùng,
Vạn dân nô lệ cường quyền hạ,
Bát cổ văn chương túy mộng trung.
Trường thử bách niên cam thóa mạ,
Bất tri hà nhật xuất lao lung?
Chư quân vị tất vô tâm huyết,
Bằng hướng tư văn khán nhất thông.

Bản dịch báo *Tân Dân* số 3, năm 1949:

Cuộc đời ngoảnh lại vắng không,
Giang sơn nào khóc anh hùng được đâu.
Cường quyền dậm đạp mái đầu,
Văn chương tám vế say câu mơ màng.
Tháng ngày uất hận đành cam,
Sổ lồng tháo cũi biết làm sao đây?
Những ai tâm huyết vơi đầy,
Dốc lòng văn đạo, thơ này thấu cho.

Hai bài phú và thơ này là hai quả bom văn học làm xôn xao trường thi Bình Định. Chính quyền ra lệnh truy lùng tác giả nhưng ba chàng pháo thủ đã cao bay xa chạy.

Tiếp tục cuộc hành trình vào Nam, ngang qua Khánh Hòa, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp giả làm những người bán hàng đến thăm chiến hạm Nga đang trốn bão tại vịnh Cam Ranh. Khi đến Phan Thiết, ba ông gặp Trương Gia Mô, Hồ Tá Bang, Nguyễn Trọng Hội (con của Nguyễn Thông), cùng nhau bàn luận chuyện duy tân, thành lập công ty Liên Thành và mở trường Dục Thanh. Tại đây, Phan Chu Trinh bị bệnh, phải nghỉ dưỡng rồi trở về Quảng Nam.

Năm 1906, Phan Chu Trinh ra Hà Nội gặp Lương Văn Can, lên Yên Thế gặp Hoàng Hoa Thám, rồi đi tiếp sang Trung Hoa gặp Phan Bội Châu lúc ấy đang ở Quảng Đông. Hai ông bàn thảo về cách thức tranh đấu giành độc lập cho xứ sở, nhưng mỗi người một ý khác nhau. Phan Chu Trinh qua Nhật tiếp xúc với các chính khách quan trọng của Đông Kinh.

Sau khi đi Nhật về, Phan Chu Trinh gởi Toàn quyền Đông dương và Khâm sứ Trung kỳ một lá thư ngày 15 tháng Tám, 1906, thường được gọi là Đầu Pháp Chính Phủ Thư, trình bày hoàn cảnh bi đát của nhân dân Việt Nam, chính sách hà khắc của chính quyền bảo hộ, những tệ trạng của quan lại Việt Nam. Năm 1907, Phan Chu Trinh trở ra Hà Nội, diễn thuyết nhiều lần tại Đông Kinh Nghĩa Thục là ngôi trường do chính ông đã giúp các nhân sĩ Hà Nội như Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, Đào Nguyên Phổ thành lập.

Những hoạt động của Phan Chu Trinh làm cho người Pháp rất lo ngại nên nhân vụ Trung kỳ Dân biến bùng nổ ở Quảng Nam, Pháp bắt Phan Chu Trinh vào đầu tháng Tư, 1908, giải về Huế. Lúc đầu, Pháp và triều đình Huế định lên án tử hình Phan Chu Trinh, nhưng do sự can thiệp mạnh mẽ của Ernest Babut, một người bạn thân của Phan Chu Trinh, chủ bút *Đăng Cổ Tùng Báo* đồng thời có chân trong hội Nhân Quyền Pháp (Ligue des Droits de l'-Homme) nên án tử hình đổi thành khổ sai chung thân đày Côn Lôn. Khi lính áp giải ra khỏi ngục, tưởng rằng bị dẫn đi chém, không ngờ chỉ bị phát phối lưu đày, Phan Chu Trinh ứng khẩu đọc một bài tứ tuyệt:

Luy luy thiết tỏa xuất đô môn,
Khẳng khái bi ca thiệt thượng tồn,
Quốc thổ trầm luân dân tộc lụy,
Nam nhi hà sự phá Côn Lôn.
Huỳnh Thúc Kháng dịch:
Xiềng gông cà kệ biệt đô môn,
Khẳng khái ngâm nga lưỡi vẫn còn,
Đất nước đắm chìm nòi giống mõn,
Thân trai nào sợ cái Côn Lôn.

Trong khi Phan Chu Trinh ra ở tù Côn Lôn, Hội Nhân quyền Pháp tiếp tục can thiệp nên vào năm 1911, Pháp đưa Phan Chu Trinh về an trí tại Mỹ Tho. Phan Chu Trinh gởi thư chính phủ Pháp yêu cầu hoặc trả ông về Côn Lôn, hoặc để ông tự do đi Pháp. Pháp thuận để ông xuất ngoại cùng người con trai là Phan Chu Dật.

Tại Paris, Phan Chu Trinh sống bằng nghề lao động phổ thông rất cực khổ nhưng ông vẫn kiên trì tiếp tục hoạt động chính trị, yêu cầu Pháp sửa đổi nền cai trị ở Việt Nam. Khi thế chiến bùng nổ, Pháp vu tội Phan Chu Trinh làm gián điệp cho Đức, bắt giam ông vào ngục La Santé vào tháng Chín, 1914. Đảng Xã hội Pháp và Hội Nhân quyền Pháp một lần nữa tranh đấu ráo riết xin thả Phan Chu Trinh. Nhờ đó, Phan Chu Trinh ra khỏi La Santé tháng Bảy, 1915.

Năm 1922, vua Khải Định sang Pháp tham dự cuộc đấu xảo quốc tế tại Marseille (nay thường được gọi là Hội chợ Triển lãm). Phan Chu Trinh đã gởi cho Khải Định thư Thất Điều đề ngày 15 tháng Bảy, 1922, kể bảy tội của nhà Vua. Bảy điều đó là: Tôn bậy quân quyền, lạm hành thưởng phạt, thích chuộng sự quỳ lạy, xa xỉ quá độ, ăn bận không phải lối,

tội chơi bời, chuyến này đi Tây có sự ám muội. Phan Chu Trinh viết thư Thất Điều bằng chữ Hán, được dịch đăng trên các báo Pháp ở Paris, gây một tiếng vang rất lớn trong dư luận Pháp thời đó.

Tháng Sáu năm 1925, bệnh tật và già yếu, Phan Chu Trinh trở về nước được đồng bào đón tiếp rất nồng hậu. Cuối năm này, Phan Chu Trinh đã trình bày hai bài diễn thuyết rất quan trọng tại Nhà Hội Thanh Niên là bài "Quân trị chủ nghĩa và dân trị chủ nghĩa" và bài "Đạo đức và luân lý Đông Tây." Bệnh tình của ông càng ngày càng trầm trọng, lúc đầu là bệnh viêm mũi, sau biến chứng qua phổi. Phan Chu Trinh từ trần lúc 9 giờ 30, tối 24 tháng Ba, 1926, hưởng dương 54 tuổi.

Tin Phan Chu Trinh từ trần được loan báo khắp nơi, đồng bào rất xúc động. Tang lễ không phải chỉ được cử hành ở Sài Gòn mà hầu như các tỉnh thành lớn đều tự động để tang Phan Chu Trinh, tạo thành một phong trào rộng lớn trong mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam. Ngay tại Sài Gòn, người ta ước lượng khoảng gần một triệu người tiễn đưa nhà chí sĩ họ Phan đến nơi an nghỉ cuối cùng. (Con số này có thể bị phóng đại vì dân số Sài Gòn lúc đó chưa đông nhưng cũng có thể dân chúng các vùng phụ cận về đưa tang). Đây là một đám tang tự phát vĩ đại làm cho chẳng những chính quyền Pháp mà bất cứ chính quyền nào cũng phải suy nghĩ vì nhân dân Việt Nam luôn luôn biết ơn và chỉ biết ơn những kẻ nào đã thực sự vì nhân dân mà hy sinh.

Bên cạnh những hoạt động chính trị, Phan Chu Trinh đã để lại cho đời sau nhiều tác phẩm đủ loại thơ, tuồng, văn, nhất là văn chính luận. Ngoài khoảng 50 bài thơ bằng chữ Hán (theo lời Huỳnh Thúc Kháng), những tác phẩm khác là: *Đầu Pháp chính phủ thư (1906), Hợp quần doanh sinh thuyết quốc âm tự (1907), Tỉnh quốc hồn ca (1907), Tuồng Trưng Nữ Vương* (soạn chung với Huỳnh Thúc Kháng và Phan Thúc Duyên 1910 tại Côn Lôn), *Trung Kỳ Dân biến thỉ mạt ký (1911), Giai Nhân Kỳ Ngộ (1913-1915), Tây Hồ Santé thi tập (1914-1915), Ký Khải Định Hoàng Đế thư (1922), Bức thư trả lời cho người học trò tên Đông (1925), Quân trị chủ nghĩa và dân trị chủ nghĩa (1925), Đạo đức và Luân lý Đông Tây (1925).* Ngoài ra, còn có một số bản thảo chưa xuất bản do gia đình con gái của Phan Chu Trinh còn cất giữ.

Trên đây là sơ lược tiểu sử Phan Chu Trinh, một nhà ái quốc suốt đời hoạt động vì dân quyền và vì nền độc lập của dân tộc Việt Nam. Đường hướng tranh đấu của Phan Chu Trinh rất khác biệt với nhiều nhà cách mạng lúc bấy giờ. Tư tưởng dân quyền rất mới mẻ của ông là điều chúng tôi muốn bàn thêm ở đây.

Trước hết, cũng như bao nhiêu người khác cùng thế hệ, Phan Chu Trinh xuất thân từ cửa Khổng sân Trình. Tốt nghiệp Phó Bảng, tất nhiên ông phải là một nhà thâm nho, thấm nhuần đạo lý Khổng Mạnh, một triết thuyết hậu thuẫn mạnh mẽ chế độ quân chủ, nhưng tại sao Phan Chu Trinh lại từ quan và đi làm cách mạng, chống lại chế độ quân chủ?

Một trong những tác động đầu tiên làm thay đổi não trạng Phan Chu Trinh có lẽ là thảm trạng gia đình ông. Cha Phan Chu Trinh là Phan Văn Bình gia nhập nghĩa quân Cần Vương lại bị chính những người Cần Vương sát hại năm 1887 vì một nghi vấn vu vơ. Thảm kịch này đương nhiên tạo ra nơi trí óc non trẻ của Phan Chu Trinh, lúc ấy mới 15 tuổi, những ấn tượng rùng rợn sâu sắc. Những ấn tượng đó lớn vởn trong đầu óc Phan Chu Trinh chắc chắn làm cho ông chán ghét nạn bạo động khủng bố đồng thời mất đi sự tín nhiệm đối với Cần Vương. Đến khi đỗ đạt ra Huế làm quan, một người đầy tâm huyết như Phan Chu Trinh thấy gì ở triều đình Huế với các vị Vua do Pháp đặt lên? Thế nào Phan Chu Trinh cũng đã có những suy nghĩ về phong trào Cần Vương và về triều đình Huế. Cả hai đều không thể đáp ứng lý tưởng thương nước yêu dân của ông. Trong khi đó, sinh trưởng ở Quảng Nam, lúc Phan Chu Trinh mới lớn là lúc Phạm Phú Thứ từ trần (1882), chắc chắn Phan Chu Trinh đã ít nhiều được nghe danh tiếng của Phạm Phú Thứ.

Phạm Phú Thứ, người huyện Diên Phước (Điện Bàn), tỉnh Quảng Nam, là một huyện đồng bằng trù phú nằm sát huyện Đại Lộc trên con đường ra kinh thành Huế, sinh năm 1821, đỗ Thủ khoa kỳ thi Hương năm 1842, rồi Thủ khoa kỳ thi Hội năm 1843 tại trường Thừa Thiên. Phạm Phú Thứ là một đại thần cương trực, thanh liêm, có tinh thần yêu nước, đã từng đi sứ sang Pháp và Tây Ban Nha. Sau khi đi sứ về, thấy được tận mắt sự tiến bộ của các nước Âu Châu, Phạm Phú Thứ đưa lên Tự Đức những đề nghị cải cách đất nước theo đà tiến của Tây phương nhưng không được Tự

Đức quan tâm. Chắc chắn Phan Chu Trinh, một trí thức lớp đàn em cùng tỉnh với Phạm Phú Thứ đã đọc thơ văn và những đề nghị cải cách do Phạm Phú Thứ biên soạn. Nếu những sách của Phạm Phú Thứ mới chỉ ươm mầm những tư tưởng mới nơi Phan Chu Trinh thì một tác phẩm quan trọng khác có thể đã làm thay đổi tầm nhìn chính trị của ông, đó là *Thiên Hạ Đại Thế Luận* của Nguyễn Lộ Trạch. (5)

Nguyễn Lộ Trạch (1843-1898), người làng Kế Môn, tỉnh Thừa Thiên con của Tiến sĩ Nguyễn Thanh Oai, học rất giỏi nhưng không thích khoa bảng, nhiều lần dâng lên vua Tự Đức (1848-1883) các Thời Vụ Sách để canh tân xứ sở nhưng không được nhà Vua đồng ý. Năm 1892 (Nhâm Thìn), đề thi Đình là "Đại Thế Nhi Dĩ Hĩ." Tuy không dự thi, nhân đề tài này, Nguyễn Lộ Trạch viết bản *Thiên Hạ Đại Thế Luận,* đưa ra tình hình phân hóa của Trung Hoa, sự phát triển của Nhật Bản, sự suy yếu của Việt Nam, và đề nghị duy tân đất nước về mọi mặt giáo dục, nông nghiệp, kỹ nghệ, khoa học. Ngoài tác phẩm này, Phan Chu Trinh còn đọc các tân thư như *Trung Đông chiến kỷ, Phổ Pháp chiến kỷ, Mậu Tuất chính biến, Trung Quốc Hồn, Nhật Bản duy tân sử*... Các sách này đã giúp Phan Chu Trinh và các sĩ phu đương thời tiếp xúc được với hiện tình chính trị các nước trên thế giới và những khái niệm chính trị mới mẻ so với ý hệ Nho giáo cũ khiến họ thấy cần phải mở lại công cuộc vận động duy tân một lần nữa.

Cuộc vận động duy tân lần này chia thành hai phái: Phái Phan Bội Châu và phái Phan Chu Trinh. Hai phái này đi theo hai con đường rất khác nhau. Riêng Phan Chu Trinh, ông không viết một tác phẩm nào minh diễn rõ ràng đường lối tư tưởng của mình nhưng những bài viết riêng rẽ, những hoạt động liên tục của ông đã cho chúng ta thấy một hướng đi rất cụ thể từ khi ông rời bỏ quan trường năm 1904 đến khi ông từ trần năm 1926.

Đầu tiên, Phan Chu Trinh đả phá lối học từ chương khoa cử, thức tỉnh đồng bào khỏi sự mê muội của Tống Nho, vạch trần sự bất lực tham nhũng của triều đình Việt Nam và tố cáo chế độ nô lệ của thực dân Pháp. Bài *Chí Thành Thông Thánh Thi* đưa ra tại Trường Thi Bình Định năm 1904 là lời mở đầu hệ tư tưởng duy tân của Phan Chu Trinh. Lên Yên Thế thăm Hoàng Hoa Thám, tuy rất phục Hùm Xám Yên Thế nhưng Phan Chu Trinh không đồng ý đường lối bạo động đơn độc của Đề Thám. Càng bạo động, người Pháp càng có lý do để đàn áp trong khi chúng ta quá yếu trước sức mạnh và vũ khí của Pháp. Đối với Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh cho rằng quan niệm của Phan Bội Châu vẫn chưa thoát khỏi vòng khuôn sáo cũ.(6)

Sau khi qua Nhật tìm hiểu sự tiến bộ của Nhật Bản, Phan Chu Trinh khẳng định lập trường của ông: *"Chỉ nên đề xướng dân quyền, dân đã biết có quyền thì việc khác có thể tính lần được."*(7) Phan Chu Trinh là nhà chính trị Việt Nam đầu tiên đề xướng vấn đề dân quyền cụ thể trước công luận. Do ý tưởng này, Phan Chu Trinh quyết định hoạt động công khai, không vào bất cứ một hội kín nào. Khi vừa từ Nhật Bản trở về, Phan Chu Trinh gởi *Đầu Pháp chính phủ thư* như là một hành động công khai trực diện tố cáo chính quyền Pháp.

Phan Chu Trinh tự nghĩ muốn đề cao dân quyền, phải nâng cao dân trí, muốn nâng cao dân trí, phải chấn hưng giáo dục. Trong một bài diễn thuyết tại Hà Nội, Phan Chu Trinh kêu gọi: *"Không nên trông người ngoài, trông người ngoài là ngu. Không nên bạo động, bạo động thì chết. Tôi chỉ có một lời để nói với đồng bào, không gì bằng học."*(8) Nhưng học như thế nào? Phan Chu Trinh chủ trương bãi bỏ chữ Hán, không bãi bỏ chữ Hán thì không cứu được nước (9) và nên học chữ Quốc ngữ vì chữ Quốc ngữ dễ phổ cập đến đại đa số quần chúng. Chẳng những thế, theo Phan Chu Trinh, cần phải hướng việc giáo dục vào con đường thực tế, phải dạy nghề từ công nghệ đến thương mại. Phan Chu Trinh đi khắp nơi trong nước, hô hào, giúp đỡ các địa phương thành lập các trường học, nông hội, thương hội. Những trung tâm hoạt động náo nhiệt nhất là Hà Nội, Quảng Nam và Bình Thuận trong đó nổi tiếng nhất là Đông Kinh Nghĩa Thục tại Hà Nội.

Năm 1907, Trung kỳ Dân biến bùng nổ khắp miền Trung. Trung kỳ Dân biến là phong trào tự phát của nhân dân miền Trung đứng lên đòi chính quyền phải giảm xâu, giảm thuế. Đây là kết quả trực tiếp của cuộc vận động dân quyền và duy tân của Phan Chu Trinh và các sĩ phu đồng chí hướng nhưng Trung kỳ Dân biến không do các ông trực tiếp lãnh đạo. Một mặt Pháp đã đàn áp ác liệt các cuộc nổi dậy, một mặt Pháp nhân cơ hội này bắt tất cả những nhân sĩ có nhiều ảnh hưởng đối với quần chúng. Phan Chu Trinh bị bắt vào đầu

tháng Tư, 1908 tại Hà Nội, bị đưa về Huế rồi bị đày ra Côn Lôn.

Không hoạt động được trong nước, Phan Chu Trinh tiếp tục con đường tranh đấu của mình khi ra nước ngoài. Thư Thất Điều gởi vua Khải Định năm 1922 là một cú đột kích thẳng vào đầu não của chế độ quân chủ chuyên chế đương đại. Chẳng những kể tội vua, trong một bài diễn thuyết năm 1925 tại Sài Gòn, Phan Chu Trinh cho rằng chế độ quân chủ là một chế độ nhân trị tức là do con người cai trị theo ý kiến chủ quan của mình chứ không dựa trên một căn bản pháp luật nào cả. Nếu gặp một vị vua sáng suốt thì nền cai trị đó sẽ tốt nhưng nếu gặp một ông vua ám muội thì nền chính trị sẽ đen tối và chắc chắn nhân dân sẽ lầm than cơ cực.

Phan Chu Trinh còn tố cáo nền quân chủ Việt Nam lúc ấy đã lợi dụng Nho giáo và cố tình giải thích sai Nho giáo để củng cố đế quyền. Ngoài ra, nền quân chủ Việt Nam đã làm cho nhân dân có cảm tưởng đất nước này là của riêng nhà Vua chứ không phải của người Việt Nam nên "tôi nghĩ rằng vì cái độc quân chủ nó giết hẳn cái lòng ái quốc của dân tộc Việt Nam ta" (nguyên văn lời Phan Chu Trinh). Ông hô hào thiết lập chế độ dân chủ với tam quyền phân lập theo kiểu Tây phương được phân định rõ ràng bằng hiến pháp, hiến pháp do quốc hội soạn, quốc hội do dân chúng tự do bầu ra. Nền dân chủ có tính cách pháp trị rõ ràng và bình đẳng. "Từ ông Tổng thống cho đến một người nhà quê cũng đều chịu theo một pháp luật như nhau." (lời Phan Chu Trinh). Phan Chu Trinh quả quết: *"Khi nào dân đã hiểu như thế thì nó mới biết thương nước. Mà nó có biết thương nước thì một ngày kia mới mong độc lập tự do được, chứ không thế thì cứ đời đời làm tôi mọi mãi."* (nguyên văn lời Phan Chu Trinh).

Như vậy, tuy không có một tác phẩm minh diễn tư tưởng nhưng qua các hoạt động và qua các bài viết, các bài diễn thuyết theo từng giai đoạn của Phan Chu Trinh, chúng ta thấy rõ ràng đường hướng cụ thể của tư tưởng Phan Chu Trinh như sau: *đả phá chế độ độc tài quân chủ, vận động dân quyền và nhân quyền, nâng cao dân trí, mở mang kinh tế, chủ trương dân chủ tự do tiến lên giành độc lập cho đất nước.* Khác với Phan Bội Châu thường hay thay đổi lập trường chính trị theo từng giai đoạn lịch sử, Phan Chu Trinh luôn luôn giữ vững lập trường kiên định của mình từ khi từ quan ra hoạt động chính trị năm 1904 cho đến khi từ trần 1926. Trong sách Phan Tây Hồ Tiên Sinh lịch sử trang 34 (Huế, Anh Minh, 1959), Huỳnh Thúc Kháng có nhận xét: "... Tiên sinh cứ khăng khăng ôm một cái chủ nghĩa, đeo đẳng mãi với cảnh hoạn nạn mà không chịu rời ra, không những danh vị lợi lộc không dỗ dành được, cực khổ không đổi dời được, cho đến gươm kề trên cổ, súng chỉ trước bụng cũng không chút nào lay chuyển..."

Đối với những người sống trong các nước dân chủ tiên tiến Tây phương ngày nay, tư tưởng Phan Chu Trinh xem ra có vẻ cổ điển. Nhưng hãy đặt tư tưởng này vào hoàn cảnh chính trị Việt Nam vào đầu thế kỷ 20, trong đó nền quân chủ và tập đoàn quan lại bảo thủ dưới sự điều khiển khéo léo của thực dân Pháp đang thống trị và thao túng xã hội Việt Nam, mọi người sẽ thấy rằng quả thật đây là một tư tưởng quá mới mẻ và tiến bộ. Tư tưởng Phan Chu Trinh có thể được xem là nền tảng của hệ tư tưởng dân chủ Việt Nam ngày nay. Trước Phan Chu Trinh, chưa có ai nghĩ đến dân chủ, dân quyền. Ngay cả Phan Bội Châu, khi vào Quảng Nam cùng Nguyễn Thành lập hội kín Duy Tân Hội năm 1905 cũng chỉ nghĩ đến một hình thức quân chủ mới, tôn Kỳ Ngoại Hầu Cường Để lên làm Minh Chủ. Sau Phan Chu Trinh mới bắt đầu xuất hiện một số đảng phái hoạt động tranh đấu đưa Việt Nam tiến lên theo đà phát triển dân chủ mà cao điểm là Việt Nam Quốc Dân Đảng của Nguyễn Thái Học.

Có thể nói, tại Việt Nam, tư tưởng Phan Chu Trinh là một chuyển mạch từ hệ tư tưởng quân chủ sang hệ tư tưởng dân chủ. Những việc làm tích cực của Phan Chu Trinh đã sửa soạn dư luận quần chúng tạo thành môi trường thuận lợi giúp các nhà cách mạng kế tiếp dễ dàng phát triển hoạt động vì dân chúng đã được sửa soạn sẵn để tiếp thu đường lối tư tưởng mới.

Chẳng những Phan Chu Trinh là người đầu tiên thổi luồng gió mới vào chính trường Việt Nam, Phan Chu Trinh cũng là người Việt Nam đầu tiên gây được uy tín lớn lao đối với chính trường nước Pháp là nước lúc bấy giờ đang đô hộ Việt Nam. Ông rất được chính phủ Pháp và nhất là những nhà hoạt động chính trị độc lập và đối lập kính trọng. Những người bạn thân của Phan Chu Trinh như Ernest Babut, Jules Rous đều hoạt động trong hội Nhân quyền Paris.

Những bài viết, những tin tức hoạt động của ông gây được nhiều tiếng vang tại thủ đô Pháp. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, những vận động dân quyền Việt Nam đã được người Tây phương ủng hộ, mở một hướng đi mới cho những nhà chính trị sau này đi tìm hậu thuẫn quốc tế để kiếm cách trở về cứu nước.

Từ trước đến nay, khi nói đến Phan Chu Trinh, người ta thường xem ông là một trong những nhà lãnh đạo công cuộc vận động duy tân vào đầu thế kỷ 20 này, ít ai để ý có thể xem Phan Chu Trinh là nhà hoạt động dân quyền và nhân quyền đầu tiên của Việt Nam. Phan Chu Trinh đã nhận định một cách thật đơn giản: *"Chỉ nên đề xướng dân quyền, dân đã biết có quyền rồi thì việc khác có thể tính lần được"*. Khi triển khai hoạt động dân quyền và kiếm cách phát triển phong trào duy tân, Phan Chu Trinh chủ trương bất bạo động, xem ra là một phương thức hành động mới mẻ trong sinh hoạt chính trị Việt Nam. Phan Chu Trinh đã đi trước cả Thánh Gandhi (1869-1948) của Ấn Độ. Chỉ tiếc là các sĩ phu lãnh đạo phong trào Trung kỳ Dân biến đã không tự kềm chế được, gây ra bạo loạn, tạo điều kiện cho Pháp có lý do đàn áp luôn phong trào duy tân.

Bài học dân quyền và nhân quyền của Phan Chu Trinh tuy cổ điển nhưng là bài học căn bản của nền chính trị dân chủ đưa đến sự hình thành một chính quyền "của dân, do dân và vì dân." Những chế độ độc tài thường chà đạp thô bạo dân quyền và nhân quyền. Các chế độ độc tài càng hiện đại thì sự chà đạp càng tinh vi, càng khó lường. Nhưng bất cứ nền độc tài nào rồi cũng sẽ tàn lụi, những gì ngược lòng dân sẽ bị đào thải, những gì thuận lòng dân sẽ sống mãi. Và Phan Chu Trinh sẽ sống mãi trong lòng dân tộc Việt Nam như hình ảnh của một nhà vận động duy tân đồng thời là một nhà vận động dân quyền đầu tiên của Việt Nam.●

Chú thích:

(1) Hy Mã tức là hy vọng được như Mã Chí Nê, tức Mazzini, nhà yêu nước người Ý. Tây Hồ là cái hồ của làng Tây Lộc. Theo Huỳnh Thúc Kháng trong Phan Tây Hồ Tiên Sinh lịch sử (Anh Minh, Huế, 1959). Phan Chu Trinh sinh năm 1872, còn theo Jules Roux trong tập san số 9 hội Nhân quyền Pháp (25 tháng Tư, 1926), Phan Chu Trinh sinh năm 1871. Tài liệu của Huỳnh Thúc Kháng có lẽ chính xác hơn.

(2) Theo lời kể của bà Phan Thị Châu Liên, con gái của Phan Chu Trinh (phỏng vấn trước 1975).

(3) Năm 1829 (Kỷ Sửu), trong kỳ thi HỘi, Minh Mạng đặt thêm ngạch Phó Bảng dưới Tiến sĩ. (*Quốc Triều Đăng Khoa Lục*, Cao Xuân Dục biên soạn, Lê Mạnh Liêu dịch, Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, Sàigòn, 1962, trang 1).

(4) Đào là một họ lớn tại Bình Định, Mộng Giác là tỉnh mộng.

(5) Huỳnh Thúc Kháng, báo *Tiếng Dân* số 424 ngày 10 tháng Ba, 1931.

(6) Huỳnh Thúc Kháng, *Phan Tây Hồ Tiên sinh lịch sử*, trang 17.

(7) Phan Bội Châu, *Tự Phán*, trang 71.

(8) Lời kết luận bài *Hiện Trạng Vấn Đề Phan Chu Trinh* diễn thuyết tại Hà Nội năm 1907.

(9) Nguyễn Hiến Lê, *Đông Kinh Nghĩa Thục*, trang 96.

Tài liệu tham khảo:

— *Thi Văn Quốc Cấm Thời Pháp thuộc* của Thái Bạch do nhà sách Khai Trí xuất bản tại Sàigòn năm 1968.

— *Việt Sử Tân Biên* của Phạm Văn Sơn, Sàigòn 1963.

— *Phan Chu Trinh: cuộc đời và tác phẩm* của Nguyễn Quyết Thắng, Sàigòn 1937.

Xin tìm đọc

VỀ HƯỚNG MẶT TRỜI LẶN

Tập truyện mới nhất của
TRẦN HOÀI THƯ
Phát hành trong tháng Tám

Xin hỏi tiệm sách hay liên lạc:
TRẦN HOÀI THƯ
P.O. Box 58 So. Bound Brook
NJ 08880, USA
Phone: (908) 769-1718
E-mail: tht@saigonline.com
hay: sachtran@worldnet.att.net
Sách dày 278 trang, **giá $14.**
Ngoài Hoa Kỳ thêm $2 cước phí

TIẾNG ANH: LAI RAI ĐÔI ĐIỀU

BILL BRYSON
VÕ ĐÌNH MAI *dịch ra tiếng Việt*

Năm nay, nhân ngày Father's Day, con gái tôi gửi biếu tôi một cuốn sách về Anh ngữ. Mới liếc sơ qua vài trang, tôi đã có lúc ngưng đọc, cười ha hả. Một đề tài có tính cách biên khảo như vậy mà tác giả viết đọc vui không chịu được. Sách vừa thông thái, vừa dí dỏm, đến độ nghịch ngợm, "tiếu lâm" hết sức.

Biết thế này là quảng cáo không công cho cuốn sách, mặc dù người viết và Thế Kỷ 21 *tuyệt đối không có liên hệ thương mại gì với cuốn sách này cả, nhưng nghĩ rằng dù muốn dù không, Anh ngữ là ngôn ngữ chính ở xứ này, hiểu biết thêm về nó qua một cuốn sách đọc thật thú vị cũng là điều nên làm. Bạn đọc tò mò nên tìm* The Mother Tongue: English & How It Got That Way *của Bill Bryson; First Avon Books Trade Printing, 1991. 270 trang, bìa mềm: $12.50.*

Bản dịch sau đây chỉ là Chương Một của sách, với nhiều đoạn đã được lược qua.

Người dịch

*

Có hơn 300 triệu người trên thế giới nói tiếng Anh. Có vẻ như số người còn lại trong hoàn cầu ai cũng ra công học nói tiếng này. Đây là một nhận xét bao dung, biết thương người: Có cố gắng đấy nhưng kết quả chỉ vầy vậy, khi trật khi trúng, khi đúng khi sai.

Bạn đọc cứ thử xem cái yết thị đầy thiện chí được thấy trong một khách sạn ở Nam Tư: *"The flattening of underwear with pleasure is the job of the chambermaid. Turn to her straightaway."* Hay lời khuyến cáo người lái xe hơi ở Đông Kinh, Nhật Bản: *"When a passenger of the foot heave in sight, tootle the horn. Trumpet at him melodiously at first, but if he still obstacles your passage, then tootle him with vigor."*

(...)

Thật vậy, hình như một trong những cái hay của tiếng Anh là dù bạn chỉ quen biết với nó chút xíu thôi bạn cũng thừa sức nói lên đủ điều nếu bạn thật sự hăng hái lên tiếng và — như trong trường hợp này — bạn sẵn sàng bóp còi inh ỏi.

Công bằng mà nói, tiếng Anh đầy dẫy những cạm bẫy giăng ra cho người ngoại quốc vô tâm vô ý. Ngôn ngữ nào mà một chữ thật tầm thương như *fly*,, vừa chỉ một con bọ hay quấy nhiễu ta, vừa chỉ một phương tiện di chuyển, vừa lại là một phần quan trọng nhất của... cái quần quí ông, ngôn ngữ đó tự nguyện đưa mình ra cho thiên hạ xài xể đã đời. Cứ tưởng tượng bạn là một người ngoại quốc học Anh ngữ được dạy rằng khi mình nói dối thì mình *tell A lie.* Vậy mà khi mình nói thật thì mình lại *tell THE truth.* Hay khi ai đó nói *I could care less,* người đó cũng muốn nói rằng *I couldn't care less.* Hay khi bạn bước vào một cửa hàng, thấy bảng đề *ALL ITEMS NOT ON SALE,* bạn phải hiểu rằng thật ra người ta không bảo *EVERY ITEM IS NOT ON SALE* đâu mà người ta chủ ý muốn bạn biết rằng *SOME OF THE ITEMS ARE NOT ON SALE.* Hay một người nào đó chào hỏi bạn *How do you do?* Rồi lấy làm bỡ ngỡ lúng túng khi bạn trả lời, với một "lô gích" tuyệt hảo: *How do I do what?*

Anh ngữ có những vấn đề nhức đầu đến nỗi ngay cả những người sinh quán là xứ Anh ngữ, lớn lên nói tiếng Anh, không phải khi nào cũng hiểu nhau trọn vẹn cả, như hầu hết người Mỹ có kinh nghiệm ngày đầu tiên đặt

chân lên Anh quốc. Thật vậy, Robert Burchfield, chủ biên cuốn *The Oxford English Dictionary,* đã có lần gây nên sóng gió tranh luận trong giới ngôn ngữ học cả hai bên bờ Đại Tây Dương khi ông tuyên bố ông tin rằng Anh ngữ-Hoa Kỳ (*American English*) và Anh ngữ-Anh Cát Lợi (*English English*) ngày càng tách xa nhau, tách xa thật nhanh thật gấp đến nỗi chỉ nội trong 200 năm hai quốc gia Mỹ và Anh sẽ không còn khả năng hiểu nhau nữa.

Ông Burchfield đúng hay sai, hạ hồi phân giải. Nhưng nếu người Mỹ và người Anh của thế kỷ 23 lúng túng với nhau vì ngôn ngữ bất đồng thì họ lại không gây nên phiền hà gì cho ai nếu thế giới cứ tiếp tục hồ hởi trưng dụng ngôn ngữ của họ như hiện nay. Dân Đức coi bộ đã khá quen thuộc với những từ ngữ như *ein Image Problem* và *das Cash Flow.* Dân Ý thì thảo chương trình trên máy vi tính của họ với *il software.* Bên Pháp, cứ đến *weekend break* là người ta chạy xe ào ào trên xa lộ, lâu lâu lại dừng ở những *refueling stops.* Dân Ba Lan coi *telewizja.* Dân Tây Ban Nha bay bướm *flirt* nhau. Dân Áo đớp *Big Măcs.* Và dân Nhật thì thích mang giỏ thức ăn đi *pikuniku.*

Hay nhờ dở chịu, dù muốn dù không tiếng Anh đã trở thành ngôn ngữ có tính quốc tế nhất, ngôn ngữ của các giới thương mại, kinh tài, khoa học, giáo dục, chính trị, và nhạc pop. Trong tổng số 168 quốc gia trên thế giới, có đến 157 quốc gia chấp nhận luật bất thành văn là cho phép những hãng hàng không của họ dùng Anh ngữ làm ngôn ngữ chính thức. Ở Ấn Độ, có đến hơn ba ngàn (3,000) tờ báo tiếng Anh. Sáu quốc gia của Hiệp Hội Âu Châu Mậu Dịch Tự Do sử dụng Anh ngữ khi làm việc với nhau dù rằng không một quốc gia nào trong sáu quốc gia này là một nước nói tiếng Anh cả.

(...)

Bốn công ty từ bốn nước Âu châu họp lại để lập nên một hãng máy chế tạo xe vận tải năm 1977, họ chọn tiếng Anh làm ngôn ngữ chung. Một sáng lập viên đã nhận xét thật dí dỏm: "Như thế, cả lũ chúng tôi đều chịu thiệt ngang nhau cả." Và khi Volkswagen lập một nhà máy ở Thượng Hải, họ phát giác rằng người Đức nói được tiếng Tàu hay người Tàu nói được tiếng Đức thật quá hiếm: Thế là kỹ sư Đức và nhân viên điều hành Tàu làm việc với nhau bằng tiếng Anh. Bỉ quốc có hai ngôn ngữ, Pháp và *Flemish* (ngôn ngữ nguyên của vùng đất phong bá cũ, Flanders, ngày nay thuộc Bỉ, Pháp và Hòa Lan. Vậy mà mới đây, ghé phi trường Brussels, bản thân tôi đếm thấy có trên 50 bích chương bằng Anh ngữ. Chẳng thấy Pháp ngữ và *Flemish* đâu cả. Còn Pháp quốc, tuy là nước quyết tâm nhất thế giới không dùng tiếng Anh, vậy mà cuộc chiến chống tiếng Anh xâm nhập coi mòi đã rã rồi: Năm 1989 Viện (Institut) Pasteur ra tuyên cáo từ nay trở đi sẽ chỉ ấn hành tập san quốc tế danh tiếng về tin tức y học của Viện bằng tiếng Anh thôi vì độc giả tiếng Pháp của nó quá ít ỏi!

(...)

Tình trạng thế giới ngôn ngữ như vậy đó, có gì là lạ khi ai cũng đâm đầu đi học tiếng Anh: Bên Trung Quốc bây giờ số người học Anh ngữ lớn hơn là tổng số dân cư ở Hiệp Chủng Quốc.

(...)

Người ta thường cho rằng yếu tố đáng kể trước tiên làm nổi bật tiếng Anh là kho tàng ngữ vựng thật phong phú. *The Webster's Third International Dictionary* liệt kê 450 ngàn từ trong khi cuốn *The Oxford English Dictionary* mới được nhuận sắc tổng số từ kỹ thuật và khoa học nhiều đến mấy triệu. Nói chung, chừng 200 ngàn từ tiếng Anh là những từ thông dụng, nhiều hơn tiếng Đức thông dụng (184 ngàn), nhiều hơn tiếng Pháp thông dụng (chỉ 100 ngàn thôi).

Tuy nhiên, chúng ta cũng nên biết rằng những ngôn ngữ khác lại có những điểm hay, những tiện dụng mà tiếng Anh không có. Chẳng hạn Pháp và Đức ngữ phân biệt được cái biết *(knowledge)* do sự nhận diện mà ra *(connaître, kennen)* và cái biết do sự thông hiểu mà ra *(savoir, wissen).* Tiếng Bồ Đào Nha có một chữ cho cái góc bên trong, và một chữ khác cho cái góc bên ngoài. Tất cả các ngôn ngữ gốc La tinh đều phân biệt được cái rỉ ra ngoài và cái thấm vô trong. Người Ý có một chữ đặc biệt để chỉ cái vết để lại trên bàn bởi một cái ly ướt! Tiếng Anh không có một chữ nào tương xứng với *sang froid* của Pháp, *glasnost* của Nga, hay *macho* của Tây Ban Nha. Bởi thế, chúng ta phải mượn của họ mà xài đỡ, hoặc nếu không muốn mượn thì đành dẹp luôn cái tình, cái ý ấy đi.

(...)

Vì những lý do thực tế, ngôn ngữ nào cũng có khả năng tạo nên nhiều từ cho đời sống hằng ngày. Chẳng hạn, người Eskimos có tới 50 từ để chỉ đủ loại tuyết, tuyết cũ, tuyết mới,

tuyết cứng, tuyết mềm, v.v... vậy mà họ lại không có một từ riêng biệt để chỉ *tuyết* mà thôi. Chúng ta cũng không nên ngạc nhiên nếu người Ý có tới 500 tên cho đủ loại *macaroni.* Người dân ở quần đảo Trobiand ở Papua, New Guinea, có 100 từ để chỉ khoai lang ngọt, và người Maoris ở Tân Tây Lan có 35 từ để chỉ phân gia súc (xin đừng hỏi tôi tại sao). Trong khi đó, người ta nói người Ả Rập (hơi khó tin đấy nhé) có tới 6,000 từ để dùng cho tất cả những gì dính dấp đến con lạc đà.

(...)

Ngay cả những người có cùng chung tiếng nói đôi lúc cũng có chuyện trật đường rầy do những khác biệt có tính cách quốc gia hoặc địa phương. Lấy một chữ làm ví dụ: Cái mà bên Anh quốc người ta gọi là *blizzard* thì ở Illinois hay Nebraska đó mới chỉ là một... *flurry.* Và khi họ than đang bị một *heat wave,* cả thế giới thường phải nín cười. (Tôi còn cất giữ, quí báu lắm, một tờ nhật báo Luân Đôn với hàng chữ lớn trang đầu: ANH QUỐC CHÁY XÈO XÈO LÊN VỚI NHIỆT ĐỘ BẢY MƯƠI MẤY!

(...)

Yếu tố thứ hai người ta thường nêu ra để chứng tỏ tiếng Anh biệt lập với những ngôn ngữ khác trên thế giới là sự uyển chuyển mềm dẻo. Điều này có thật nếu ta xét tiếng Anh trên phương diện đặt câu: người nói tiếng Anh có thể tung tăng khá tự do giữa những ý chủ động và thụ động. Chúng ta nói *"I kicked the dog"* mà chúng ta cũng có thể nói *"The dog was kicked by me,"* một cấu trúc không thể có được trong nhiều ngôn ngữ khác. Người Đức nói *ich singe,* người Pháp nói *Je chante* trong khi chúng ta có thể nói khi thì *I sing,* khi thì *I do sing,* khi thì *I am singing.* Tiếng Anh lại có khả năng đặc biệt bắt một từ làm việc gấp đôi, khi thì như một danh từ, khi thì như một động từ. Một danh sách những từ ấy ắt phải dài lắm: *drink, fight, fire, sleep, run, fund, look, act, view, ape, silence, worship, copy, blame, comfort, bend, cut, reach, like, dislike,* vân vân. Nhưng đồng thời, sự phong phú, uyển chuyển của Anh ngữ cũng là lý do khiến cho những qui luật về văn phạm của chúng ta lắm lúc thật khó lường, khó hiểu. Trong câu *I am swimming, swimming* là một hiện tại phân từ *(present participle).* Nhưng trong câu *Swimming is good for you,* từ đó lại là một động từ tiến hành cách *(gerund)* mặc dù nó mang cùng một nghĩa như từ trước.

(...)

Người ta cho rằng còn có một lợi thế nữa của tiếng Anh — quan điểm này rồi thế nào cũng bị đem ra bàn cãi dài dài — là sự giản dị tương đối của chính tả và cách phát âm. Anh ngữ được coi như có khá ít những cụm phụ âm và những biến điệu làm cho một số ngôn ngữ khác thật khó học. Tiếng Quảng Đông, chẳng hạn, *hae* có nghĩa là vâng, dạ *(yes).* Nhưng chỉ cần đổi âm độ một chút xíu, từ đó lại để chỉ chỗ kín của phụ nữ. Nói lộn, hiểu lộn, gây ra những lôi thôi phiền phức gì, xin để dành cho trí tưởng tượng của bạn đọc.

Ngôn ngữ nào cũng vậy, cách đọc, nói chung chung, là vấn đề quen thuộc pha thêm một số thành kiến. Một người nói tiếng Anh cỡ trung bình thấy những cụm phụ âm như *tchst,* như *sthm,* như *tchph,* thì kêu ầm lên là ngán quá trời, đọc sao nổi. Họ đâu có ngờ rằng hằng ngày vẫn dùng chúng đều đều. Lạ lùng gì những chữ như *matchskick, asthma,* và *catchphrase.* Ở đây, cũng như ở mọi lãnh vực khác của ngôn ngữ, những thành kiến, những thiên vị thật khó tránh né khi chúng ta muốn đánh giá một cách trung thực. Chưa có ai nói lên rằng: "Ấy, tiếng nói của (dân) tôi nghèo nàn lắm, lạc hậu lắm, cần phải mài giũa, trau chuốt, vun đắp nhiều nhiều nữa." Chúng ta có khuynh hướng nhận xét ngôn ngữ của những dân tộc khác cùng một cách chúng ta đánh giá văn hóa của họ. Với một sự dè bỉu đôi khi không lấy làm kín đáo lắm.

Hãy xét một vài ví dụ: Người Nhật có một từ chỉ người ngoại quốc; từ đó lại cũng có nghĩa là "tóc lông ngoại quốc hôi thúi." Đối với dân Tiệp Khắc, một người Hung Gia Lợi là một "cái mụt mụn." Dân Đức thấy con gián thì gọi là "con Pháp lang sa," trong khi dân Pháp thấy con chí thì gọi là "con Tây Ban Nha." Dân Ý gọi bệnh hoa liễu là "bệnh Pháp." Trong khi dân Pháp và dân Ý gọi những trò chơi gian lận là "quỵt kiểu Mỹ." Ở Bỉ quốc, tài xế tắc xi gặp phải khách cho "tiền uống nước" quá ít thì gọi khách là "thằng Ăng lê." Khi nào buồn chán muốn chết luôn, thì người Pháp nói rằng "đến từ Birmingham." Nghĩ cho cùng, cũng có phần đúng đấy chứ chẳng oan ức gì cho thành phố Anh quốc này. Thấy xe dơ, cần rửa, nhưng lười, để xe ngoài trời cho hứng mưa, đó là cách "rửa xe kiểu Mễ Tây Cơ"...

Cứ thế, nhận định và phán xét cái hay cái dở của một ngôn ngữ, với đầy đủ bằng chứng

và dữ kiện chính xác, ngay cả bởi giới có thẩm quyền, không phải là chuyện giản dị. Phần lớn sách vở luận về Anh ngữ đều, không cái này thì cái khác, hàm ý rằng tiếng Anh là nhất, không gì bì kịp. Trong cuốn *The English Language,* ông Robert Burchfield, chủ biên cuốn *The Oxford English Dictionary,* viết: "Như một kho tàng tư liệu trí thức và nghệ thuật nhằm mở mang đầu óc cũng như để tiêu khiển, có thể nói rằng toàn bộ văn xuôi viết bằng tiếng Anh thật là đồ sộ phong phú, độc nhất vô nhị trên thế giới." Bản thân tôi, tôi rất muốn tin là ông Burchfield nói đúng. Nhưng tôi cứ ngờ ngợ rằng chẳng biết ổng có khẳng định vung vít như vậy không nếu vì cơ duyên nào đó ông sinh ra làm người Nga, người Đức, hay người Tàu. Thật vậy, không có một cách gì thật đáng tin cậy để đo lường cái hay của một ngôn ngữ.

(...)

Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng có đôi ba điểm đáng lưu ý để thấy được là tiếng Anh có vài lợi thế hơn những ngôn ngữ khác. Chẳng hạn, những đại danh từ phần đông, may thay, không biến hóa ở ngữ vĩ. Tiếng Đức, thử lấy một ví dụ, muốn nói *you,* ta phải chọn một trong bảy chữ: *du, dich, dir, sie, Ihnen, ihr,* và *euch.* Người Triều Tiên phải chọn một trong sáu tiếp vĩ ngữ *(suffixes)* để dùng cho hợp với địa vị của người mình đang nói chuyện.

Tiếng Anh lại có cái hay là không lưu tâm đến cái giống của từ ngữ. Những ai đã từng trải qua một thời thơ ấu khổ đau cố nhớ cho được cái lông chim *(plume)* giống đực *(le)* hay giống cái *(la)* đều đồng ý rằng cái vụ giống giếc này thật vô bổ. Về mặt này, tiếng Anh là một món quà trên Trời rớt xuống. Không những chúng ta bỏ phắt chuyện giống đực giống cái của các quán từ *(articles),* định *(definete)* cũng như bất định *(indefinete),* chúng ta còn "dzục" luôn các quán từ đi nữa. Chúng ta nói *"It's time to go to bed"* khi hầu hết các ngôn ngữ Âu châu đều nói *"It's the time to go to the bed."* Chúng ta có vô số những thành ngữ gọn ghẽ, sắc sảo, mạnh mẽ như *life is short,* như *"Between heaven and earth,* như *to go to work* — những cách nói ngôn ngữ khác đòi hỏi phải có quán từ.

Tiếng Anh có một khuynh hướng đáng khen là giản lược, vắn tắt mà rõ ràng. Đức ngữ có những từ đọc sái cả quai hàm luôn, như *Kriegsgefangenenentschadigungsgestz* (một đạo luật liên quan đến việc bồi thường chiến tranh). Các công ty Hòa Lan thường mang những danh hiệu có đến 40 chữ cái hay nhiều hơn nữa. Như *Douwee Egberts Koninlyke Tabaksfabriek - Koffiebranderijen - Theehandal Naamloze Vennootchap* (Tiếng Anh: Douwee Egberts Royal Tobacco Factory-Coffee-Roasters-Tea Traders Incorporated). Ngược lại, thấy danh hiệu nào dài dài, có vẻ phiền phức là chúng ta thoải mái cắt xén, rút ngắn lại, cho dễ viết, dễ nhớ: IBM, *laser,* NATO...

Tuy nhiên, được cái này lại mất cái khác. Đặc biệt trong giới hàn lâm và chính trị, thỉnh thoảng người ta đem Anh ngữ ra biểu dương một cách khá lố bịch. Đó là cái tật ưa dùng những từ ngữ thật kêu, đọc lên nghe vừa uyên bác vừa bí hiểm. Một ví dụ nhiều người biết là khi thấy cái xuổng *(spade)* các vị trí thức ấy không gọi là cái xuổng mà lại nói: "dụng cụ cầm tay có công hiệu chuyển hóa cấu trúc đất cát." Lối nói này là một trong những cái họa lớn của Anh ngữ hiện đại.

(...)

Nghĩ cho cùng, có lẽ đặc tính số một của Anh ngữ — hay thì nhờ đã đành mà dở cũng ráng chịu — *(for better AND worse)* là nó có những nét phức tạp một cách không ngờ dễ làm cho người ta lầm. Đại khái, nó "coi dzậy chứ hổng phải dzậy." Ví dụ, chữ *what.* Chúng ta dùng nó hằng ngày — thật ra, cứ nói vài ba câu là có một chữ *what.* Nhưng thử giải thích cho một người ngoại quốc hiểu *what* là cái gì coi. Trong cuốn *The Oxford English Dictionary* có đến năm trang và gần 15 ngàn chữ để làm mỗi một việc ấy. Quá quen thuộc với Anh ngữ rồi, chúng ta ít khi dừng lại và nghĩ xem nó phức tạp và... bất xác lý đến mức nào. Ví dụ: *hem,* trong *hem and haw,* là cái quỉ gì? Và *shrift* trong *short shrift* là cái quái gì? Còn cái *fell* trong *one fell swoop* nữa: Nó là cái gì vậy? Còn lúc bạn nói bạn bị *overwhelmed* thì cái *whelm* nó ở đâu vậy để bạn thấy bạn *over* nó? Mặt mũi cái *whelm* nó ra làm sao nhỉ? Rồi tại sao chúng ta có thể bị *overwhelmed* hay *underwhelmed* mà lại không bao giờ bị *semiwhelmed* cả nếu tình cảm chúng ta không đến nỗi bức xúc quá đáng, nghĩa là chỉ *whelmed* vừa phải thôi? Lại nghĩ xem, tại sao chúng ta nói *colonel* như thể chữ này có một *r* trong ấy? Và tại sao chúng ta lại viết *four* với một chữ *u* mà lại viết *forty* không có chữ *u* nào cả?

KHÔNG AI ĐIỀU TRA ÔNG PHẠM THẾ DUYỆT

Phát ngôn viên Bộ Ngoại giao Hà Nội cải chính rằng ông Phạm Thế Duyệt không bị điều tra về tội tham nhũng, nhân dịp đó cô nói không biết có hay không có lá thư của 11 đảng viên già tố cáo Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị Phạm Thế Duyệt ăn cắp và bao che cho đồng bọn ăn cắp của công. Cô Phạm Thanh Thủy không biết lá thư đó, trong khi báo chí ở nước ngoài đã đăng nguyên văn khắp nơi. Lạ thật!

Lá thư ký tên các cụ, từ cụ Đoàn Nhân Đạo, cụ Đặng Thị Xuân Tiên, ... cho đến cụ Dương Văn Lợi, Nguyễn Văn Bính, 11 người đã kê khai đủ các hành động tham nhũng của ông Phạm Thế Duyệt, được viết từ ngày 1 Tháng Năm năm nay, lưu truyền ở Hà Nội tới tháng Bẩy mới lọt ra hải ngoại, chậm như vậy vì 11 người ký tên không phải là những nhân vật nổi tiếng như Tướng Trần Độ hay ông Hoàng Hữu Nhân.

Lá thư trên nêu ra năm vụ tham nhũng điển hình của đàn em ông Duyệt khi ông còn làm Bí thư Thành ủy và Chủ tịch Thành phố Hà Nội. Các tay tham nhũng đó đều bị dân chúng và cán bộ cấp dưới phản đối, nhưng ngày nay vẫn tiếp tục nắm quyền. Đặc biệt, ông Tô Huy Rứa Phó Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, bị tố cáo làm bậy, không những không bị điều tra lại còn được thăng cấp, được bầu vào Trung ương Đảng khóa Tám. Lá thư đặt câu hỏi *"Như thế thì bộ máy của Đảng và Nhà nước làm sao mà trong sạch được...?"* Dưới thời cai trị của ông Duyệt và ông Đinh Hạnh, có những vụ chiếm đất đình, chùa, di tích văn hóa lịch sử, đào mồ thi nhân Đặng Trần Côn, rồi vụ cháy Chợ Đồng Xuân, vụ băng đảng Khánh Trắng lộng hành, v.v.

Lá thư của 11 đảng viên, nhiều cụ ông, cụ bà đã vào đảng Cộng Sản trên dưới 50 năm, nêu lên cả các vụ tham nhũng riêng của hai người cần phải điều tra tài sản, là Chủ tịch Hà Nội Phạm Thế Duyệt và Phó Chủ tịch Đinh Hạnh. Ông Duyệt đã được cấp nhà mới khi vào Bộ Chính trị, lại lấy thêm nhà khác cho con, rồi lại xây nhà mới nữa, đang xây thì bỏ dở, không biết vì có báo động hay chăng. Ông Đinh Hạnh cũng chiếm nhiều ngôi nhà trong thành phố như đàn anh, lại còn mua rẻ 300 mét vuông đất ở Gia Lâm.

Một điểm đáng chú ý trong lá thư tố giác trên là các người viết nhắc đến nhiều lần những vụ đảng viên thấp cổ bé miệng bị đè nén, bị khai trừ, có người theo đảng 44 năm mà không được chứng nhận, những vụ ăn chặn, chiếm đất, chiếm tài sản mà chính đảng viên là nạn nhân. Điểm đáng chú ý khác là lá thư nhắc nhở nhiều lần các vụ dân chúng phẫn nộ phản đối ở Thọ Đà, Thái Bình, và vụ gần nhất là *thực tế nóng bỏng* ở tỉnh Đắc Lắc, *"ăn chia nội bộ cả Quỹ nhân dân đóng góp để xóa đói giảm nghèo."*

Những điểm trên cho thấy giới đảng viên nghèo và không có quyền thế đang bất mãn, lan từ nông thôn ra thành thị. Chế độ đang phải đối phó với các vụ nổi dậy của nông dân. Chính sách thông tin bưng bít và chế độ công an đã ngăn không cho các vụ nổi dậy đó lan tới thành phố. Hơn nữa, dân thành phố lo kiếm miếng rơi miếng rụng nên nỗi phẫn uất không cao bằng nông dân.

Nhưng lá thư tố giác của 11 người trên là dấu hiệu cho thấy tình hình đã biến đổi. Bây giờ không phải chỉ những đảng viên cấp cao như các ông Trần Độ, Hoàng Hữu Nhân mới viết thư phản đối chính sách chung chung nữa. Ở đây là những đảng viên cấp thấp, và họ chỉ đích danh, tên tuổi các vụ ăn cắp, nêu rõ từng vụ việc cụ thể, và họ cũng đòi hỏi các hành động cụ thể, như điều tra tài sản từng người.

Đảng Cộng Sản Việt Nam ở vào tình thế khó xử. Không thể bịt miệng ngay một lúc 11 đảng viên già này, và hàng trăm, hàng ngàn đảng viên khác đang nhìn thấy tấm gương của họ. Nhưng lá thư của Trần Độ, Hoàng hữu Nhân, v.v. đã tạo nên một phản ứng dây chuyền.

Mặt khác, Bộ Chính trị cũng không thể mở cuộc điều tra ông Phạm Thế Duyệt công khai.

Vì ngoài ông Duyệt ra, mỗi vụ chiếm đất làm nhà trên đê Yên Phụ còn dính đến nhiều quan chức cao cấp, rút dây thì động rừng. Hơn nữa, còn những vụ lấy tiền quỹ công tu bổ nhà riêng của ông Trần Đức Lương, chuyện kinh doanh của Bà Võ Văn Kiệt, hay các con ông Phan văn Khải thì sao?

Trong khi đó, sáu tỉnh miền bắc Trung phần đang bị hạn hán, riêng tỉnh Quảng Trị 260 ngàn người thiếu nước dùng, nước mặn kéo vào tận Đập Đá (Huế) và Điện Bàn (Quảng Nam) vì nước sông xuống thấp, vụ lúa Hè Thu coi như chết hết, báo Nhân Dân công nhận hàng triệu người trong số 10 triệu dân ở các tỉnh này đang bị nạn đói và khát đe dọa. Nước sông cạn kiệt cũng là hậu quả của những vụ phá rừng, đốn gỗ xuất cảng bừa bãi từ hơn 20 năm nay!

Đảng vẫn cứ tiếp tục lãnh đạo! Còn đồng bào chúng ta phải cam chịu cảnh khổ nhục cho đến bao giờ?

TƯƠNG LAI TÂY TẠNG

Khi Tổng thống Clinton nói chuyện tay đôi với Chủ tịch Trung Cộng Giang Trạch Dân, trước ống kính trực tiếp truyền hình, ông lên tiếng yêu cầu Trung Cộng hãy đối thoại với Đức Đạt Lai Lạt Ma, nhà lãnh đạo lưu vong Tây Tạng. Chúng ta có thể đoán, ông Clinton nêu lên đề nghị đó vì biết chắc giới lãnh đạo ở Bắc Kinh sẵn sàng nghe.

Sau đó, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã hoãn vô thời hạn chuyến thăm viếng Đài Loan. Cử chỉ đó gián tiếp đáp ứng với một đòi hỏi mà ông Giang Trạch Dân nêu lên khi trả lời ông Clinton: Đức Đạt Lai Lạt Ma phải công nhận Tây Tạng cũng như Đài Loan là một phần thuộc Trung Quốc.

Có những cuộc tiếp xúc bí mật giữa Đức Đạt Lai Lạt Ma và chính phủ Bắc Kinh, điều đó đã được xác nhận. Nhưng các cuộc tiếp xúc đó sẽ đi đến đâu? Tương lai Tây Tạng sẽ như thế nào?

Nhiều nhà báo Mỹ nghi ngờ đảng Cộng Sản Trung Quốc. Việc Bắc Kinh gặp gỡ các đại diện của Đức Đạt Lai Lạt Ma chỉ cốt làm dịu bớt những chống đối từ các nước Tây phương về chính sách đồng hóa Tây Tạng của họ. Và họ có thể kéo dài tình trạng đồng hóa từ từ rất lâu, họ có thể chờ mấy chục năm cũng được, cho đến khi nhà lãnh đạo Tây Tạng, hiện 63 tuổi, qua đời. Khi đó, người Tây Tạng khó tìm được một lãnh tụ có uy tín và khả năng thuyết phục như ngài. Và chỉ một hai năm sau khi ngài mất, Bắc Kinh sẽ "tìm được" một hóa thân mới của Đức Đạt Lai Lạt Ma đời sau - như họ đang làm với hóa thân của Đức Ban Thiền Lạt Ma. Người Tây Tạng đang trở thành thiểu số trên quê hương của họ. Có ngày dân Tây Tạng sẽ chỉ còn là một sắc tộc như hàng trăm sắc tộc khác trên đất Trung Hoa.

Nhưng Đức Đạt Lai Lạt Ma có thể làm gì? Để tránh rơi vào cạm bẫy trên, Đức Đạt Lai Lạt Ma sẽ phải thúc đẩy các cuộc tiếp xúc, thỏa hiệp để chính ngài trở về Tây Tạng càng sớm càng tốt. Trong những cuộc tiếp xúc này, Bắc Kinh nhìn Tây Tạng bằng cặp mắt kẻ đi thôn tính và đồng hóa. Nhưng Đức Đạt Lai Lạt Ma nhìn họ bằng con mắt của một người có sứ mạng văn hóa — một vị Bồ tát.

Đức Đạt Lai Lạt Ma đã nhiều lần nói rằng ngài chỉ là một tu sĩ, còn vai trò lãnh đạo chính trị ở Tây Tạng sau này phải do người dân quyết định theo thể thức dân chủ. Hiện nay một nửa dân số thủ đô Lassha là người Hán, ở các vùng biên giới người Hán còn đông hơn. Nếu bầu cử thì người Hán rất dễ nắm chính quyền hay ít nhất sẽ ảnh hưởng đến chính quyền.

Nhưng nếu trở về quê hương, ít nhất Đức Đạt Lai Lạt Ma sẽ góp phần bảo vệ, củng cố và phát huy truyền thống văn hóa và tôn giáo của dân tộc Tây Tạng. Mà tôn giáo đó cũng chia sẻ một phần với di sản văn hóa của dân Hán tộc.

Người ta sẽ hỏi: những thắng lợi văn hóa và tôn giáo khi Đức Đạt Lai Lạt Ma trở về có đáng công cho ngài từ bỏ cuộc tranh đấu gần nửa thế kỷ vừa qua chăng?

Có lẽ một người tranh đấu để dành nắm quyền bính thì nói là không. Nhưng Đức Đạt Lai Lạt Ma chỉ là một nhà tu, một người tìm đường giải thoát và giúp mọi người giải thoát, thì đối với ngài câu trả lời lại khác.

Một người mang hạnh nguyện cứu khổ sẽ nhìn xa hơn các nhà chính trị. Đối với Đức Đạt Lai Lạt Ma, việc bảo tồn và xiển dương các truyền thống Phật giáo Tây Tạng ở ngay trên quê hương ngài là một sứ mạng. Một vị Bồ Tát nhìn chúng sinh bình đẳng, thì dù đa số dân Tây Tạng là người gốc Hán cũng không thay đổi sứ mạng đó.

Từ khi xa quê hương, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã tạo được một ảnh hưởng rộng lớn khắp thế giới, chỉ nhờ nhân cách thánh thiện biểu hiện

của Từ bi và Trí tuệ. Cuộc tiếp xúc với Tây phương trong thời gian qua cũng mở rộng tầm nhìn của một tu sĩ, rộng lớn hơn cách nhìn của đồng bào của ngài còn ở trong nước. Việc ngài trở về sẽ giúp cho đạo Phật ở Tây tạng phục hưng, không phải chỉ vì các chùa chiền được tu bổ, mà còn vì tôn giáo truyền thống đó sẽ được hiện đại hóa để đáp ứng nhu cầu cứu khổ đời nay.

Chúng ta có thể nhìn thấy trước, chủ nghĩa Cộng Sản ở Trung Hoa sẽ tan biến không khác gì ở Nga. Một ngày kia, dân tộc Trung Hoa cũng như dân tộc Tây Tạng sẽ tìm về các truyền thống tinh thần của họ, mà họ cũng chia sẻ với nhau. Trong khi chờ đợi, cần bảo vệ cho nguồn suối tinh thần đó sung mãn và tiếp tục khai triển thêm cho phù hợp với thời hiện đại.

Trong thế kỷ này, Chủ nghĩa Cộng Sản bành trướng nhờ bạo lực cách mạng. Chúng ta đã thấy chủ nghĩa đó bị đào thải như thế nào. Sự tồn tại của đảng Cộng Sản chỉ còn ít nhiều năm nữa thôi, trong khi Phật giáo Trung Hoa còn ở đó rất lâu. Trong lịch sử loài người, các cuộc bành trướng bằng bạo lực cuối cùng đều thất bại, và sức mạnh của văn hóa, ôn nhu, từ ái và bao dung đã thắng. Đầu kỷ nguyên Tây lịch, các đạo quân La Mã từng chiếm lãnh miền Cận đông, và sau đó, Chúa Giê Su, một con người nghèo khó đi reo giảng tình thương, từ Palestine đã tiến qua chinh phục La Mã, rồi chinh phục cả Âu châu. Quân Mông Cổ đi tới đâu cỏ không thể mọc, nhưng con cháu họ cũng dần dần được thuần hóa trong các tôn giáo, từ Âu sang Á. Người ta sẽ thấy hiện tượng đó diễn ra ở Trung Hoa trong thế kỷ sắp tới.

Trong cuộc tiếp xúc giữa chính phủ Bắc Kinh và Đức Đạt Lai Lạt Ma, hai bên nhìn vấn đề khác nhau, theo đuổi các mục tiêu khác nhau, và có thể chính nhờ cách nhìn khác nhau đó hai bên lại dễ thỏa hiệp hơn.

TIỀN VÀO VÀ TIỀN RA TRONG QUỸ TRANH CỬ

Trong lúc nhiều người Mỹ còn lo theo dõi tin tức về cái áo của cô Monica Lewinsky, Hạ viện Mỹ đã thông qua một dự luật của hai Dân biểu Christopher Shays (Cộng hòa) và Martin Meehan (Dân chủ) cải tổ việc Gây Quỹ tranh cử, với 237 phiếu thuận, 186 phiếu chống. Trong cuộc bỏ phiếu, 51 dân biểu Cộng hòa đã xé rào, bỏ phiếu thuận cùng với đảng Dân chủ, vì họ biết dân chúng Mỹ thiết tha muốn đặt các giới hạn cho việc chi tiền trong mùa tranh cử. Nhưng số phận của dự luật khi lên Thượng viện cũng còn mong manh.

Tại sao cải tổ Quỹ tranh cử lại quan trọng? Ai cũng nhớ các vụ tai tiếng về gây quỹ tranh cử 1996, khi đảng Dân chủ và riêng Tổng thống Clinton đã nhận được nhiều khoản tiền đóng góp của người nước ngoài, tức là sai luật. Từ các tai tiếng đó, đảng Cộng Hòa thì muốn điều tra các việc gây quỹ của đảng Dân Chủ, các dân biểu Dân Chủ nhân cơ hội đòi cải tổ toàn diện để tiền bạc bớt ảnh hưởng đến chính trị.

Năm 1974, Quốc hội Mỹ làm luật ấn định cuộc tranh cử tổng thống được ngân sách quốc gia đài thọ, đó là một cách giảm bớt ảnh hưởng của những người có tiền. Một điều khoản khác hạn chế việc đóng góp của các tư nhân, công ty, hiệp hội, nghiệp đoàn cho các ứng cử viên. Đó cũng là một biện pháp giúp các nhà chính trị khỏi mang nợ riêng với các người đóng góp tặng quá nhiều. Nhưng các luật lệ hiện hành còn để nhiều lỗ hổng giúp tiền bạc vẫn len lỏi vào.

Một lỗ hổng vẫn được cả hai đảng lớn khai thác, gọi là "Tiền mềm" (soft money). Đó là những món tiền không góp cho từng ứng cử viên (bị hạn chế), mà tặng cho quỹ cả một đảng, không bị đạo luật 1974 hạn chế. Số "Tiền mềm" này càng ngày càng lớn, khiến cho tinh thần của đạo luật 1974 bị vi phạm. Trong mùa bầu cử năm 1996, các ứng cử viên Tổng thống và Quốc hội chỉ tiêu mất 2 tỷ Mỹ kim. Nhưng quỹ hai đảng đã tiêu 200 tỷ "tiền mềm" để gián tiếp hỗ trợ các ứng cử viên của họ. Đảng Cộng hòa thường nhận được nhiều tiền mềm hơn đảng Dân chủ, vì vậy thường không muốn đổi luật.

Lỗ hổng thứ hai là những khoản tiền của các tổ chức, nghiệp đoàn chi ra, cổ động cho các đề tài mà không vận động cho riêng ứng cử viên hay đảng nào. Những đề tài đó lại trùng hợp với chương trình tranh cử của một đảng hoặc một số ứng cử viên. Thí dụ Hội súng Toàn quốc (NRA), hoặc tổ chức của các công ty thuốc lá, có quyền hô hào cử tri ủng hộ một số chương trình thích hợp với mục tiêu của họ, trong khi các công đoàn lớn, với ngân sách dồi dào, cũng bỏ tiền ra vận động cho một số vấn đề họ tha thiết tranh thủ. Các nghiệp đoàn lớn ở Mỹ thường đi đôi với đảng Dân chủ, còn Hội Súng và các công ty thuốc lá

thường ủng hộ các lập trường giống như đảng Cộng hòa.

Dự luật mới được Hạ viện thông qua tìm cách bít hai lỗ hổng đó. Luật này sẽ hạn chế các khoản tiền mềm mà hai đảng được phép chi. Ngoài ra, ngân sách "vận động cho các đề tài" cũng bị hạn chế, đặc biệt trong hai tháng trước ngày bầu cử.

Nhưng dự luật Shays-Meehan cũng chỉ là một bước, bước này hạn chế "tiền vào" của các người đóng góp. Có những biện pháp khác nhắm giới hạn "tiền ra," để giảm bớt gánh nặng tiền bạc trong mùa tranh cử. Nếu các ứng cử viên không phải chi bạc triệu để quảng cáo, cổ động, giành phiếu, thì họ cũng bớt lụy những người đóng góp. Quảng cáo trên ti vi là chi cao nhất trong mùa tranh cử, nên được giới hạn. Ở nước Mỹ tôn trọng tự do ngôn luận, rất khó hạn chế số phút hay số tiền trả cho quảng cáo chính trị. Nhưng khi các ứng cử viên đều bị hạn chế như nhau thì đâu có quyền tự do ngôn luận của ai bị vi phạm? Ở nhiều nước Âu châu luật lệ hạn chế số giờ quảng cáo tranh cử, dù các nước đó vẫn nổi tiếng tôn trọng tự do phát biểu. Các nhà lập pháp cũng có thể buộc các cơ quan truyền thông phải dành một số giờ quảng cáo miễn phí chia đồng đều cho các ứng cử viên. Đó cũng chỉ là một thứ thuế mà các cơ quan truyền thông phải đóng góp, vì lý do công ích.

Những đề nghị như trên đã được báo chí ở Mỹ bàn đến, nhưng chỉ khi nào công chúng đòi hỏi mạnh mẽ thì các nhà chính trị mới chịu tự hạn chế quyền quyên góp tiền và chi tiêu tiền của họ. Dù sao việc Hạ viện thông qua dự luật cải tổ quỹ tranh cử cũng là một tiến bộ đáng kể.

MỖI TUẦN MỘT ÁN TỬ HÌNH

Đọc trên báo Sài Gòn, có một quan tòa đã đem thành tích "Mỗi tuần một án tử hình" ra nói!

Trong một buổi họp của "Hội đồng đô thành," bây giờ gọi là Hội đồng Nhân dân, ông Chánh án Tòa án (Nhân dân) *báo cáo:* "Sau sáu tháng đầu năm, TAND đã xử tới 23 án tử hình. Trung bình mỗi tuần tòa xử tử hình một người." Theo một tờ báo ở Sài Gòn kể, ông Lê Thúc Anh nói: "Mức án chúng tôi áp dụng là nghiêm khắc hơn, nhất là tham nhũng - bốn tử hình." Ông Đặng Thế Hồng, viện trưởng Viện Kiểm Sát Nhân dân (Công tố viện) nói thêm: "Trước vụ Tamexco xử tử hình rất ít." Trước mặt các nghị viên đô thành, các quan chức ngành tư pháp thành phố cho biết trước đây ở Chí Hòa số tử tội đông nhất là 29 người. Hiện nay có tới 53 người bị tử hình đang giam ở đó, chờ cứu xét hay chờ ngày hành quyết."

Một điều đáng hỏi ngay, là tại sao một vị quan tòa và một vị biện lý lại báo cáo trước Hội đồng Thành phố về "thành tích" kết án tử hình? Ngành Tư pháp ở các nước văn minh phải giả thiết là độc lập với các cơ quan hành chánh, dù là cơ quan dân cử thật. Người thay mặt cho xã hội lo việc điều tra, truy tố và buộc tội (công tố viện), cũng như các quan tòa xét xử, chỉ làm việc theo luật pháp và lương tâm, đạo lý, chứ không hành động để đạt chỉ tiêu, như các xí nghiệp sản xuất.

Nhà báo ở Sài Gòn kể chuyện quan tòa Lê Thúc Anh đã *tâm sự* về những số tiền mà Ủy ban đã chấp thuận cho tòa, rồi Sở Tài chánh lại cắt. Lúc đó là ông tâm sự. Nhưng khi nói đến thành tích xử tử, thì không thấy tả là ông tâm sự, mà *báo cáo* . Đọc lời lẽ người tường thuật, ta có thể đoán nhà báo dụng ý nói cái *tâm* của ông chánh án đặt ở đâu. Số bản án tử hình chỉ là những con số để báo cáo. Mong rằng không có liên hệ gì giữa thành tích "mỗi tuần một án tử hình" và kinh phí.

Nghe những con số người bị án tử hình báo cáo giữa những con số khác về ngân sách, đầu tư, số phụ thu tiền điện, học phí và lương bổng, số công ty không trả nợ, số tiền bị quịt, v.v., thì trong đầu óc người đọc nghĩ về mạng sống của con người như thế nào? Không khỏi nhớ đến các chỉ tiêu đặt cho mỗi đội Cải cách ruộng đất thời xưa. Nếu đội nào không thực hiện đủ chỉ tiêu thì các cố vấn bắt đôn thành phần, từ tội nhẹ lên tội nặng cho đủ. Người có chút lòng, đọc tiểu thuyết của Ngô Ngọc Bội, Dương Thu Hương khó cầm được nước mắt.

Những tử tội như ông Phạm Huy Phước và các đồng lõa trong vụ Tamexco quả đã phạm

* Khi anh chưa có can đảm để đứng lên và đối diện với cuộc đời thì anh cũng chưa nên ngồi xuống đặt bút viết về cuộc đời.

— Thoreau

* Nhà văn là kẻ biến câu trả lời thành câu hỏi.

— Kraus

những tội nặng đối với xã hội. Nhưng ngay cả trường hợp những người có tội nặng nhất đó, họ cũng là nạn nhân của một chế độ mà từ trên xuống dưới suốt nửa thế kỷ dung túng cho nhau làm bậy, che chở cho nhau, khi bị khám phá thì "xử lý nội bộ." Hàng trăm cán bộ ở Thái Bình trong năm qua bị dân nổi lên vạch tội, mà tội nặng nhất của ông Bí thư là khai trừ khỏi Trung ương!

CUỘC CHIẾN MỚI, SAU CHIẾN TRANH LẠNH

Nước Mỹ như bừng tỉnh dậy sau hai vụ đặt bom nổ cùng một lúc tại hai tòa Đại sứ. Rất nhiều yếu tố bất ngờ: Hiện nay không có cuộc tranh chấp hay mối đe dọa nào khiến người Mỹ phải tự đặt trong tình trạng báo động; thủ đô hai nước Kenya và Tanzania vốn không phải là những điểm nóng từng đe dọa người Mỹ; và các kẻ thù của Mỹ tại hai nước trên, nếu có, cũng không "tinh khôn" đến mức có thể tổ chức hai vụ đặt bom đồng thời với sức tàn phá mạnh như vậy.

Bà Madeleine Albright đã bắt mạch đúng căn bệnh dẫn đến hai vụ khủng bố trên. Bà nói rằng sau khi chiến tranh lạnh giữa Tư Bản và Cộng Sản Quốc tế, hệ thống tình báo của Mỹ, dù rất nhiều tiền và có kỹ thuật tối tân, vẫn chưa được chuẩn bị để đối phó với các cuộc khủng bố toàn cầu hiện nay. Bà nói: "Qua 50 năm, chúng ta biết ai là kẻ thù của mình, chúng ta dồn sức mạnh để đối phó với các mối đe dọa rõ rệt," nhưng ngày nay mối đe dọa khủng bố lại khác.

Hệ thống tình báo của Mỹ vẫn dựa vào kỹ thuật tân tiến. Vệ tinh chụp hình từ trên không có thể phát giác các cuộc chuyển quân, các dàn phóng hỏa tiễn - hay một khẩu súng cối mới đặt ở trên sườn đồi, nếu người ta biết phải quan sát ngọn đồi nào. Hệ thống vệ tinh gián điệp của Mỹ mới thất bại, không biết trước được cuộc thử bom nguyên tử của Ấn Độ mấy tháng trước. Và vệ tinh cũng không thể chụp được hết các vụ di chuyển của một vài tay đặt chất nổ nhà nghề, vì không biết họ là ai và sẽ đi đâu. Vệ tinh cũng không thể khám phá hết các gói chất nổ vài ký đi qua các biên giới. Hệ thống tình báo Mỹ cũng có khả năng nghe lén tất cả các cuộc điện đàm từ các thủ đô những nước thù nghịch, nhưng không thể nghe hết được các đường dây điện thoại tư nhân mà các tổ chức khủng bố dùng, từ nước này qua nước khác.

Vì ỷ vào kỹ thuật tân tiến, người Mỹ đã lơ là một vũ khí quan trọng trong trận chiến chống khủng bố, là con người.

Một ngày trước khi bom nổ ở Tòa Đại sứ Mỹ ở Kenya và Tanzania, một nhóm Hồi giáo quá khích ở Ai Cập, *al-Jihad* đã công bố một lời cảnh cáo chính phủ Mỹ, rằng sẽ có một vụ tấn công để trả thù việc Mỹ ép Albanie tống xuất ba "chiến sĩ" của họ, trả về cho chính phủ Ai cập xét xử. Lời cảnh cáo này được tờ báo *Al-Hayat* đăng lên. Sau khi bom nổ, một tổ chức tự xưng là "Đạo Quân Hồi Giáo Giải phóng Thánh địa" đã đứng ra nhận là tác giả vụ đặt bom. Những nhóm khủng bố lẻ tẻ như kiểu này sẽ còn mọc ra để tấn công người Mỹ ở các nơi khác. Cách tốt nhất để chống lại họ là nuôi các mật báo viên len lỏi trong hàng ngũ các nhóm khủng bố, hay những tổ chức cực đoan có thể trở thành khủng bố. Trên mặt trận này, các cơ quan tình báo Mỹ chưa được chuẩn bị.

Một nhược điểm khác của tổ chức tình báo Mỹ là chính sách ngắn hạn. CIA có thể gửi vài chuyên viên sang Afghanistan hay Iraq, Iran cung cấp vũ khí cho các tổ chức chống chính phủ, nhưng trong một tháng, trong một năm, nếu chính phủ Mỹ đổi chính sách thì họ lại bỏ rơi các nhóm người họ đang xúi cầm súng nổi lên. Đến khi cần thì họ lại đi tìm, bắt lại mối liên lạc.

Lâu nay chính phủ Mỹ đã chú ý đến những mạng lưới khủng bố do Iran hay Lybia tài trợ. Nay các chính phủ này cũng đang lánh mặt trên trận tuyến khủng bố, để cho các nhóm ngoài chính phủ tiếp tục. Có những nhóm khủng bố mới đã mọc lên, tự động chống Mỹ và Do Thái ở những địa điểm mà người Mỹ không dự phòng hết được. Một thí dụ là nhà triệu phú Bin Laden gốc Ả Rập Saudi với tài sản 300 triệu. Bị mất quốc tịch Saudi năm 1994, ông ta sang cư ngụ tại Sudan và từ năm 1996 đến nay ông sống ở Afghanistan. Ông ta nuôi dưỡng đến 3 ngàn người sẵn sàng mở cuộc thánh chiến chống Mỹ ở khắp nơi.©

* Thực là sai lầm khi chúng ta phân biệt con người và thiên nhiên. Con người chính là thiên nhiên biểu hiện trong một trạng thái tinh tế nhất.

— Whitehead

NGƯỜI CẦM ĐUỐC TRONG ĐÊM

Ghi chép của MINH TÂM

Trong những ngày này trung tướng hồi hưu Trần Độ đang ở Sài Gòn, trong tư gia vợ chồng người con trai út.

"Các cháu muốn tôi vào chơi để cho các cháu trông nom," ông nói "Tôi vào từ cuối tháng Bảy, tôi sẽ ở đây với các cháu đến đầu tháng Mười Một."

Mới cách đây ít ngày một người bạn ở cơ quan "chức năng" nói nhỏ với tôi: "Trần Độ vào Sài Gòn là để liên lạc với bọn phản động chống phá chủ nghĩa xã hội." Anh ta không biết rằng tôi và ông đã quen nhau từ mấy năm nay qua điện thoại. Tôi quý ông chỉ vì một câu nói: "Nhân dân không cần ai lựa chọn những món ăn tinh thần cho mình," trong khi ông còn đang giữ chức người cầm trịch công tác văn hóa và tư tưởng trong đảng cộng sản, năm 1986.

Ánh mắt ấm áp, giọng nói đầy đặn, rõ ràng và có phần chậm rãi, trung tướng Trần Độ không có gì giống một tên âm mưu. Trước mặt tôi là một con người an nhiên, tự tại, đang trong niềm vui được thấy con cháu bên mình trong tuổi già.

Dường như những giọng hằn học của những bài báo chính chuyên không lọt được vào căn phòng này, nơi ông tiếp chúng tôi bằng tuần trà mộc ngát hương đồi núi.

Đáp lại câu hỏi thăm sức khoẻ, ông mỉm cười buồn rầu:

"Không có gì chán bằng tuổi già. Nó làm phiền mình nhiều lắm. Muốn làm gì cũng phải hỏi ý kiến nó cái đã. Nhưng nếu cứ một mực nghe theo nó thì cũng hỏng, mình sẽ trở thành tàn phế. Dấn thêm, thì nó lùi. Nhưng phải biết điều với nó, đừng có quá đáng, nó mà giở quẻ ra thì gay."

Nụ cười của ông che giấu sự thật về sức khoẻ đáng lo ngại của ông, trong đó bệnh tiểu đường là nặng hơn cả — nó làm cho ông di chuyển chậm chạp trong phòng, đôi khi phải dùng xe lăn. Những người bạn ở xa của ông cũng rất quan tâm tới tình trạng sức khoẻ của ông. Ông cho chúng tôi biết từ Paris nhà văn Vũ Thư Hiên đã nhiều lần gửi thuốc tuần hoàn não Vadilex về cho ông, nhưng ông chỉ nhận được đúng một lần. Còn những lần khác thì không biết các hộp thuốc chữa bệnh ấy biến đi đâu. Đáng buồn!

Trao đổi với chúng tôi về lá thư ngỏ ngày 20 tháng Sáu của ông gửi các báo của Đảng Cộng Sản, ông cho biết những tờ báo chính thống giữ thái độ im lặng. Kể cả phía chính quyền và các cấp lãnh đạo của đảng cũng thế. Ông không ngạc nhiên. Ông cũng dự kiến một thái độ như thế. Ông gửi thư cho họ vì ông không thể im lặng. Và vì đó là thư ngỏ, ông muốn nhân dịp cho mọi người biết rằng ông không sợ, ông dám thách đố các tác giả những bài báo cắt xén, xuyên tạc, theo kiểu "cả vú lấp miệng em" tranh luận công khai với ông. Chúng tôi cũng cho rằng im lặng là cách xử sự duy nhất mà báo chí của Đảng có thể làm bởi vì nếu lên tiếng thì họ biết nói gì? Những giọng điệu sáo cũ đã được sử dụng đến cạn kiệt và lặp lại quá nhiều rồi. Tuy thế, ban lãnh đạo Đảng cộng sản, trong những cuộc phổ biến nội bộ đã cố gắng quy kết ông vào thành phần năm chống là: chống chủ nghĩa xã hội, chống định hướng xã hội chủ nghĩa, chống sự lãnh đạo toàn diện và triệt để của đảng cộng sản, chống nguyên tắc tập trung - dân chủ, và

còn một cái chống gì nữa đấy, chúng tôi không nhớ ra, hình như là chống chuyên chính vô sản thì phải. Nói chung, người ta ra sức kết tội "chống cộng" cho người đảng viện cộng sản có hơn 50 năm tuổi đảng Trần Độ.

Ông trở thành "con người nguy hiểm cho chế độ." Vì thế, cuộc gặp gỡ với con người này cũng nguy hiểm và vì thế không thể bỏ phí dịp may, chúng tôi xin phép được đặt ra một số câu hỏi:

"Thưa trung tướng, chắc ông đã đọc bài viết gần đây nhất của tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang 'Luật pháp bảo vệ tự do của nhân dân' về Nghị định 31/CP của Chính phủ ban hành ngày 14 tháng Tư năm 1997. Ông nghĩ gì về bài viết này?"

"Tính vi hiến của Nghị định 31/CP quá rõ ràng. Đã có nhiều người viết về nghị định này. Trong nước có, ngoài nước có. Nguyễn Thanh Giang là một trí thức dân chủ kiên định. Theo tôi, đây là một bài viết có sức thuyết phục rất cao, lập luận có cơ sở khoa học và vững chắc. Tôi là kẻ võ biền cho nên nếu có viết tôi cũng không thể viết được như anh ấy. Tôi thật sự thích bài viết này."

Khi chúng tôi hỏi ông phản ứng của chính quyền về bài viết của Nguyễn Thanh Giang, liệu các ý kiến yêu cầu hủy bỏ Nghị định 31/CP của dư luận có được chính quyền chấp nhận, hay ít ra là xem xét không, thì ông cho biết chính quyền vẫn giữ thái độ "im lặng là vàng" trước công luận, xem như không có chuyện gì xảy ra.

"Như vậy, điều này được hiểu là Nghị định 31/CP sẽ cứ hồn nhiên tồn tại và chính quyền vẫn cứ tiếp tục bỏ tù tại gia bất cứ ai mà họ cảm thấy không thích?"

"Thì nó là thế đấy, trường hợp nhà thơ Bùi Minh Quốc là một thí dụ."

"Ông có biết nhà thơ Bùi Minh Quốc hiện nay sống ra sao không?"

"Cái đáng sợ của Nghị định 31/CP là ở chỗ đó. Không ai được biết Bùi Minh Quốc hiện nay sống ra sao. Chỉ có thể hình dung ra nhà thơ trước đây sống nhờ vào việc bán mấy con búp bê vải do hai vợ chồng làm ra, nay không còn ai dám tới mua nữa..." Ông thở dài.

Có tin cho rằng nhân dịp Quốc Khánh sắp tới, chính quyền sẽ ân xá cho một số tù nhân, trong đó có thể sẽ có giáo sư Đoàn Viết Hoạt — một tù nhân lương tâm. Chúng tôi hỏi ông đánh giá thông tin này thế nào, thì trung tướng Trần Độ cho biết:

"Hàng năm nhân dịp Quốc Khánh, chính phủ đều có ân xá cho một số tù nhân. Việc ân xá tù nhân năm nay cũng là theo thông lệ. Nếu trong danh sách ân xá năm nay có tên giáo sư Đoàn Viết Hoạt thì đó cũng là một việc bình thường — ông Đoàn Viết Hoạt ở tù quá lâu rồi. Mà chỉ vì sự tuyên bố những chính kiến khác với chính kiến của Đảng. Không thả Đoàn Viết Hoạt mới là không bình thường."

Chúng tôi nghe thấy âm sắc chua chát trong câu trả lời của ông.

"Các ý kiến đòi hỏi dân chủ hóa xã hội của ông được nhân dân trong nước cũng như người Việt ở nước ngoài nhiệt tình ủng hộ. Không chỉ có những người cả đời theo cách mạng trong nước ủng hộ ông mà ở hải ngoại cũng có mấy vị tướng tá của chế độ Sài Gòn cũ cũng đã lên tiếng ủng hộ ông. Đây là chuyện chưa từng có. Ông suy nghĩ gì về hiện tượng này?"

"Trước tiên, tôi muốn nói rằng tôi vui mừng vì ý kiến của tôi được nhiều người ủng hộ. Điều này chứng tỏ nhu cầu dân chủ của chúng ta là một nhu cầu có thực và lớn lắm. Với những ý kiến ủng hộ này, tôi tạm chia thành ba loại. Trước hết là những người thực sự có tấm lòng vì một nước Việt Nam dân chủ, tiến bộ. Họ thực sự mong muốn được đóng góp tiếng nói của mình vì sự sống còn, vì sự đổi mới, dân chủ hóa xã hội Việt Nam. Đây là một nguồn lực rất đáng quý cho đất nước. Thứ nhì là những người bề ngoài ủng hộ tôi, nhưng dụng ý của họ là muốn dùng những ý kiến của tôi để minh chứng những ý kiến của họ. Tôi nói đảng cộng sản cần phải dân chủ hóa trong sinh hoạt chính trị trong nội bộ đảng cũng như trong xã hội, tôi yêu cầu Đảng từ bỏ chế độ lãnh đạo chuyên quyền, độc đoán thì họ nói rằng tôi tuyên bố sự cáo chung của đảng cộng sản, rằng Đảng cộng sản ở Việt Nam tan rã đến nơi rồi. Tôi cần có dân chủ cho con người Việt Nam hiện tại, chỉ có thế. Mặc dầu là đảng viên cộng sản, tôi bao giờ cũng coi đảng chỉ là phương tiện, chứ không phải là mục đích. Nếu phương tiện còn sử dụng được để đạt tới mục đích thì nó còn là hữu dụng, nó còn là đáng quý. Tôi nghĩ rằng đảng cộng sản, với tư cách là một tổ chức yêu nước, vẫn còn khả năng là phương tiện để đạt tới mục đích xây dựng một nước Việt Nam dân chủ, tự do và phồn vinh cho mọi người Việt Nam. Miễn là những người lãnh đạo biết hướng Đảng theo mục đích đó."

"Còn loại thứ ba?"

"Số người thứ ba, sau hai loại trên, thuộc về dạng 'thấy vui thì vỗ tay vào' và không có lập trường vững vàng. Nhưng loại này ít thôi và không đáng để chúng ta quan tâm. Chủ yếu là hai nhóm trên."

Ông vui vẻ nói thêm rằng bạn bè vẫn thường bảo với ông rằng ông hay lạc quan tếu nên trong nhiều trường hợp ông tỏ ra... ngây thơ và thiếu cảnh giác.

"Cái đó cũng đúng," ông thú nhận, "nhưng tôi nghĩ: ngây thơ là không tốt, nhưng cũng được, còn hơn quá cảnh giác đến nỗi nhìn đâu cũng thấy kẻ thù, nhìn người tốt ra người xấu, sống trong tâm trạng nghi ngờ thường trực. Tôi là người thuộc thế hệ cũ, thế hệ này mang trong mình một quan niệm sống có thể là cổ hủ là: thà bị người phụ chứ quyết không phụ người."

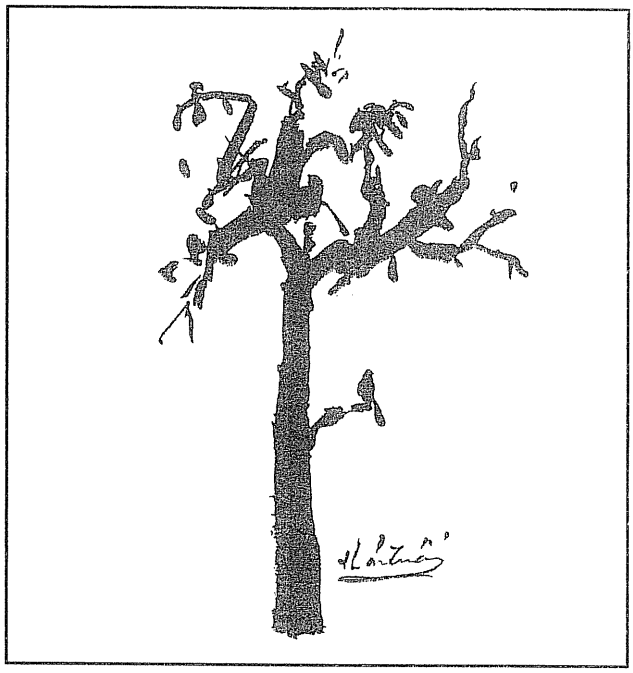

Điều này là rõ ràng: ông chưa kịp phụ các đồng chí của ông thì họ đã phụ ông một cách không tiết kiệm đòn.

Ông cho biết khi được đọc lá thư của ông bà Hà Sĩ Phu gửi ông Hoàng Minh Chính, ông rất đồng tình với nhận xét về cuộc "tổng khủng hoảng về nhân cách" trong xã hội Việt Nam hiện tại, và cũng rất tâm đắc với khái niệm "khủng hoảng nhân cách" mà ông Hà Sĩ Phu sử dụng.

"Một cách dùng chữ thật là đắt!" Ông hào hứng nói trong tiếng cười sảng khoái. "Tôi cũng quan sát thấy hiện tượng xã hội này từ lâu, nhưng không biết dùng cách diễn đạt nào cho đúng. Cách nói 'tổng khủng hoảng nhân cách' của ông Hà Sĩ Phu thật là tuyệt, cực kỳ đắc cách."

Tôi nhắc ông về nhận xét của phóng viên Reuter trong bài viết "Việt Nam đi về tương lai vô định:" "Giới trẻ Việt Nam dường như hài lòng với việc lái xe Honda Dream chạy quanh thành phố hoặc trau dồi Anh văn hay học quản trị kinh doanh. Trong 10 năm qua, giới trẻ ham thích tiêu thụ hơn là thảo luận chính trị."

"Đấy là một biểu hiện nhẹ nhàng nhất trong số những biểu hiện còn nặng nề hơn nhiều của cuộc 'tổng khủng hoảng nhân cách' trong xã hội hiện tại." Ông nói với nét ưu tư trên trán. "Điều này rất đáng buồn, nhưng là điều bình thường và dễ hiểu. Nó là hệ quả tất yếu của việc du nhập một thứ lý thuyết không tưởng, hoàn toàn không phù hợp với truyền thống và bản sắc của dân tộc Việt Nam, hơn nữa nó cũng không phải là một chủ nghĩa tiến bộ của loài người. Người Việt ta sở dĩ không nghĩ ra cái nguyên nhân đó, chỉ cảm thấy xã hội ngày một xuống cấp, là do dưới chế độ toàn trị con người mất đi khả năng suy nghĩ. Cái chính là do sợ. Sợ đủ thứ. Nhất là sợ đụng chạm đến các vấn đề chính trị. Chính trị trở thành một thứ hàng cấm, một vấn đề vô cùng nhạy cảm. Tuổi trẻ ngày nay có thờ ơ với chính trị của đất nước là do các thế hệ trước chỉ được suy nghĩ và nói theo những công thức và khuôn mẫu do 'trên' chế tạo sẵn."

Ông nói rằng ông rất lo lắng và đau lòng trước những hiện tượng mắt thấy tai nghe hàng ngày biểu hiện sự xuống cấp của nền đạo đức xã hội. Ông nói:

"Những ngày sau cách mạng tháng Tám sao mà đẹp thế! Lúc bấy giờ con người sống với nhau đúng với ý nghĩa câu thơ 'người yêu người, sống để yêu nhau.' Không hề có ăn cướp, trộm cắp hay lừa đảo. Mọi người đối xử với nhau bằng tất cả tình yêu thương đồng loại. Một thanh niên nào đấy chưa hề quen biết chỉ cần được giới thiệu là Việt Minh thì mọi người sẽ trở nên thân thiết, yêu thương

anh ta như ruột thịt, như người nhà. Trong những ngày ấy người ta chỉ biết có đi kháng chiến là để giải phóng dân tộc, chiến đấu cho độc lập, tự do của Tổ quốc mà thôi. Thanh niên, và cả người già nữa, sẵn sàng hy sinh tất cả tính mạng, tài sản cho công cuộc kháng chiến chung. Trong trái tim của mọi người chỉ có hình ảnh của Tổ quốc. Lẽ sống lúc ấy của con người Việt Nam ta đẹp làm sao và cũng đơn giản làm sao!"

Ông như chìm vào một thế giới khác. Chúng tôi nao lòng trước những lời tâm sự ấy. Phải chăng đó là những ngày tháng thiêng liêng nhất, có ý nghĩa nhất trong cả cuộc đời ông?

"Chúng ta có thể và phải làm gì góp phần cứu vãn tình hình này, thưa ông?"

"Phải làm nhiều lắm. Toàn là những việc khó khăn cả. Theo ý tôi, một trong những việc cần làm là bằng mọi hình thức chúng ta phải tìm cách để thực hiện dân chủ hóa xã hội Việt Nam. Trước hết, phải dựa trên cơ sở những điều khoản trong Hiến pháp đã có, buộc chính quyền phải thực hiện tự do ngôn luận, tức là tự do phát biểu chính kiến, tự do báo chí và tự do xuất bản, bầu cử dân chủ và tự do ứng cử. Có đạt được như thế mới đem không khí dân chủ thực sự đến cho xã hội Việt Nam được. Nhưng, tôi xin nhắc lại, đây là một cuộc đấu tranh ôn hòa và hợp pháp, dựa trên những quyền dân chủ đã được Hiến pháp ghi nhận bằng những điều khoản rõ ràng. Còn khi bắt đầu đã có dân chủ thì hiện tượng 'tổng khủng hoảng nhân cách' trong xã hội mới được nghiên cứu một cách khoa học và nghiêm túc. Từ đó ta mới có thể giải quyết đến tận gốc rễ và toàn diện vấn đề."

"Thế còn một hội nghị 'Tiểu Diên Hồng,' hay còn gọi là hội nghị bàn tròn ba bên, thưa ông?"

"Đây cũng là một ý hay. Nhưng cũng chỉ đạt được bằng một quá trình đấu tranh. Không xin mà có được. Khi quyền lãnh đạo đất nước vẫn chỉ tập trung tuyệt đối vào tay đảng cộng sản thì khó có khả năng triệu tập một hội nghị như thế. Nó sẽ được tiến hành như thế nào khi với quyền lãnh đạo của mình, đảng sẽ không công nhận người này, người kia của 'các bên'? Khó đấy!"

Chúng tôi còn tiếp tục nói chuyện với ông về thiên hạ sự - thiên tai, bão lụt, những cuộc cứu trợ, về "El Nino"...

Đang vui chuyện, anh bạn tôi có tin qua máy nhắn, cần điện thoại gấp. Nhà trung tướng có điện thoại, nhưng anh bạn tôi tính cẩn thận không dám nhờ sử dụng. Trung tướng Trần Độ mỉm cười thông cảm.

Chúng tôi bồi hồi chia tay với trung tướng. Một cuộc gặp gỡ với ông như thế này đã là quá nhiều. Không nên có thêm một cuộc gặp gỡ nữa, ít nhất cũng sau một thời gian không ngắn. Ra đến cổng, tôi bỗng chú ý đến một anh sửa xe đạp ngồi bên kia đường, đối diện ngôi nhà của Trần Độ. Anh thợ sửa xe này có vẻ "mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao" quá. Anh ta chăm chú quan sát chúng tôi, từng người một, như để nhận ra hoặc ghi nhớ một cái gì đấy.

Trước khi đến nhà trung tướng ở Sài Gòn, chúng tôi dự định sẽ làm một bài phỏng vấn. Đành phải thay bằng bài ghi chép này, vì không ai trong chúng tôi "dám" đem bất cứ một tờ giấy nào cả. Đi tay không hoàn toàn. Và về cũng vậy!

Chúng tôi đã nghĩ tới một cuộc lục soát túi áo và túi quần. May, việc đó không xảy ra.◉

Saigon, tháng Tám, 1998.

(trích từ Thông Điệp Xanh, *17-08-1998)*

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT

9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683

(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU

Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi dựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM

Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

SỰ LIÊN HỆ GIỮA VIỆT NGỮ VÀ ẤN-ÂU NGỮ QUA CÁC TỪ ỔN ĐỊNH CON SỐ

NGUYỄN XUÂN QUANG

Để xem hai ngôn ngữ có liên hệ với nhau hay không, các nhà ngữ học thường so sánh dạng ngữ (morphology), nghĩa ngữ (semantics) và ngữ pháp (grammar) của hai ngôn ngữ xem có giống nhau hay không.

Riêng về mặt so sánh các từ ngữ, chúng ta không thể so sánh hết tất cả hàng vạn, hàng trăm ngàn từ của hai ngôn ngữ. Nhà ngữ học Hòa Lan Holger Pedersen là người đầu tiên đã nhận thức rằng cần phải giới hạn sự khảo sát sự liên hệ này vào một số lượng những gốc/thể chữ căn bản ổn định hay quân bình bền (stable) nào đó, những nhóm này không bao giờ hoặc ít khi trở thành đối tượng của vay mượn từ ngôn ngữ này qua ngôn ngữ khác: "Chúng ta phải tự mình giới hạn vào những duyệt xét hữu lý về các đại danh từ và các thể phủ định (negational forms) bao gồm cả một phần các số đếm (numerals) mà chúng ta có thể theo dõi dấu vết qua các tộc ngôn ngữ." (1)

Trong nhóm những từ căn bản ổn định này có những từ về các phần thân thể con người, các nhân xưng đại danh từ (personal pronouns), những từ phủ định, những từ chỉ con số... Bài viết này giới hạn vào sự so sánh các số đếm giữa Việt ngữ và Ấn-Âu ngữ.

Trước hết, cũng nên nói qua một chút về nguồn gốc các số đếm. Con người thời thái cổ thoạt đầu chỉ biết đếm từ một tới hai. Hệ thống đếm sơ khai là cách đếm nhị phân (binary system). Ví dụ trong một số ngôn ngữ trải dài từ vùng Borneo, Tân Guinea cho tới Úc và Tasmania và nhiều miền ở Nam Mỹ châu gồm cả một phần đất Bolivia và Argentina, những số đếm căn bản, trước khi tiếp xúc với thế giới bên ngoài chỉ gồm có một và hai. Ngôn ngữ Noub của Papua, cách đếm gồm '1': một, '2': hai, '3': một-và-hai, '4': hai-và-hai... Việt Nam cũng còn thấy dấu tích cách đếm nhị phân này như đôi bẩy '14', đôi tám '16', đôi mươi '20'...

Hệ thống đếm phổ thông sau này là hệ thập phân dùng cả mười ngón tay. Các hệ thống máy tính trước đây đều dùng hệ thống thập phân. Nhưng con người gần đây lại quay về cách đếm nguyên sơ, thái cổ nhất, nghĩa là hệ thống nhị phân. Đây là kỷ nguyên máy điện não computers. Dùng hệ thống nhị phân này đã đơn giản hóa sự rườm rà, rắc rối của các máy móc thập phân như dây nối, sự dẫn truyền điện... mà vận tốc tính toán theo hệ thống nhị phân lại nhanh như chớp.

Thuở ban sơ con người đếm bằng ngón tay, bàn tay, ngón chân, tay, vai, thân mình và cả các phần khác của thân thể. Chẳng hạn trong nhiều ngôn ngữ từ con số 5 giống hệt hay tương đương với từ "bàn tay," mười là "hai bàn tay," hai mươi là tất cả "tay và chân" hay "cả người." Ví dụ thổ dân Tlingit, Alaska: kéejin, năm (ke-, trên và jin, tay); jínkaat, mười (jin-, tay và kat, qua hết, cả, hết cả); người Maya Trung Mỹ châu winik-, hai mươi = (toàn cả) người, Sumer ngữ i, năm = bàn tay...

Có nhiều cách đếm, có thể đếm bằng một

bàn tay, có thể dùng cả hai bàn tay, có thể ngón trỏ là '5', ngón cái là '6', cổ tay là '7' cánh tay ngoài, '8' khuỷu tay, '9' cánh tay trên, '10' vai '11'...

Ngón tay được dùng nhiều nhất, dấu tích còn để lại ngày nay là từ *digit* trong Anh ngữ gốc từ Latin *digitus* có nghĩa là ngón tay mà cũng có nghĩa là con số ví dụ lương tháng của hắn thuộc nhóm '5 digits' tức 5 con số, lương hàng chục ngàn; máy đo máu "digital" là máy đo máu tự động hiện những con số đo trên mặt đồng hồ. Từ "chỉ" của Việt ngữ có nghĩa là một mình, như "chỉ có thế," "chỉ có nó" cùng nghĩa với chỉ: ngón tay của Hán ngữ như *nhất dương chỉ*. Tổ tiên ta thoạt khởi đầu dùng một ngón tay chỉ vào người nói "chỉ" tôi thôi. Nhiều khi dùng cả thân mình (body) làm con số đếm. Từ mình trong Việt ngữ có nghĩa là một như mình tôi, mình nó: một tôi, một nó. Người nói chỉ vào thân vào mình đương sự hay người muốn đề cập tới. Đại Hàn ngữ "mon" là thân mình (body) liên hệ với "mỏm," mỏn, mọn, mỗi, một, mống, mình của Việt ngữ. Ta nói "thằng đó chắc mỏm (mẩm) được" có nghĩa là thằng đó chắc "mình" được, thằng đó chắc một được (chắc cũng có nghĩa là một, chắc liên lệ với Pháp ngữ *chaque*, mỗi, một và với *chacun*, mỗi người).

Bây giờ chúng ta so sánh các con số Việt ngữ và Ấn-Âu ngữ. Để so sánh hai ngôn ngữ các nhà ngữ học thường chỉ chọn có một con số hai, có nghĩa là con số hai được coi là con số ổn định nhất. Nhìn chung thì có nhiều chứng cớ hỗ trợ cho thấy sự hiện hữu của cách đếm một-hai đã có trước khi phát kiến ra cách đếm bằng ngón tay (Swadesh tr.191) (2). Có lẽ đây là lý do con số hai được xem là con số ổn định nhất.

Ở đây chúng tôi so sánh hết cả mười số để cho thấy có sự liên hệ mật thiết giữa Việt ngữ và Ấn-Âu ngữ mặc dù một vài số không ruột thịt lắm về âm ngữ, dạng ngữ nhưng về nghĩa ngữ rất giống nhau.

1. MỘT

Việt ngữ mỗi, một, mốt, mọn, mỏn, mụn, mình, ên, ơn, chắc, chiếc... chỉ số một, ít (một hàm nghĩa ít); so: là thứ nhất, đầu, tiên; son: là một mình...

- một, mọn, mỏn, mụn, mình liên hệ với gốc Ấn-Âu mono-; Lithuanian vienas, Lettic viens (m=v)...

Từ mọn, mỏn, mụn là nhỏ của Việt ngữ cũng có nghĩa là nhỏ nhặt liên hệ với Anh ngữ 'mean', nhỏ mọn: mean = mọn.

- ên, ơn là một

Việt ngữ ên, ơn là một, một mình như mình ên, mình ơn.

Úp chén úp dĩa,
Dĩa ngu dĩa ngốc,
Con cóc cụt đuôi,
Ở bờ, ở bụi,
Ai nuôi mày lớn,
Dạ thưa thầy,
Con lớn mình ên...
(đồng dao)

mình ên là một mình, tự mình. *Ên* liên hệ với Đan Mạch ngữ *en*, Thụy Điển ngữ *en*, Hòa Lan ngữ *e:n*, Đức ngữ *ein*; Hy Lạp ngữ *enas*, Anh ngữ *a, an, one*, Pháp ngữ *un*; Tây Ban Nha ngữ *un, uno*, Welsh *un*, Phạn ngữ *eka*... là một.

- Ế

Ế có nghĩa là một mình ví dụ ế vợ, ế chồng là ở một mình; ế khách, ế hàng là ngồi bán một mình không có khách. Ế liên hệ với Anh ngữ a (một) như a man (một người), với Phạn ngữ eka là một...

- Chiếc, chắc

Việt ngữ chiếc, chắc cũng có nghĩa là một như chiếc bóng = một bóng; như từ ghép điệp nghĩa 'một chắc': một = chắc. Chắc, chiếc liên hệ với Pháp ngữ *chaque*, mỗi một, *chacun*, mỗi người...

- So

so là đầu, đầu tiên, thứ nhất. Con so là con đầu lòng, con thứ nhất. So đo là đo, là đọ với so, với cái thứ nhất (làm gốc). So gần cận với *sol, solo, solamente*... (một mình); với Latin *see, oneself*; Gothic *si-k, oneself*...

- Son

Son là một mình

Việt ngữ son cũng còn có nghĩa là một, một mình, ở độc thân, không vợ, chồng; "ở một mềnh" (Alexandre de Rhodes, Từ Điển Việt-Bồ-La). Từ son trong câu:

Ra đường thiếp hãy còn son,
Về nhà thiếp đã năm con cùng chàng.

phải hiểu theo nghĩa cổ như trong từ điển Việt Bồ La của Alexandre de Rhodes là còn "ở một mềnh." Ra đường thiếp hãy còn là người còn "ở một mềnh" chưa có chồng con, về nhà thì thiếp đã năm con cùng chàng. Với nghĩa là

"một mình" này son liên hệ với *sol, solo, solamente, seul...*

2. ĐÔI

Việt ngữ có những từ chỉ một cộng một là: hai, đôi, cặp, kép, vài...

- Đôi và các từ liên hệ: đối, đổi, đua, đũa, dữa...

Từ đôi có nghĩa là hai là từ cổ của Việt ngữ tương ứng với Anh ngữ *two*. Từ two còn có thể viết two = dwo (t=d) và dwo = duuo (w=uu), uu là u dài (long u), tóm lại two = duo... Việt ngữ đôi liên hệ với Hy-lạp ngữ duò, Latin duo, Phạn ngữ dva... Anh ngữ hiện kim *two, double*, Pháp ngữ *deux*, Tây Ban Nha ngữ *dos*, Nga ngữ *dba (dva)*... gốc tái tạo proto-Indo-European *dw...

. Đối

do đôi mà ra. Đối là hai vật để nhìn nhau.

. Đổi

hoán trao hai vật, giữa hai người...

. Đua

tranh nhau, ganh đua, tranh đua. Ganh tranh với một người thứ hai, phải có một người khác, một người thứ hai mới có đua tranh, đua đòi xẩy ra. Đua hàm ý hai, đôi. Rõ ràng đua liên hệ với *duo, dva...*

. Đũa

đũa là đôi que dùng ăn cơm, liên hệ với duo, dva...

. Dữa: giữa

có cùng gốc với đũa, đôi: hai. Dữa là nằm trong khoảng hai bên, hai phía. Sau này chúng ta chấp nhận từ giữa thay vì dữa. Anh ngữ between cũng cùng nghĩa, ta có thể tách ra "between" là "be two in" nằm giữa hai. Một thời "be" được coi như phụ từ (mạo tự) cổ (old article) như thấy trong believe, begin, berate... So sánh between và Đức ngữ zwischen sẽ thấy rõ.

. Trưa

Trưa là dữa, giữa, người Huế nói 'trựa cươi' là giữa sân. Theo qui luật tr=d=gi như trăng = dăng = giăng, trưa = dưa = giưa = dữa = giữa. Trưa là giữa ngày.

. Nửa

chỉ phần từ một đầu đến dữa một thứ gì, chia hai tại chính giữa, một phần gọi là một nửa. Theo qui luật d=n (dòm = nom) ta có dữa = nửa. Anh ngữ noon, trưa liên hệ với nửa (ngày).

. Rưỡi, rưởi

cũng có nghĩa là nửa đơn vị như một rưỡi, trăm rưởi. Theo qui luật d=r như dao = rào (rào là một loại rao) ta có dữa = rưởi = rưỡi.

Tóm lại Việt ngữ đôi và các từ liên hệ: đối, đổi, đua, đũa, dữa... liên hệ với Ấn-Âu ngữ: Hy-lạp ngữ duò, Latin duo, Phạn ngữ dva... Anh ngữ hiện kim two, double, Pháp ngữ deux, Tây Ban Nha ngữ dos, Nga ngữ dba (dva)... gốc tái tạo proto-Indo-European *dw...

. Tụi

người Huế nói đôi là tụi như trong bài tứ sắc, một đôi gọi là một tụi. Tụi liên hệ với Anh ngữ two...

. Tá

Một tá là 12. Tá liên hệ với two, twelve cũng giống như Anh ngữ dozen (tá) liên hệ với *duo, double, two, twelve.*

- Hai

theo chuyển hóa h=v như hớt = vớt, hũng = vũng, hóa = vá... ta có hai = vài (xem dưới). Cũng nên biết là miền Trung, Nam còn gọi hai với nghĩa là cả, người đứng đầu như anh hai = anh cả. Tại sao hai lại có nghĩa là vài lại có nghĩa là nhất, là một hoàn toàn trái ngược nhau như vậy? Xin thưa đây là gọi theo chuyển hóa h=c (hủi = cùi), ta có hai = cai = cái. Ông cai là ông "xếp," người đứng đầu như cai thợ. Còn cái, nếu hiểu theo nghĩa duy âm, tức thời mẫu quyền thì cái là mẹ, mẹ là người đứng đầu, số một; nếu hiểu theo nghĩa duy dương, cái là cả, số một, vua... như ngón cái, ngón cả, đũa cái, đũa cả, thợ cái, thợ cả... Việt ngữ cái liên hệ với Đức ngữ 'kaiser' là vua... Anh hai là anh cai, anh cái, anh cả. Phải chăng Trung Nam chịu ảnh hưởng của Chàm nên gọi hai theo chuyển hóa cái (mẹ)? (nên nhớ người Chàm còn ảnh hưởng mẫu hệ rất đậm, con cái còn giữ theo họ mẹ).

-Cặp, kép

Việt ngữ: cặp, kép... rõ ràng liên hệ với Anh Pháp: couple: cặp. Chuyển hóa của cặp là chạp. Tháng chạp là tháng 12 âm lịch. Người Việt gọi tháng mười một âm lịch là tháng một, tháng 12 âm lịch là tháng chạp và tháng một âm lịch là tháng giêng:

Tháng giêng ăn tết ở nhà,

.....

Tháng một tháng chạp nên công hoàn toàn.

Với h câm tháng chạp là tháng cạp, tháng cặp. Cặp là kép là hai. Rõ như ban ngày tháng mười một âm lịch là tháng một và tháng 12 là tháng cặp (hai).

- Vài, bài

vài, bài chuyển hóa với hai như một vài người = một hai người. Theo chuyển hóa v=b=p, vài, bài liên hệ với Pháp ngữ *bis*, gốc bi- như *bimensual* (hai tháng); với Anh Pháp *pair*, cặp; với Gothic *bai*, Phạn ngữ *u-bhaa* và Nga *o-ba*, Anh ngữ *both* đều có nghĩa là cả hai ... Gốc Ấn Âu *bhy gồm có Phạn ngữ *bhid, to split,* bửa, bổ ra có hàm nghĩa là tách đôi, bửa bổ ra làm hai.

3. Ba, và

Việt ngữ có từ chỉ hai cộng một là ba, và. Mường ngữ là pa.

Ba theo nghĩa duy dương là ngón ba, ngón bố, ngón cha (lớn) và theo nghĩa duy âm là ngón bà. Bà cũng có nghĩa là lớn như ếch bà. Nếu theo chuyển hóa a=u, ba = bố = bu = bự, bố là cha, to (to tổ bố), bu là cái, là mẹ, là bự là to. Ba là ngón dài nhất, cao và bự nhất. Theo Swadesh "the name (three) might be 'tall,' 'thick,' 'big' or a related notion" (tên "three" có thể là "cao" "dầy" "lớn" hoặc với ý niệm liên hệ tới đó) (p.187). Hán Việt 'tam' có ta- là to, là tổ, là đại, là lớn, là cao.

Gốc Ấn-Âu ngữ *tri gồm Anh ngữ three, Ý ngữ tre, Tây Ban Nha ngữ tres, Pháp ngữ trois cùng gốc t(r) gần âm với tall, to... Theo qui luật bỏ r, t(r)i = to, tướng...

Tóm lại ba và three, tre, tres, trois, ter... giống nhau về nghĩa ngữ.

4. Bốn

Bốn là ba cọng một hay năm trừ một hoặc hai cộng 2. Mường ngữ pươn.

Tại sao lại gọi là bốn? Bốn có thể là do:

- ba cộng một tức ba + on (ên) = baon = bốn

- năm bỏ một, bàn tay bỏ một hay nói tắt là bỏ ơn, bỏ ên nghĩa là bỏ một. Bàn tay năm ngón bỏ một còn bốn. Bỏ ơn đọc nhanh lồng vào nhau thành boon = bốn.

- bỏ mọn, nếu giải thích theo cách dựa vào số một. Bỏ mọn là bỏ một. Bỏ mọn chặt đuôi, chặt đầu rồi ghép vào nhau: b(ỏ)+ (m)ọn = bốn.

- bỏ ngón. Bốn là bàn tay năm ngón bỏ (một) ngón. Có hai cách giải thích lồng chữ bốn. Thứ nhất bỏ ngón có thể cho ra bo+n (gon) = bốn. Cách thứ nhì, ngón theo qui luật bỏ ng như ngầu = au (đó) còn lại ngón = ón (ón liên hệ với Pháp ngữ *ongle*, móng, thể giảm thiểu của ngón). Bỏ + ón đọc lồng vào thành bốn.

Ta thấy Anh ngữ *four* có f tương đương với ph, p, b Việt ngữ f=ph=p=b (fỏng = phỏng = bỏng) cũng giống như trong Anh ngữ *foot* cho ra *boot*; ta có *four = bour*. Bốn liên hệ với *bour, four.*

Tại sao gốc Ấn Âu ngữ *kwet, Latin *quattuor*, Pháp ngữ *quatre*, Tây Ban Nha ngữ *cuatro*, Ý *quattro*... thấy xa lạ với Việt ngữ bốn? Swadesh đã nhận thấy: "two" trong ngôn ngữ Uralic và "four" trong Ấn Âu ngữ cả hai đều được gọi là "pointer" hay "index finger" (ngón trỏ, ngón chuẩn). Vì thế trong ngôn ngữ này là hai thì ngôn ngữ kia là bốn. Chẳng hạn như "two" trong ngôn ngữ Uralic và "four" trong Ấn-Âu ngữ giống nhau: Magya 'keet' và Vogul kit là hai cùng có gốc chung với Ấn Âu ngữ *kwet (bốn) thấy trong Latin *quattuor*, Hy Lạp *tettares*, Pháp ngữ *quatre*...(tr.186). Rõ ràng ta cũng thấy Việt ngữ kép, cặp (là hai) ruột thịt với *kwet, cuatro (bốn)... và Hán Việt tứ ruột thịt với 'two'. Như thế những con số trong Ấn Âu ngữ có gốc chung là *kwet (bốn) liên hệ với Việt ngữ kép, cặp vì do cách chọn ngón tay làm ngón chuẩn để đếm.

5. Năm

Năm là bốn cộng một. Ta có nhiều biến thể của năm. Theo qui luật n=l như nòng súng = lòng súng (nhiều nơi miền Bắc còn nói n=l), ta có năm = lăm như mười lăm. Theo qui luật l=nh như lẹ làng = nhẹ nhàng ta có lăm = nhăm ví dụ hai mươi nhăm. Theo qui luật l=r (qui luật này giống người Trung Hoa, họ không đọc được r mà đọc r thành l như Robert thành Lobert), ta có lăm = rằm ví dụ mười lăm = rằm. Thoạt đầu tổ tiên ta nói mười rằm là mười lăm, với thời gian bỏ mất chữ mười chỉ còn lại rằm:

Nay mười tư, mai lại mười rằm,
Ai muốn ăn oản thì năng lên chùa.

Theo qui luật r=d như ràn = dàn (nước) ta có răm = dăm như dăm ba.

Cái cò chết tối hôm qua
Có dăm hạt gạo với ba đồng tiền

Trong Việt ngữ năm diễn tả như thế nào khi dùng bằng dấu tay? Xin thưa năm là nắm. Cả bàn tay năm ngón nắm lại. Nắm tay là biểu hiệu cho năm. Khi buôn bán trả giá, tính toán đưa nắm tay ra là năm.

Nắm còn có nghĩa là níu và theo qui luật

n=b (theo n=b như nực = bực) ta có nắm = bám, bá, bấu, bíu.

Mường ngữ *kam* là năm. Từ năm trong nhiều ngôn ngữ chỉ cả năm ngón tay, cả bàn tay. Anh ngữ five: năm, các học giả ngữ học Âu Mỹ cho rằng từ này có gốc phát xuất ra do từ Gothic *fingrs* và Anglo-Saxon *fingers*, ngón tay. Fingers ở đây hàm nghĩa tất cả năm ngón của bàn tay. Có thể đây là một cách đếm xòe bàn tay cả năm ngón ra.

Chúng tôi nghĩ khác nữa. Theo ý nghĩa của Việt ngữ năm là nắm tay chúng tôi cho rằng *five* là do *fist*, nắm tay mà ra. Five do fist cùng nghĩa với Việt ngữ năm là nắm. Chúng ta thấy nghĩa của năm/nắm Việt ngữ và five/fist Anh ngữ giống nhau như hệt không sai chệch một ly. Điểm này cho thấy chúng ta có thể dùng Việt ngữ để truy tìm ra từ nguyên của Anh ngữ hay những ngôn ngữ liên hệ khác và ngược lại có thể dùng ngôn ngữ liên hệ khác tìm nguồn gốc Việt ngữ. Chắc có người còn do dự, nghi ngờ. Chúng tôi xin kiểm chứng: Mường ngữ kam rõ rệt là liên hệ với Việt ngữ cầm. Mường ngữ kam liên hệ với Pháp ngữ cinq, Tây Ban Nha ngữ cinco (có cin- liên hệ với cầm). Ta có từ đôi điệp nghĩa cầm nắm; Đại Hàn ngữ tat- là 5. Đại Hàn ngữ thuộc dòng tộc ngôn ngữ Altai. Đại Hàn ngữ 5 là tat- hay tasòt phát sinh từ gốc động từ tat- có nghĩa là đóng lại, nắm lại (to close) cũng liên hệ với nắm tay (5). Gốc tat- hay tas- Đại Hàn ngữ liên hệ với tay với tóm, túm Việt ngữ và với "take" Anh ngữ.

Như thế năm và five giống hệt nhau về nghĩa ngữ và cách nói bằng dấu tay (dấu ngữ) còn dạng ngữ (morphology) thì sao?

Như trên ta đã thấy năm, nắm, níu tương ứng với bám, bá, bấu, bíu. Theo qui luật fb như foot, chân boot, giầy, Anh ngữ five còn có thể viết là five = bive hay fiv- = biv. Ta thấy trong ngôn ngữ Ấn-Âu u=v bằng chứng hiển nhiên là W (v đôi, double v) còn gọi là double u (u đôi), nếu áp dụng qui luật này vào fiv- = biv ta có fiv- = biv = biu. Biu chính là bíu Việt ngữ. Như thế cho thấy nguồn gốc tổ của fiv- là 'biu' và của năm là nắm, chuyển hóa của bíu.

Nếu giảng nghĩa theo âm đọc Anh ngữ là fiv- = biv = "baiv" thì baiv theo v=u có ba(i)v liên hệ với bấu, bá (như bá vai bá cổ) và theo v=m áp dụng vào chữ v tận cùng thì ba(i)v = bám Việt ngữ.

Tóm lại năm và five cùng liên hệ về nghĩa ngữ và cùng có gốc tổ bám, bíu: năm = nắm = bám = five (đọc là 'fai'). Năm là nắm, bàn tay nắm lại biểu hiệu cho năm. Nắm là níu, bíu.

Từ Ấn-Âu ngữ thông thường gọi con số năm có gốc là *penkwe hay *peenkwe như Hy Lạp pente, Phạn ngữ paancha... Có một thứ nước uống nổi tiếng ở Hawaii pha bằng năm thứ nước trái cây gọi là punch lấy gốc từ Phạn ngữ paancha có nghĩa là năm. Punch cũng có nghĩa là cú đấm trong Anh ngữ (uống nước punch ngon đến độ ngất ngư như bị knock-out bởi một cú punch!). Đấm thì phải nắm tay lại thành quả đấm. Rõ ràng không còn gì để tranh cãi nữa năm là nắm, five là fist và punch (paancha) là punch!

6. Sáu

Swadesh đã nhận xét thấy những số đếm từ sáu tới chín thường là diễn đạt dựa trên sự đếm ngón tay (Swadesh,tr.184). Vì thế tên gọi con số thay đổi theo cách đếm như lấy ngón chỏ hay lấy ngón thứ tư (ngón đeo nhẫn) làm chuẩn (tr.184). Do đó những số từ 6 đến chín có nghĩa ngữ giống nhau nhưng về dạng ngữ, âm ngữ sẽ thay đổi tùy theo ngón tay chọn làm ngón "chỉ thị" "pointer".

Sáu cùng vần với Sau. Ý nói là ngón đầu của bàn tay sau cộng với nắm tay bàn tay trước là sáu.

Theo Swadesh thì six có gốc tái tạo proto-Indo-European *seks, s-weks. Ông cho gốc sau là dạng giản lược của gốc đầu. Ông cũng cho là gốc cổ nhất là *sh"wek. Swadesh cho rằng bỏ s đi, gốc này có thể giống Cổ ngữ Anh là waksan, weaksan có nghĩa là to wax hoặc "grow larger" và Latin augere, to increase. Và cho rằng sweks như thế là một hình thức của "một" trong ngôn ngữ Ấn Âu gồm cả Hittite sa-nii-s, Hy-lạp ngữ he-m-s do gốc *se-m-s. Ấn-Âu "six" do đó có nghĩa là "một thêm vào" ("added one") (tr.185). Ở chỗ khác Swadesh viết thêm "six" thường được diễn tả như là "một cộng năm," "một ở bàn tay thứ nhì" (tr.190). Việt ngữ sáu cũng hàm nghĩa là một. Theo s=ch, ta có seks = cheks = chắc. Chắc là một (xem số một ở trên). Việt ngữ có từ đôi cháu chắt chuyển hóa về âm ngữ và có nghĩa ngữ gần như nhau. Theo s=ch, sáu = cháu. Như thế sáu chuyển hóa với sắc giống như cháu với chắt. Ta cũng thấy rõ qua từ đôi sâu sắc. Như thế sáu liên hệ với Tiền cổ- Ấn Âu *seks nếu hiểu theo nghĩa sáu là "chắc," là "cộng một thêm vào." Rõ hơn nữa ta thấy

Phạn ngữ shash, sáu liên hệ ruột thịt với Việt ngữ sáu. Theo s=c, shash = chac = chắc, một. Ở một chỗ khác, Swadesh cũng cho rằng có ngôn ngữ diễn đạt "'six' something like 'one on the left hand.'" (sáu có cái gì giống "một" trên bàn tay trái) (tr.184). Ta thấy sáu Việt ngữ cũng gần âm với sai, sái, trái, với siêu, chiêu là bên trái (tay chiêu đập niêu không vỡ). Siêu là trái như thấy qua câu chân đam đá chân siêu, hay chân nam đá chân siêu có nghĩa là chân phải đá chân trái. Như thế nếu hiểu sáu có hàm nghĩa bàn tay trái thì sáu cũng gần cận với sai, sái, siêu là trái.

Có lẽ dễ chấp nhận hơn cả là sáu hàm nghĩa sau vì sáu cùng vần với sau và *seks cũng liên hệ với sau. *Sek hàm ý thứ nhì, đứng sau, cái sau. *Seks cũng cùng nghĩa như sau của Việt ngữ. Ví dụ Anh ngữ *second*, Tây Ban Nha ngữ, Bồ Đào Nha ngữ *segundo*, thứ nhì, cái sau có sec-, seg- liên hệ với *seks hàm nghĩa sau. Vậy *seks bao hàm nghĩa sau của Việt ngữ. Sáu là (một) ngón của bàn tay sau, bàn tay thứ nhì cộng với (năm ngón) của bàn tay trước.

Sáu liên hệ với Tiền cổ Ấn Âu ngữ *seks, Phạn ngữ shash, Anh ngữ six...

7. Bẩy

Bẩy là năm cộng hai. Mường ngữ bẩy là pai. Bẩy là bỉ (ấy = í, cái ấy = cái í) liên hệ với bis, bi- là hai... Bẩy còn có thể viết bẩy = vài (b=v bẩy = vảy, vải, vài). Rõ hơn Mường ngữ pai = vài. Một vài là một hai. Vài ba là hai ba. Vậy bẩy là hai ngón bàn tay thứ hai cộng với năm ngón bàn tay thứ nhất. Ta cũng thấy rõ bẩy, Mường ngữ pai liên hệ với Anh ngữ *pair* (cặp, hai).

Gốc Tiền-cổ Ngôn ngữ Của Chúng Ta (Proto-Nostratic) *sab-/*seb- (e ngược) 'seven', Tiền cổ-Ấn Âu ngữ *seb[h]-t[h]m (h nhỏ viết cao), Phạn ngữ sapta, gốc Hy lạp hepta- là bẩy. Ta thấy rõ *sab- = cặp và hep- = kép. Seven cũng gần cận với several, vài ba. Seven co sev- = seb = kép. Pháp ngữ sept có sep- = kép. Phạn ngữ sapta có sap- = cặp, kép. Ở đây ta thấy ta có thể dùng Việt ngữ truy tìm nghĩa gốc của ngôn ngữ Ấn Âu.

Vậy bẩy và seven, sept, hepta-, *sab-, *seb đều liên hệ với vài, pair, cặp, kép... đều có nghĩa là hai (của bàn tay thứ nhì).

8. Tám

Tám là năm cộng ba. Ta thấy Việt ngữ tám có tam là ba và ngược lại Hán Việt bát (8) có ba- là Việt ngữ ba. Cả hai đều cho thấy tám và bát đều có ba. Tám có ta- chuyển hóa của to là lớn, Hán ngữ ta là đại, to như 'ta tung' là đại đồng. Tám là ngón to, cao nhất nghĩa là ngón thứ ba (của bàn tay thứ hai). Tám cùng vần với Hán Việt tam là ba, ngón thứ ba của bàn tay thứ hai. Nếu áp dụng qui luật thêm h và h câm của Việt ngữ (0=h) vào Anh ngữ eight có thể viết eight = height. Height là cao. Eight là ngón cao (nhất) của bàn tay (thứ hai) cộng với năm ngón của bàn tay thứ nhất. Vậy eight và tám cùng có nghĩa là ngón to, cao tức ngón thứ ba của bàn tay.

Ả-rập ngữ tamaniyah, tám có tam- = tám, điều này cho thấy Việt ngữ tám không hẳn là hoàn toàn do Hán Việt tam đẻ ra, tất cả đều là chị em.

9. Chín

Chín là mười bỏ một. Theo Swadesh "nine perhaps 'one short of two hands'" (chín có lẽ là bớt một của hai bàn tay) (tr.184). Chín có chi là trời là một như con bài tổ tôm chi chi là con bài số một. Nhật ngữ ichi là một. Việt ngữ chỉ có nghĩa là một mình, độc nhất, ví dụ chỉ tôi đi thôi có nghĩa là một tôi đi thôi. Chỉ tương đương với only (only có one). Ta cũng có thể cắt nghĩa theo nghĩa Hán việt chỉ là ngón. Như thế chín là mười trừ chi (một) hay bỏ chỉ (một, một ngón). Chín có gốc từ chi (một, trời), chỉ (ngón tay, một mình).

Chín Việt ngữ cũng còn có nghĩa là nấu chín (cooked), không còn xanh (ripen). Chín (cooked) như thức ăn chín là nấu chín bằng ngọn lửa. Chín (ripen) như quả, trái cây do trời nắng, do lửa mặt trời. Chín liên hệ với trời, lửa vì có gốc chi (trời) như đã thấy ở trên. Theo ch=n như chúm = chũm = núm, chín = ninh. Ninh là nấu cho nhừ: giò, nem, ninh, mọc, bốn món cỗ bàn Bắc. Chín là do trời nắng hoặc do ninh nấu đều là do lửa. Mặt trời, Lửa là tàn phá, thiêu hủy nhưng cũng có nghĩa là tái sinh, tạo sinh (vì thế mới có tục hỏa thiêu). Đây chính là lý do tại sao các từ chỉ con số 9 trong Ấn-Âu ngữ có nghĩa là mới, non trẻ, cuối cùng (latest). Các từ này có nghĩa khai sinh, tạo sinh của lửa của từ 'chín" của Việt ngữ. Pháp ngữ neuf là chín cũng có nghĩa là mới, Tây Ban Nha nueve là chín và nuevo là mới, Latin novissimus, 'last', cuối cùng, có novus 'new', mới, có nghĩa ngang là 'newest, latest' và thường thường là 'late' trễ. Số chín

có nghĩa là cuối cùng (chết) và cũng có nghĩa mới (sinh). Tại sao số chín lại là số chết và cũng là số sinh? Như Việt ngữ đã cho thấy số chín có chi (trời, lửa) là số tạo sinh, sinh sản nên có nghĩa là mới và chín là chín rữa, chín luỗng... là thiêu rụi là hết, chết... Theo duy dương, tính theo các con số (không kể số không) thì số chín lại quay trở về số một (mặt trời,lửa). Chín trở về chi, chỉ. Điều này cho thấy chín gắn bó với chi, chỉ (một) nói theo ngôn ngữ học thì chín có gốc chi, chỉ. Ở đây một lần nữa ta có thể dùng Việt ngữ giải thích được tại sao các từ chỉ con số chín của Ấn-Âu ngữ có nghĩa là mới, non trẻ, cuối cùng...

Anh ngữ *nine*, AngloSaxon *nigon, nigen, nona*, Tây Ban Nha *nueve,* Pháp *neuf*, Phạn ngữ *nava*... là số chín liên hệ với Việt ngữ ninh, chín, non, ngón...

10. Mười, Chục: Ten, Decem

Mười là "hai năm rõ mười." Về nghĩa, theo hệ thống nhị phân thì "hai năm" sẽ là hai nắm tay cộng lại. Theo hệ này ta có từ chục: mười. Chục là chụm hai nắm tay lại, hay chụm hai bàn tay 10 ngón lại. Chục là do chụm phát sinh ra. Có thể giải thích theo hệ thống đếm bằng ngón tay, chục là do chụm. Ta có thể kiểm chứng lại bằng qui luật m=c như mái = cái, đem áp dụng vào chữ m ở cuối từ chụm ta có chụm = chục. Với h câm chục cho ra 'cục' cũng hàm nghĩa dón lại, dính lại, chụm lại. Như thế chục là chụm (hai bàn tay hay hai nắm tay lại).

Từ 'mười' Việt ngữ khác từ chục không theo hệ thống đếm bằng cách dùng cả hai bàn tay đó. Mười là cách đếm chỉ dùng một bàn tay. Mười phát gốc do từ 'mở'. Ta có mười = mười (ư=ơ như lừ đừ = lờ đờ), mười = mờ = mở. Mười với ơ dài đọc như mờ, mở. Mười là mở nắm tay ra. Ta có thể kiểm chứng và chứng minh thêm bằng Ainu ngữ wan, mười. Theo qui luật chuyển hóa v=m như vời = mời, với = mới = mấy (ai ơi đợi với/mới/mấy tôi cùng) ta có Ainu ngữ wan, mười, liên hệ với gốc mak của maka, "open", "mở": wan = vvan = man liên hệ với maka, mở (chuyển hóa này thấy rõ nếu ai biết đánh mạt chược, con bài vạn gọi là màn). Việt ngữ man, mang có nghĩa là mở như mở mang, có hàm ý mở ra như mênh man... Như vậy Ainu ngữ Wan, mười liên hệ với mata, mở, với Việt ngữ man, mang là mở (xin mở thêm dấu ngoặc ở đây từ vạn, mười ngàn của chúng ta liên hệ với Ainu ngữ wan, mười. Vạn có hàm ý mười, mở. Vạn là mười ngàn).

Cách đếm nắm-mở/ năm-mười của bàn tay kiểu này nhanh chóng hơn. Bàn tay còn lại có thể dùng ra hiệu cho biết bao nhiêu lần nắm mở, tức bao nhiêu lần mười. Năm/nắm và mười/mở là cách đếm dùng một bàn tay rất nhanh và tay còn lại có thể dùng làm việc khác.

Anh ngữ *ten* phát gốc do Latin *decem*, Greek *deka*, Gothic *tehun*... tất cả gốc Ấn-Âu ngữ tái tạo lại thành gốc chung *dekmtóm. Nhà ngữ học Morris Swadesh cho rằng phần vĩ ngữ kmtóm do gốc *kem, giản lược thành *km có lẽ liên hệ với tiếp đầu ngữ Latin com-, cùng nhau (together). Từ * km-tóm có nghĩa là nối kết lại với nhau ("joined together"). Như vậy dek-kmtó-m hay deg-km-tó-m có nghĩa là các "ngón kết chung lại." Dek là ngón tay như thấy trong Hy-lạp dak-tu-los, Latin digitus. Decem, deca là tất cả các ngón kết hợp lại, có nghĩa là chục. Giải thích theo cách này chúng ta thấy giống ý nghĩa từ chục của Việt ngữ. Chục là do hai nắm tay cộng lại hay do mười ngón tay của cả hai bàn tay chụm lại.

Chúng tôi lại nghĩ thêm một cách khác các học giả Tây Phương. Nếu năm/five là nắm/fist thì mười/ten phải có nghĩa là mở. Ten, decem phải có nghĩa là mở. Thật vậy Anh ngữ ten là con đẻ của cổ ngữ Anglo-Saxon 'tên' là mười (e có dấu mũ) liên hệ với Việt ngữ tênh. Nguyên thủy tênh hàm nghĩa là mở, mở rộng, mở toác, mở hở ra. Từ thênh thang là mở rộng. Thênh với h câm là tênh. Ta nói ngồi tênh hênh ra. Hênh là gì? hênh là chuyển hóa của hang theo ênh = ang (thênh thang, mênh mang, dềnh dàng...). Ngồi tênh hênh là ngồi 'tênh hang', 'mở hang' ra. Chúng ta cũng nói ngồi 'hớ hênh' có hàm nghĩa ngồi 'hở hang'. Hênh cũng cùng vần với 'hến'. Ngồi tênh hênh là ngồi tênh "hến" ra, ngồi 'mở hến' ra. Nên nhớ là 'hến' (sò, ốc) và 'hang' có cùng nghĩa như nhau như thấy qua từ 'oa' (từ này chưa hẳn là có gốc nguyên thủy từ chữ Hán) có một nghĩa là ốc sò và cũng có nghĩa là cái hang. Do đó ngồi tênh hênh có nghĩa là ngồi 'mở hến' và cũng có nghĩa ngồi 'mở hang' ra. Ta cũng có một từ nữa là buồn tênh:

Khi vui muốn khóc, buồn tênh lại cười

Buồn tênh là buồn trống trải, mênh mang cũng có hàm ý mở rộng ra.

Như thế "ten" phải liên hệ với Việt ngữ

tênh, là mở, là dở. Rõ hơn nữa là cổ ngữ Anglo-Saxon "tên" (e có dấu mũ), mười, in hệt từ tênh của Việt ngữ, với chữ h tận cùng câm: tên(h), mở, dở = tên, mười.

Ta có thể chứng minh ten là mở theo những qui luật chuyển hóa ngôn ngữ. Áp dụng qui luật e=o như e ò = ò e ta có te- = to như thế ten có te- liên hệ với tở . Ta có tở cũng có nghĩa là dở ra: tở = dở (t=đ), mở ra như trong từ ghép tở mở: bà ấy rất tở mở. Như thế ten liên hệ với tở, mở. Từ ten phát sinh do cổ ngữ Anglo-Saxon tên, liên hệ với Latin decem, nếu dựa vào 'de-' ta thấy 'de-' liên hệ với dở: de- = dở (e=o). Dở chính là mở. Tiếp đầu ngữ 'de-, dis-' có nghĩa là dở, là mở như disclose, découvrir. Theo x=s, Pháp ngữ dix (mười) = dis-, dở; Hy-lạp deka cho ra gốc deca có de-= dở...

Nghĩa ngữ đã giống hệt rồi giờ chúng ta coi dạng ngữ mười có liên hệ với ten/decem không? Theo qui luật chuyển hóa m=d như Miến Điện = Diến Điện ta có mở = dở. Như thế mười/mở = dở = tở = de = te = deca/decem = ten. De- của deca/decem có cùng âm và cùng nghĩa với dở Việt ngữ.

Vậy tên, ten có nghĩa là tênh, là tở, là dở là mở liên hệ với mười/mở = dở Việt ngữ.

Ta có thể kiểm chứng lại bằng Đại Hàn ngữ. Số mười Đại Hàn ngữ yòl cũng phát xuất từ gốc động từ yòl- có nghĩa là dở, là mở ra. Nếu chuyển hóa từ Đại Hàn ngữ sang Việt ngữ ta thấy yol = dol theo qui luật y=gi=đ như yaourt = da-ua. Yòl có "yo- = do" chính là dở Việt ngữ. Gần cận với Đại Hàn là Nhật ngữ 'to', mười. To = tở = dở.

Một lần nữa ta có thể dùng Việt ngữ để truy tìm nguyên ngữ của các từ chỉ số 10 Ấn-Âu ngữ.

Như thế qua các từ chỉ con số, nhất là từ căn bản ổn định nhất là con số hai đã cho thấy có sự liên hệ giữa Việt ngữ và Ấn Âu ngữ. Một vài con số không có dạng ngữ giống hệt nhau nhưng tất cả đều có nghĩa ngữ như nhau. Sở dĩ như vậy là vì tùy thuộc vào ngón tay nào chọn làm chuẩn để đếm và một vài con số của chúng ta gọi theo tín ngưỡng, theo vũ trụ giáo (xin xem các bài viết về cổ sử của tác giả).

Tài liệu tham khảo:

1. ZDMG vol.57, p.560 bằng Đức ngữ, bản dịch Anh ngữ của J.R. Krueger, dẫn lại trong "Global Linguistic Connections" Eurolinga, Bloomington, 1983, p.82.

2. Morris Swadesh, The Origin and Diversification of Language, 1971.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301
WESTMINSTER, CA 92683, USA
TEL&FAX: (714) 527-5761

SÁCH MỚI

- SÀI GÒN TRONG MẮT TÔI, *biên khảo*, Phụng Nghi 12MK
- DÒNG THAMES THÌ THẦM, phiếm luận, *Vĩnh Phúc* 12MK
- THỰC PHẨM RAU ĐẬU QUA LĂNG KÍNH KHOA HỌC, *biên khảo*, Tâm Diệu 12MK
- LẦU XÉP, *7 chuyện, 8 truyện*, Võ Đình 11MK
- CÔNG LÝ ĐÒI HỎI, *tiểu luận chính trị*, Nguyễn Minh Cần 18MK
- THƯ VỀ BLOOMINGTON, IL..., *truyện*, Lê Tất Điều 11MK
- ĐẠO ĐỨC KINH, Lão Tử, cựu Luật Sư Đinh Sĩ Trang *dịch, chú thích, gồm Anh, Việt, Hán* 20MK
- NHÌN CÂY THẤY RỪNG, *18 cuộc phỏng vấn liên quan đến Việt Nam với nhiều khám phá lý thú*, Đỗ Quyên 18MK
- EINSTEIN, ĐỜI SỐNG VÀ TƯ TƯỞNG, Nguyễn Hiến Lê 8MK
- ÔNG GIÀ VÀ BIỂN CẢ, Ernest Hemingway, Mặc Đỗ *dịch* 7MK
- MÀU TÍM, Alice Walker, Nguyên Thi *dịch* 15MK
- HÀNH TRÌNH CUỐI ĐÔNG, Tiêu Dao Bảo Cự 16MK
- MIỀN THƠ ẤU, *hồi ký* Vũ Thư Hiên 13MK
- NHỮNG GIỌT MƯA TRÊN GIÀN BÔNG GIẤY, *tiểu thuyết*, Nguyễn Hùng Vũ 14MK
- TRĂNG GÓA, *tập truyện đầu tay của* Lê Minh Hà, *nhà văn nữ trẻ hiện đang sống tại Đức* 10MK

Ngoài Hoa Kỳ, xin trả thêm 2MK cho sách giá từ 10MK đến 18MK.
Thêm 3MK cho sách giá từ 19MK đến 28MK.
Riêng *Đêm Giữa Ban Ngày* thêm 5MK

Liên lạc với VĂN NGHỆ để nhận Thư Mục
với hơn 500 tựa sách của nhiều nhà xuất bản khác.

CHIẾC GHẾ CŨ

THÁI TUẤN

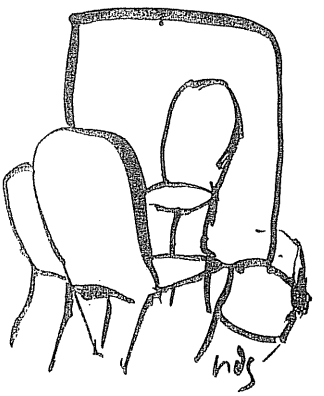

Cây cọ trên tay người họa sĩ; lúc thong dong thư thả lướt nhẹ trên nền vải; khi vội vã dồn dập và cũng đã đôi lần do dự ngập ngừng, quay cuồng tựa cây kim của chiếc la bàn chưa tìm ra phương hướng.

Ở giây phút sáng tạo dường như mọi sự đều ngưng dứt. Âm thanh hình sắc thật cần thiết song cũng có thể là những nhiễu xạ cần phải gạn lọc.

Bức tranh của nhà danh họa vẽ một chiếc ghế cũ kỹ. Màu sắc chẳng lấy gì rực rỡ tươi sáng. Hình dáng thô thiển cũng đã không còn hợp thời.

Có người hỏi: "Chiếc ghế quá xấu xí lỗi thời, họa sĩ vẽ để làm gì?"

"Thật ra tôi không biết."

"Vậy họa sĩ tìm kiếm gì trong cuộng việc sáng tác?"

"Có thể tôi tìm kiếm một điều gì đó. Song ý thức thì mơ hồ mà hành động cũng phiêu lưu."

Khi nhìn lại bức tranh vẽ chiếc ghế, Van Gogh đã reo mừng: Chính hắn đúng là lão Gaugin. Và đã đặt tên bức họa: Chiếc ghế của Gaugin. Chiếc ghế cũ kỹ ấy đã khơi dậy được những gì nơi tâm tư người thưởng ngoạn. Chính sự khơi dậy ấy đã tạo thành vẻ đẹp cho chiếc ghế.

Cái đẹp thường quá giản dị tầm thường. Chỉ một ít đất bụi đã cho ta một vầng trăng đẹp. Song làm thế nào phân tích đất bụi để tìm ra cái Đẹp. Hồi tôi mới học vẽ, ông thầy bảo: Cái Đẹp nên đứng xa mà ngắm. Tôi nghĩ tới cái đẹp giản đơn và thật xa xôi của bầu trời xanh. Cái đẹp cũng thường bất ngờ song chẳng phải chuyện tình cờ.●

THÁI TUẤN

BUỔI CHIỀU ĐẸP

Paris đường phố dập dìu
Vẳng lời tâm sự ít nhiều cô đơn
Bước chân gió bụi chập chờn
Tâm tư đổ xuống những cơn mưa dài
Đường khuya, lữ khách có ai
Chiều nay tạm trú trong bài thơ em

Chiều ngày 1 tháng Tám 1998, hai tạp chí Văn Học và Văn đã phối hợp tổ chức buổi ra mắt tập thơ Tôi Cùng Gió Mùa của nhà thơ Nguyễn Xuân Thiệp tại Tòa soạn báo Văn Học. Giữa đông đảo bạn bè văn nghệ, nhà thơ đã đọc bài Tôi Cùng Gió Mùa trong tập thơ này. Thế Kỷ 21 xin đăng lại dưới đây bài thơ ấy như ghi một kỷ niệm và gửi một lời chúc mừng nhân dịp đứa con tinh thần của nhà thơ Nguyễn Xuân Thiệp chào đời.

Tôi Cùng Gió Mùa

NGUYỄN XUÂN THIỆP

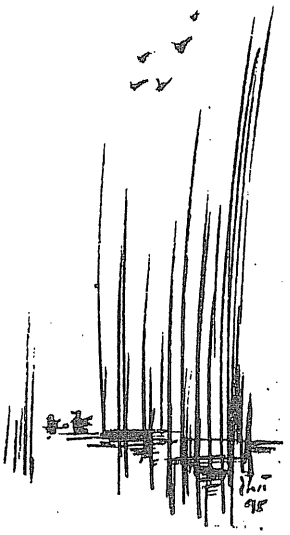

trong cuộc hành hương về nơi bình minh ẩn náu
cuộc đi nối tiếp những con đường từ bóng tối
trong màu đỏ rạn của ráng trời
khi tôi về qua khu phố nhỏ
thì gió mùa cũng đã trở về
giữa ngã ba chiều
gặp lại nhau

gặp lại nhau
tôi cùng gió mùa
khi những chiếc lá khô lăn tròn mặt nhựa
cuốn theo chút nắng cuối trời
người phu quét đường
quét bóng hoàng hôn nẻo phố
khi lá chín rụng nhiều
trẻ con sẽ nhặt làm kèn
thổi qua một mùa đông xám tới một mùa thu vàng đầy khói
thổi qua hồn tôi

gặp lại nhau
tôi cùng gió mùa
cho nên trong ly rượu chiều nay uống bên quán lá
có thêm chút cay đắng của giọt lệ nào
và lời vi vu của nhiều hạt bụi

này em. chưa đan xong chiếc khăn quàng cổ
thì gió mùa đêm nay đã đến đầy phòng

thổi rung liếp cửa
em có nghe tình ta âm vang dưới bầu
trời hun khói
âm vang qua đồng cỏ tranh
lại gặp nhau
tôi cùng gió mùa
để đêm nay có người lục lại gối chăn
trong hòm cũ
tìm lại chiếc gương xưa
để sớm mai
hồng má trẻ con
se môi thiếu phụ
để người đi xa một sớm quay về

hỡi gió mùa
đã đến trong cây
đã nói cùng với lá
rằng ta yêu nỗi cùng khổ của kiếp người
cả những điều tuyệt vọng
rằng khắp nơi trên mặt đất mùa đông
này thiếu lửa
nhưng dưới mái tranh nghèo quê hương
ta chiều nay
đã ấm lại tình hoa cỏ

hỡi gió mùa
đã cùng ta gặp lại
nhớ không
lần đầu tiên chia tay cùng người
mà lịch sử đã có dư nghìn tuổi
mà hôm nay ta lại gặp ta
người lại gặp người
trong nỗi bàng hoàng
trong cơn sốt vỡ da

hỡi gió mùa
đã thổi từ cội nguồn xa tới cửa hiện thời
thổi qua những rặng núi. những dòng
sông. những xóm làng. thành phố quê
hương tôi
đã đến đây chiều nay gặp lại
trong ký ức âm u của đời tôi
đã có những cơn gió mùa chợt dậy
đã có cơn gió mùa thổi qua thành quách
cũ
thấp thoáng bóng ngọn cờ
đã có cơn gió mùa thổi qua hàng hàng
bia mộ
những mặt người thiên thu

gió mùa
gió mùa
thổi qua
thổi qua
qua những tầng cổ tích. những lớp đá
ong. những tàng thạch thảo
như tù và. như tiếng trống thành xưa
vang động. như tiếng độc huyền dưới
những hạt mưa
thổi qua
thổi qua
một mình góc phố chiều nay
tôi nghe gió mùa đi qua lục địa
thổi qua những biên thùy. rào cản.
những ước định của người. những
tâm hồn mê sảng
những màu da
những dòng nước mắt
gió mùa
gió mùa
thổi qua
thổi qua
thổi từ lịch sử của từng chủng tộc
tới nỗi riêng của mỗi phận người
trong cơn oan khốc
thổi từ tử hải tới bờ hiện sinh
thổi qua những nền móng mới
những bàn tay tiếp tiếp lên trời
gió mùa
gió mùa
thổi qua
thổi qua

hỡi gió mùa
giữa những bình minh và những hoàng
hôn
cười khóc
người đã nghe gì thấy gì
từ trong Thánh Kinh và Nam Hoa Kinh
và triệu triệu những trang kinh vàng óng
trên cây vô ưu
và cành nhân sinh
có con chim nào hót
có không một chỗ dừng chân
cho loài người suốt cuộc hành trình về
nơi tĩnh lặng
hỡi gió mùa
đã đến trên quê hương ta chiều nay
để thêm một lần gặp lại
xin hẹn cùng ta
xin hẹn cùng người
một mùa đông ấm lửa

1974

MẶT TRẬN DÂN CHỦ DƯỚI SÁCH LƯỢC MẠC TƯ KHOA

THƯỢNG-HUYỀN dịch

(Trích dịch từ sách Hồ Chí Minh Tại Trung Quốc, nguyên tác Hoa ngữ của Tưởng Vĩnh Kính, Đài-loan)

(tiếp theo)

Tại Việt-nam, cộng sản, từ 1930 đến 1931, sau khi phong trào sô-viết Nghệ-an thất bại, thì mãi đến đầu năm 1930, mới bắt đầu khôi phục tổ chức được. Lúc bấy giờ, một sinh viên Việt-nam theo học tại trường đại học Đông phương (Mạc-tư- khoa), là ông Trần Văn Giàu, vừa được phái về nước để xây dựng hạ tầng cơ sở.[18] Vào thời đó, tại Sài-gòn có một đoàn thể cộng sản thuộc hệ phái *Trotsky* (tức đệ tứ quốc tế), do Tạ Thu Thâu (từng du học tại Pháp) lãnh đạo. Sài-gòn rất gần gũi với không khí chính trị của nước Pháp, lại có báo chí tiếng Pháp phát hành, nên dân chúng còn có được cái trình độ tối thiểu về tự do; mà các phần tử cộng sản cũng có thể tiến hành các hoạt động hợp pháp. Một phần tử hệ phái Trotsky đã cùng với hệ phái Stalin và Trần Văn Giàu đạt được một hiệp nghị để lập nên một liên hiệp hoạt động chính trị hợp pháp. Một phần tử khác của hệ phái Trotsky thì tham gia vào tờ báo *Đấu Tranh (La Lutte)* do hệ phái Stalin phát hành. Ngoài ra, các đảng viên Việt-cộng ở ngoại quốc, xuyên qua mối quan hệ của các nhân viên hàng hải Việt-nam tại Thượng-hải, Nam-kinh, Hương-cảng, và các đảng viên Trung-cộng tại Xiêm-la, họ vẫn có thể giữ liên lạc với nhau ở hải ngoại. Năm 1933, những phần tử tàn dư của Việt-cộng, đã cử hành hội nghị đầu tiên tại Lào.[19] Những phần tử Việt-cộng này vẫn còn chịu ảnh hưởng của Trung-cộng, theo con đường bạo động phi pháp. Trung-cộng đối với "đảng anh em" này, thấy họ đã mất hết nhuệ khí từ sau những thất bại của các năm 1930-1931, đã biểu lộ mối quan tâm khẩn thiết. Tháng 8.1934, trong một lá thư công khai gửi cho "các đồng chí Việt- nam", Trung-cộng đã hô hào Việt-cộng lập một "đảng tái chiến đấu"; yêu cầu họ nên lấy *"kế hoạch hành động"* của năm 1932 để thực hành.[20] "Kế hoạch hành động" của năm 1932 tức là chủ trương bạo động mạnh hơn nữa; vì nhận định rằng, *"chỉ bằng đấu tranh vũ trang mới hoàn thành được công cuộc giải phóng"*; và khẩu hiệu được nêu lên là *"Cách mạng bạo động vì ruộng đất và độc lập, muôn năm"*.[21]

Tháng 4.1935, Việt-cộng cử hành đại hội đại biểu kì 1 tại Áo-môn[(a)], quyết định lợi dụng các cơ hội hợp pháp để tiến hành đấu tranh,[22] thực hành các yêu cầu của mặt trận phản đế và cách mạng ruộng đất. Khoảng tháng 7, tháng 8 năm đó, trong cuộc đại hội đại biểu kì 7 của cộng sản quốc tế, đại biểu của Việt-cộng là Lê Hồng Phong đã báo cáo

rằng, Việt-cộng đã thành công trong việc thực thi chính sách của cộng sản quốc tế, đặc biệt là trong cuộc tuyển cử tại Sài-gòn hồi tháng 5. Trong báo cáo cũng nêu rõ là Việt- cộng đã thực hiện kế hoạch của cộng sản quốc tế trong cách mạng phản đế và ruộng đất, cùng hoàn thành công cuộc đấu tranh giải phóng và độc lập của Việt-nam.[23] Một cách tổng quát, sách lược của Việt-cộng trong giai đoạn này mang tính hai mặt, đứng lơ lửng giữa Pháp-cộng và Trung-cộng; có lúc giống như truyền thống nghị hội của Pháp, có lúc giống như cách thức đấu tranh phi pháp của Trung-cộng. Hiện tượng không điều hòa này, về sau đã được Hồ Chí Minh giải thích:

"Nhờ có thái độ kiên quyết của Trung ương, và nhờ có sự hiệp trợ của các đảng anh em, từ năm 1933, cuộc vận động cách mạng lại dần dần hưng khởi. Lúc bấy giờ, đảng chúng tôi một mặt phải củng cố và làm mới lại các tổ chức bí mật, một mặt lại phải làm cho các công tác bí mật cũng như các hoạt động công khai được phối hợp tuyên truyền và cổ động cùng lúc trên báo chí và trong các hội đồng thành phố và quản hạt."[24]

Tháng 6.1936, sau khi chính phủ của Mặt trận Nhân dân ở Pháp được thành lập, đường lối của Việt-cộng lại được cải biến; các nghị quyết của hội nghị Áo-môn cũng bị chỉ trích. Tháng 7 năm đó, Trung ương đảng Việt-cộng họp tại miền Nam Trung-quốc. Lê Hồng Phong và Hà Huy Tập đã tuân thủ nghị quyết của đại hội đại biểu cộng sản quốc tế kì 7, điều chỉnh những *"sai lầm"* của hội nghị Áo-môn, thêm vào chính sách mới — tức tổ chức *Mặt trận Dân chủ*. Những "sai lầm" của hội nghị Áo-môn là gì? Chẳng qua là *"những chính sách đưa ra trong hội nghị đó nay không còn phù hợp với tình hình cách mạng thế giới và quốc nội nữa, như phân chia ruộng đất cấp cho nông dân; không nhận thức rõ ràng về nhiệm vụ chống phát-xít cũng như cái nguy cơ chiến tranh do phát-xít gây ra v.v..."*.[25] Những chính sách được qui định trong kì hội nghị này hoàn toàn dựa vào Mặt trận Nhân dân của cộng sản Pháp, hủy bỏ khẩu hiệu *"đả đảo chủ nghĩa đế quốc Pháp"*, thay vào đó là khẩu hiệu *"cơ sở cách mạng chống bảo hoàng"*, nhằm lật đổ chính quyền phong kiến trong nội bộ nhà đương cuộc thực dân; thủ tiêu khẩu hiệu *"giải phóng dân tộc"* và thay vào đó là khẩu hiệu *"Pháp Việt hợp tác"*, nhằm giúp cho người Việt-nam đạt được quyền lợi cơ bản trong việc tự do kết đoàn.[26] Nhiệm vụ chủ yếu được đề ra trong hội nghị này là *"chống phát-xít và phản đối chiến tranh"*; đề ra khẩu hiệu *"hòa bình - tự do - cơm áo"*[27] Đường lối đó có vẻ như lặp lại cái đường lối "Tây hóa" của ông Hồ trong thời kì đầu của những năm 20 tại Ba-lê.[28]

Việt-cộng đã làm gì và đã thu hoạch được gì dưới chiêu bài *"mặt trận dân chủ"*? Trước hết, các chính trị phạm bị Pháp bỏ tù từ lâu, nay được phóng thích; và sau đó là nhà đương cuộc thực dân Pháp cho phép Việt-cộng và các đảng phái ngoại vi của họ được hoạt động công khai, từ đó, các đảng như Dân Chủ Xã Hội,[29] Tân Việt Nam Quốc Dân Đảng v.v...,[30] dưới sự phò trợ của người Pháp, rần rộ xuất hiện. Các đảng phái từng kết hợp với Việt-cộng vẫn giữ nguyên. Ở miền Nam, Việt-cộng vẫn hợp tác với hệ phái Trotsky. Họ đã tổ chức chung nhau một "Ủy ban Hành động", cùng hoạt động trong việc lãnh đạo các phong trào bãi công, yêu sách cải thiện điều kiện làm việc, đề cao quyền lợi công nhân, và yêu cầu được thành lập các công đoàn hợp pháp. Về phương diện tuyển cử, năm 1937, do có tờ báo Đấu Tranh, cả hai hệ phái cùng liên hiệp đưa người ra ứng cử, kết quả là có 3 người của họ đã trở thành nghị-viên của hội đồng thành phố Sài-gòn — một người là ông Tạ Thu Thâu, hệ phái Trotsky; hai người kia là các ông Nguyễn Văn Tạo và Dương Bạch Mai, hệ phái Stalin. Nhưng liền sau đó thì hai hệ phái lại tuyên bố tách rời. Hệ phái Trotsky cự tuyệt, không tham gia Mặt trận Nhân dân; chỉ trích hệ phái Stalin đã vì lợi ích của Liên-sô và Pháp-cộng mà đem bán rẻ Việt-nam; rồi tiếp quản luôn tờ báo *Đấu Tranh*. Tạ Thu Thâu đã viết một bài trên tờ báo này, phát biểu rằng, *"Mặt trận Nhân Dân là một mặt trận phản quốc"*. Do bài báo đó, ông đã bị thực dân Pháp bỏ tù 2 năm. Trong cuộc tuyển cử năm 1939 tại Nam-Việt, đệ tứ quốc tế đã đạt được thắng lợi lớn, với 80% số phiếu.[31]

Tại Bắc-Việt, tháng 1.1937, Pháp-cộng đã phái một đặc sứ để giúp Việt-cộng trong công tác tổ chức. Trong tháng 3, Mặt trận Dân chủ Đông- dương (hoàn toàn do Việt-cộng chi phối) bắt đầu công kích cuộc vận động chủ nghĩa dân tộc tại Việt-nam. Các báo Tin Tức và Nhân Dân của Việt-cộng cũng bắt đầu được phát hành tại Bắc- Việt.[32] Mặt trận Dân chủ không phải là một tổ chức liên hiệp của hai hệ phái trên. Trong phạm vi của mặt trận này, Việt-cộng đã tổ chức ra các đoàn thanh

niên dân chủ, hội ái hữu, hội hỗ tế v.v...[33] Hoạt động của mặt trận này nhằm liên hiệp những "phần tử cách mạng của các giai cấp"; yêu cầu cải thiện đời sống nhân dân, thực thi luật lao động do Mặt trận Nhân dân Pháp đã ban hành; xuất bản báo, tạp chí, phát hành các loại sách nói về chủ nghĩa cộng sản; lãnh đạo công nhân và các phần tử trí thức trong việc tổ chức các đoàn thể hoạt động công khai.[34]

Tháng 4.1938, Edouard Daladier đảm nhiệm chức vụ Thủ-tướng Pháp, cải tổ chính phủ của Mặt trận Nhân Dân, bắt đầu chiều hướng hữu khuynh. Daladier vốn là một nhân vật thuộc phe hữu. Khi chấp chính vào năm 1934, ông đã theo chính sách tả khuynh, từng bị dư luận trong phe hữu đả kích dữ dội, nên phải từ chức. Năm 1935, ông xu phụ theo các phần tử cánh tả và gia nhập Mặt trận Nhân dân. Tháng 6 năm sau, ông được bổ nhiệm làm Bộ-trưởng Lục-quân trong chính phủ Mặt trận Nhân dân. Lần này thành lập nội các, ông lại chuyển hướng theo phe hữu.[35] Ông đã công khai đoạn tuyệt với Mặt trận Nhân dân, cưỡng bách họ phải lao động dài hạn; hi sinh mối quan hệ với Tiệp-khắc trong minh ước Pháp-Nga để kí hiệp định Munich với Đức[(b)]; cắt viện trợ cho chính phủ của Mặt trận Nhân dân Tây-ban- nha. Thật là những hành động thiên hữu cùng cực!

Đối với chính sách hữu khuynh đó của nội các Daladier, cộng sản Pháp tuy có chỉ trích nhưng cũng phải phục tùng, vì vẫn phải ủng hộ "hiệp định Pháp-Nga". Họ vẫn còn ca tụng Mặt trận Nhân dân, nhưng dưới sự chỉ đạo của cộng sản quốc tế, họ phải đề cao Daladier.[36]

Chủ trương hữu khuynh của nội các Daladier đã làm cho Mặt trận Nhân dân của Pháp bắt đầu tan rã.

Suzie Vuong
Gallery
Bán tranh originals
và Limited Editions
207 N. Broadway, Suite # 6A,
Santa Ana, CA 92701
Tel: (714) 558-8218 Fax: (714) 444-1082
Pgr: (714) 967-7571 http://klcon.com/art/SuzieVuong

Đúng vào lúc kí hiệp định Munich thì Hồ Chí Minh rời Mạc-tư-khoa. Từ năm 1937, cộng sản quốc tế đã dự tính cho ông theo chân Pháp để trở về Việt-nam; và ông cũng đã chuẩn bị sẵn sàng để khởi hành.[37] Hiển nhiên là cộng sản quốc tế muốn ông về nước để xúc tiến *mặt trận dân chủ*. Nhưng chuyến khởi hành lại đột nhiên bị đình chỉ. Mãi đến mùa Thu năm 1938 ông mới rời Mạc-tư-khoa. Nhưng mục đích của chuyến đi lần này đã thay đổi, không phải theo chân Pháp mà đi hẳn về căn cứ địa của Trung- cộng ở Diên-an (phía Bắc tỉnh Thiểm-tây).[38] Sự việc này cho thấy rõ, theo sự an bài của Mạc-tư- khoa, ông Hồ phải chuyển hướng để theo đúng đường lối của Trung-cộng, thay vì *"mặt trận dân chủ"* thì phải theo đuổi *"mặt trận dân tộc"*. Nhưng vì cộng sản Pháp vẫn còn ca tụng "mặt trận nhân dân" và vẫn phải ủng hộ chính phủ Pháp, cho nên sau khi về đến Trung-quốc, ông Hồ vẫn chưa dám bàn đến vấn đề độc lập dân tộc, hoặc phản đối sự thống trị của Pháp. Cơ hồ như, khi Mặt trận Nhân dân ở Pháp đang trong những ngày đen tối, thì ông vẫn cứ phải cao giọng ca bài "mặt trận dân chủ"! Như trong báo cáo gửi cho cộng sản quốc tế tháng 7.1939, ông đã nói chủ trương của ông vào lúc đó rằng: *"Vào thời điểm này, đảng không thể đề ra những yêu cầu quá cao như* «độc lập dân tộc, quốc hội v.v...»; *mà chỉ có thể đòi hỏi các quyền tự do dân chủ, như tự do kết đoàn, tự do hội họp, tự do báo chí và ngôn luận; đòi phóng thích toàn thể các chính trị phạm; đấu tranh để đòi quyền được hoạt động hợp pháp cho đảng."* Đến như các thành phần được tham gia Mặt trận Dân chủ thì ông chủ trương *"không những chỉ có người Đông- dương, mà còn phải bao gồm cả những người Pháp tiến bộ đang sống tại Đông-dương; không những chỉ có nhân dân lao động mà phải có cả giai cấp tư sản dân tộc"*. Thậm chí, đối với giai cấp tư sản, ông cũng đề nghị *"phải hết sức tranh thủ họ tham gia mặt trận"*. Đối với Pháp-cộng và Mặt trận Nhân dân của Pháp, ông bảo phải giữ cho được mối liên hệ mật thiết.[39] Mặt khác, tại Việt-nam, vào ngày 14.7.1937, hai phe Trotsky và Stalin tuyên cáo tách rời nhau, và phe Trotsky đã chỉ trích phe Stalin là *"mặt trận nhân dân phản quốc"*; đồng thời, trong hai năm 1936 và 1937, Stalin ra mặt thanh trừng các phần tử dị kiến, đã tiến hành hai lần xét xử lớn, phàm những ai bị thanh trừng, đều bị gán cho tội danh là *"cấu kết với phát-xít Trotsky"*.[40] Do vậy, trong

báo cáo gửi cho cộng sản quốc tế, ông Hồ cũng hô hào: *"Đối với phe Trotsky, không thể liên minh, cũng không khoan nhượng. Hãy tận dụng mọi biện pháp vạch trần bộ mặt thật tồi mọi của các tên phát-xít; hãy diệt sạch bọn chúng trên địa bàn chính trị."*[41]

Bởi vậy, cái *"mặt trận dân chủ"* của Việt-cộng chỉ là một sự a tòng một cách mập mờ theo *Mặt trận Nhân dân* của Pháp-cộng và cộng sản quốc tế để phục vụ cho lợi ích của Liên-sô; đành vất bỏ lập trường tranh thủ độc lập dân tộc để cam chịu số phận lệ thuộc. Rốt cuộc, nó cũng phải tan vỡ theo sự sụp đổ của mối quan hệ Pháp-Nga mà thôi.

CHÚ THÍCH:

18. Charles B. McLane, tr. 154.

19. Ellen J. Hammer, tr. 89-90.

20. Charles B. McLane, tr. 159-160. Trung ương đảng Trung-cộng, "Thư ngỏ gửi các đồng chí Việt-nam", đăng trên báo cơ quan của cộng sản quốc tế và cộng sản Pháp ngày 10 và 15 tháng 8.1934.

21. Charles B. McLane, tr. 157.

22. Trần Hoài Nam, Việt Nam Nhân Dân Đích Giải Phóng Đấu Tranh, tr. 9.

23. Charles B. McLane, tr. 215.

24. Tuyển Tập Hồ Chí Minh, q. 2, tr. 155.

25. - nt -, tr. 155-156. Theo Charles B. McLane, tr. 215, ông Hồ là đại biểu trong hội nghị này. Không đúng, ông chỉ đạo cho Lê Hồng Phong và Hà Huy Tập mà thôi.

26. Charles B. McLane, tr. 216.

27. Trần Hoài Nam, sđd, tr. 54-55.

28. Xin xem lại Chương 2 sách này.

29. Nghiêm Kế Tổ, "Việt Nam Cách Mạng Đảng Phái Lược Sử" (nguyên cảo, Trùng-khánh, ngày 16.8.1942) nói: "Sau khi Mặt trận Nhân dân Pháp thành lập, nhân nội bộ cộng sản Việt-nam ý kiến bất đồng, một số đảng viên đã kéo theo số đông chí mới gia nhập, lập ra đảng Dân chủ Xã hội. Đảng cộng sản rất tức giận, cho đó là một tổ chức phản động." Tướng Lư Hán (Tư-lệnh quân đội Trung-quốc đóng tại Việt-nam năm 1945) trong "Việt Nam Các Đảng Phái Khái Huống" (nguyên cảo, ngày 14.12.1945) thì nói đó là: "Đảng Dân chủ, do sau khi chính phủ Nhân dân Pháp lên cầm quyền, đảng Xã hội Pháp đã giúp đỡ cho một tổ chức người Việt-nam lập nên, lấy Mặt trận Nhân dân Pháp làm bối cảnh mà phụ thuộc vào đệ nhị quốc tế."

30. Trung ương Trung Quốc Quốc Dân Đảng, bộ Hải-ngoại, "Việt Nam Cách Mạng Đảng Phái Lược Lịch" (nguyên cảo, ngày 6.5.1943) nói rằng, đảng này là nhà đương cuộc thực dân Pháp đỡ đầu, do Tổng-đốc Hà-đông Hoàng Trọng Thiên (một phần tử thân Pháp) làm thủ lãnh.

31. Ellen J. Hammer, tr. 92-93.

32. Võ Nguyên Giáp, People's War, People's Army, tr. xxxi, (Bernard B. Fall, Vo Nguyen Giap - Man and Myth) Frederick A. Praeger 1962).

33. Trường Chinh, tr. 12.

34. Trần Hoài Nam, sđd, tr. 9.

35. Trương Trác Hoa, "Đạt Lạp Đệ dữ Kim Nhật Pháp Quốc" (Báo Tảo Đăng, Quế-lâm, ngày 30.6 năm Dân quốc 29).

36. Trịnh Học Giá, sđd, tr. 191.

37. Hồ Thơ, tr. 122.

38. - nt -

39. Tuyển Tập Hồ Chí Minh, q. 1, tr. 228-229.

40. Trịnh Học Giá, Sử Đạt Lâm Chân Truyện, tr. 158, 169 (Á châu xuất bản xã, Hương-cảng, tháng 4 năm Dân quốc 43).

41. Tuyển Tập Hồ Chí Minh, q.1, tr. 229.

Phụ chú của người dịch:

(a) Áo-môn: tức Macao, nguyên là một hải cảng của Trung-quốc, tại mũi Nam châu thổ sông Việt, thuộc huyện Trung-sơn, tỉnh Quảng-đông. Năm 1557 (niên hiệu Gia-Tĩnh, nhà Minh), người Bồ-đào-nha đến chiếm làm thuộc địa, bắt phải nộp mỗi năm 500 lượng vàng. Năm 1887, vua Quang-Tự nhà Thanh kí hiệp ước nhượng vĩnh viễn, và Áo-môn đã trở thành là một phần đất của Bồ-đào-nha từ đó. (Theo Từ Vựng, Văn Hóa đồ thơ, Đài-bắc, 1971.)

(b) Trước khi cuộc đại chiến thế giới thứ hai bùng nổ, những nước lớn ở châu Âu chia làm hai khối: khối giàu gồm có Anh, Pháp, Nga; và khối nghèo (nhưng độc tài) có Đức, Ý. Đức muốn bành trướng thế lực ở châu Âu, bèn chiếm Áo, rồi tấn công Tiệp-khắc. Lúc bấy giờ Tiệp-khắc (cũng như các nước nhỏ khác như Ba-lan, Nam-tư, Lỗ-mã-ni v.v...) đang nằm trong sự che chở của Pháp. Vì nước Anh nhu nhược, muốn được yên thân, bèn kéo Pháp theo mình, cùng với Đức kí hiệp ước Munich, nhường Tiệp-khắc cho Đức, hi vọng Đức bớt hung hăng. (Theo Nguyễn Hiến Lê, Lịch Sử Thế Giới. Văn Nghệ xuất bản, California, 1994.)

* Khách, đi xa, hỏi cô điện thoại viễn liên:

"Từ đây gọi về nhà tôi mỗi phút nói chuyện tốn bao nhiêu?"

"Thưa ông, mỗi phút một đồng."

Khách nghĩ ngợi:

"Có giá biểu nào rẻ hơn không? Vì tôi chỉ nhắc điện thoại lên nghe, phần nói là của vợ tôi."

TÔI ĐI RÀO THÉP GAI

TRẦN DOÃN NHO

Đó là lần đầu tiên tôi đi Bắc.

Xe qua trạm kiểm soát An Hoà vào lúc nửa đêm. Vó đưa mời nhân viên kiểm soát hai gói thuốc Samit, cười lả giả. Anh ta trông bộ cũng ngái ngủ, leo lên nhìn vào thùng xe thấy toàn cả thép gai , vẫy tay cho đi. Xe trực chỉ ra Bắc. Xe chúng tôi đi là xe thuê của Hợp tác Xã Vận Tải Thành Phố - loại xe tải tư nhân bị buộc phải vào hợp tác xã sau 1975. Mấy tấn thép gai và cọc sắt, chúng tôi cố gắng nhét gọn trong thùng xe. Ở ca-bin phía đầu xe, ngoài tài xế và phụ lái, chỉ còn chỗ cho một người ngồi. Vó, người đứng tên trong bản hợp đồng, ngồi ở đó. Còn tôi và Cương thì phải ở phía sau thùng xe, nằm ngồi ngay trên đống thép gai. Chúng tôi dùng một tấm ván đè lên những cuộn thép gai lổn chổn, đầy những mũi nhọn đe dọa, sẵn sàng chích vào da thịt. Chúng tôi lấy xách, áo quần cũ, và gối chèn chung quanh phòng khi xe chạy nhồi lên nhồi xuống vì vấp phải ổ gà, nhất là bắt đầu từ đoạn đường bên kia cầu Bến Hải.

Xe chạy chậm. Tảng sáng, xe qua cầu Bến Hải. Tôi nhoài người ra khỏi thùng xe, quan sát chiếc cầu và giòng sông lịch sử trong màn sương sớm. Cầu nhỏ, ngắn, hư hỏng nhiều chỗ. Lối đi trên lòng cầu phải lót bằng nhiều tấm ván. Tôi có cảm giác cầu rung rinh, đong đưa dưới sức nặng của chiếc xe. Giòng sông

cạn, quá cạn, nhiều đoạn có thể lội qua được dễ dàng. Hai bên đầu cầu còn thấy hai cái trụ cờ để không, đứng chơ vơ. Vài ngôi nhà vẫn còn đó, nằm im, lạc lõng. Qua khỏi cầu, đường bỗng hẹp hẳn. Đường tuy có tráng nhựa, nhưng mấp mô giống các đường đất chạy quanh làng quê. Nhà cửa hai bên đường tiêu điều, xơ xác. Mọi thứ trông khác hẳn . Không khí dường như cũng khác hẳn. Tôi có cảm giác như đi vào một vùng đất lạ. Cảm giác đó làm tôi hơi áy náy. Đúng là tình cảm và đầu óc chia lìa Nam Bắc đã chi phối cảm quan của mình. Nhưng biết làm sao được! Càng ra xa về phía Bắc, cái cảm giác đó, lạ thật, tan loãng ra, để cuối cùng đọng lại trong tâm một nỗi ngậm ngùi.

Miền Bắc của đất nước tôi, tuy là kẻ chiến thắng, nhưng nghèo quá, tội nghiệp quá! Lại càng ngậm ngùi hơn khi sau này, trong nhiều dịp khác, tôi được đi vào nhiều vùng khác nhau của nông thôn miền Bắc. Thạch Hà, Nghèn, Đồng Lộc, Khe Giao, ga Vinh, Diễn Châu, có lúc đến tận miền biển của tỉnh Thái Bình là huyện Thái Thụy. Nghèo. Quá đỗi nghèo! Có lần, trong một chuyến đi trầm hướng về động Phong Nha, Quảng Bình, tôi tình cờ đi ngang một làng nhỏ ở sâu trong núi. Đó là một làng công giáo gọi là làng Chày. Ngôi nhà thờ lợp tranh xiêu vẹo. Ông cha xứ già khọm với cuốn thánh kinh nhàu nát đâu còn từ thời thuộc địa. Mọi người chơn chất, hiền lành đến độ tôi có cảm tưởng như đây là một bộ lạc thiểu số. Nếp sống và tri thức của người dân lạc hậu có đến cả 50 năm. Được biết chúng tôi là người trong Nam ra, dân làng dè dặt cho biết, họ tự ý sống cô lập như thế này từ hồi cải cách ruộng đất năm 1956. Họ sống theo kiểu tự cung tự cấp, hầu như không liên hệ gì với bên ngoài. Lâu lâu, cán bộ huyện về kiểm tra, rồi lại đi. Họ cho biết, ngay cả khi Sài Gòn thất thủ, mải đến hai tháng sau họ mới biết tin. Mà thực sự, họ cũng chẳng hề quan tâm đến việc này.

Đợi khá lâu ở Phà Gianh. Một phần vì nhân viên trực phà làm khó dễ để vòi vĩnh. Một phần vì kẹt xe. Phà nhỏ, xe đông. Ngày nào như ngày nấy. Tuyến đường sinh tử Bắc Nam thường bị khựng lại ở mấy điểm phà: Phà Gianh, phà Bến Thuỷ, phà Ghép. Sông Gianh, biên giới giữa hai tỉnh Bình Trị Thiên - Nghệ Tĩnh (thực ra là giữa Hà Tĩnh - Quảng Bình), một thời là biên giới của hai miền. Trịnh Nguyễn phân tranh. Qua khỏi phà Gianh rồi, Vó mới cho hay: phà này là điểm phiền nhất trong chuyến đi. Nhiều chuyến thép gai trước đó, khi ra đến đây, bị buộc phải trở về vì thiếu giấy tờ, giấy tờ không hợp lệ, hoặc không biết cách "chi" cho nhân viên trực phà, cho đám thuế vụ Trạm số 7. Mừng, chúng tôi ghé Kỳ Anh ăn cơm. Theo dân buôn đi lại trên tuyến đường này, từ Bến Hải trở ra, các quán ăn ở Kỳ Anh là ăn uống được nhất. Lý do: chủ nhân mời "thợ nấu" từ Huế hoặc Đà Nẵng ra nấu ăn. Các món ăn khá phong phú: thịt kho, canh chua, mực, tôm, đồ xào... Lại có cả nhạc miền Nam cũ, thường được gọi là nhạc vàng. Một cái máy cassette cũ kỹ để bên cạnh quầy tính tiền phát ra toàn những bản nhạc của chế độ cũ. Thôi thì nhạc tình, nhạc lính loạn xà ngầu. Giọng Thanh Tuyền, Chế Linh lẫn Khánh Ly, Lệ Thu, và cả Thái Thanh nữa. Những "Vọng Gác Đêm Sương", "Rừng Lá Thấp", rồi "Xuân Này Con Không Về", "Mưa Rừng"... Lúc chúng tôi sắp chấm dứt bữa ăn, sửa soạn trả tiền để đi, thì chợt nghe một điệu nhạc quen quen, rồi tiếng hát "anh Quốc ơi, anh Quốc ơi" ...A, bản nhạc "Huyền Sử Ca Một Người Mang Tên Quốc." Đến đây, tôi ngạc nhiên thực sự, nếu không muốn nói là sửng sốt. Quá lâu mới lại được nghe bản nhạc này, lại nghe ngay trên miền Bắc. Khi trả tiền , tôi hỏi nhỏ anh chàng chủ nhân:

"Anh thích nghe nhạc vàng à?"

"Thích quá đi chứ!" Anh ta phát âm giọng Hà Tĩnh pha Bắc, lại cố nhấn âm theo kiểu miền Nam.

"Anh có biết bản nhạc này nói về ai không?"

"Chả cần biết. Nó cứ có trong cái... cái... máy nhạc thì ta cứ nghe. Tui chẳng rõ bản nhạc chi."

Tôi giảng giải:

"Anh Quốc, tức là Phạm Phú Quốc, phi công miền Nam lái máy bay ra thả bom ở miền Bắc, bị bắn rơi đấy!"

"Thế đấy! Hèn gì cứ nghe nó gào anh Quốc ơi, anh Quốc ơi. Cái thằng Quốc này nó bị bắn rơi ở vùng Kỳ Anh này đấy. Ở ngay phía này này (anh ta chỉ về phía xa xa bên kia cụm tre làng trước mặt). Máy bay nó đâm xuống ruộng, xác nằm đó cả chục năm trời."

"Anh vặn nhạc này không sợ à?" Tôi cười hỏi.

"Sợ đéo gì! Cán bộ công an cũng thích nghe khối ra đấy! Mà lại, thằng này cũng thương binh bậc 3 , sợ quái chi thằng nào."

*

Nơi chúng tôi thi công là một bệnh viện cỡ vừa thuộc xã Thạch Hà, nằm ngay trên quốc lộ 1. Thạch Hà cách thị xã Hà Tĩnh chừng 7,8 cây số. Xe đổ thép gai và cọc sắt xuống ngay bên lề quốc lộ, kế cổng vào của bệnh viện. Vào báo cho ban giám đốc biết xong, chúng tôi trở về nơi chúng tôi dự định ở. Đó là nhà người chú ruột của Cương. Ông là dân tập kết năm 1954, vợ người Thạch Hà, nên ở luôn đây, không chuyển gia đình vào Nam như phần đông dân tập kết khác. Ông là cán bộ hưu trí. Nhà cửa của ông, giống như nhiều nhà ở vùng này, trông nghèo nàn, nhếch nhác. Một vài năm trở lại đây, do ảnh hưởng của tình hình miền Nam, một ít người bung ra, bỏ hợp tác xã, mánh mun, buôn bán. Ở đây không có cái trò chạy chợ , vì không có chợ họp hàng ngày, mà chỉ có chợ phiên tháng hai lần (như thời thuộc địa). Chợ họp vội họp vàng trong vòng một buổi sáng rồi giải tán. Thành thử, cách mánh mun, buôn bán ở đây là chạy hàng cho con buôn miền Nam ra (như chúng tôi chẳng hạn): mua vàng bạc, kiềng xưa, máy nổ, tem phiếu, thuốc tây các nước xã hội chủ nghĩa, vải vóc của các nước Đông Âu... Đa phần là móc ngoặc, vì ở ngoài dân chẳng có gì mà trao đổi. Chú của Cương, may mắn học được một nghề buôn mới: buôn da trâu bò. Ông đi lùng sục ở các xã trong tỉnh, mua da trâu, bò về ướp muối để dành, đợi đủ số lượng, mới thuê bao một chuyến xe bộ đội mang vào lò mổ ở Huế để bán. Con buôn ở Huế sẽ buôn chuyển tiếp vào các lò thuộc da ở Sài Gòn. Thằng con trai đầu của ông bán thịt chó cho dân nhậu buổi chiều. Quanh vùng có một vài nơi bán phở. Người ta bán trong nhà, nửa công khai, nửa bí mật. Buôn bán tư nhân, nói chung, là điều đại cấm kỵ. Nhà nước không hẳn cấm hoàn toàn chuyện buôn bán, nhưng thủ tục kinh doanh rất phức tạp, thường chịu một mức thuế rất cao, hầu như không chịu nổi. Bởi thế, người có gan buôn bán, phải "đi lại" với công an, thuế vụ rất kỹ để có thể tồn tại. Trong thời gian gần một tháng thi công ở đây, chúng tôi thường lui tới quán chị Liệu. Đây là một quán nước nằm phía đối diện với cổng bệnh viện. Về hình thức đăng ký kinh doanh, quán chị Liệu bán nước chè, trà móc câu, kẹo bánh. Thực tế, đây chỉ là mượn đầu heo nấu cháo. Chị bán mì, cháo, bún. Chị chạy mánh cho con buôn từ trong Nam ra hay Hải Phòng vào. Theo tôi dò hỏi, có rất nhiều đầu mối buôn bán thuốc phiện ở những vùng như thế này, thường nguỵ

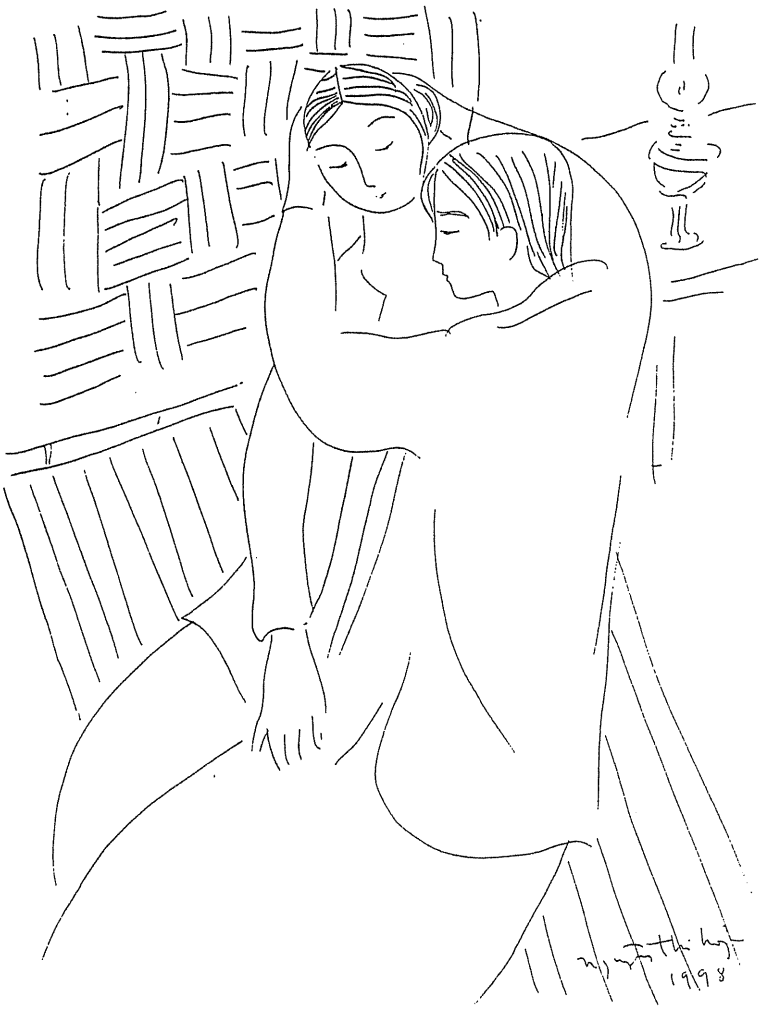

trang dưới dạng các quán nước. Cho đến khi rời đi, tôi không rõ chị Liệu này có buôn bán thuốc phiện hay không. Chị trạc tuổi tôi, có ba đứa con. Gia đình chị thuộc diện địa chủ, nên không thuộc loại đáng tin cậy trong xã hội Cộng Sản. Cha chị bị đấu tố đến chết trong đợt cải cách ruộng đất năm 1956. Hồi còn là cô bé 8, 9 tuổi, chị đã phải dắt mấy đứa em lên rừng sống, vì lúc đó không ai dám chứa chấp con địa chủ. Mỗi lần kể lại chuyện cũ, khuôn mặt chị trở lại trầm ngâm với một vẻ nhẫn nhục chịu đựng đặc biệt.

Chúng tôi dành một ngày để tuyển mộ người làm tại địa phương. Các toán làm thép gai khác thường tuyển công nhân ở Huế và mang họ theo ra địa điểm thi công để bảo đảm tay nghề và kỹ thuật. Chúng tôi vốn ít, lại là lần đầu, nên quyết định dùng người địa phương, vừa để đỡ tốn chi phí di chuyển, lại trả công thấp hơn và khỏi lo những chuyện lỉnh kỉnh bất thường khác. Kiếm người làm ở đây không khó lắm, vì số thanh niên cũng như bộ đội phục viên khá đông, hầu hết đều không có việc gì làm thêm ngoài làm ruộng. Vả lại, vì là việc làm ngắn hạn, nên có gì họ cũng dễ thu xếp. Tuy thế, chúng tôi cũng tới ngoại giao với đảng ủy địa phương và ban chủ nhiệm hợp tác xã để tránh những rắc rối không cần thiết. Tiền công, chúng tôi trả theo ngày (một ngày làm trung bình 10 tiếng). 15 đồng một công. Tiền công này khá cao so với với bất kỳ công việc nào ở địa phương vào thời đó. Lương cán bộ trung bình 80 đồng/tháng.

Nhiều người đến xin làm, nhưng chúng tôi chỉ lựa bảy người. Trung bình một người rào một ngày được khoảng 10 mét chiều dài. Vòng rào khu bệnh viện khoảng hơn một cây số rưỡi, chúng tôi trù tính hoàn tất trong vòng ba tuần. Công việc tương đối đơn giản, không nặng nề lắm, nhưng đòi hỏi sự cần mẫn, cẩn thận và phối hợp chặt chẽ. Hàng rào thực hiện theo kiểu ô vuông. Thép gai mang theo được quấn thành từng cuộn. Phải tháo ra, dùng búa hoặc dùng tay uốn lại cho thẳng và chặt thành từng đoạn dài khoảng 1 mét 6, dùng để dựng thẳng lên. Những cuộn còn tốt, nghĩa là ít sét và có độ dài tương đối thì dùng để rào chiều ngang, tạo thành những ô vuông cạnh cỡ 2 dm. Hầu hết thép gai đều đã rỉ sét vì phơi sương phơi nắng, phơi mưa hoặc chôn dưới đất lâu ngày. Không cẩn thận, chúng sẽ gãy thành từng đoạn nhỏ, rất khó làm và hao phí vật tư. Nếu tận dụng, chúng tôi lại phải hao công trong khi dùng thép nhỏ cột lại.

Những ngày đầu tiên, để thúc đẩy tinh thần làm việc, tôi và Cương cũng phải bắt tay làm. Công việc, thực ra, chẳng nhàn nhã tí nào. Lại có phần nguy hiểm nữa. Các mũi thép gai rỉ sét sẵn sàng chích vào tay, vào người bất cứ lúc nào. Sắt rỉ sét là nơi chứa vi trùng tetanos (phong đòn gánh). Lúc đầu, tôi rất lo sợ, vì nếu bị nhiễm tétanos thì phải làm sao đây. Nhưng rồi bị chích nhiều quá (không thể nào tránh được, dù rất cẩn thận), đâm liều. Mặc kệ! Tiền trước đã. Ấy thế mà trong lịch sử năm, bảy năm rào thép gai của dân Huế, chẳng có ai nhiễm loại vi trùng quái ác này.

Trong số nhân công, có một người đàn ông trung niên, cỡ 40 tuổi, tên Tuấn. Anh thường hay trò chuyện với tôi, có lẽ vì đồng trang lứa. Anh ta là trung úy phục viên, sống tạm nhờ vào số lương hưu ít ỏi của mình và nhờ vào một bà vợ khá đảm đang. Mơ ước của anh là được đưa gia đình vào Nam sinh sống. Nhưng anh chưa có vốn. Một lần, trong giờ giải lao, tôi hỏi:

"Sao mấy anh lại thích vào Nam?"

Anh cười:

"Vào Nam là giấc mơ lớn của dân miền Bắc chúng tôi."

Tôi ngạc nhiên:

"Giấc mơ lớn? Anh nói quá. Có gì mà lại là giấc mơ lớn?"

"Thế đấy! Chú xem ở đây thì biết. Không buôn. Không bán. Không nhà máy. Không xí nghiệp. Chỉ sống nhờ đất, mà đất thì đấy, mô có đẻ ra mà ăn được mãi. Miền Nam mới giải phóng, chính sách còn nới. Đảng và Nhà Nước qui định kinh tế năm thành phần, dễ xoay trở. Ngoài này, chúng tôi phải tiến lên xã hội chủ nghĩa, nên gay lắm!"

Tôi nhìn chăm anh, thử xem anh ta có vẻ mỉa mai gì không. Tuyệt nhiên không. Anh nói nghiêm chỉnh. Tôi hỏi:

"Anh đã vào công tác miền Nam rồi chứ?"

"Tôi công tác ở Huế gần hai năm, khi Huế mới giải phóng."

"Thế à. Anh công tác ở đâu?"

"Ban Quân Quản thành phố, phụ trách khu vực nội thành."

Một vài lần nói chuyện sau, tôi mới hay chính anh ta phụ trách điều nghiên thành phần ngụy quân, ngụy quyền tại chính khu vực tôi ở. Tôi là một trong những đối tượng được theo dõi kỹ. Anh ta đến làm phiền gia đình tôi nhiều lần. Lý do: sau khi Huế thất thủ, tôi ở

Sài Gòn. Và khi trở ra lại Huế, tôi tránh không về ở lại nhà tôi, mà ở nhà vợ. Thật là một tình cờ lý thú: người phụ trách theo dõi tôi bây giờ lại làm công cho tôi. Sau này khi chấm dứt công trình, trước khi từ giã, tôi có nói cho anh ta biết điều đó. Anh ta chỉ cười buồn: "Thì mình chỉ làm nhiệm vụ trên giao thôi."

Tôi ở lại Thạch Hà chỉ năm ngày. Sau đó, tôi cùng với Cương lên đường ra phía bắc để tìm hợp đồng cho những công trình kế. Mọi việc giao lại cho Vó.

*

Trước khi theo dõi tiếp câu chuyện, tôi xin ngừng lại ở đây để nói sơ qua về công việc gọi là rào thép gai.

Việc đi rào thép gai bắt đầu khoảng năm 1980 tại làng An Cựu, thuộc thành phố Huế. Tôi chẳng biết ai là người đầu tiên ra Bắc làm cái nghề này . Khi tôi từ trại cải tạo trở về, thì việc đi Bắc để rào thép gai đã phát triển thành một phong trào làm ăn khá rầm rộ tại Huế, đặc biệt là tại làng An Cựu. Hầu hết những chủ thầu đều là người cư ngụ ở khu vực này. Mãi về sau, có một số người từ vùng khác nhảy vào, nhưng thường thì ít nhiều cũng có liên hệ giây mơ rễ má với dân An Cựu (như tôi chẳng hạn). Có thể xem An Cựu là căn cứ địa của phong trào thép gai đầu thập niên 1980. Những chủ thầu thép gai giàu lên rất nhanh. Chỉ một hai chuyến đi Bắc vào là thấy mua nhà, sắm xe honda và nhậu nhẹt thả giàn. Chiều chiều, nếu ai tạt ngang qua khách Sạn Chuyên Gia (tên gọi khách sạn dành riêng cho các chuyên viên các nước xã hội chủ nghĩa đến chi viện cho chế độ Việt Nam Cộng Sản), sẽ thấy một số người Việt Nam khề khà bia rượu bên cạnh các ông "Tây" mới (chữ để chỉ các chuyên viên Ba Lan, Tiệp Khắc, Lỗ Ma Ni...) thì đó chính là "dân thép gai". Cụm từ "dân thép gai" "dân thép gai." Cụm từ "dân thép gai" hồi đó có một nghĩa gần như tương đương với chữ giàu. Thực ra, cụm từ đó chỉ nhiều hạng người khác nhau có dính líu đến việc đi rào thép gai: chủ thầu, người công nhân đi rào thuê, người đi đào thép gai từ các căn cứ quân sự cũ, các đại lý "chế biến thép gai" và dân trung gian chạy mánh hợp đồng mà chúng tôi thường gọi đùa là đám chuyên viên ăn có.

- Chủ thầu: bỏ vốn và trực tiếp chỉ đạo việc thi công.

- Dân đi thép gai: chiếm số lượng đông nhất. Đó là những người đi vào các căn cứ quân sự cũ của Mỹ và VNCH gỡ, đào thép gai, cọc sắt về bán lại cho các đại lý. Một số người đã "hy sinh" trong dịch vụ này vì bị đạp phải mìn, lựu đạn.

- Đại lý "chế biến": nơi thu mua thép gai, cọc sắt. Gọi là chế biến, vì ở đây, thép gai phải được lựa ra loại tốt, loại xấu (để định giá), phải buộc lại thành từng cuộn cho gọn, và quan trọng nhất là phải được luộc lại bằng dầu hôi trộn hắc ín, vừa để che dấu sự rỉ sét (bảo đảm chất lượng!) vừa để chống rỉ sét. Cọc sắt cũng vậy. Thời giá năm 1982: bốn đồng một kí lô thép gai loại thường; năm đồng một kí loại tốt; 18 đồng một cọc sắt loại 1 mét 8 ; 25 đồng một cọc sắt loại 3 mét 2. Hồi đó, vàng giá cỡ 150 - 170 đồng một chỉ. Bà Thiên là đại lý nổi tiếng nhất chuyên cung cấp hàng cho chủ thầu thép gai.

- Chuyên viên chạy mánh hợp đồng: Đây là những kẻ "ăn có." Những tay này tự ý ra Bắc, đi hết cơ quan này đến xí nghiệp nọ, gạ gẫm các đơn vị này ký hợp đồng rào thép gai cho đơn vị, cơ quan, xí nghiệp của họ. Khi đã ký được hợp đồng rồi, họ đem về bán lại cho các chủ thầu để lấy huê hồng. Tỉ lệ huê hồng tùy theo mức độ béo bở của hợp đồng, thường từ 5% đến 15% tính trên doanh số.

Tại sao dân miền Bắc, hay nói đúng hơn, các cơ quan, xí nghiệp miền Bắc thích rào thép gai?

Đa phần các cơ quan, xí nghiệp miền Bắc — trừ một số cơ sở an ninh, quốc phòng — đều không có hàng rào chung quanh. Điều này khiến cho người lạ, trâu bò hay đi băng ngang qua cơ quan, ngay cả những lúc đang làm việc. Một số cơ quan, xí nghiệp dùng đất còn thừa chung quanh để trồng trọt, tăng thêm nguồn thu nhập cho cán bộ, công nhân. Trâu bò thường băng ngang dẫm phá. Kẻ gian cũng thường đột nhập ăn trộm. Xây hàng rào bằng tường gạch, bê tông thì tốn nhiều tiền. Vì thế, họ chọn rào thép gai. Thi công nhanh, rẻ tiền, đặc biệt là người và trâu bò lại rất sợ dây thép gai vì vừa nhọn vừa rỉ sét.

Đó là lý do bên ngoài. Cái quan trọng là có bày ra chuyện xây dựng (rào thép gai được bao gồm trong công trình xây dựng), thì mới có cớ rút tiền ra khỏi tài khoản. Có rút tiền ra khỏi tài khoản ngân hàng thì mới có thể "kiếm chác," "chấm mút" được. Tại sao họ không ký hợp đồng với các công ty xây dựng miền Bắc? Ký được (và vẫn thường ký), nhưng vì đều là

cơ quan nhà nước cả, nên chẳng "làm ăn" được. Anh này nhìn anh kia, kiểm tra lẫn nhau, nên rất khó hay không thể "móc ngoặc" được. Trong lúc đó, chủ thầu trong Nam ra, tuy cũng nhân danh cơ quan nhà nước (đây là luật lệ), thực tế là tư nhân. Họ xoay chạy được nguồn vật liệu "ngoài luồng," nghĩa là không nằm trên giấy tờ, lại chịu chia chác không những đúng mức mà trong rất nhiều trường hợp, quá mức đến chỗ không ngờ được. Chưa kể là còn bí mật nữa. Hợp đồng vừa mới ký là họ đã có tiền riêng đút túi. Rồi lại nhậu nhẹt, quà cáp thả giàn!

Vì những lý do đó, việc rào thép gai, chỉ trong vòng một thời gian ngắn, biến thành một phong trào lan rộng ra hầu hết các cơ quan, xí nghiệp miền Bắc. Những tay mánh mun giỏi, vốn lớn, táo bạo và có đầu óc kinh doanh, đã trúng được những vụ thầu thép gai rất lớn: rào cả một nông trường (dài hàng vài chục cây số), khu vực ga, rào cả phi trường (phi trường Gia Lâm, Hà Nội). Có một người quen tôi, sau này, trúng cả những hợp đồng lớn do Bộ Quốc Phòng Cộng Sản đứng ra ký kết, để rào (và bao luôn xây dựng) doanh trại quân đội ở các tỉnh biên giới phía Bắc. Bởi thế, thép gai hầu như "tuyệt chủng" ở Huế, Quảng Trị. Sau này, dân đi thép gai vào các tỉnh phía Nam như Quảng Nam, Quảng Ngãi để mang ra.

*

"Nghề" đi ký hợp đồng cũng không có gì phức tạp lắm, chỉ cần dẻo miệng, chịu "chi" tiền, và biết cách đi cửa sau. Thủ tục tương đối giản dị. Trước hết, kiếm một xí nghiệp hay một hợp tác xã nào đó chịu đứng ra làm đơn vị thầu, xem như chủ thầu "biểu kiến." Xí nghiệp, hay hợp tác xã này sẽ cấp cho người đi ký hợp đồng một giấy giới thiệu để có cơ sở pháp lý đi liên hệ với các cơ quan khác. Với giấy giới thiệu này, ta có thể trực tiếp đến thẳng bất cứ cơ quan, xí nghiệp nào trên miền Bắc để thuyết phục họ chịu ký hợp đồng. Con đường "đột nhập" phải thực hiện từng bước qua những nhân vật then chốt: kế toán tài vụ, thủ kho, bí thư đảng uỷ rồi mới đến thủ trưởng đơn vị. Từ khâu đầu (tức đơn vị cấp giấy giới thiệu) đến khâu cuối (đơn vị chịu ký hợp đồng), nhậu là đầu câu chuyện và kết thúc bằng chi tiền. Khi đã có hợp đồng rồi, người ký hợp đồng sẽ bán cho chủ thầu thực sự, là người đứng ra thi công công trình.

Nói chung, để tiết kiệm tiền bạc, thường thì chủ thầu sẽ đích thân đi liên hệ ký hợp đồng. Tôi ở trong trường hợp này.

Khởi hành từ Thạch Hà, Cương và tôi đón xe bộ đội đi về Vinh. Ngoài này, không có xe "lam" cũng như xe đò cho những tuyến đường ngắn. Chúng tôi mang theo hai xe đạp cho dễ di chuyển. Qua phà Bến Thủy (bến phà lớn nhất miền Bắc), chúng tôi đến ga Vinh, đón tàu chợ đi Nam Định. Nam Định là thành phố

đông vui. Chợ búa khá tấp nập: chợ Rồng, chợ Mỹ Tho... Ghé vào một quán nước nghỉ ngơi, vô tình tôi được chủ nhân chỉ cho một căn nhà nhỏ thụt vào trong một con hẻm kế con lộ chính là nhà mà ngày xưa nhà thơ bất đắc chí Trần Tế Xương cư ngụ. Tôi tò mò đến đứng ngoài đường nhìn vào trong. Căn nhà cũ quá là cũ, có gác lửng bằng gỗ, sân gạch lỗ chỗ, mái ngói âm dương rêu phong chen lẫn với màu ngói mới vá víu. Tôi chẳng rõ bây giờ ai đang ở đây. Nhưng tự dưng, lòng bồi hồi khó tả. Đầu óc bỗng vang vang hết câu thơ này đến câu thơ khác, chợt nhớ chợt quên, của người thi sĩ một thời nào xa lơ xa lắc. Tôi ngậm ngùi nghĩ đến ông, rồi nghĩ lại thân thế mình hiện tại, lòng cảm xúc.

Sông kia rày đã nên đồng
Chổ làm nhà cửa chổ trồng ngô khoai
Đêm nghe tiếng ếch bên tai
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò.

Chúng tôi đạp xe qua nhà máy dệt nổi tiếng, vượt cây cầu treo, đi lòng vòng ở khu ngoại ô thành phố Nam Định. Hễ thấy nơi nào có cơ quan, xí nghiệp hay hợp tác xã có đất rộng, không có hàng rào vây quanh là chúng tôi ghé vào. Công việc thuyết khách không dễ dàng, trơn tru như mình vẫn tưởng. Có nơi chúng tôi được đón tiếp khá lịch sự, nhưng cũng có nơi, chúng tôi gặp phải những cái nhìn dửng dưng, lạnh lùng , không mấy thiện cảm. Có một tay thủ trưởng cơ quan nọ còn hỏi móc chúng tôi: "Mấy ông thực sự là cán bộ hay dân chạy mánh?"

Ngày đầu trôi qua trong thất vọng. Đến xế chiều, chúng tôi quyết định đi Thái Bình. Qua phà Tân Đệ, chúng tôi tàng tàng đạp xe đi về phía tỉnh lỵ Thái Bình. Phải nói con đường nhựa dẫn về Thái Bình đi qua những vùng khá đẹp. Cây cối xanh tốt, sông nước trong xanh, đồng lúa rợp ràng. Nghe nói, đây là tỉnh tương đối sung túc nhất miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Dọc đường, chúng tôi gặp nhiều hợp tác xã, xí

TRẦN MỘNG TÚ

HẢI PHẬN

Tôi có một căn nhà
có một người đàn ông đi bên cạnh
có một công việc nhẹ nhàng
quyển sách nằm trên kệ
bài thơ trong túi

Sao vẫn chẳng hài lòng

Tôi có chiếc áo lụa mặc mùa hạ
chiếc chăn len đắp mùa đông
mùa thu bạn tặng khăn quàng cổ
đôi giầy êm trên đồng cỏ mùa xuân

Sao vẫn thấy mình thiếu thốn

Mỗi ngày tôi nhập vào dòng người
xe đi như thác đổ

Vẫn riêng mình một vạt nắng hắt hiu

Mỗi ngày tôi sống
bạn hữu chung quanh
nói, nghe, khóc, cười, cơm, áo
chia một mảnh đời
mừng rằng ta đã hiểu nhau

Vẫn tiếng chuông rung cô độc

Ngày tháng khuyết tôi có nửa vầng trăng
một mình bình tâm ngắm
cả cánh rừng thông cho không
một mình tĩnh lặng
có dòng sông trước mặt êm đềm

Sao bầu trời vẫn động

Tôi đứng bên trong cuộc sống
nhìn ra ngoài hải phận riêng tôi
cù lao mọc giữa mênh mông sóng
cười khan một tiếng
với mệnh đời

8/98

nghiệp ở hai bên đường. Trời ngả về chiều. Chúng tôi ghé vào vài chỗ, nhưng nơi nào cũng sửa soạn ra về. Đến gần tỉnh lỵ, thấy một xí nghiệp thu mua tơ tằm còn mở cửa, chúng tôi ghé vào. May mắn sao, chúng tôi được gặp ngay tay cán bộ tài vụ. Anh ta tiếp chúng tôi vui vẻ và tỏ ra vồ vập với việc rào thép gai cho xí nghiệp. Tiếc thay, bàn bạc chưa được bao lâu thì trời tối. Chúng tôi xin phép được ngủ qua đêm tại xí nghiệp để ngày mai bàn tiếp. Tay cán bộ đồng ý ngay. Nhưng khi hỏi giấy tờ để đăng ký tạm trú, chỉ có Cương có Chứng Minh Nhân Dân, còn tôi thì không có Chứng Minh Nhân Dân (vì chưa được cấp quyền công dân), chỉ có giấy giới thiệu của Hợp tác xã. Thực ra, tôi có mang theo giấy ra trại (tức lệnh tha), nhưng không đưa. Vả lại có đưa cũng không ích gì, lại gây thêm thành kiến. Thế là chúng tôi đành phải ra đi. Không có CMND, thuê khách sạn cũng không được. Cuối cùng, chúng tôi chỉ còn một cách là lang thang ngoài đường cho qua đêm. Đi loanh quanh một hồi, đến khuya, chúng tôi về trụ tại công viên trung tâm thị xã Thái Bình. Chúng tôi cột hai xe đạp lại với nhau, lấy ni lông trải trên cỏ, ôm nhau ngủ dưới trời sương. Sao chẳng thấy công an lại hỏi. Và cũng may mà không có cơn mưa giông nào trong đêm.

Sáng hôm sau, chúng tôi trở lại xí nghiệp tơ tằm. Có lẽ vì đêm trước tôi chẳng có giấy tờ gì khiến tay cán bộ nghi ngờ, nên thay vì tiếp đãi, anh ta đổi hẳn thái độ, thẳng thừng từ chối đề nghị của chúng tôi. Suốt ngày hôm đó, chúng tôi kiên nhẫn đi vòng vòng quanh thị xã. Trời không đến nỗi phụ lòng. Đến chiều, chúng tôi ký được một hợp đồng với sân đá bóng tỉnh lỵ. Sân bóng cần rào thép gai để ngăn cản những người không có vé leo lậu vào xem. Đêm đó, chúng tôi được phép ngủ lại tại nhà khách Sở Thể Dục Thể Thao Tỉnh. Ở đây, không ai hỏi han giấy tờ gì cả. Sáng hôm sau, thay vì tiếp tục đi quanh Thái Bình, chúng tôi đón xe về huyện Quỳnh Phụ theo lời giới thiệu của Giám Đốc Sở Thể Dục Thể Thao. Chúng tôi ở đây thêm năm ngày, ký được thêm ba hợp đồng nữa.

Thấy đã tạm đủ cho một chuyến đi, chúng tôi trở về lại Thạch Hà.

Vó xem xong mấy bản hợp đồng, kêu lên:

"Giá cả thế này mà ký làm gì?"

Tôi ngạc nhiên:

"Thì giá cao hơn giá mình ký ở đây mà!"

Vó giải thích:

"Anh xem, từ Huế ra Thái Bình, đoạn đường gấp ba lần từ Huế ra đây. Nào phí chuyên chở, nào phải qua thêm ba cái phà mắc dịch. Ở đây, ta có chỗ ở miễn phí. Ra ngoài đó, phải ở khách sạn, chi phí nhiều hơn, công nhân khó kiếm. Nếu đem công nhân từ Huế ra cũng phiền. Đây ta ký 25 đồng một mét, ngoài đó phải 50 đồng mới làm nổi. Anh chỉ ký có 27 đồng thì làm sao mà làm cho được. Mấy ông dở quá."

Vó rút cặp ra, đưa cho tôi xem hai cái hợp đồng rồi nói:

"Xem, tôi ở đây ký được hai cái: một ở Đồng Lộc, một ở Nghèn. Cả hai đều không xa đây bao xa, chừng 20 cây số. Trường cấp ba Đồng Lộc, 27 đồng/mét. Đội Máy Kéo ở Nghèn, 32 đồng/ mét.

Tôi và Cương chặc lưỡi, thán phục:

"Ông tài thật. Làm sao mà hay vậy?"

Vó không trả lời, mà hỏi cách thức chúng tôi liên hệ ký hợp đồng ở Thái Bình ra sao. Chúng tôi mô tả chi li mọi thứ. Nghe xong, Vó cười ngất:

"Mấy ông nên nhớ một điều: đối với thủ trưởng, thủ phó, kế toán, tài vụ, thủ kho, kể cả bí thư đảng ủy, điều quan trọng không phải là hàng rào thép gai bảo vệ xí nghiệp, cơ quan như thế nào, mà họ sẽ được chia chác ra sao sau khi ký hợp đồng."

Cương nói:

"Tụi em có đề cập với họ rồi, mà trông bộ họ chẳng quan tâm."

"Đề cập ở đâu? Trong văn phòng phải không?"

"Chứ đâu nữa." Tôi bảo.

Vó lại cười ngất:

"Trời! Chuyện đó làm sao lại bàn ở văn phòng được. Phải bàn ở trên bàn nhậu, các ông hiểu chưa? Nhậu ở nhà hay phải ở một nơi hết sức kín đáo. Phải "một hai ba, vô, vô, vô, thủ trưởng." Phải say mèm với nhau rồi mới nói chuyện tình nghĩa được. Sau đó mới bàn đến hợp đồng. Các ông thật đúng là "chưa thông thời vụ" mà đã đi ký hợp đồng. Thôi được, đây là bài học đầu tiên..."

Im lặng một lát, Vó lên giọng triết lý:

- Ra làm ăn ngoài này, mà ở trong mình cũng thế thôi, các ông nhớ cho tôi ba câu: "Thủ kho to hơn thủ trưởng," "Đầu tiên là tiền đâu," "Tiền bạc đi trước, mực thước theo sau."

(Còn tiếp)

NÓI CHUYỆN VỚI TÁC GIẢ BÀI THƠ "NHÀ TÔI" THI SĨ YÊN THAO

BÍCH HUYỀN *thực hiện*

* BÍCH HUYỀN: *Thưa thi sĩ Yên Thao, bài thơ "Nhà tôi" của thi sĩ, cũng như Đôi Bờ, Như Đôi Mắt Người Sơn Tây, như Màu tím hoa sim... Bích Huyền đã hơn một lần nhắc tới trong chương trình thơ nhạc do BH phụ trách trên đài VOA. Những bài thơ nổi tiếng ấy đã theo làn sóng người di cư từ Bắc vào Nam năm 1954...*

* Nhà thơ YÊN THAO: Cảm ơn chị Huyền. Cảm ơn sự ưu ái của chị về bài thơ "Nhà tôi." Đây không phải là lời nói xã giao mà là xúc động thật sự của người làm thơ đã có được một bài thơ qua gần nửa thế kỷ rồi... Còn một năm nữa là đúng một nửa thế kỷ mà vẫn còn người nhớ, nhất là người đó lại ở phương trời xa như chị Huyền.

* BÍCH HUYỀN: *Không phải chỉ có một mình BH nhớ bài thơ ấy đâu ạ, mà còn rất nhiều người ở trong miền Nam nữa. BH xin cảm ơn thi sĩ, cũng như cảm ơn những người chủ trương "Giai phẩm mùa thu Hà Nội." BH đã chép được bài thơ "Nhà tôi" ở tập giai phẩm này, phát hành năm 1964 tại Sài Gòn. Hình như thế... nếu BH nhớ không lầm.*

* Nhà thơ YÊN THAO: Không biết có phải từ tập san đó hay sau này sao chép qua lại nên sau 1975, tôi có được đọc lại bài thơ "Nhà tôi." Người ta có in sai nhiều từ, chị Huyền ạ!

* BÍCH HUYỀN: *Cũng là điều đáng tiếc. Thế nhưng chắc thi sĩ cũng thông cảm vì chỉ là một bài thơ được truyền miệng, được nhớ trong trí tưởng... cho nên sự sai lạc hẳn là phải có. Thưa thi sĩ Uyên Thao, những từ dùng sai đó là những chữ nào ạ?*

* Nhà thơ YÊN THAO: Trong đoạn đầu có câu: "Màu trắng vôi lồm lộp mấy khung tường." "Màu trăng" chứ không phải "màu trắng." Màu cả ánh trăng trải trên những khung tường... Và từ "Mùa" trong câu: "Má trắng mịn thơm thơm mùa lúa chín." Trong miền Nam có sách báo in là "Mùi lúa chín."

* BÍCH HUYỀN: *Vâng, "màu trắng" và "mùi lúa" có vẻ rõ ràng, cụ thể quá, phải không ạ. Từ ngữ "màu trăng" và "mùa lúa chín" mà thi sĩ dùng để diễn tả ý thơ, theo BH đây là những từ ngữ bát ngát một trời thơ... Thưa thi sĩ, BH còn thấy có nơi dùng sai một chữ nữa. Đó là một câu thơ trong đoạn cuối: "Nhà tôi ở cuối thôn Đoài." "Đoài" viết hoa như một danh từ riêng ạ.*

* Nhà thơ YÊN THAO: Xin chị Huyền nếu có dịp một lần nữa phổ biến bài thơ "Nhà tôi" trên đài VOA, hoặc trên báo chí tại nước ngoài, lưu ý hộ tôi những từ sai ấy.

* BÍCH HUYỀN: *Dạ vâng. Bây giờ thì xin thi sĩ cho biết một chút về... "lý lịch" của mình cũng như về xuất xứ của bài thơ "Nhà tôi"?*

* Nhà thơ YÊN THAO: Tên cúng cơm của tôi là Nguyễn Bảo Thịnh, sinh ngày 21-12 quê Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội. Nhà tôi tên: Đỗ Thị Phú (chứ không phải là Hà) sinh ngày 17-7-1929, quê tại Đại Gia, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây. Chúng tôi gặp nhau trong kháng chiến chống Pháp, cưới nhau ở Phú Thọ ngày 1-11-1953. Tôi và Phú đều là học sinh thoát ly gia đình đi kháng chiến. Bài thơ "Nhà tôi" không phải viết về chúng tôi. Chuyện thế này: Năm 1949, tôi công tác văn nghệ quân đội liên khu 6, theo một đơn vị đánh vào một đồn binh Pháp đồn trú cạnh sông ở một làng đồi. Trong lúc đợi giờ nổ súng, tôi trò chuyện với anh em và được biết ở

đơn vị này có một cậu quê ở làng đối đó, bên ấy đang còn mẹ và vợ. Cậu ta lấy vợ được chừng tháng thì chiến tranh bùng nổ. Chàng trai lên đường đi kháng chiến, chia tay người vợ trẻ. Trong câu chuyện mấy lần cậu ta nhắc tới giàn thiên lý của nhà mình. Tôi rất thích câu chuyện và viết nên bài thơ "Nhà tôi." Có lẽ người viết đã hòa nhập được với người kể nên bài thơ được đông đảo anh em lính thuộc và nhanh chóng phổ biến cả vào các chiến trường Nam Bộ. Không chỉ lính xuất thân từ nông thôn, cả những lính thành phố cũng tìm thấy thấp thoáng trong bài thơ những nét hợp với mình. Rất nhiều người nghĩ đó là tôi viết về tôi. Bà xã tôi cũng nghĩ thế. Không biết khi đã rõ sự thật này, những người yêu thơ có giảm đi sự mến mộ đối với bài thơ không?

* BÍCH HUYỀN: *BH nghĩ rằng sự mến mộ bài thơ càng tăng thêm. Chỉ là tâm sự của một người lính trẻ thôi nhưng vì sự tuyệt vời của bài thơ khiến cho ai đọc rồi cũng thấy như thấp thoáng có ngôi nhà của mình, có những người thân yêu của mình ở trong thơ. Không nhất thiết chỉ là người lính đâu, thưa thi sĩ Yên Thao! Như BH chẳng hạn. Mỗi lần đọc bài thơ là mỗi lần trong lòng lại dâng lên một niềm xúc động. Hình ảnh ngôi nhà của bố mẹ BH tại huyện Duyên Hà, tỉnh Thái Bình lại hiện lên rõ rệt. Rồi những lúc líu ríu cùng bố mẹ anh chị em chạy giặc Tây... Trên bờ đê lố nhố bóng người bồng bế, gánh gồng. Tiếng súng, khói lửa chiến tranh... in sâu trong đầu óc trẻ thơ của BH. Đoạn đầu của bài thơ, đọc rồi muốn khóc. Vì sau đó ngôi nhà của bố mẹ đã bị bom cày nát mất rồi.*

* Nhà thơ YÊN THAO: Tôi đã hiểu vì sao chị BH yêu bài thơ "Nhà tôi" của tôi. Cảm ơn những xúc động chân thành của chị.

* BÍCH HUYỀN: *Ở bên này có bán một CD ngâm thơ, có tựa đề "Những bài thơ bất hủ," trong đó nghệ sĩ Bảo Cường ở Sài Gòn diễn ngâm bài thơ "Nhà tôi." Nhưng rất tiếc lại ghi ở ngoài bìa CD tên tác giả là Nguyễn Bính! Thi sĩ có CD đó chưa?*

* Nhà thơ YÊN THAO: Tôi không được biết, nếu chị sẵn và tiện thì gởi cho xin, tôi rất cảm ơn. Tôi chỉ biết có một bài hát từ Mỹ do Anh Bằng viết nhạc, Mạnh Đình ca dưới tiêu đề "Chuyện giàn thiên lý" đang khá phổ biến ở trong nước. Ai cũng cho đó là thơ của tôi phổ nhạc, mặc dù Anh Bằng có cải biên một số lời, rút ngắn lại. Vì người ta đã cải biên, đổi tên bài, không nhắc gì đến tác giả bài thơ nên bản quyền của tác giả thơ cũng mất luôn. Có anh em bảo tôi viết thư cho Anh Bằng song tôi không biết địa chỉ, mà cũng không nghĩ viết làm gì? "Thế gian lẫn lộn đúng sai vẫn thường," quan tâm chi thêm mệt! Tuy nhiên để nghị chị dịp nào gặp Anh Bằng cho Yên Thao gửi lời thăm. Chắc Anh Bằng cũng thích bài thơ ấy nên mới viết nên "Chuyện giàn thiên lý."

* BÍCH HUYỀN: *BH sẽ tìm cách liên lạc với nhạc sĩ Anh Bằng để chuyển lời thăm hỏi của thi sĩ. Một câu hỏi nữa xin thi sĩ cho biết một vài nét sinh hoạt thơ hiện nay của thi sĩ?*

* Nhà thơ YÊN THAO: Hiện nay tôi là chủ nhiệm câu lạc bộ thơ trào phúng Hà Nội. Ít làm thơ trữ tình (chỉ khi nào xúc cảm thật mới làm). Thơ trào phúng Yên Thao ký dưới nhiều bút danh. Nguyễn Bảo, Cử Yên, Lang Bang, Thái Dương...

* BÍCH HUYỀN: *Dự định của thi sĩ trong năm 1998?*

* Nhà thơ YÊN THAO: Tôi đang tiến hành in một tập thơ trữ tình. Khi nào có sách, nhất định không quên gửi tặng chị về đài VOA.

* BÍCH HUYỀN: *Xin cảm ơn thi sĩ Yên Thao có nhã ý tặng sách và cho BH buổi nói chuyện này.*

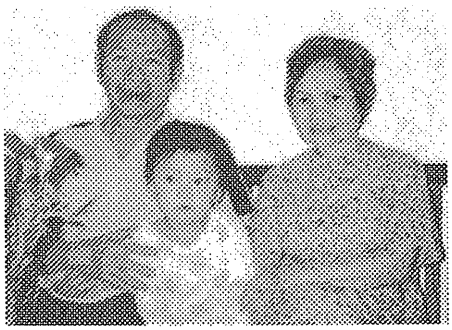

Ông Bà Yên Thao và cháu

* Nhà thơ YÊN THAO: Mong được tiếp tục trao đổi qua thư với chị. Khi nào có điều kiện về thăm lại đất nước, mời chị quá bộ tới chơi. Chắc nhà tôi cũng thích lắm vì qua chị chúng tôi có thể biết tin tức về anh chị Đỗ Thúc Vịnh. Nhà tôi vẫn luôn nhắc đến. Hồi xưa anh Vịnh hay kể chuyện cổ tích và chép những bài thơ hay cho cô em bé bỏng Đỗ Thị Phú. Nay thì anh Vịnh đã đi xa. Đời người thật ngắn ngủi quá, phải không chị Huyền?

* BÍCH HUYỀN: *Một lần nữa xin cảm ơn thi sĩ Yên Thao. Xin gửi lời thăm chị và hy vọng có một ngày không xa được về thăm Hà Nội để... chụp một tấm ảnh cùng tác giả bài thơ "Nhà tôi".*

NHÀ TÔI

YÊN THAO

Tôi đứng bên này sông
Bên kia vùng giặc đóng
Làng tôi đấy xạm đen màu tiết đọng
Tre, cau buồn tóc rũ ướt mưa sương
Màu trăng vôi lồm lộp mấy khung tường
Nếp đình xưa ngươi hỡi! đau gì không?

Tôi là anh lính chiến
Rời quê hương từ dạo máu khơi dòng
Buông tay gàu vui lại thuở Bình Mông
Ghì nấc súng nhớ ơi! Ngày đắc thắng!
Chân chưa vẹt trên nẻo đường vạn dặm
Áo nào phai không sót chút màu xưa?
Đêm hôm nay tôi trở về, lành lạnh
Sông sâu mừng lấp lánh sao lưa thưa.
Tôi có người vợ trẻ
Đẹp như thơ
Tuổi chớm đôi mươi cưới buổi dâng cờ
Má trắng mịn thơm thơm mùa lúa chín
Ai ra đi mà không từng bịn rịn
Rời yêu thương nào đã mấy ai vui
Em lặng buồn nhìn với lúc chia phôi
Tôi mạnh bước mà nghe hồn nhỏ lệ.
Tôi còn người mẹ
Tóc đã ngả màu bông
Tuổi già non thế kỷ
Lưng gày uốn nặng kiếp long đong
Nắng mưa từ tuổi tang chồng
Tơ tằm rút mãi cho lòng héo hon.

Ôi! xa rồi, mẹ tôi!
Lệ nhòa mi mắt
Mong con phương trời
Có từng chợt tỉnh đêm vơi
Nghe giòn tiếng súng nhớ lời chia ly:
- Mẹ ơi! con mẹ tìm đi
Bao giờ hết giặc con về mẹ vui!
Đêm nay lành lạnh
Sông sâu mừng lấp lánh sao lưa thưa
Ống quần nâu đã vá mụn giang hồ
Chắc tay súng tôi về mơ Nguyễn Huệ.
Làng tôi kia, bên trại thù quạnh quẽ
Trông im lìm như một nấm mồ ma
Có còn không? Em hỡi! Mẹ tôi già!
Những người thân yêu khóc buổi tôi xa...

Tôi là anh lính chiến
Theo quân về giải phóng quê hương
Mái đầu xanh bụi viễn phương
Bước chân đất đạp xiêu đổn lũy địch.

Này, anh đồng chí
Người bạn pháo binh!
Đã đến giờ chưa nhỉ
Mà tôi nghe như trại giặc tan tành?
Anh rót cho khéo nhé!
Kẻo lại nhầm nhà tôi!
Nhà tôi ở cuối thôn đồi
Có giàn thiên lý có người tôi thương!

1949

THẤT TÌNH LẦN N

HỒ NHƯ

1.

Bạn tôi bảo rằng tôi sẽ quên. Già đầu rồi, đâu còn như thuở mới lớn, mối tình đầu hoa mộng, etc... Tình yêu có như chất cường toan cháy tan dăm ba vết sẹo sần sùi, cũng không đủ sức ăn ruỗng trái tim vài lần thề hoá đá. Tôi im lặng ngồi nghe, mắt nhìn xuống như tên tòng phạm, một bờ tóc rối in vào mặt cafe lặng lẽ trong chiếc tách nhỏ. Lung linh, lung linh, khuôn mặt của anh lồng vào đó, ẩn một nét cười. Rùng mình, tôi chao tách cafe đi để khỏi nhìn thấy, vừa kịp lúc bạn tôi nói: đừng khờ dại.

2.

Tiên cũng lỗi lầm. Tôi nhớ câu gì đại loại như thế, đâu đó trong mớ sách vở có lần đọc qua. Không biết lời... Tiên trích dẫn, hay chỉ là con người tự bào chữa. Tôi không phải là tiên (đã hẳn), nên tôi lỗi lầm nhiều vô kể. Lỗi hình như ít hơn lầm. Từ việc làm hay bị đồng nghiệp lấn lướt đến những chuyện tình sướt mướt. Không phải cảm động gì, chỉ là giòng lệ vuốt mặt không kịp.

Muốn chanh chua, đanh đá tột cùng với anh, tôi sẽ nói với tôi anh không có gì lạ hơn những người đàn ông từng làm tôi dọa tự tử. Có nghĩa là tình yêu nhung đỏ tôi trải ra dưới chân anh, nồng nàn thế nào mặc lòng, đã hấp tẩy giặt ủi nhiều lần. Ai bảo tình yêu luôn luôn mới, lúc nào cũng như... yêu lần đầu? Những nhớ, những mong, những chờ, những đợi, ngay cả nơi chốn hẹn hò, có thứ nào không kinh qua, đã từng?

3.

Nghĩ đến làm gì, quên đi. Bạn tôi nói, dễ dàng, trơn tru. Cái suông thuận của vô cảm, của chiến thắng lý trí khi không có sự chống đối của trái tim. Ngoài biển còn khối chán cá tươi. Câu dịch nguyên văn từ lời ví von tiếng Anh làm tôi bật cười. Đấy, như vậy có hơn không? Như thơ của ai nhỉ: *em về điểm phấn tô son lại, ngạo với nhân gian một nụ cười.* Ngạo nhân gian, ngạo người tình hay ngạo mình? Nhiều năm kinh nghiệm đường đời, đường tình, sao cứ trượt chân vấp té? Dù té, xin đừng "sợi tóc vương chân người," ghê quá đi. Tóc xuống đất, bùn, gót giầy muôn dặm của người ta, gội bao nhiêu lần cho sạch? Bạn tôi cười khuyến khích. Thế nào chăng nữa cũng đỡ hơn phải đi kiếm Kleenex cho tôi lau mắt. Lòng tốt của bạn bè cũng có giới hạn và thời khoá biểu. Tôi không vui lên trong vòng hai mươi phút nữa, bạn tôi sẽ cáo lỗi có hẹn cùng bồ mới. May là những mối tình của chúng tôi ăn khớp vào nhau như tính trước. Vài tháng nữa đây, khi tôi đang hớn hở cùng người yêu có-thể-sẽ-là-tuyệt-vời, không chừng bồ mới của bạn tôi đã là bồ cũ, và địa vị chúng tôi sẽ hoàn toàn đổi ngược, tuy rằng chúng tôi vẫn ngồi trên chiếc ghế quen thuộc của mình, trong quán cafe quen thuộc cạnh khu chung cư tôi ở. Những lời khuyên bảo nửa nhảm nhí nửa thật tình nửa qua loa của bạn tôi bây giờ, thuộc lòng từ lần thất tình trước trước nữa, tôi sẽ đem ra "xào" lại cho bạn tôi nghe. Nghĩ đến đây, tôi lại cười. Một giọt lệ giật mình rơi xuống môi, mặn chát.

4.

Anh không có gì lạ hơn những người đàn ông từng làm tôi say đắm, tôi có nói thế rồi phải không? Đúng ra tôi phải nói anh chẳng có điều gì có thể làm sấm sét nổ tung trái tim phụ nữ. Đẹp trai? Hào hoa? Tài năng? Đức hạnh? Thứ nào tôi cũng có thể trả lời: Không có gì nổi bật. Anh bình bình, trung trung. Nhưng không nhạt nhẽo, nhàm chán. Ít nhất

trong mắt nhìn của tôi. Ồ, hình như tôi đâu có nhìn? Khi đôi mắt tôi còn tập trung, còn sắc bén, tôi còn nhận ra được những cái rất ư bình thường của anh. Chỉ đến khi những đường nét, nhận thức về anh hoà nhập vào nhau, lẫn lộn nhoà nhạt, những nhịp tim run rẩy của tôi mới bừng nở ra như đóa hoa ôm lòng chờ xuân muộn. Những cảm xúc về anh rơi phủ xuống tôi như mùi hoa thiên lý đêm đêm, nhẹ nhàng, mỏng manh, ngỡ không có nhưng biết thật là có. Tôi không chắc mình yêu điểm nào ở anh. Tôi chỉ biết mình yêu anh, yêu tổng thể, tổng cộng của từng ấy dáng vẻ, thói nết không có gì nổi bật.

ĐỖ THÌ KÊNH G

PHỤ TÌNH

(Đi chơi, về nhà, đóa quỳnh đã nở đêm trước)

Anh đi sao chẳng về nhà
Hương lòng gió lấy đêm qua mất rồi
Đêm qua trăng sáng trên trời
Góc vườn em ngóng dáng người tình chung
Tình chung là nhớ là nhung
Nhớ nhung sao nỡ nghìn trùng cách xa!
Anh đi sao chẳng về nhà
Hương lòng cả một đời hoa bay rồi
Đêm nay trăng sáng trên trời
Còn hương đâu nữa dâng người tình chung
Thôi đừng tiếc nuối nhớ nhung
Hương hoa gió cuốn, nghìn trùng cách xa!
Anh đi sao chẳng về nhà
Thôi đành ta phụ tình ta mất rồi!

5.

Ừ, quên, nhất định quên. Tôi vội vã nói, khi bạn tôi chìa ra vẻ mặt chán chường. Tách cafe trước mặt tỏa khói ngậm ngùi. Thất tình, cuối cùng, chỉ là một trạng thái, bài học, có thể quen, có thể tập, có thể thành thạo và rút ngắn quy tác. Tìm người khác mà đi chơi, mà để ý, mà vui với. Người đàn ông mới sẽ như chiếc bóng choán mất người cũ, tôi không cần phải nhắc tim óc quên đi quên đi. Dẫu có nhớ đến, cùng lắm chỉ thấy nhoi nhói như mũi kim chích ngừa cúm mỗi năm. Đến tiệm ăn quen, miệng cười tình với người mới, mắt lại nhìn quanh tìm chiếc bàn từng in cái nắm tay với người cũ. Đi dạo con đường hoa mộng, đầu nép vào vai người mới, lòng mơ hồ gờn gợn dấu yêu xưa. Cho đến khi tình cũ thật đã phai, bệnh thất tình thật đã hết. Người mới có thể đã là người tình, hoặc biến vào trong số những cái tên nghĩ hoài chỉ mang máng nhớ.

6.

Gặp anh ở trong tiệm thuốc, không kềm nổi cái thót bụng. Trái tim nhảy vội, rồi hụt hẫng... Mắt tôi vội vã nhìn xuống như để xem trái tim rớt xuống đâu, cơ hoành, ruột non ruột già, hay gót chân chới với trong đôi guốc cao. Lúc tự ái xông xáo ùa vào, kéo cằm ngẩng lên (sợ gì? Phải tỉnh, phải giả vờ tỉnh bơ đi chứ?), anh đã biến mất. Những dãy kệ đầy hàng hoá đủ màu sắc dài hun hút, anh ở bên nào, tay trái, tay phải, hay ngoài cửa tiệm? Tôi dùng dằng đứng giữa hai kệ hàng, đôi chân phân vân nửa muốn đi tìm anh nửa muốn chạy trốn. Đôi mắt nhắm, lục lại cho được hình ảnh anh trong nửa giây chạm mặt ngắn ngủi. Anh không có gì đổi khác, chẳng có một chút tí ti nào vẻ buồn phiền đau ốm. Lương Sơn Bá ngày xưa tương tư chết được cơ đấy, nhưng Lương Sơn Bá yêu Chúc Anh Đài, còn anh... Anh có yêu tôi phải không nhỉ? Có lần anh nói yêu tôi, có nhớ không? Mặt trời đỏ như trái táo cấm buông mình vào lòng biển xanh, tôi nép vào vai anh trốn gió lạnh, má anh chạm vào đầu mũi tê buốt của tôi, và anh thì thầm rất khẽ, trong lúc mắt tôi vừa thấy màu xanh ngọc loé lên từ điểm sáng cuối cùng của hoàng hôn. Vậy thì anh phải buồn chứ? Anh có buồn không? Sao anh trông... cứ như thường. Hay tôi không thấy kịp nét buồn ? Mà thật ra, tôi trông có sầu não chút nào không? Tôi liếc vào tấm gương nhỏ để sẵn cho các bà các cô thử hàng trang điểm. Mi cong mascara, mí mơ màng màu muội, má phấn màu nắng

rạm, môi tươi sắc cam hồng, nỗi buồn ngất ngư không lộ diện được sau lưng phấn son. "Anh không biết tôi đau lòng ra sao," trái tim tôi rên lên, trong khi lý trí suýt xoa: may quá, hắn ta không thể nào đoán được...

7.

Tôi đã gần khỏi bệnh thất tình rồi đó, bạn tôi mới nói thế ngày hôm qua, lúc ghé qua và thấy tôi uống cafe một mình trong quán. Khói cafe không còn làm cay mắt nhớ người tình. Ngồi một mình mà không cần kéo bạn bè để kể lể hoặc nghe an ủi. Gần như xong, bạn tôi nói, xoa tay vào nhau, mắt nhìn tôi chăm chú. Miệng cười cần tươi hơn chút nữa. Không phải là bơi móc, nhưng phải cười tươi mới có người yêu khác được, nhớ không? Kinh nghiệm bao nhiêu lần tình chê, tình chạy, kinh nghiệm trả bằng bao lần chết một nửa hồn, khô cả nước mắt, đừng quên. Tôi thầm nghĩ thế sao tình yêu luôn kết thúc không vui mà tôi lại cứ quên mà... yêu tiếp? Trở lại câu hỏi ngàn đời: tình yêu là cái quái gì? Bạn tôi đang lóa mắt vì tình, một nửa đầu óc rong chơi với chàng mất rồi, nhưng tôi chỉ cần một khán giả để có cớ triết lý nhảm. Tình yêu là thiên đàng và địa ngục cuộn vào nhau như sợi thừng treo cổ trái tim. Thiên đàng nguy nga để dụ con người lao vào tình yêu, nhưng cánh cửa nạm vàng dẫn thẳng vào địa ngục. Gần với đời thực hơn chút nữa, tình yêu không khác hơn tách cafe bao nhiêu. Khói ảo cho mắt mờ, hương thơm cho hồn đi lạc, vị ngọt quyến rũ chỉ là lớp màn che chất đắng. Cứ ngỡ là tầm thường thôi nhưng lại dễ nghiện. Tôi gật gù tự thưởng thức sự suy ngẫm sâu xa của mình, còn bạn tôi lắc đầu: buổi chiều nắng đẹp, không kiếm người dắt tay dạo đồi dạo biển, ngồi trong quán lảm nhảm và nghĩ quẩn.

8.

Thật ra, mình xa nhau vì chuyện gì? Tôi thầm hỏi anh như thế. Anh không có ở đây, trong bóng tối của căn phòng ngủ. Anh xa xăm từ một góc tâm tưởng, phóng lớn lại gần theo nỗi nhớ lượn lờ. Khoảng cách làm tôi quên đi những cái không đẹp, không vui của cuộc tình, hay khoảng cách làm tôi có dịp bới săm soi những chi tiết lặt vặt và nhìn thấy trọn vẹn hơn những gì tôi đã có, đã mất. Anh và tôi trong tình yêu, những ngày tháng yên bình đầm ấm. Mình xa nhau vì chuyện gì, hở anh? Có phải một nguyên tắc mình cẩn trọng đến mức không thể biến đổi, hay một chuyện hiểu lầm mình không tìm cơ hội giải thích, hay chỉ đơn giản là tình yêu đã hết? Giữa những tổn thương, giận hờn, cay đắng, tủi thân, người nào đã bỏ cuộc trước, hay chỉ là những rạn nứt mỗi ngày một đẩy mình xa nhau hơn? Bây giờ, khi khoảng cách đã mênh mông như hai bờ đại dương, tôi không còn căm hận anh, cũng không hẳn nuối tiếc anh nhiều. Khi tôi nhớ anh, tôi nuối tiếc tình cảm của chính mình, của anh và tôi. Đâu phải dễ dàng để tìm ra đúng sự kết hợp kỳ diệu nhất của cho và nhận giữa hai trái tim? Đáng lẽ phải trân trọng giữ gìn, chúng tôi đã ơ hờ sẩy mất.

9.

Thế là xong, bạn tôi thở ra một hơi dài, vui thích, thoải mái dựa vào lưng ghế, duỗi hai chân gác lên chiếc ghế đối diện. Tách cafe của tôi còn nguyên, nguội tanh, vì tôi đang nao nức chờ người mình hẹn, vì tôi sợ uống cafe môi sẽ phai son, mất đẹp. Người mới, chưa đậm duyên nhau nên phải dè chừng, nâng niu ấn tượng ban đầu. Tình mới, chưa nhớ thương nhau, nhưng có cái vui của tò mò, khám phá. Chưa uống cafe tôi đã muốn gật gù làm triết gia. Tình yêu là cái quái gì, nếu không có nỗi nao nức của nhà thám hiểm, sự hồi hộp của cuộc săn, và cảm giác ngây ngất của chiến thắng. Ngồi chờ người đàn ông mình hẹn, tôi thẳng lưng, sẵn sàng như chiến sĩ sắp xông vào trận, binh phục chỉnh tề, giáo gươm đầy đủ. Cái đau, cái hận của chiến bại vừa rồi chưa quên hẳn, vùi sâu xuống tiềm thức, nhập vào tim óc nung thêm quyết tâm tranh đua. Không biết ai sẽ là nạn nhân, là kẻ thua cuộc?

Tôi hỏi bạn tôi cho qua giờ: hôm nay không hẹn với bồ sao? Bạn tôi nhún vai, kiểu muốn-hiểu-sao-cũng-được. Cuộc chiến tranh bên ấy còn nhiều gay cấn, tôi nghĩ, và bỗng nhiên muốn kiểm tra lại nhan sắc. Đừng, bạn tôi nói khi tôi rút từ xắc tay hộp phấn có mặt gương nhỏ. Đủ màu xanh đỏ rồi. Điều chính yếu là khẩn trương mà không ra vẻ khẩn trương, nhớ chưa? Phải làm mặt tỉnh, lúc mới quen cho tới lúc xa nhau. Tình cho không nhưng mặt mày giữ lại. Tôi mỉm cười, nhìn ra cửa, thấy ngay anh chàng mới quen vừa đến. Đứng dậy, tôi đếm thầm những bước chân nối khoảng cách từ bàn tôi ngồi đến cửa quán. Ít nhất lần này thôi, tôi biết chắc chúng tôi sẽ tìm thấy nhau.●

6/98

ÔM RƠM

SONG THAO

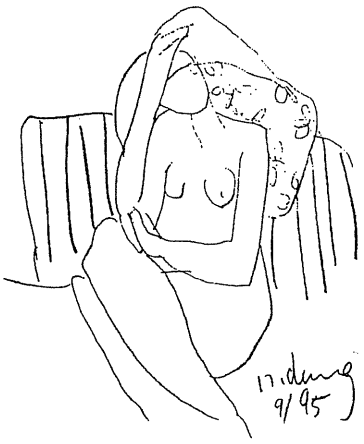

Nhã bảo lão đó là con yêu râu xanh. Bổng đồng ý liền dù lão chẳng có râu nói chi xanh hay đỏ. Không có râu nhưng có bụng. Nhìn lão Daniel bước vào phòng, Bổng thấy cái bụng vượt qua ngưỡng cửa trước khi cái mặt no đủ ăn ké theo sau. Kính trắng gọng vàng óng ánh trên khuôn mặt lúc nào cũng tươi cười diêm dúa, Daniel luôn tạo nên một bàu không khí rộn ràng chung quanh lão. Lão có duyên, ai cũng nghĩ vậy. Lão cũng biết như thế. Và lão khôn ngoan dùng cái duyên để gói kín cái già.

Daniel coi về hành chánh ở trong hãng lại là người có tới mười lăm phần trăm cổ phần nên nắm quyền tuyển dụng nhân viên. Những chức vụ văn phòng không chuyên môn như thư ký, điện thoại viên trong văn phòng lão dành hết cho các ứng viên phái nữ. Tiêu chuẩn tuyển dụng của lão hình như là trẻ và đẹp. Bổng chẳng thấy có một người kém nhan sắc hoặc đứng tuổi nào được nhận vào làm việc. Nicole không phải là trường hợp ngoại lệ.

Nicole không có một vẻ đẹp lộ liễu. Khuôn mặt cô nàng đẹp một cách thanh sạch thơ ngây. Buổi sáng khi lão Daniel đưa cô thư ký mới vào giới thiệu với Bổng, anh đã ngơ ngẩn mất ít giây trước khi giơ tay ra nắm lấy bàn tay mát rượi. Bàn tay Nicole mềm và dài, dài như khổ người cao và ốm của cô nàng. Trong chiếc áo pull trắng bó sát ngắn tay và chiếc jupe sọc nhỏ đậm màu nằm chông chênh cách xa phía trên đầu gối, Nicole như một cô học trò trong đồng phục của nhà trường, nhân ngày nghỉ học giữa tuần, theo cha vào nơi làm việc chơi. Khuôn mặt như còn hoi mùi học trò chỉ điểm sơ chút son phấn nhàn nhạt luôn phô ra một nụ cười gượng gạo ngập ngừng. Bổng thấy tội nghiệp cho cái thơ ngây đang đứng trước mặt anh.

Buổi trưa, khi thấy Nicole theo lão Daniel ra xe, Bổng bỗng thấy luống cuống. Anh mở hộp ăn trưa ra ngồi thừ người trước mặt bàn chẳng biết là thức ăn còn lạnh ngắt. Xúc một muỗng cơm bỏ vào miệng anh mới giật mình vội đậy nắp hộp lại mang ra ngoài bỏ vào microwave. Trí óc anh lững thững đi dạo tận đâu đâu. Tiếng bíp liên hồi của chiếc microwave kéo ngược anh lại. Anh vội lắc lắc cái đầu tự lay tỉnh. Anh cười một mình. Rõ khéo lo chuyện bao đồng. Nhã thường bảo anh

thuộc loại người ôm rơm cho ngứa rốn. Chuyện đâu đâu cũng vơ vào lo lắng. Làm chi vậy? Chẳng làm chi nhưng cái tính anh nó vậy, dễ gì mà đuổi nó đi!

Bổng giơ tay coi đồng hồ. Chiếc xe của lão Daniel mới rời parking có năm phút. Buổi ăn trưa với người mới như Nicole hôm nay ít ra cũng mất tiếng rưỡi. Thường là như vậy trừ một lần với Nhã. Lần đó chiếc xe của lão Daniel đã vòng lại chỗ đậu xe chắc chỉ trong vòng mười lăm phút. Nhã dập mạnh cửa xe bước ra. Lão Daniel cun cút theo sau. Tấm kính cửa sổ khoảng khoát nơi phòng làm việc của Bổng nhìn thẳng ra bãi đậu xe chẳng dấu diếm chuyện gì với chàng. Khuôn mặt Nhã sưng lên. Bước chân chắc nịch vội vã. Lão Daniel mất hẳn nụ cười trang điểm thường nhật, khuôn mặt như bị kéo xuống đường nhựa. Ánh nắng giữa trưa tạo nên hai cái bóng hắt hiu. Cái đi trước, cái đi sau chừa lại một khoảng trống khá xa ở giữa.

Lợi dụng lúc mang giấy tờ vào phòng Bổng, Nhã nấn ná đứng lại cạnh bàn như có điều muốn nói. Bổng gợi chuyện:

"Cô Nhã có thích khung cảnh làm việc ở đây không?"

Cặp mắt Nhã chớp chớp như tín hiệu có điều bất ổn trong lòng, giọng nàng nửa thẫn thờ nửa bực dọc:

"Em đang tính xin nghỉ."

Bổng ngồi thẳng lại vội hỏi:

"Sao vậy?"

Nước mắt Nhã chập chờn muốn trào ra.

"Em không làm việc với ông Daniel được nữa!"

Đầu óc Bổng đã mang máng hiểu được sự tình. Lão Daniel bao giờ chẳng là lão Daniel. Nhưng anh nghĩ ít nhất đối với Nhã lão phải dè dặt chút đỉnh chứ. Anh e dè:

"Lão ấy làm gì cô vậy?"

Mắt Nhã hoa đỏ. Gò má nàng ánh lên vẻ sượng sùng. Nàng nói một hơi như sợ nếu ngừng thì chẳng bao giờ nói ra được nữa:

"Ông ấy mời em đi ăn trưa, em từ chối viện lẽ là có mang đồ ăn theo. Ông ấy không chịu, cố nài nỉ lại còn nói giỡn là đồ ăn đó để khi đi ăn về ông ấy ăn hết cho. Ông vỗ vỗ vào cái bụng to như cái trống nói giỡn thêm là đối với chiếc bụng này thì chút đồ ăn đó ăn thua gì. Em thấy không tiện để cho ông ấy nài nỉ nữa, lại thêm thấy ông ấy cũng vui tính, em đi. Lên xe ông ấy nói chuyện đùa giỡn liên hồi làm em cũng cười theo. Trong một cơn cười ông đặt tay lên đùi em. Em luống cuống chẳng biết phản ứng ra sao. Ông ấy tỉnh bơ tiếp tục cười nói, bàn tay vẫn cố thủ. Em nhích người ra xa một chút như một tín hiệu tránh sự bẽ bàng cho cả hai. Thấy đùi em nhúc nhích ông ấy bóp mạnh tay. Tay em như một phản xạ tự nhiên đập mạnh vào bàn tay ham hố hất ra. Em gằn giọng yêu cầu ông ấy vòng xe trở về. Có đói thì ráng chịu chứ em nhất định không thể làm việc với con yêu râu xanh này được. Em bực mình quá không để trong lòng được nên thấy chỉ có anh là người đồng hương, vội qua đây tâm sự. Cũng là để luôn tiện chào anh. Cuối giờ làm em sẽ xin nghỉ việc. Thất nghiệp thì cũng đành thôi!"

Bổng không để cho Nhã thất nghiệp lâu. Chỉ vài ngày sau anh tìm được chỗ làm khác cho Nhã. Không những kiếm được việc làm, anh còn kiếm cho Nhã được một chỗ dựa tình cảm. Vai anh thơm mùi tóc Nhã. Một buổi tối dẫn nhau đi ăn, bàn tay phải của anh rơi từ tay lái xuống khoảng đùi trần của Nhã. Khoảng đùi không biết nói lời từ chối. Bổng tinh nghịch bóp mạnh bàn tay, quay sang nhìn người yêu. Mặt Nhã sượng sùng. Đôi tay vẫn bướng bỉnh vòng trước ngực. Bổng chỉ nghe được hai tiếng vừa như trách cứ vừa như thân mật:

"Đau em!"

Nicole ôm mấy cuốn quảng cáo của các hãng sản xuất vào phòng trao cho Bổng. Anh cầm xấp giấy, nói cám ơn, nhìn sâu vào đôi mắt màu biển nắng xem có điều phiền toái nào đang lặn lội ở bên trong không. Nicole nhoẻn miệng cười làm ấm cả khuôn mặt thơ dại đến khờ khạo. Bổng thấy mình như một người anh đang ngại ngùng giang vòng tay ra che chở cho đứa em út chưa hết tuổi học trò mà đã rời nhà trường bằng cổng sau. Cái tính thương người, nhất là những người mà anh cho là lơi tay chống chỏi với cuộc đời, khiến anh loay hoay tìm lời nói với Nicole. Khi cô nhỏ dợm bước quay ra cửa anh mới hỏi được một câu y chang như câu anh hỏi Nhã ngày trước:

"Mày có thích khung cảnh làm việc ở đây không?"

Nicole nhún vai.

"Không tệ!"

"Ông Daniel dễ chịu chứ?"

"Ông ấy vui tính đấy chứ! Pha trò cả ngày. Già mà còn duyên gớm!"

Nicole le lưỡi bưng miệng làm như lỡ lời. Con nhỏ hạ giọng:

"Đừng nói già ông ấy buồn. Ông ấy bảo là trông ngoài vỏ không còn trẻ nhưng bên trong còn trẻ lắm."

Bổng thấy nhói trong người. Lão già này suồng sã như thế chắc đã giở trò rồi. Anh ném câu thăm dò:

"Ông ấy mời mày đi ăn trưa phải không?"

"Sao mày biết?"

Bổng chỉ vuông cửa kính trước mặt.

"Tao làm gác gian cái parking này, chuyện gì mà chẳng biết. Vả lại, chẳng cần nhìn thấy tao cũng biết như vậy."

Nicole dựng đôi lông mày rậm rạp lên hỏi.

"Bộ ông ấy mời nhân viên đi ăn hoài sao?"

"Người nào mới vào làm với ông ấy, ông cũng mời đi ăn trưa hết. Xã giao ấy mà!"

"Cũng phiền nhỉ! Ông ấy tốn cho tao mười đồng trưa nay chưa kể tiền tip."

Bổng như đo được ý nghĩ trong đầu Nicole. Nó ngắn ngủi chưa tới một đốt ngón tay. Anh cười nhạt.

"Nhằm nhò gì mấy cái vặt vãnh đó. Nếu mày muốn ông ấy có thể mời mày đi ăn mỗi ngày cũng chẳng sao."

Nicole vỗ tay nhảy cẫng lên.

"Muốn đứt đi chứ! Tao ngại phải bới theo bữa ăn trưa lỉnh cà lỉnh kỉnh. Nói chơi vậy chứ. Xã giao thì cũng chỉ buổi đầu thôi chứ bộ."

Bổng thấy mình như một anh thày bói gặp vận may. Những gì anh nói với Nicole xảy ra đúng y chang. Chẳng mấy buổi trưa anh không thấy Nicole leo lên xe của lão Daniel. Đoán đúng nhưng anh chẳng thấy mừng. Mỗi lần thấy cặp chân thon thả hồng màu kem dâu uốn khúc bước vào lòng xe trước khi chiếc cửa được đóng mạnh kêu lên một tiếng khô khốc, người anh lại thấy hụt hẫng thêm một chút. Anh cảm thấy như vô tích sự khi không kéo được cô bé quàng khăn đỏ ra khỏi tay con chó sói khéo giả trang. Mà thực ra có cái khăn đỏ nào trên đầu Nicole đâu. Nếu Nhã biết cái bồi hồi trong lòng anh chắc nàng lại cười cho mớ rơm ngứa ngáy anh đang vơ vào trước bụng.

Nicole vẫn vào ra phòng anh mỗi ngày vài lần. Mặt cô nhỏ vẫn thản nhiên như không có chuyện gì xảy ra. Anh vô vọng chờ một lời cầu cứu. Hay ít ra cũng một cuộn tơ lòng chờ được gỡ rối. Vậy mà cô nhỏ vẫn cứ nhâng nhâng nói đủ thứ chuyện trừ cái thứ mà anh đang nóng lòng chờ nghe đến nỗi đôi khi muốn trâng tráo mở miệng hỏi thẳng. Chẳng lẽ lão Daniel đã già thật rồi sao. Hay là các thánh nữ bỗng đổ đốn đâm ra dễ dãi với những người trần thế như lão Daniel. Bổng muốn nhìn sâu vào con tim Nicole nhưng mắt anh chẳng bước qua được lớp áo căng phồng trước ngực. Ruột gan anh cồn cào như có thể nhảy qua sợi giây tế nhị của cuộc sống bất cứ lúc nào. Nhưng anh chẳng phải là loại người có thể làm cách mạng, anh dằn lòng dò chừng:

"Hồi này mày đỡ tiền mua đồ ăn trưa dữ há?"

"Ừ, ông này chịu chi gớm!"

"Ông ấy là businessman đấy cô bé. Làm gì cũng nghĩ tới lời lỗ trước."

"Thì có sao đâu! Tao cũng đâu có dại khờ mà không biết tính lỗ lãi. Đàn ông, tao còn lạ gì!"

Bổng như hụt hẫng. Anh chẳng tin anh vừa nghe được những lời nói từng trải vừa chui ra khỏi cái miệng như chỉ biết uống sữa và ăn cà rem. Anh lặng người nhìn chăm vào khuôn mặt của một sinh vật mà anh nghĩ là chẳng khỏe mạnh hơn loài sên. Khuôn mặt hiền dịu ngơ ngáo kia chẳng lẽ chỉ là cái mặt nạ lừa dối những nghĩ suy của anh. Nicole nhảy phắt lên mặt bàn, đung đưa đôi chân nhẫn nhụi phẳng phiu thản nhiên như một đứa trẻ hiếu động, hạ giọng thân mật:

"Mày có biết tao đã từng đi làm người mẫu không?"

Mặt mũi như vậy, người ngợm như thế, làm người mẫu thì còn chê vào đâu được. Nhưng Bổng vẫn thấy có trục trặc. Cái thơ ngây trước mắt anh chẳng phải là thứ để phô bày sỗ sàng trước ống kính cùng đèn pha. Anh nói ngược với ý nghĩ của anh:

"Mày mà làm người mẫu thì hết sẩy. Nổi tiếng và giàu sang mấy hồi."

Nicole nhảy xuống, ẹo người, giơ chân giơ tay, quay qua quay lại trước mặt Bổng như đang trình diễn thời trang trên sân khấu. Cô nhỏ gằn giọng:

"Ai cũng tưởng vậy nhưng cái nghề đó nó chó má lắm mày ơi. Phải ăn chịu nhiều thứ lắm. Trước khi chúng đẩy mày lên, chúng phải đè mày xuống đã. Nhưng thường thì chúng đè nhiều hơn đẩy. Tao cũng rơi vào cái thường ấy thôi!"

Giọng nói bất cần đời làm Bổng thấy như người anh bị sứt mẻ một chút ở chỗ nào đó quanh quẩn nơi vùng ngực. Nicole trước mặt anh như chuồi ra khỏi chiếc vòng phấn anh tự

vẽ ra và bắt cô nàng phải thu mình đứng yên bên trong.

Ngày hôm sau, Nicole bê vào phòng Bổng cuốn album no kềnh những hình ảnh của Nicole người mẫu. Bổng thẫn thờ lật qua từng trang. Lớp phấn son đậm đặc, những kiểu áo hớ hênh, những chiếc mũ lúc lớn lúc nhỏ, những kiểu tóc vặn vẹo nghịch thường đã biến Nicole tưởng như dại khờ của anh thành những Nicole lúc lả lơi mời gọi, lúc già dặn quyến rũ. Nicole cúi xuống, chống hai khuỷu tay trên mặt bàn, mặt kề sát mặt anh, chỉ chỏ giải thích từng tấm hình. Khi Bổng gấp cuốn album lại, cô nhỏ vội hỏi:

"Mày thấy sao?"

"Đẹp nhưng trông mày già dặn quá tao không thích. Lần đầu gặp mày tao thấy mày có cái vẻ đẹp ngoan hiền như một nữ sinh, tao muốn giữ mãi hình ảnh đó."

Nicole ôm cuốn album chặn trước ngực cười buồn.

"Mày lãng mạn quá!"

Bổng muốn ngủ trên cái lãng mạn đó nhưng Nicole vứt từng vốc cát vào mặt lay tỉnh anh thức giấc. Một buổi trưa, Bổng đang sửa soạn bữa ăn, Nicole nhào vào phòng anh như một cơn gió. Mặt cô nhỏ đỏ lên giận dữ.

"Bực mình cái lão già này quá!"

Bổng nén lòng làm mặt thản nhiên hỏi:

"Chuyện gì vậy?"

Nicole mặt chưa hết bực tức nhưng cố dằn giọng xuống:

"Thôi, bỏ chuyện đó đi. Mày có gì cho tao ăn với không?"

Bổng sẵn sàng chia đôi phần cơm anh mang theo. Anh cũng muốn Nicole chia với anh nỗi bực dọc đang có.

"Trước mày đã có nhiều người làm ở chỗ đó. Trước sau gì họ cũng phải xin thôi. Một cô bạn tao còn làm chỉ đúng có một ngày. Tao thấy chỉ có mày là ở được lâu nhất. Mày vô địch rồi đó!"

Nicole nhếch miệng cười một cách khó khăn với câu khôi hài của Bổng.

"Tao cần việc làm, không bỏ được."

Tấm cheque lương mỗi hai tuần của Nicole chỉ đủ cho cô nàng nuôi thân và nuôi anh bồ sinh viên nghèo rớt mồng tơi. Một căn appartment không có phòng ngủ, tiền ăn, tiền mọi thứ bill, tiền du hí cuối tuần, tiền shopping dài dài đã nuốt gọn gàng số tiền cô nàng kiếm được. Anh sinh viên đi học xa, mỗi cuối tuần ra đường lộ giơ ngón tay đứng đón xe đi nhờ về. Dĩ nhiên chỉ có cái xác không nếu không kể một ba lô quần áo dơ mang về bỏ giặt.

Bổng vẫn thấy có gì không ổn thỏa giữa khuôn mặt có cái miệng đang nói chuyện với anh và những câu nói thoát ra từ cái miệng đó. Anh chẳng biết sao lại nói một câu đặc sệt mỉa mai:

"A, thế ra mày nuôi chồng ăn học!"

Nicole như dằm phải than.

"Chồng gì mà chồng! Nó là bồ tao. Bây giờ tao thích nó. Còn ngày mai ra sao, thây kệ. Tao cóc cần biết!"

Nicole lý gì tới những điều viển vông xa vời.

HUỲNH MẠNH TIÊN

TỰ TỨ

hắn bực mình bứt rứt bồn chồn
bởi câu thơ phá thể đứt vần tuột vận
câu văn phá tán nhím già cà cuống
nhưng thật lạ lùng
hắn chưa lần bất an
khi hớp phải
triều văn ở hậu ăn theo
bầu thơ tháp ngà chính thống pharaon

thật cảm động
hắn chưa lần tự cử tội
"pravàrana":
Hắn/Tôi là một!

Mùa Vu Lan PL 2542

MÓC

Đâu móc vào nhau những ghét ganh
Những khu hộ vắng những đua tranh
Những sương lầm lỡ lòng sông lạnh!
-Anh móc vào em... cái bóng anh

Cô nàng sống cho bây giờ và chỉ biết có bây giờ. Một sáng thứ hai đầu tuần, Nicole ùa vào phòng Bổng vẻ mặt rạng rỡ.

"Mày có biết hôm qua tao làm gì không?"

Bổng châm chọc.

"Mày ngủ khì cả ngày."

Nicole đập vào vai Bổng.

"Tao có ôm mày ngủ đâu mà mày biết."

Bổng tỉnh bơ.

"Mày có muốn ôm tao cũng không cho mày ôm."

"Sao vậy?"

"Mày có bồ, tao cũng có bồ. Dễ ăn đạn lắm."

Nicole bĩu môi.

"Mày quê òm! Bồ là một chuyện, chơi là chuyện khác chứ. Nói vậy chứ, mày với tao chỉ là bạn. Bạn đúng nghĩa của nó. Nghĩa là mình có thể tâm tình với nhau như hai người bạn trai hay hai người bạn gái vậy. Hôm qua tao đi chơi rừng với David."

Bổng hờ hững.

"Có vui không?"

Mắt Nicole lấp lánh.

"*Fun* lắm mày ơi! Rừng không có ai lai vãng, chỉ có từng lớp lá vàng dày cả tấc. Tao với David chơi trò Tarzan. Tụi tao mặc đồ lót dắt lá quanh người, đuổi nhau sau những gốc cây, đu người trên cành, hú gọi nhau như trong phim. Lúc bắt được nhau, vật lộn trên lá vàng, cấu xé nhau, ngấu nghiến nhau, đã gì đâu! Phải bày trò lạ như vậy đời mới vui chứ. Phải không mày?"

Bổng cảm thấy rời rã cả người chẳng muốn nhấc tay nhấc chân. Buồn đấy nhưng thấy cái buồn chẳng ra làm sao. Tự nặn ra một bức tượng, phết lên một lớp sơn trắng lốp trinh nguyên, nay bức tượng cựa quậy lắc rơi lớp sơn, bày ra một cái lõi lở lói thì buồn. Buồn như giả ngộ nhưng vẫn lấn cấn như có thực. Bỏ đi chẳng được mà ôm vào thì vô duyên.

Nicole không ngửi thấy nỗi buồn của Bổng. Nguyên việc chạy theo cuộc sống đã đủ tiêu hao hết ngày tháng, rảnh rỗi đâu mà dằn vặt những nghĩ với ngợi. Chưa hè mà cô nàng đã lo cho kỳ nghỉ hè. Lại phải tâm sự với Bổng.

"Tao mới vào làm chỉ được có hai tuần hè. Không hiểu xin thêm một tuần nữa có được không nhỉ?"

"Xin nghỉ không lương chắc được chứ. Mày hỏi ông Daniel coi."

Nicole cố dấu nụ cười cao ngạo.

"Tao hỏi ông ấy thì chắc được."

Bổng không dằn được sự bực bội.

"Biết vậy còn hỏi tao làm gì nữa!"

Nicole phá cười lớn. Giọng cười như quăng một tấm kính vào tường. Nó rơi loảng xoảng vào tai Bổng làm anh gân mặt muốn chửi thề. Nicole nâng cằm Bổng lên.

"Tao muốn chọc mày chơi một chút. Không hiểu sao thấy cái bản mặt như muốn đánh lộn của mày tao lại thấy khoái. Cho xin lỗi nghe cưng!"

Bổng thấy mình bị Nicole vò xé như một đứa con nít. Kể cũng tức cười thật. Nó làm gì kệ nó, mắc mớ gì tới mình. Anh điều chỉnh lại khuôn mặt. Ráng thêm một chút tươi vui. Hỏi một câu cho bớt ngượng nghịu.

"Mày tính đi đâu mà xin nghỉ lâu vậy?"

Nicole như chỉ chờ anh hỏi là buông gọn liền:

"Pháp!"

Chương trình lớn dữ. Tiền như mây bay mỗi hai tuần lấy đâu dư mà đổ vào chỗ mắc mỏ như vàng đó. Anh vội báo động.

"Mắc lắm đó!"

"Biết nhưng thích thì phải đi cho bằng được. Tao tính ít ra cũng phải mất khoảng hai ngàn."

"Cho hai người?"

"Không, mình tao thôi. David nó không có tiền thì kệ nó chứ!"

"Mày có đủ tiền rồi à?"

"Có đồng xu nào đâu!"

"Rồi sao đi?"

"Còn cả tháng nữa mà!"

Mặt Nicole vững vàng như tiền đã để sẵn đâu đó chỉ cần giơ tay ra là ôm gọn. Hai ngàn không phải là số tiền lớn nhưng kiếm ra cũng không phải dễ. Bổng thấy chẳng nên động vào chuyện này. Nó nguy hiểm như chơi súng, nổ đoàng một cái lúc nào không biết. Lớ ngớ hỏi có lúc lãnh đạn. Miệng Nicole là miệng liều lĩnh. Lỡ nhếch lên hỏi mượn thì khó cho Bổng quá. Nicole nhếch miệng hỏi thật nhưng không phải hỏi vay tiền mà hỏi một câu làm Bổng sững sờ.

"Mày có biết lão già nào có tiền không?"

Bổng nhìn chăm chăm vào mắt Nicole. Đôi mắt anh chắc ngầu lắm vì bụng anh đang như nồi nước sôi. Nicole nhâng nhâng mặt thách thức. Bổng thấy như đang đối đầu với một đứa em gái hư đốn. Giận đó mà xót xa đó. Anh mím môi lặng người làm tượng. Rồi anh cay đắng với Nicole:

"Lão Daniel đó!"

Nicole nhún vai.

"Tao có còn con tẩy nào để tố với ông ấy đâu!"

Có lẽ Nicole là một tay đánh bạc khá. Đúng ngày nghỉ hè, cô nhỏ vẫn leo được lên máy bay đi Pháp. Ba tuần sau mang về nước da sạm nắng. Và một xấp hình cả vài trăm tấm. Chẳng phải cô nhỏ chỉ giam mình ở Paris mà còn lang thang trên các bãi tắm dọc dài theo bờ biển.

Tay chỉ chỏ, miệng líu lo giải thích từng tấm hình cho Bổng, Nicole vui như một đứa trẻ trong một ngày được nuông chiều đầy đủ. Cái giọng nhảy lò cò tung tăng từ niềm vui này qua niềm vui khác như muốn kéo dài những ngày hè còn nóng trong đầu. Tay Nicole bỗng chặn ngang tấm hình vừa được Bổng lật tới.

"Đáng lẽ tao phải dấu tấm hình này mới phải."

Bổng nghịch ngợm.

"Mày nhấc tay ra tao sẽ nhắm mắt lại."

Nicole nhanh nhẹn đưa tay lên chụp vào mắt Bổng, cười sằng sặc.

"Mày ăn gian đâu có được!"

Bổng nắm bàn tay Nicole, dùng hai ngón tách kẽ tay Nicole ra. Ngón tay Nicole ngoan ngoãn tạo ra một kẽ hở đủ cho Bổng thấy bức hình chụp toàn cảnh một bãi tắm lố nhố những người không một mảnh vải che thân. Anh giở giọng đùa cợt.

"Để tao lấy cái kính lúp coi xem mày đứng ở đâu."

"Coi kỹ đi. Tao đứng sau cái máy hình đó."

Nicole phá ra cười thích chí. Bổng bị chọc quê trở nên trâng tráo.

"Bộ mày không có tấm nào đứng trước ống kính sao?"

Người đàn bà dạn dĩ đến đâu thường cũng đỏ mặt về sự bày biện thân hình trước mắt người quen. Nicole vướng chút ngượng ngùng.

"Có chứ! Nhưng cho mày coi không tiện. Mình là bạn mà!"

Bạn là người không đủ thân để cho coi hình chụp trống trải nhưng đủ tình để nhờ vả ít chuyện lặt vặt. Nicole ỡm ờ:

"Chiều thứ sáu, lúc tan sở, mày có rảnh không?"

"Không bận chuyện gì quan trọng. Mà mày hỏi làm chi vậy?"

"Tao mới mua một cái bàn để computer. Mày chở về rồi ráp dùm tao được không?"

"Sao mày không hành thằng David cho bõ công nuôi nấng?"

Nicole uể oải nhếch mép hưởng ứng câu khôi hài của Bổng cho phải phép.

"Nó học thi mấy tuần nay không về được."

"Ô kê, để tao làm cho. Thằng đó có số sướng đấy chứ!"

Chiếc bàn chỉ là những mảnh gỗ được xếp gọn trong một chiếc hộp dẹp lép, thêm một gói ốc vít và một tấm giấy chỉ cách ráp. Bổng và Nicole lê la trên sàn nhà kiếm từng mảnh ráp lại với nhau. Cũng trầy trật tháo ra ráp lại mất vài lần chiếc bàn mới đứng thẳng lên được. Nicole xoa tay:

"Không có mày chắc chiếc bàn còn lâu mới nhóm dậy được. Còn mấy chiếc ngăn kéo mày làm dùm nốt nghe. Nóng quá tao chịu hết nổi rồi. Phải đi tắm một cái mới được!"

Căn phòng toen hoẻn có một chút. Tiếng nước ào ào trong phòng tắm nghe như một trận mưa nặng hạt. Trời nóng thật. Cái xứ gì đến lạ. Lạnh thì thâm da tím mặt mà nóng thì da thịt như nhúng vào một thùng dầu. Cố gài cho xong hai chiếc ngăn kéo, Bổng ra bồn rửa chén bát xấp nước lên mặt nghe mát lạnh sảng khoái. Anh vùi mặt trong nước nghe tiếng Nicole dập đềnh bên tai:

"Bổng! Ở lại chơi tao gọi pizza ăn cho vui nghe!"

Hai tay Bổng chà vuốt lên mặt thêm mấy lần mới tìm vặn chiếc khóa nước. Bổng ngẩng mặt lên. Nicole chẳng dấu diếm gì trong chiếc áo choàng mỏng tanh. Bổng ngây người nhìn một Nicole trong veo khác thường ngày. Như một khuôn thạch cao mát rượi hững hờ dựa vào thành bếp. Miếng kính cửa sổ được gạt qua một bên cũng chẳng kiếm được chút gió nào lọt vào. Bổng thấy ngột ngạt bứt rứt. Nicole như một chiếc lá mượt mà rướn lên trước mặt anh chỉ cách một xải tay với. Hai tay anh chôn chặt vào chiếc khăn lau. Anh lau lấy lau để như muốn trút tất cả bối rối vào miếng vải mềm nhũn. Anh lắc đầu, vứt chiếc khăn lên quầy bếp.

"Tao phải về. Mình là bạn mà!"

Nicole vội khoanh tay che ngực, giọng bẽ bàng:

"Tùy mày!"

Dập mạnh cánh cửa xe, Bổng ngồi thừ người nhìn vào khoảng không trước mặt. Tiếng máy xe nổ chẳng đủ kéo anh ra khỏi cơn mộng mị. Anh kéo chiếc nịt an toàn xuống theo thói quen. Đập tay lên trán mấy cái, anh cố đánh thức mình dậy. Chiếc xe vội vã lao về phía trước. Trên đường tới nhà Nhã.●

CẦU DIÊN KHÁCH

VƯƠNG CHÍ dịch

Giới thiệu: *Những ai đã từng coi bộ phim truyện lịch sử võ hiệp Hương Cảng, Đại Vận Hà (The Grand Canal) chắc đều cũng biết nhân vật Lý Tịnh và Cầu Diên khách hay Trương Tam trong phim này. Nhưng Lý Tịnh và Cầu Diên Khách là ai? Lý Tịnh là một nhân vật lịch sử, một trong những danh tướng giúp Đường Thái Tông Lý Thế Dân lập nên cơ nghiệp. Còn Cầu Diên Khách? Dưới đây là câu chuyện về Cầu Diên Khách. Truyện này được viết ngay từ thời Sơ Đường và được tuyển vào trong tập Thái Bình Quảng Ký, một tuyển tập từ đời nhà Tống chép lại các truyện truyền kỳ, dã sử của những thời trước. Dịch giả cẩn cáo.*

*

Lúc đó là lúc thế giới đang trong thời thay đổi. Một thời đại của các cuộc mạo hiểm, những hành động vĩ đại của những trận quyết chiến, những hành động phi thường của những con người phi thường, mở đầu cho việc tạo dựng triều đại vĩ đại của nhà Đường. Con người của thời đó không hiểu vì lẽ gì có tầm vóc lớn hơn, trí óc sắc bén hơn, tâm địa rộng rãi hơn thời đại này của chúng ta. Dĩ nhiên kể từ khi triều đại nhà Tùy suy tàn, thiên hạ đầy những kẻ du hiệp. Những người này có những niềm tin và những đam mê, những sự căm hận

cũng như những tình bạn chung thủy. Và đôi khi xuất hiện một con người bằng thép nhưng với một trái tim vàng. Đây chính là câu chuyện của một con người đó.

Lúc này đã vào giờ Dậu. Lý Tịnh, một tráng niên trạc tuổi ba mươi, vừa ăn tối xong. Chàng đang nằm trên giường, buồn chán và bực dọc không biết vì chuyện gì. Đây là một người đàn ông cao lớn vạm vỡ, với một khuôn mặt đẹp trai. Chàng từ từ lấy gân tay. Lý Tịnh có một khả năng đặc biệt có thể làm các bắp thịt của mình chuyển động mà không cần phải co tay co chân. Lý Tịnh là một con người nhiều tham vọng và đầy năng lực nhưng lúc này chàng chẳng có việc gì làm.

Sáng nay, chàng vừa gặp Dương Tố và trình với lão một sách lược để cứu nguy cho thiên hạ. Nay thì chàng biết rằng lão già đó chắc chẳng thèm đọc đến sách lược của chàng và Lý hối tiếc là đã mất thì giờ đến gặp lão.

Tùy Dạng Đế xuống Dương châu truy hoan, trao lệnh tư không Dương Tố giữ Tây kinh. Tố là một con người kiêu quý, lại nhân lúc thời loạn, quyền trọng tự coi như không ai có thể bằng mình thành ra kiêu sa tự đắc, vượt quá cương vị của một nhân thần. Mỗi khi công khanh đến gặp, tân khách yết kiến, thường không thèm đứng dậy nghênh tiếp. Thường khi tiếp khách, ra lệnh cho mỹ nhân dìu ra, thị tỳ la liệt đứng dàn hai bên. Càng về sau càng tệ.

Lần này, khi Lý Tịnh đến xin yết kiến, Tố cũng ngồi trên kỷ đón. Tuy chỉ là một kẻ bố y, nhưng cảnh tượng này cũng làm chàng phẫn khích. Triều đại sắp sửa sụp đổ như một trái đào đã quá chín và bắt đầu thối ruỗng. Thiên hạ đang nổi dậy, thế mà tại đây, con heo già này, được bọc chung quanh bởi một lớp thịt đàn bà, lại là kẻ lương đống được dựa vào để giữ an nguy. Cố nhiên người ta vẫn tin là thể xác của thiếu nữ giúp làm cho căn phòng được ấm lên.

Dương Tố nhìn vào tấm danh thiếp của người khách và uể oải lên tiếng:

"Các hạ là ai?"

Lý bước lên một bước, cúi chào:

"Một kẻ vô danh. Thiên hạ đang loạn, anh hùng hách khởi. Quân là đế thất trọng thần đáng lẽ cần phải để tâm thâu dụng hào kiệt, không nên ngồi mà đón tân khách."

Tố vội vã nghiêm trang đứng dậy:

"Xin mời ngồi. Ta xin lỗi. Ta quên mất."

Sau đó hai người tiếp chuyện một cách vui vẻ, và Lý trình sách lược của chàng lên rồi thối lui.

Trong lúc hai người nói chuyện thì trong đám thị tỳ, một cô gái cầm chiếc phất trần mầu hồng đứng đằng trước, cứ dán mắt nhìn chàng. Và con mắt hai người đã gặp nhau.

Đó là điều thích thú độc nhất của cuộc gặp gỡ ngày hôm nay và Lý Tịnh mỉm cười một mình trong lúc chàng đang nằm buồn chán trong phòng.

Bỗng nhiên chàng nghe có tiếng ai gõ nhẹ vào cửa phòng. Ai mà có thể tìm đến đây vào lúc này? Chẳng lẽ Dương Tố đã đọc bản đề nghị của chàng hay sao? Đứng dậy ra mở cửa, chàng bỗng thấy một người lạ đứng trước cửa, mặc một chiếc áo choàng mầu tím xẫm, một cây gậy trên vai, một đầu gậy treo một cái bọc.

"Ngươi là ai?"

"Thiếp là Hồng phất nữ tại Dương gia sáng nay."

Rồi thì thầm hỏi:

"Cho thiếp vào được không?"

Chàng vội vã khoác lên người một chiếc áo choàng và mời cô gái vào. Sự đến thăm bí mật và tại sao nàng lại cải trang làm chàng kích động. Cô gái, lúc này đã cởi chiếc áo choàng và chiếc nón ra để lộ một khuôn mặt xinh đẹp trạc mười tám, mười chín. Nàng mặc một chiếc áo thêu và một chiếc quần hồng có thêu hình các đám mây. Cúi xuống bái lạy, cô gái giải thích:

"Xin tướng công tha lỗi. Thiếp gặp tướng công tại buổi tiếp tân của đại vương lúc sáng nay. Khi tướng công rời khỏi nhà vương gia thiếp đã hỏi xa phu biết được địa chỉ của tướng công."

Cặp mắt cô gái chăm chú nhìn Lý Tịnh khi chàng buộc áo lại và đưa mắt nhìn ra cửa sổ:

"Xin tướng công để tâm. Thiếp đã bỏ trốn ra khỏi nhà Dương Tố."

Kinh hãi, Lý hỏi sao dám bỏ trốn mà không sợ công sai truy lùng. Cô gái mỉm một nụ cười thật ngọt ngào và quyến rũ:

"Thiếp phục thị Dương tư không từ lâu, người trong thiên hạ trông thấy cũng nhiều nhưng chưa thấy một ai như tướng công cả. Dây cát đằng không thể sống được một mình nguyện bám theo đại thụ, chính vì vậy thiếp bỏ trốn tới đây."

Lý Tịnh nói:

"Dương tư không quyền trọng kinh sư, vậy phải làm sao?"

"Lão chỉ là một xác chết còn chút hơi tàn,

không có gì đáng sợ. Đám thị thiếp ai cũng biết đại họa sắp tới tìm cách thoát thân. Số người bỏ trốn đi cũng đã nhiều rồi. Lão cũng chẳng truy lùng bao nhiêu. Xin tướng công đừng nghi."

Lý Tịnh mời nàng ngồi xuống chiếc ghế tốt nhất trong phòng. Cặp mắt cô gái vẫn còn tiếp tục nhìn chàng chằm chặp:

"Lý tướng công, thiếp đã đọc bản văn của tướng công."

"Thế hả! Cô thấy sao?"

"Thiếp nghĩ rằng tướng công đã mang ngọc để trâu vầy."

Lý cảm thấy thích thú, chàng hỏi:

"Thế lão có đọc không?"

"Không! Tướng công nghĩ rằng lão đọc?"

Lý Tịnh chăm chú quan sát cô gái. Chàng bị xúc động không phải vì vẻ đẹp của nàng nhưng vì cung cách táo bạo của việc nàng bỏ đi cũng như vì trí thông minh của nàng. Chàng đã biết quá rõ những điều xảy ra cho những cô gái ở địa vị của nàng khi cuộc chiến tiến đến kinh thành. Nàng sẽ bị đám loạn quân hãm hiếp và bán đi làm nô tì. Lý Tịnh hỏi:

"Cô nương họ gì?"

"Họ Trương."

"Hàng thứ mấy trong nhà?"

Cô gái nhìn chàng không chớp:

"Thiếp là con gái trưởng. Lý tướng công, thiếp đã thấy hàng trăm người đến xin gặp Dương Tố, thế nhưng không có một ai giống như tướng công."

Rõ ràng là cô gái nhất quyết muốn bỏ đi và đã chọn đi theo chàng. Trông từ da thịt sắc thái, ngôn từ khí phách, nàng phảng phất như một nàng tiên, Lý Tịnh cảm thấy rằng chàng cũng sẵn sàng muốn thâu nhận cô gái. Chàng nghiêm giọng nói:

"Trương tiểu thư, cuộc đời một người lính không phải là một cuộc sống dễ chịu. Sống một tháng ở đây, một tháng ở kia, hành quân liên tục trong nguy hiểm và bất trắc không phải là một chuyện một người con gái lầu son gác tía có thể chịu được."

Cô gái trả lời:

"Đọc bản văn của tướng công, thiếp biết tất cả chuyện đó."

"Cô chỉ thấy tôi vào sáng nay. Điều gì đã khiến cô nghĩ rằng tôi đúng là người cô có thể trao thân gửi phận được?"

"Thiếp thấy tướng công buộc lão già kia phải xin lỗi vì thái độ trịch thượng của lão. Không có ai dám làm chuyện đó. Tướng công nói mà không sợ sệt. Thiếp tự nhủ, đây đúng là người hợp với mình. Nếu tướng công chịu nhận, thiếp sẽ quay trở lại và giải quyết hết mọi chuyện."

Khi cô gái quay trở lại trong vòng một tiếng đồng hồ, chàng hầu như không thể tin được. Chàng vui mừng và xúc động nhưng chàng cũng e ngại về hậu quả của chuyện này bởi vì chàng rất nghèo. Cứ vài phút chàng lại đưa mắt nhìn ra cửa sổ để xem có ai theo dõi cô gái hay không. Nhưng ngược lại cô gái lại rất bình tĩnh. Cặp mắt nàng cứ chăm chú nhìn theo chàng một cách trìu mến.

Lý Tịnh hỏi:

"Cô không có họ hàng thân thuộc sao?"

"Không, nếu không thiếp đã chẳng rơi vào chốn đó."

Đột nhiên nàng nói:

"Thiếp thật sung sướng."

Có lẽ đó là dấu hiệu độc nhất của sự súc động trong lòng cô gái mà cho đến nay chỉ thể hiện trong ánh mắt.

Lý Tịnh nói:

"Cô biết ta không công ăn việc làm gì cả."

"Nhưng tướng công có chí lớn. Tướng công sẽ làm nên đại sự."

"Làm sao nàng biết?"

"Thì cái bản văn đó."

Lý Tịnh nhếch mép cười:

"Ồ, cái bản văn đó. Cô muốn nói là cô bị tiếng sét ái tình vì cái bản văn đó hay sao?"

"Đúng, hay đúng hơn là yêu người viết ra bản văn đó. Thật đáng tiếc là Dương Tố đã bỏ lỡ cơ hội đó."

Chỉ mãi về sau nàng mới nói cho chàng biết rằng điều làm cho nàng mê mệt chính là dáng điệu hiên ngang của chàng, cặp mắt trong sáng và tất cả thái độ của con người chàng mà đã tiết ra toàn bộ phong độ của một chiến sỹ.

Vài ngày sau, Lý nghe được tin đồn rằng đám tùy tòng của Dương Tố đang đi lục soát kiếm nàng Trương. Tuy rằng việc truy lùng này chỉ lấy lệ, đúng như lời Hồng Phất nữ nói với chàng, nhưng Lý cũng cải dạng nam trang cho nàng và đưa nàng ra đi.

"Chúng ta đi đâu vậy?"

"Ta đi gặp một người bạn tại Thái Nguyên."

Trong buổi loạn ly lúc này, việc đi lại đâu phải là an toàn nhưng Lý đâu phải là một con người mà hiểm nguy làm e sợ. Chàng chính là một trong những tay hào kiệt vào lúc thời thiên mạng sắp thay vốn vẫn phiêu du, kết giao bằng hữu chờ đợi một cơ hội. Du hiệp giang hồ có rất nhiều người như chàng. Họ cải dạng du hành bí mật tìm những người đáng tin cậy để có thể kết giao.

Sau vài ngày họ đến Linh Thạch và vào nghỉ trong một quán trọ. Trời đã tối, tửu điếm đã dọn sẵn giường chiếu. Trên chiếc lò bếp bằng gạch tại một góc phòng, một nồi thịt hầm đang sôi sùng sục. Trương thị, lúc này đã cởi bỏ nam trang, thả bộ tóc dài xuống tận đất trước sàng chải đầu, còn Lý ra săn sóc ngựa ngay phía ngoài.

Bỗng nhiên có một người giáng dấp trung bình, râu xồm đỏ bao khắp mặt, cưỡi trên một con lừa gầy ốm đến và bước vào quán. Người này bất kể đến sự hiện diện của Trương thị, thẩy một chiếc bao bằng da xuống trước bếp lò làm gối, ngồi xệp xuống đất và dựa lên bao. Gã đưa mắt chằm chằm nhìn Trương thị đang chải đầu. Sự vô lễ của người khách lạ làm Lý nổi giận, nhưng chàng tiếp tục chải lông cho ngựa, lâu lâu đưa mắt nhìn người khách, toan

HỒ MINH DŨNG

BÙI GIÁNG

đi ngược
rồi
lại đi xuôi
đi lên đi xuống
đứng ngồi không yên
hỏi người: còn mấy đảo điên
trả ơn chớp biển mưa nguồn
ở đâu?
xin thưa: dưới bụi xanh dâu
có người ngồi
một chút
lắc đầu bỏ đi.

gánh
ôi
gánh
nặng như chì
bước đi
chẳng biết
quay về khi mô.

rặng người với núi nhấp nhô
rặng kia
nước lút
rặng khô
bên nầy.

Atlanta 7.1998

tính chưa quyết định phải làm gì.

Trương thị cũng đưa mắt nhìn người khách lạ. Người này nước da nâu xậm, mặc một bộ quần áo bằng lông thú, một thanh gươm đeo bên hông. Vốn quen đoán tính người, Trương thị quay nghiêng, một tay giữ tóc, tay kia làm dấu với Lý bảo đừng vội giận. Vội vã chải đầu xong, nàng tiến đến gần người khách thân mật hỏi tên họ. Khách trả lời:

"Họ Trương."

Trương thị nói:

"Thiếp cũng họ Trương, đáng làm muội muội."

Và nàng cúi đầu thi lễ. Sau đó hỏi khách hàng thứ mấy trong nhà, khách trả lời:

"Thứ ba. Còn muội muội thứ mấy?"

"Thứ nhất."

Khách mừng nói:

"Hôm nay thật may có được một cô em gái. Ta sẽ gọi em là nhất muội."

Lúc này Lý vừa bước vào phòng. Trương thị hô lên:

"Lý lang, hãy tới bái kiến tam huynh."

Lý vái chào. Ba người ngồi xuống.

Khách lạ tuy thái độ có vẻ thân mật nhưng giọng và lời nói có vẻ cộc và sang sảng. Ý có giáng điệu của một con người lịch lãm biết nhiều và đã từng đi nhiều nơi. Cặp mắt y nhìn chăm chú vào Lý và Trương thị và có vẻ như đã đoán được cặp này là người như thế nào. Lý cũng quan sát thái độ và trang phục của người này và chàng nhận ra người này cũng là một tay hào kiệt như mình. Từ lâu chàng vẫn muốn gặp những người như vậy, những khách giang hồ không câu nệ tiểu tiết, không thèm một cuộc sống bình thường an toàn, những con người mà khi cơ hội đến là những thiết hán trung thành với bằng hữu nhưng lại là cái chết đối với kẻ thù.

Cầu Diên (chàng có râu) hỏi:

"Trong nồi nấu gì vậy?"

Trương thị trả lời:

"Thịt cừu chắc cũng sắp chín rồi."

Khách nói:

"Đói quá."

Lý bước ra ngoài mua về mấy cái bánh bao để cùng chia sẻ bữa cơm với Cầu Diên. Khách rút trong tay áo một lưỡi trủy thủ, cắt thịt ra từng miếng cùng ăn. Khách ăn nhồm nhoàm bất kể lễ tiết, phần gân da còn lại thái nhỏ thẩy ra cho con lừa.

Ăn xong khách nói với Trương thị:

"Xem Lý lang đúng là một kẻ bần sĩ. Làm sao muội lại chọn chàng? Ta có thể nói ra hết chuyện hai người. Hai người chưa phải là phu phụ và có vẻ đang bỏ trốn một chuyện gì. Có phải không?"

Trương thị trả lời:

"Tình tuy nghèo, nhưng có chí lớn. Người ta hỏi muội không dám nói, nhưng huynh hỏi, thì không dám dấu diếm."

Rồi kể lại cho Cầu Diên mọi chuyện.

Khách hỏi tiếp:

"Bây giờ Nhất muội và Lý lang tính làm gì?"

"Tính lên Thái Nguyên ở nhờ một người bạn."

Trong lúc hai người nói chuyện, Lý chăm chú nhìn không chớp mắt. Chàng tự nhủ làm sao Cầu Diên có thể đoán được mọi chuyện. Gã có tài xem tướng hay sao? Hay là móng tay dài của Trương thị đã để lộ cho gã biết rằng nàng xuất thân từ một gia đình phú quí.

Lý mỉm cười và nói:

"Đúng như huynh đài nói Trương muội đã chọn mỗ. Đừng đánh giá thấp đàn bà. Nàng biết đại biến sắp tới."

Cầu Diên mắt lóe lên như những tia chớp:

"Đại biến?"

"Một cách chung chung đúng là vậy."

Cầu Diên liếc mắt nhìn Trương thị với một vẻ thán phục.

"Lý lang và Nhất muội từ đâu đến?"

"Từ Tây Kinh."

Khách hỏi:

"Có rượu không?"

"Bên cạnh lữ điếm có một hàng rượu."

Khách bước ra mua rượu. Khi trở về, bộ mặt khách rạng rỡ và bắt đầu nói. Giọng Cầu Diên trầm trầm chậm rãi, nhưng mỗi câu mỗi chữ đều rõ ràng. Khách có vẻ coi thường tất cả những đám phản vương nổi lên. Theo khách bọn chúng chẳng làm được gì. Và khi nghe khách nói Lý cảm thấy chắc chắn rằng Cầu Diên đang âm mưu một chuyện đại sự.

"Huynh đài nghĩ gì về Dương Tố?"

Lý đặt câu hỏi để thử tìm hiểu xem Cầu Diên tính gì.

Cầu Diên phóng lưỡi trủy thủ đánh phập xuống mặt bàn và cười lớn. Lưỡi dao cắm sâu vào gỗ lóe lên những tia chớp và ngân lên một tiếng dài trước khi ngừng lại.

Rượu được vài tuần, khách nói:

"Ta có một vài món đồ nhắm Lý lang có thể cùng chia sẻ với ta không?"

Tĩnh trả lời:

"Không dám."

Khách bèn mở túi da, lấy ra một thủ cấp người và tim gan. Sau đó nhét thủ cấp này lại vào trong túi, dùng truỷ thủ thái nhỏ tim gan ra hai người cùng nhắm.

Cầu Diên nói:

"Tên này là một tên lừa lọc nhất thiên hạ. Ta đã phải mất 10 năm tìm kiếm nay mới bắt được. Cái uất ức của ta nay đã được giải."

Ngừng lại một chút, Cầu Diên hỏi:

"Trông Lý lang hình dung khí vũ, đúng bậc trượng phu. Thế Lý lang có biết ở Thái Nguyên có kẻ dị nhân nào không?"

"Thường gặp một người mà theo ngu ý đúng là chân chủ, kỳ dư đều không có gì đáng nói."

"Người này họ gì?"

"Cùng họ với Lý mỗ."

"Niên kỷ bao nhiêu?"

"Khoảng chừng 20."

"Hiện đang làm gì?"

"Con trai yêu của quan trấn thủ Thái Nguyên."

Nét mặt Cầu Diên trở nên nghiêm trang hẳn lên:

"Lý lang có thể giúp ta gặp người đó một lần hay không?"

Lý Tịnh trả lời:

"Tịnh có một người bạn tên là Lưu Văn Tĩnh chơi với người đó rất thân thiết, có thể nhờ Văn Tĩnh giúp cho gặp được. Nhưng huynh muốn gặp để làm gì?"

Khách trả lời:

"Người ta nói Thái Nguyên có kỳ khí bảo ta đến tìm."

Khách hỏi tiếp:

"Ngày mai Lý lang khởi hành tính độ lúc nào tới được Thái Nguyên?"

Tịnh ngồi lẩm nhẩm tính rồi trả lời, ngày đó, giờ đó có thể tới.

Cầu Diên nói:

"Trời đã sắp sửa sáng rồi, ta phải đi, ta sẽ đợi Lý lang ở Phần Dương Kiều."

Nói xong bước ra nhảy lên lừa, lừa phóng như bay, nháy mắt đã đi xa tít. Tĩnh và Trương thị quay trở vào, cả hai đều bồi hồi kinh sợ. Hồi lâu chàng nói:

"Ta chắc Cầu Diên muốn gặp con người chân chủ là có một lý do riêng gì đó. Nhưng tráng sĩ không khi phụ người khác, chắc chẳng có gì phải sợ. Tuy nhiên cũng phải lên đường cho sớm."

Đúng ngày hẹn Lý đến Thái Nguyên. Hai người gặp nhau mừng rỡ. Sau khi ăn sáng Lý dẫn Cầu Diên đến nhà Lưu Văn Tĩnh.

Lý hỏi Cầu Diên:

"Huynh đài tin vào tướng thuật sao?"

"Diện mạo một người là biểu hiện của tính tình tâm địa người đó. Mắt, môi, mũi, cằm, tai, ngay cả màu da và sắc diện của khuôn mặt nếu ta biết thì đều có câu chuyện để nói cho thấy người đó như thế nào. Người đó mạnh hay là yếu, gian trá hay thành thật, hiền lương hay tàn nhẫn, dâm dục hay khắc khổ, tất cả đều ở đó. Đây có thể nói là một quyển sách phức tạp nhất bởi vì tính người là điều phức tạp nhất trong thiên hạ."

"Thành ra số mạng của mỗi người được quyết định ngay từ lúc mới sinh hay sao?"

"Hầu như vậy. Người ta không thể tránh được số mạng cũng như người ta không thể vượt khỏi bản tính của mình. Không một khuôn mặt nào giống một khuôn mặt nào và trong cuộc sống những chuyện xảy ra đều có dấu ấn trên bộ mặt."

Lý nói dối với Lưu Văn Tĩnh rằng:

"Có một người bạn của đệ, người khách này rất giỏi giỏi xem tướng muốn gặp Lý nhị lang. Có được không?"

Văn Tĩnh vốn thích kiếm những kỳ nhân, thích nghị luận truyện đại sự, có chí muốn khuông phò xã tắc, nhất đán nghe khách có tài xem tướng thì lòng mừng biết chừng nào. Văn Tĩnh vội vã mời hai người vào, sửa soạn tiệc rượu, giữ lại dùng cơm trưa trong khi Văn Tĩnh cho người cầm giấy mời Thái Tông tới.

(Đường Thái Tông, tên thật là Lý thế Dân, vua thứ hai nhà Đường là con thứ của Lý Uyên trấn thủ Thái Nguyên. Thế Dân lúc đó đã cùng Lưu Văn Tĩnh, Trưởng Tôn Vô Kỵ và một số người khác sửa soạn nổi lên. Sau Thế Dân dẹp yên các phản vương và tôn thân phụ lên làm vua thay nhà Tùy lập ra nhà Đường).

Lúc sau Thái Tông tới. Cầu Diên chỉ thấy một chàng trai trẻ ăn mặc xuềnh xoàng khoác một chiếc áo lông cừu trên vai nhưng tướng mạo phi thường, thần khí dương dương. Cặp mắt chàng tuy không ra vẻ chú ý gì cả, nhưng không gì là không thấy.

Trong bữa tiệc, Cầu Diên yên lặng ngồi chót, lòng bỗng như chết. Rượu được vài tuần, Cầu Diên đứng dậy vẫy Lý Tịnh ra ngoài nói:

"Quả đúng là chân thiên tử đó."

Lý nói lại với Lưu. Lưu càng mừng và tự phụ.

Khi ra về, tướng mạo Cầu Diên thay đổi

hẳn, như là bị một đòn chí tử. Gầm người bước đi, nét mặt băn khoăn như có gì không quyết.

Cầu Diên nói một cách chậm rãi, hầu như chỉ nói cho mình nghe:

"Thấy mặt rồi, ta hầu như mười phần chắc đến chín. Nhưng để chắc, ta còn cần phải mời đạo huynh xem nữa."

Rồi quay sang Lý hỏi:

"Lý lang ngụ đâu?"

Lý trả lời ngụ tại khách sạn mỗ.

Cầu Diên nói:

"Chỗ đó có thể ở tạm vài ngày được. Hãy đi theo ta."

Rồi dẫn chàng đến một cửa hàng tơ lụa. Cầu Diên đi vào. Một lúc sau trở ra, và đưa cho Lý một gói bạc và một sấp bạc vụn khoảng chừng ba bốn chục lượng và nói:

"Lý lang cầm lấy dùng. Ráng săn sóc cho Nhất muội của ta. Đừng ngần ngại. Cầm lấy đi."

Lý ngạc nhiên:

"Huynh đài không cướp cửa hiệu đó chứ?"

Cầu Diên cười lớn:

"Không, chủ hiệu này là một người bạn của ta. Lý lang có cần thêm tiền để ta nhắn lại với y. Hiền đệ cứ đến mà lấy. Ta biết hai người không giầu có gì. Và ta không muốn muội muội ta phải chịu khó khăn."

Ngừng lại, một chút Cầu Diên nói:

"Lý lang nên cùng Nhất muội đến Đông Kinh *(thời đó Trung Quốc có hai kinh. Tây Kinh tức là Trường An còn Đông Kinh là Lạc Dương)*. Đến ngày ba tháng hai, giờ Ngọ, tìm ta ở dưới tửu lâu khu chuồng ngựa phía đông. Nếu thấy buộc một con lừa và một con la đen, tức là ta và đạo huynh đang đợi ở trên lầu đó. Cứ việc bước lên."

Họ trở về lữ điếm nơi Lý cùng Trương thị cư trú. Đến nơi, Cầu Diên không có vẻ gì muốn chia tay cả, và cùng đi theo Lý vào trong nhà. Có vẻ như Cầu Diên coi Trương thị như là một người em gái thật sự và Lý như một tiểu huynh đệ thật sự. Họ đặt một bữa tiệc lớn và nói chuyện đến khuya trong đêm.

Sáng sớm hôm sau, Cầu Diên từ biệt và nói:

"Tam ca có việc phải đến Ngũ Đài Sơn. Ta sẽ trở về Lạc Dương vào khoảng tháng hai. Lý lang và nhất muội nhớ đến đó. Hẹn gặp lại ngày ba tháng hai."

Lý và Trương thị đến Lạc Dương đúng như kỳ hạn. Họ tìm thấy tửu lâu đúng như là Cầu Diên chỉ và khi thấy hai con lừa và la buộc trước cửa, họ vén áo bước lên. Cầu Diên và một đạo sỹ đã ngồi sẵn tại đó đối ẩm. Thấy Lý hai người mừng rỡ, đứng lên mời ngồi. Rượu chừng vài tuần, Cầu Diên nói:

"Quán rượu này là của tam ca. Trong quỹ còn có khoảng mười vạn quan, Lý lang giữ lấy mà dùng. Kiếm nơi nào an toàn, yên tĩnh cho nhất muội ở."

Và họ ở lại Lạc Dương. Cầu Diên lâu lâu lại đến thăm hai người. Mỗi lần vậy, thường ở lại đến khuya, có khi qua đêm nói chuyện về binh pháp. Lý Tịnh học được của Cầu Diên rất nhiều. Những điều học được đó, sau này chính chàng đã đem ra áp dụng và lập được đại công giúp cho Thái Tông. *(Lý Tịnh sau này còn để lại một quyển binh thư có tên là Lý Vệ Công Binh Pháp)*.

Một hôm Cầu Diên nói với Lý:

"Đạo huynh muốn gặp Lý Thế Dân. Nhờ Lý lang giới thiệu giúp. Hẹn đến ngày rằm chúng ta lại gặp ở Phần Dương kiều."

Đúng ngày Lý đến, lên lầu đã thấy Cầu Diên và đạo sỹ ngồi đợi sẵn. Ba người đến gặp Văn Tĩnh. Lý giới thiệu với Văn Tĩnh, đạo sỹ là một nhà huyền học tài giỏi, biết được khí số vận mệnh con người. Văn Tĩnh lúc đó đang đánh cờ với mấy người bạn, bèn mời đạo sỹ ngồi chơi một ván cờ trong khi phát thư gởi

HUY PHƯƠNG

TRANG SÁCH ĐỜI

Tuổi già chợt đến như trang cuối
Thấm thoát còn đâu những chữ đầu
Ngày tháng tàn theo trang sách mỏng
Dầy chăng còn có những niềm đau

Ví như mở lại trang sách cũ
Đổi thay gì được một đôi câu
Cha mẹ sinh mình không nghĩ *tựa*
Đời ta khi hết *bạt* nơi đâu?

mời Thái Tông. Cầu Diên và Lý Tịnh đứng bên xem cờ. Hồi lâu, Thái Tông đến, cúi chào rồi ngồi xuống coi, không nói một tiếng nào theo đúng luật chơi. Thần thanh khí sáng, nơi ngồi tựa như có gió mát thổi. Đạo sỹ vừa thấy Thái Tông mặt mày bỗng nhiên ủ rũ; chừng mấy phút sau, hạ cờ xuống nhận thua:

"Cuộc cờ này thua rồi! Thua rồi! Không còn cách gì cứu nữa."

Đối với những người ngoài cuộc, ván cờ này chưa có vẻ gì thua cả, nhưng đạo sỹ nhận thua. Lạ kỳ thay!

Ra về, đạo sỹ quay nói với Cầu Diên:

"Thế giới này không phải là của công. Chỉ có thể tính ở một phương khác. Đừng miễn cưỡng mà làm."

Ba người trở về Lạc Dương. Cầu Diên nói:

"Lý lang trở về, ngày mai hãy đến phường đó, phố đó. Hãy dẫn cả nhất muội đến. Nhất muội trong đẹp như ngọc bích, ta muốn cho chị dâu mới gặp."

Nói xong rầu rã ra đi.

Hôm sau, Lý Tịnh cùng Trương thị đến nơi hẹn. Lý chưa bao giờ biết Cầu Diên ở nơi nào. Đến nơi chỉ thấy một cánh cửa nhỏ. Gõ cửa, có người đi ra đón nói:

"Tam lang mời nhất nương tử và Lý lang vào."

Bước qua một cái sân rồi một cánh cửa nữa, họ bỗng thấy một ngôi nhà tráng lệ; khoảng ba mươi đứa nô tỳ sắp hàng đứng chầu. Hai chục nô bộc đưa Lý Tịnh đến đông sảnh. Trần thiết huy hoàng không giống cảnh vật dưới nhân gian. Mọi thứ, từ tấm bàn phấn, gương lược, đèn tủ, bình phong đều là những món vô giá. Trong phòng cũng đặt sẵn quần áo để hai người thay, toàn là những thứ trân kỳ.

Rửa mặt thay quần áo xong, có tiếng hô:

"Tam lang đến."

Một chốc, Cầu Diên xuất hiện, nón lụa, áo cừu, trông tư cách chẳng khác nào long hổ. Cầu Diên vui vẻ gọi vợ ra chào. Đó là một mỹ nhân trạc khoảng hai bẩy hai tám, đẹp như thiên tiên. Rồi mời sang trung đường hưởng yến.

Bàn tiệc trần thiết cực kỳ thịnh soạn, tuy vương công đại thần cũng không sánh kịp. Bốn người ngồi vào bàn, một bầy nữ nhạc khoảng hai chục tên đứng dàn trước mặt trình tấu. Nhạc khúc du dương, Lý chưa từng được nghe bao giờ, phảng phất tựa như nhạc trên thiên tiên chứ không phải điệu nhạc trần thế.

Ăn xong đến rượu. Bỗng nhiên từ tây đường gia nhân khiêng lên khoảng hai chục cái rương, cái nào cũng được bọc bằng gấm thêu và đặt xuống lên những chiếc bàn thấp sát tường phía đông. Mở tấm gấm bọc ra, tất cả đều chứa đầy văn tự, chìa khóa.

Cầu Diên nói:

"Trong này có tất cả các thứ trân bảo, hàng hóa; tất cả tài sản của ta, nay lấy ra tặng Lý lang. Tại sao vậy? Ta vốn thu thập những thứ này để sửa soạn cho việc lớn, đợi ngày có thể mộ một đạo quân, kiến lập công nghiệp. Nhưng nay thiên hạ này đã có chủ, giữ lại mà làm gì. Họ Lý ở Thái Nguyên đúng là chân chủ đó. chỉ trong vòng năm ba năm tới, thiên hạ sẽ thái bình. Lý lang vốn là một anh tài, phụ tá thanh bình chi chủ, kiệt tâm tận thiện, tất thế nào cũng lên tới vị cực nhân thần. Nhất muội tư dung thiên tiên, có tài lược vượt chúng, theo phụ giúp chồng vinh cực hoàn vũ. Không phải nhất muội thì làm sao biết được Lý lang. Không phải Lý lang thì làm sao gặp được nhất muội. Tế hội chi kỳ, hổ gầm mà gió thổi, rồng bay mà mây sinh. Nay hãy dùng những gì ta tặng ráng phò chân chúa. Sau này, khoảng chục năm sau, nếu cách đây khoảng ngàn dặm về phía đông nam có xảy ra chuyện lạ, đó chính là lúc ta đắc chí vậy. Nếu nhất muội cùng Lý lang còn nhớ đến ta thì hãy uống mừng ta một chén rượu."

Sau đó, Cầu Diên quay sang tả hữu nói:

"Lý lang và nhất muội bây giờ là chủ nhân của các ngươi đó."

Nói xong cùng vợ bước ra, thay đổi nhung trang lên ngựa, chỉ có một tên nô bộc theo sau. Đi được vài bước không còn thấy đâu nữa.

Lý ở lại, bỗng trở thành hào phú, lấy tiền đó giúp Thái Tông Văn hoàng đế chiêu mộ nghĩa binh, khuông phò đại nghiệp.

Đến thời Trinh Quán, Lý lúc đó lên đến chức bộc xạ, bỗng nhiên có tấu thư từ phương đông nam về báo, một đám hải tặc lên đến khoảng mười vạn tên đi một ngàn chiến thuyền đổ bộ vào Phù Dư quốc, giết chết quốc vương tự lập làm vua. Lý biết là Cầu Diên đã thành công, về nói với Trương thị. Hai người đốt hương chúc mừng rót rượu đổ về phía đông nam lễ chúc.

Thế mới biết chuyện hưng vong của người đời, không phải anh hùng đã làm được, huống chi không phải là anh hùng. Có người nói rằng: binh pháp của Lý Vệ Công quá nửa là do Cầu Diên truyền lại.◉

Mạc Đình, tiết đông chí năm Đinh Sửu

MỘT TRĂM BÀI PHÚ ĐỘC VẬN

(được ghép lại toàn bằng phương ngôn tục ngữ)

BẢO VÂN

Phương ngôn và tục ngữ của Việt Nam có rất nhiều nhưng chưa được sưu tầm và sắp xếp lại cho đầy đủ.

Ngay từ đầu thế kỷ 20 này, Cụ Ngạc Đình Phạm Quang Sán, một nhà cựu học nhưng lại giỏi văn Nôm, đã ra công sưu tầm phương ngôn tục ngữ lại được thành 100 bài *phú độc vận,* ngắn và gọn, *vần bằng xen lẫn với vần trắc,* tuy không theo hẳn một chủ đề nào, nhưng đọc lên nghe vẫn rõ ràng, hàm súc và nhiều ý nghĩa. Mỗi bài phú thường có từ bảy đến mười câu biền ngẫu, vế trên đối với vế dưới rất chỉnh. Có thể một đôi khi cụ Ngạc Đình đã phải thêm, bớt đôi chút vào mỗi vế cho thích hợp với nhau.

Những bài phú này đã được đăng tải trên báo Nam Phong của học giả Phạm Quỳnh (số 42 xuất bản năm 1920) nhưng không có chú thích và cũng ít người biết đến.

Bây giờ chúng tôi xin vẫn theo trình tự có sẵn của cụ mà sắp xếp lại rồi chú thích qua loa để cống hiến các bạn trẻ một lối chơi chữ, tiểu xảo của người xưa. Sở dĩ chúng tôi mạn phép các bậc thức giả để dài dòng chú thích những

từ, những tục ngữ mà quý vị đã thừa biết, là vì chúng tôi muốn cho các thanh niên sinh ra tại hải ngoại, vốn liếng Việt ngữ chưa được đồi dào như ở quê nhà, có thể hiểu qua về các bài phú này, trong tinh thần tồn cổ. Cụ Ngạc Đình Phạm Quang Sán sinh năm 1877, thi đậu Cử nhân Hán học vào năm Canh Tý (1900) trước làm học quan, sau chuyển sang làm Thương tá ở tỉnh Phú Thọ. Năm 1992, nhân có dịp về thăm một bạn đồng nghiệp cũ là bà Trần Thụy Liên ở Nam Định, tôi đã được bà Trần Thụy Liên giao cho tập bài này với yêu cầu là tìm cách phổ biến ở hải ngoại. Do đó, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu *Một trăm bài phú độc vận* này với quý vị.

Một trăm bài phú độc vận

của Ngạc Đình Phạm Quang Sán sưu tầm và Bảo Vân chú thích

Bài phú thứ nhất vần Tục (trắc)

**Ngẫm câu Phương ngôn*
Ngán thay Thế tục
** Trăm khó, nghìn khôn*
Năm lừa, bảy lọc
** Thi nhau bằng lá gan*
Rình nhau như miếng Mộc
** Bầu leo, dây bí cũng leo*
Húng mọc, tía tô cũng mọc
** Biết mùi, chùi không sạch, thấy bở thì đào*
Quen hơi, lôi chẳng ra, cứ mềm thì đục
** Trắng như bông, đông như mỡ, tốt mã rẻ cùi*
Lành làm gáo, vỡ làm muôi, đứt đuôi con nòng nọc

Chú Thích

Phương ngôn: (còn gọi là phương ngữ) giống như tục ngữ, tức là câu ngắn gọn; thường có vần điệu, đúc kết những kiến thức và kinh nghiệm về cuộc sống của dân chúng. Phương ngôn có thể chỉ có ở từng địa phương hoặc ở mỗi từng lớp xã hội.

Mộc: Vật cầm tay để che đỡ cho gươm giáo khỏi đâm chém trúng mình. Ngày xưa, các chiến sĩ thường dùng mộc (hoặc khiên hay lá chắn) ở chiến trường.

Rẻ cùi: tên một loài chim có lông cánh nhiều màu rất đẹp và tốt mã nên đã có câu *"Rẽ cùi tốt mã kém vàng anh"* vì rẻ cùi tuy tốt mã bề ngoài nhưng lại thích ăn dơ và không hót hay bằng chim vàng anh.

Muôi: (hay môi) đồ dùng để múc canh, giống cái thìa, thường có cán dài và to hơn thìa.

Lành làm gáo, vỡ làm muôi: nếu bị hỏng, không dùng được vào việc này thì sẽ đem dùng vào việc khác.

Bài phú thứ hai vần Mình (bằng)

** Đứt tay hay* thuốc
Có tật, giật mình
** Nối giáo cho giặc*
Đánh đu với tình
** Nước khe đè nước suối*
Nhà ngói giống nhà tranh
** Giùi đánh đục, đục đánh chạm*
Béo chê gầy, gầy chê tanh
** Làm biếng phải thì, đan lỗi hóa ra miếng trám*
Nói khác được thể, buồn ngủ lại gặp chiếu manh
** Xé mắm không được mút tay, trăm cái khôn dồn một cái dại*
Tránh voi chẳng sợ xấu mặt, một câu nhịn là chín câu lành

Chú Thích

Tinh: vật tưởng tượng, sống lâu năm trở thành ma quỷ, yêu quái chuyên hại người.

Chạm: đồ dùng của thợ mộc, nhỏ hơn cái đục, dùng để tạo nên những đường nét hoặc hình khối nghệ thuật trên khối gỗ.

Chiếu manh: mảnh chiếu rách.

Buồn ngủ gặp chiếu manh: gặp may mắn, đúng lúc, đúng dịp đang cần tới.

Xé mắm mút tay: làm nghề gì thì phải được hưởng lợi do nghề nghiệp đó mang lại.

Bài phú thứ ba vần Thế (trắc)

** Đất vua, chùa làng*
Của đời, người thế
** Lọt sàng xuống nia*
Hỏng nồi vơ rế
** Cờ bạc là bác thằng bần*
Nôm na là cha mách qué
** Bới lông tìm vết, trâu buộc ghét trâu ăn*
Lấy thịt đè người, cá lớn nuốt cá bé
** Xương bỏ ra, da bọc lấy, xanh vỏ, đỏ lòng*
Cây muốn lặng, gió chẳng đừng, xảy đàn, tan nghé

Chú thích

Lọt sàng xuống nia: Người này mất, người kia được, vì ở cả trong gia đình, không đi đâu mà thiệt.

Sàng: đồ đan bằng tre, hình tròn, lòng nông, có lỗ nhỏ và thưa, thường dùng để sàng cho gạo sạch thóc, trấu và tấm.

Nia: đồ đan khít bằng tre, hình tròn, lòng

rộng và nông, to hơn cái mẹt nhưng lại bé hơn nong, dùng để phơi, đựng.

Sàng và nia đều là đồ dùng để làm gạo của dân quê ngày xưa. Bây giờ người ta đã có máy để sát thóc, sàng gạo rất mau lẹ ít dùng tới sàng và nia.

Rế: đồ đan bằng mây hoặc tre, dùng để lót nồi niêu cho khỏi bị nóng tay.

Mách qué: quá thô kệch, đáng khinh bỉ.

Xảy đàn, tan nghé: bị chia lìa, tan tác cũng giống như đàn trâu con (nghé) khi cả đàn bị tan rã thì những con nghé bị chia lìa mỗi con một nơi.

Bài phú thứ tư vần Bà (bằng)

** Cơm vua, áo chúa*
Lệnh ông, cồng bà
** Cây non dễ uốn*
Người khôn chóng già
** Hò voi bắn súng sậy*
Cõng rắn, cắn gà nhà
** Chữa được bệnh, không chữa được mệnh*
Lành với Bụt, ai lành với ma
** Xẩm vào, cuội ra, được mùa cau, đau mùa lúa,*
Quít làm cam chịu, tội thằng báo, oan thằng gia
** Con dại, cái mang, dột từ nóc dột xuống*
Môi hở, răng lạnh, dòi trong xương dòi ra
** Xứ Thanh cậy thế, xứ Nghệ cậy thần, giang sơn nào, anh hùng ấy*
Hội Đăm xem bơi, hội Chôi xem rước, đình đám người, mẹ con ta

Chú thích

Lệnh: một loại phèng la (nhạc khí gõ bằng đồng thau hình tròn, tiếng kêu vang và chói tai) dùng để ra lệnh trong các đám rước, đám ma.

Cồng: nhạc khí bằng hợp kim đồng, giống như cái chiêng, nhưng không có nám, dùng để phát ra hiệu lệnh.

Lệnh ông, cồng bà: trong gia đình, quyền người đàn bà có hiệu lực hơn người đàn ông. Câu nói *Lệnh ông không bằng cồng bà* có ý châm biếm.

Sậy: loại thân cỏ, cùng họ với lau với lúa, thân cao, lá dài, thường mọc ở ven bờ nước.

Xẩm: người mù chuyên đi hát rong.

Dòi: dạng ấu trùng của loài ruồi, nhặng.

Đăm, Chôi: tên hai làng ở miền Bắc, hàng năm có mở hội rước kiệu, bơi trải (trải là loại thuyền nhỏ, dài, dùng để bơi thi, thi đua giữa các đoàn trai làng).

Con dại cái mang: con làm lỗi thì cái (tức là mẹ) phải chịu trách nhiệm.

Bài phú thứ năm vần Chợ (trắc)

** Của người phúc ta*
Khôn nhà, dại chợ
** Ba vuông bảy tròn*
Nhất tội, nhì nợ
** Trẻ cậy cha, già cậy con*
Giàu về bạn, sang về vợ
** Một nhà ba con ngọng, con ngô, con khoai*
Năm vợ, bảy nàng hầu, vợ nắm, vợ mớ
** Tối như đêm, dầy như đất, gác kéo ở đầu kim*
Xem bằng mặt, bắt bằng tay, múa rìu qua mắt thợ
** Nồng như vôi, cay như ớt, ghét đào đất đổ đi*
Trơ như đá, vững như đồng, gan sắt trời cũng sợ

Chú thích

Rìu: dụng cụ của thợ mộc để đẽo và chặt, gồm một lưỡi sắc hình thang tra thẳng góc vào cán bằng gỗ.

Múa rìu qua mắt thợ: tỏ ra vụng về kém cỏi trước những người tinh, thông, hiểu, biết hơn mình.

Của người, phúc ta: ban phát hoặc sử dụng tiền bạc của người khác để lấy ơn về cho mình.

Khôn nhà, dại chợ: ở nhà thì tranh khéo tranh khôn, nhưng lúc ra ngoài đối đáp với mọi người, thì lại tỏ ra khờ dại, không khôn ngoan.●

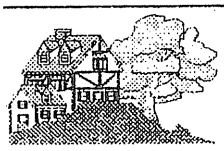
DALAT
LANDSCAPING
Design & Maintenance
Lic. # 699783
P.O. Box 2054 (M27)
Bolsa Avenue
Westminster,CA 92683
Call: Mr. PHƯƠNG
(714) 418-1928

CỔ NGƯ

VĨNH CỬU

Cho anh nhìn suốt thời gian
Có giờ, khắc, phút, giây, có em hiện hữu,
Giấc mộng giữa đêm, nhớ nhung buổi sáng,
Điểm hẹn trong chiều
Trên ghế đá tình yêu,
Có môi hôn, tay nắm, vai ôm choàng âu yếm,
Nụ cười nơi mắt long lanh,
Và công viên chỉ còn hai đứa,
Người biến thành tượng,
Tượng thành cây,
Cây thành gió bay lên,
Còn lũ chim chíu chít xúm lại giành nhau những hạt tình yêu
Em và anh vung vãi,
Hoa nở thành mặt trời
Ấm muà đông,
Cỏ trải thành dòng sông
Êm muà hạ,
Sẽ có những lối mòn để riêng ta khám phá
Dù muôn vạn tình nhân bao kiếp đã bước qua,
Sẽ đến lúc, như mọi ngày, em nói yêu nhiều lắm
Khi dụi đầu vào ngực anh như con mèo nhỏ
tìm chú chuột khù khờ nấp trong trái tim,
Tâm nhĩ trái hay tâm thất phải,
Trái tim nhiều hầm hố, những mê lộ không lối ra,
Chuột cứ lạc đường còn mèo con suốt đời chờ đợi
Một giấc mơ...

Cho anh mở cửa không gian
Có ghềnh, thác, suối, sông, có em tĩnh tọa
Giữa đóa sen hồng,
Áo thơm trắng hiển lan,
Nghìn mắt mở ra cho trăm năm dừng lại
Để từng cánh tay chao nghiêng theo bóng hạc
Mùa gió dậy
Mười phương,
Em bước xuống đường nắng hay đường mưa
Bụi không vướng gót,
Bùn chẳng lấm chân,
Lá hoa ân cần hôn gió lụa
Theo lối đi lồng lộng
Trắng mây bay...
Em sẽ là ngày cho anh quên hư ảo,
Em sẽ là đêm cho anh thắp trăng sao,
Anh là hành tinh, em là vệ tinh,
Chúng ta quay quanh định tinh hạnh phúc
Và suốt đời quay mãi quanh nhau,
Để một tỷ năm sau,
Khi loài người biến mất,
Anh còn đứng nhìn suốt không gian,
Thấy em ngồi tĩnh tọa
Trên toà sen vàng
Giữa thời gian vô tận ...

Paris 30-01-92

BỮA ĂN TRƯA

SOMERSET MAUGHAM
NGUYỄN MẠNH TIẾN chuyển ngữ

Nhìn thấy bà ta vẫy tôi trong buổi diễn kịch, vào lúc nghỉ giải lao tôi đến ngồi cạnh bả. Vì đã lâu không gặp, nếu không có người bạn nhắc tên bả, tôi khó có thể nhớ ra bả là ai. Bả nói với tôi giọng vui vẻ:

"Mình gặp nhau lâu lắm rồi nhỉ. Thời gian qua mau ghê. Bây giờ tụi mình đã già cả rồi. Ông có nhớ lần đầu tiên tôi gặp ông không? Bữa ông mời tôi đi ăn trưa đó?"

Tôi có nhớ không nhỉ?

Dạo ấy tôi đang sống ở Ba-Lê, trên một căn gác nhỏ xíu ở khu La-tinh nhìn ra một cái nghĩa địa, và phải xoay sở chật vật lắm mới đủ sống. Bà ta có đọc một cuốn sách của tôi và viết thư cho tôi về chuyện ấy. Tôi viết thư cảm ơn, rồi sau đó nhận được hồi âm báo tin rằng bả sắp có dịp ghé qua Ba-Lê và muốn được gặp tôi để nói chuyện. Bả không có nhiều thì giờ, và chỉ rảnh vào ngày thứ năm. Buổi sáng thì bả mắc thăm vườn Lục-xâm-bảo, vậy tôi có thể nào hẹn bả cùng ăn bữa trưa ở tiệm Foyot được chăng? Foyot là một tiệm ăn sang trọng nơi các nghị sĩ quốc hội thường đến dùng bữa. Nó quá khả năng của tôi nhiều đến nỗi tôi không bao giờ dám nghĩ tới việc đến ăn ở đấy. Thế nhưng lòng tự ái của tôi được ve vuốt, và tôi còn quá trẻ để biết cách từ chối lời yêu cầu của một người đàn bà. (Phải nói thêm rằng ít có anh đàn ông nào học được cái phép này cho đến khi mấy ảnh quá già và lời nói của mấy ảnh chẳng còn nhắm nhò gì tới mấy chị). Tôi còn tổng cộng 80 đồng phật lăng vàng, đủ sống tới cuối tháng. Một bữa trưa khiêm nhượng không thể tốn quá 15 phật lăng. Nếu chịu khó nhịn cà phê 2 tuần lễ và khéo thu xếp thì cũng ổn.

Tôi viết thư trả lời, hẹn gặp bả tại tiệm Foyot vào lúc 12 giờ rưỡi. Bà ta không trẻ như tôi tưởng, và trông có da có thịt chứ không thể gọi là đẹp. Bả trạc độ tứ tuần (cái lứa tuổi quyến rũ, nhưng không hẳn là khiến người ta mới trông đã say mê chới với), và nhìn bả tôi

có cảm tưởng là bả có nhiều răng quá mức độ cần thiết - những chiếc răng trắng, to và đều. Bà ta nói nhiều, nhưng được cái là bả thường nói về tôi, cho nên tôi cũng sẵn sàng lắng nghe chăm chú.

Tôi giật nẩy mình khi xem thực đơn, vì giá cả cao hơn nhiều so với dự kiến. Thế nhưng tôi cảm thấy yên lòng khi bả tuyên bố:

"Tôi chẳng ăn trưa thức gì bao giờ."

"Ây, xin bà đừng khách sáo thế," tôi trả lời với vẻ hào sảng.

"Tôi không khi nào ăn quá một món. Tôi cho rằng thời buổi này thiên hạ ăn quá nhiều. Có lẽ chút đỉnh cá thôi là đủ. Không hiểu ở đây có cá hồi không nhỉ."

Bấy giờ chưa đến mùa cá hồi và trên thực đơn cũng không thấy món này, tuy nhiên tôi vẫn hỏi hầu bàn xem nhà hàng có hay không. Vâng, họ vừa giao cho nhà hàng một con cá hồi thật ngon, con đầu tiên trong năm nay. Tôi gọi món ấy cho bà khách. Gã hầu bàn hỏi bả xem có muốn dùng món gì khai vị trong khi đợi nhà hàng sửa soạn món cá.

"Không," bà ta trả lời, "tôi chẳng khi nào ăn quá một món hết. Trừ khi cậu có món trứng cá muối. Trứng cá muối thì tôi không từ chối."

Tim tôi hơi thắt lại. Tôi biết rõ mình không có khả năng trả tiền món trứng cá muối, nhưng tôi không đủ can đảm nói với bả điều ấy. Tôi bảo gã hầu bàn cứ việc dọn món này ra. Về phần tôi, tôi lựa món rẻ nhất trong thực đơn là món thịt sườn trừu.

"Tôi nghĩ ông ăn thịt là dại," bà ta khuyên, "Chẳng hiểu sao mà ông làm việc được sau khi ăn một món nặng bụng như món sườn trừu. Theo tôi thì không bao giờ nên ăn nhiều quá như vậy."

Rồi đến màn gọi thức uống.

"Tôi chẳng bao giờ uống gì vào bữa trưa cả," bà ta nói.

"Tôi cũng thế," tôi nhanh nhảu phụ họa.

"Trừ phi có rượu vang trắng," bả tiếp tục như thể không nghe thấy câu tôi nói. "Loại vang trắng của Pháp thật dịu, rất tốt cho bộ tiêu hóa."

"Bà muốn dùng gì?" tôi hỏi, vẫn tỏ vẻ hiếu khách, tuy không mấy gì vồn vã.

Bà ta nở cho tôi một nụ cười thân thiện, khoe hàm răng trắng bóng.

"Bác sĩ cấm tôi không được uống gì ngoại trừ sâm-banh."

Tôi nghĩ lúc ấy mặt tôi hẳn phải tái nhợt. Tôi gọi nửa chai, và nói thác rằng bác sĩ cấm ngặt tôi không được uống sâm-banh.

"Vậy chứ ông uống gì?"

"Nước lạnh."

Bà ta ăn vèo vèo hết bay đĩa trứng cá muối và món cá hồi. Bả vui vẻ nói huyên thuyên về nghệ thuật, văn chương, âm nhạc. Riêng tôi thì chỉ thắc mắc không hiểu hóa đơn tính tiền sẽ lên đến cỡ nào. Khi họ dọn món sườn của tôi ra, bả nghiêm nghị bảo tôi:

"Tôi thấy ông có thói quen ăn bữa trưa quá nặng. Chắc chắn là như vậy không tốt. Tại sao ông không thử theo gương tôi chỉ ăn có một món thôi? Tôi bảo đảm là ông sẽ cảm thấy khỏe người hơn nhiều."

"Tôi chỉ ăn có mỗi một món mà thôi," tôi nói với gã hầu bàn khi hắn trở lại, tay cầm thực đơn.

Bà ta khoát tay bảo gã:

"Không, không, tôi không bao giờ ăn nhiều vào bữa trưa. Chỉ chút đỉnh thôi, tôi chẳng muốn ăn nhiều hơn. Hoặc có ăn thêm tí chút chăng thì chỉ là để lấy cớ nói chuyện nhiều hơn mà thôi. Tôi ăn không nổi nữa, trừ phi có ít măng tây loại lớn. Đến Ba-Lê mà không ăn măng tây thì thật là uổng."

Tim tôi lại một lần nữa chùng xuống. Tôi đã từng thấy loại măng tây này bày bán ở tiệm, giá đắt kinh khủng. Mỗi lần trông thấy chúng là tôi lại thèm nhỏ rãi.

"Bà đây muốn biết nhà hàng có măng tây loại lớn hay không," tôi vừa hỏi bồi vừa vận hết tinh thần cầu sao cho hắn nói là không có. Nở một nụ cười sung sướng trên khuôn mặt phì phị và nghiêm trang như thầy tu, gã hầu bàn thưa rằng nhà hàng quả có măng tây vừa to vừa tươi vừa mềm mà hắn cam đoan là ngon không chê vào đâu được.

"Thú thật tôi chẳng đói tí nào cả," bà khách thở dài, "nhưng nếu ông ép thì tôi cũng ráng ăn thêm một chút măng tây cho vui."

Thế là tôi đành phải kêu món đó.

"Ông không ăn sao?"

"Dạ không, tôi không ăn măng tây bao giờ."

"Tôi biết có nhiều người không thích ăn măng tây. Nhưng riêng ông thì chỉ vì ông ăn nhiều thịt quá nên bị mất khẩu vị."

Trong khi chờ nhà hàng sửa soạn món măng, tôi nghĩ mà sợ cứng người. Lúc này, vấn đề không phải là sau khi trả xong tiền tôi còn lại bao nhiêu để lết đến cuối tháng, mà là liệu có đủ tiền trả bữa ăn này hay không. Thật là xấu hổ đến chết được nếu tôi bị hụt độ mươi

phật lăng và buộc phải hỏi mượn bà khách. Tôi không tài nào làm nổi chuyện ấy. Tôi biết đích xác số tiền mình có, và định tâm rằng trong trường hợp giấy tính tiền cao hơn số đó, tôi sẽ giả vờ thọc tay vào túi, rồi nhảy nhổm lên mà la hoảng rằng có đứa nào móc mất ví tiền. Lẽ dĩ nhiên là nếu bà khách cũng không có đủ tiền trả thì cũng khá quê. Khi đó chỉ còn cách lột đồng hồ để lại nhà hàng, rồi đem tiền đến chuộc sau.

Món măng tây được dọn ra, từng búp to bự mọng nước trông thật ngon lành. Mùi bơ chảy thơm phức xộc vào mơn trớn lỗ mũi của tôi, hệt như cách lỗ mũi của đức Giê-hô-va được mơn trớn bởi mùi trầm hương do dân Xê-mít (*) dâng đốt. Tôi vừa trố mắt dòm mụ đàn bà quá quắt này nhồm nhoàm nhai nuốt vừa lịch lãm luận định về tình trạng của nền kịch nghệ ở các nước vùng Ba-nhĩ-cán (**). Nhẩn nha rồi cuối cùng bả cũng ăn sạch bách.

"Bà dùng cà-phê nhé," tôi hỏi.

"Vâng, chỉ một ly kem với cà-phê thôi," bà ta trả lời.

Đến lúc này thì tôi hết biết, nên ngoài ly kem và cà-phê cho bà, tôi cũng liều gọi cho mình một ly cà-phê.

"Ông biết không, có một điều mà tôi luôn luôn tin là đúng," bả vừa ăn kem vừa nói, "Nghệ thuật ăn là phải làm sao để đến lúc đứng dậy mình vẫn còn cảm thấy hơi đói một chút."

"Bà vẫn còn đói ư?" tôi hỏi giọng yếu xìu.

"Không đâu, tôi no lắm rồi. Như ông rõ đấy, tôi thường không ăn trưa. Cà-phê thì tôi uống một ly buổi sáng và một ly sau bữa chiều, nhưng không bao giờ tôi ăn quá một món vào bữa trưa cả. Nói thế để ông bắt chước làm theo đấy."

"À ra thế!", tôi gật gù.

Thế rồi một chuyện kinh khủng xảy ra. Trong khi chờ dọn cà-phê, trên bản mặt vờ vịt nở toe một nụ cười cầu tài, tên hầu bàn trưởng mang đến bàn chúng tôi một giỏ lớn đầy những trái đào to tướng. Chúng ửng hồng như đôi má nàng thiếu nữ thơ ngây, và mang màu tươi đậm gợi ta nhớ đến phong cảnh đồng quê nước Ý. Nhưng mà giời ạ, giờ nào đã phải là mùa đào? Chỉ có trời biết chúng đắt cỡ nào! Một chặp sau chính tôi cũng được biết vì bà khách của tôi, vừa tiếp tục nói chuyện vừa hững hờ nhón lấy một quả đưa lên miệng.

"Ông thấy không, ông đã ăn đầy một bụng thịt rồi," - khốn nạn, cái miếng thịt còm cõi chỉ nhỏ bằng hai đốt ngón tay của tôi! - "Còn tôi, nhờ chỉ mới ăn qua loa nên mới còn bụng để mà thưởng thức quả đào thơm ngọt này."

Họ đem giấy tính tiền đến. Khi trả tiền, tôi khám phá ra rằng mình chỉ còn lại một số tiền quá nhỏ để puộc-boa xứng đáng cho bồi. Trong một thoáng, cặp mắt bà khách dán chặt vào ba đồng phật lăng tôi để lại, và tôi hiểu ngay rằng bà ta cho tôi là người bủn xỉn. Khi rời nhà hàng, tôi còn cả tháng dài phải sống trước mặt mà không còn lấy một xu dính túi.

"Nhớ theo gương tôi nhé!", bả dặn dò khi chúng tôi bắt tay từ giã, "Chớ bao giờ ăn trưa quá hơn một món."

"Tôi sẽ còn làm hơn thế nữa," chua chát tôi đáp lại, "Tối nay về tôi sẽ nhịn chẳng ăn gì hết."

"Khôi hài thiệt!" bà ta vừa leo lên tắc-xi vừa ré lên vui vẻ, "Ông thiệt là người có óc hài hước!"

Rốt cuộc thì mối thù của tôi cũng đã được trả. Tôi không nghĩ mình là người hay thù vặt, thế nhưng khi có bàn tay Thượng Đế chí công chí minh dính vào, thì xin hãy tha thứ cho tôi nếu tôi có chiêm ngưỡng kết quả công việc làm của ngài với vẻ thỏa mãn. Ngày nay, bà ta cân nặng gần một tạ rưỡi.●

Nguyên tác *"The Luncheon"*
của SOMERSET MAUGHAM
NGUYỄN MẠNH TIẾN chuyển ngữ

CHÚ THÍCH:

(*) Xê-mít: tên gọi chung của những giống dân có tiếng là sùng đạo sống ở vùng Mesopotamia vào cổ thời, gồm những sắc dân Ả Rập, Do Thái, Babylonians, Phoenicians và Assyrians.

(**) Bán đảo Ba-nhĩ-cán (Balkans) gồm các nước Hy Lạp, Nam Tư, Albania, Romania, Bulgaria và một phần của nước Thổ Nhĩ Kỳ.

TIỂU SỬ TÁC GIẢ

Somerset Maugham sanh năm 1874 tại Kent, Anh Quốc và mất năm 1965. Thời trẻ, ông theo học y khoa rồi bỏ học để chuyên chú vào việc viết văn. Ông trước tác rất nhiều tiểu thuyết, truyện ngắn và kịch. Trong thế chiến thứ nhất, ông phục vụ trong ngành phản gián của nước Anh, và dùng những kinh nghiệm thực tế phong phú của mình làm chất liệu sáng tác. Trong số những tác phẩm nổi tiếng của ông, có thể kể các truyện dài *Of Human Bondage, The Razor's Edge, The Moon and Six-pence*... Ông cũng xuất bản ba tuyển tập gồm nhiều truyện ngắn.●

NHỮNG ĐIỂM ĐÁNG GHI NHẬN TRONG KỶ NIỆM 200 NĂM NGÀY ĐỨC MẸ HIỆN RA Ở LA VANG

HÀ TƯỜNG CÁT

Giáo Hội Công Giáo Việt Nam vừa tổ chức thành công mỹ mãn lễ hội mừng kính 200 năm phép lạ La Vang trong ba ngày 13-14-15 tháng 8 năm 1998. Sự kiện này mang nhiều ý nghĩa trọng đại đối với toàm thể cộng đồng Công Giáo và trong hoàn cảnh chính trị hiện nay tại Việt Nam đây là một biến cố mà dư luận quốc tế đã theo dõi ghi nhận với sự chú ý đặc biệt.

Phép lạ La Vang trước kia mới chỉ được hiểu rõ đối với các giáo dân và địa danh này phần nào đã quen thuộc trong quần chúng Việt Nam, nhưng người ngoại quốc kể cả các tín đồ Công Giáo trên thế giới không mấy ai biết đến. Giáo Hội Công Giáo La Mã đã công nhận phép lạ xảy ra ở Fatima - Bồ Đào Nha, Lourdes tại Pháp; còn La Vang là sự tích lâu năm và duy nhất tại châu Á cho đến nay được Tòa Thánh chính thức công nhận.

Trong lịch sử Việt Nam, hơn 200 năm trước là khởi đầu một thời kỳ đàn áp tín ngưỡng, cấm đoán, bách đạo Công Giáo. Để được giữ đức tin và hành đạo, nhiều người đã phải bỏ làng mạc lẩn trốn vào những vùng rừng núi xa xôi hẻo lánh. Dưới triều đại vua Cảnh Thịnh, giữa tháng 8 năm 1798, Đức Mẹ Maria đã hiện xuống tại La Vang, Quảng Trị, an ủi và cứu giúp những giáo dân đang sống ẩn náu qua cơn khốn khó đói khổ bệnh tật.

La Vang trở thành thánh địa thiêng liêng nhất của người Công Giáo Việt Nam và tới đầu thế kỷ này một giáo đường đã được xây dựng tại đây. Sau nhiều lần tái thiết, ngôi nhà thờ khang trang cuối cùng đã được Tòa Thánh phong làm Vương Cung Thánh Đường Đức Mẹ La Vang. Trong chiến cuộc ác liệt năm 1972, vùng Quảng Trị thành bình địa và thánh đường Đức Mẹ La Vang bị hủy hoại gần như hoàn toàn, nhưng điều kỳ diệu là bàn thờ với tượng Đức Mẹ vẫn nguyên vẹn chỉ duy nhất có một vết đạn bắn trúng.

Qua hơn 1/4 thế kỷ, đến bây giờ thánh đường La Vang vẫn trong nguyên trạng là một phế tích chưa được tu sửa. Nhưng chính sự tương phản giữa hình ảnh huy hoàng rực rỡ của ba ngày đại lễ trước ngôi thánh đường đổ nát đó đã là một phản ánh đầy đủ và tiêu biểu rõ nét nhất cho thực trạng sinh hoạt tôn giáo tại Việt Nam ngày nay. Các quan sát viên ngoại quốc ghi nhận mối quan hệ giữa Giáo Hội Công Giáo và nhà cầm quyền Cộng Sản tại Việt Nam là một thế "liên minh không dễ chịu" trong đó cả về hình thức và nội dung có những điểm thỏa hiệp cùng những điểm không thể chấp nhận nhau.

Thực tế đáng kể đầu tiên là chưa từng bao giờ dưới chế độ Cộng Sản, tại Việt Nam cũng như tại các nơi khác, người Công Giáo đã có thể tổ chức một sinh hoạt lớn lao đến tầm mức ấy. Đặc biệt ở đại hội long trọng như vậy trên đất nước một quốc gia, người ta không hề thấy bóng dáng lá quốc kỳ - trong hiện trạng là lá cờ đỏ sao vàng - và tất nhiên không có hình ảnh lãnh tụ Hồ Chí Minh mà người Cộng Sản Việt Nam đã từng tôn sùng và đến nay ít nhất còn cố níu lại làm một thần tượng sụp đổ chưa biết lấy gì thay thế.

Các nhà tổ chức ước lượng số người tham dự ba ngày đại hội lên tới 200,000 và theo nhận xét khiêm nhượng nhất của các phóng viên, con số ấy cũng phải trên 100,000 người. Những nỗ lực của nhà cầm quyền nhằm hạn chế sự tham gia, đối với đồng bào trong nước cũng như đối với Việt Kiều hải ngoại và du khách nước ngoài, đã được đề ra từ nhiều tháng trước. Đấy là một thực tế không thể chối cãi mà bằng chứng là những thông tư, chỉ thị mật cũng như bán công khai cho các cấp và

cơ quan liên hệ, kèm theo nhiều lời nhắc nhở, tuyên bố giải thích bóng gió hoặc tung dư luận cố gây sự nản lòng trong quần chúng.

Cuối cùng khi tất cả những phương cách ấy chỉ có hiệu quả giới hạn thì một cách công khai nhà cầm quyền lại cố chứng tỏ sự vô tư và hợp tác nhằm tránh mọi va chạm có thể đưa tới những phản ứng hay biến chuyển vượt khỏi tầm kiểm soát. Vào giữa mùa hè nóng nực và trong thời gian vùng Quảng Trị đang trải qua nhiều tháng hạn hán, nhà cầm quyền địa phương đã huy động những xe chở nước đến tiếp tế, đổ vào các bồn, bể chứa đặt dọc theo bên đường dẫn đến La Vang cho dân chúng lội bộ hay đi xe có thể sẵn sàng sử dụng thoải mái. Tất cả chương trình sinh hoạt cũng như mọi công tác trong khu vực đại hội đều do ban tổ chức của Giáo Hội đảm trách, hoàn toàn không bị một sự can thiệp nào từ phía nhà cầm quyền.

Ngược lại, phía Giáo Hội Công Giáo cũng quá hiểu rõ bản chất và chủ trương của chế độ nên một mặt không ngần ngại với những yêu sách bất biến về nguyên tắc, mặt khác thỏa hiệp trong những mục tiêu có thể chấp nhận và đồng thời có sự nhượng bộ qua thái độ bày tỏ sự hòa hoãn không tạo nên những vấn đề khó xử cho nhà cầm quyền lúc này.

Tìm một lý lẽ để giải thích sự hợp tác, nhà nước Cộng Sản Việt Nam lên tiếng đề cao vai trò của tôn giáo trong cuộc đấu tranh chống tệ nạn xã hội, đặc biệt là ma túy và mãi dâm. Điều này hoàn toàn phù hợp với những lời rao giảng về nếp sống đạo. Nhưng thực tế không bao giờ là dễ dàng và đơn giản. Các phóng viên ngoại quốc cho biết, bên ngoài khu vực hành lễ là cả một khu chợ với hàng quán bán đồ ăn uống và những gian hàng giải trí kể cả cờ bạc trá hình. Hàng chục ngàn người hành hương tập trung về đây, cắm lều cư ngụ nhiều ngày ngay trên những bãi đất trống, và đêm đêm sẵn sàng vui vẻ tham dự vào những cuộc vui kiểu ngày hội dân gian.

Một nội dung khác mà nhà cầm quyền Việt Nam tán thưởng là bản sắc dân tộc trong sinh hoạt đại hội, trước làn sóng du nhập tư tưởng, văn hóa và nếp sinh hoạt phương tây mà chế độ luôn luôn lo ngại. Sự hòa nhập Công Giáo với truyền thống Việt Nam cũng là một trong những điểm căn bản cho sự thành công của đại hội. Cùng với cờ xí, y phục với màu sắc truyền thống của dân tộc trong cuộc lễ, các giáo dân từ khắp mọi miền đất nước cả người Kinh và người Thượng, các sắc dân thiểu số, đã đem đến cho đại hội một sắc thái đặc biệt Việt Nam.

Với nhận định thực tế là vừa không thể ngăn chặn, vừa không thể công khai tẩy chay mà cũng không muốn đề cao tầm quan trọng, cho nên sự hiện diện của chính quyền rất mờ nhạt. Ban tổ chức theo phép lịch sự vẫn mời các giới chức cơ quan nhà nước tham dự trong lễ khai mạc và bế mạc nhưng chỉ có một số ít viên chức địa phương cấp nhỏ đã đến. Cảnh sát sắc phục duy trì trật tự giao thông làm việc ở ngoài khu vực đại hội, trên quốc lộ 1 và con đường đất bụi mù dài hai dặm đi tới thánh địa La Vang. Người ta ghi nhận không ít những công an, mặc thường phục trà trộn trong số người hành hương, tuy nhiên chỉ làm nhiệm vụ một cách âm thầm và khiêm nhượng, một số ít mang máy quay phim, chụp hình đầy đủ mọi sinh hoạt và mọi người nhưng với sự kín đáo tế nhị, hoàn toàn tránh các hành vi có thể gây bất bình.

Đức Hồng Y Phạm Đình Tụng trong bài giảng ở buổi thánh lễ khai mạc đại hội bày tỏ ý tiếc về việc Đức Giáo Hoàng John Paul II đã không đến dự lễ mừng 200 năm Đức Mẹ La Vang như Ngài đã muốn. Nhà cầm quyền Việt Nam cố tình không đáp ứng sự gợi ý từ phía Tòa Thánh Vatican về một chuyến viếng thăm của Đức Giáo Hoàng. Tuy nhiên trong tất cả những phát biểu của Đức Hồng Y cũng như hàng giáo phẩm khác, hoàn toàn không đề cập đến những điều có thể gây va chạm mâu thuẫn với nhà cầm quyền. Đức Tổng Giám Mục Phạm Minh Mẫn vừa được thụ phong tại giáo phận Sài Gòn, mô tả những gian khó mà các giáo dân Việt Nam đã chịu đựng qua các giai đoạn cấm và giết đạo trong lịch sử. Tuy nhiên hoàn toàn không có một lời lẽ trực tiếp hay gián tiếp nào về chế độ và các nhà cầm quyền đương thời.

Trong sự kiện La Vang vừa qua, một biến cố có tầm mức quốc gia và quốc tế, sự thỏa hiệp giai đoạn giữa Giáo Hội và nhà cầm quyền Cộng Sản đã là một hiện thực. Nhưng liệu thực thể ấy sẽ tồn tại ra sao khi mà CSVN vẫn coi Giáo Hội Công Giáo và các giáo dân như thế lực thù nghịch và sự đàn áp tất cả các tôn giáo vẫn còn là chính sách căn bản của chế độ độc tài độc đảng này. Hơn nữa, trong phạm vi thi hành chủ trương đường lối ở từng địa phương, những mầm mống va chạm xung đột là thực tế vẫn luôn luôn tồn tại.●

QUẬN CAM

Lễ Tưởng Niệm nhà giáo Bảo Vân Bùi Văn Bảo

Lễ Tưởng Niệm nhà giáo Bảo Vân Bùi Văn Bảo, người đã đào tạo nhiều thế hệ học sinh Việt Nam, đã được tổ chức trọng thể tại Phòng Sinh Hoạt Nhật Báo Người Việt vào tối ngày thứ Bẩy 15 tháng 8 năm 1998 với sự tham dự trên 100 người gồm có một số nhà giáo, cơ quan truyền thông, thân hữu, cựu môn sinh và đại diện gia đình.

Giáo sư Nguyễn Đình Cường đã kể sơ lược tiểu sử của cụ Bảo Vân Bùi Văn Bảo. Cụ sinh năm 1917 tại Thôn Trung, làng Trình Phố, tỉnh Thái Bình. Cụ tốt nghiệp Ban Sư Phạm trường Bưởi ở Hà Nội vào năm 1939, đã dậy học liên tục từ năm 1940 cho đến 1972 thì nghỉ hưu. Trong thời gian dậy học, cụ đã nhiều lần đảm nhận chức vụ Hiệu Trưởng, trong đó có trường Tiểu Học Trần Quý Cáp, ở Saigon. Cụ cũng đã từng được Bộ Quốc Gia Giáo Dục Việt Nam Cộng Hò bổ nhiệm chức vụ Trưởng ban Tu Thư của Bộ Giáo Dục để soạn các trương trình giáo dục cho Bộ.

Trong suốt thời gian đi dậy học, nhà giáo Bùi Văn Bảo đã soạn và cho in rất nhiều sách giáo khoa. Chính cụ cũng đã lập nhà xuất bản Nhật Tảo ở Saigon để chuyên in loại sách này. Sách giáo khoa của cụ đã được phổ biến trong học đường ở miền nam Việt Nam và có tầm ảnh hưởng rộng rãi.

Ngoài ra cụ còn là nhà thơ với bút hiệu Bảo Vân. Cụ làm thơ từ lúc còn học năm thứ ba Thànmh Chung. Thơ của cụ rất nhiều thể loại và đặc biệt là thơ trào phúng của cụ được nhiều người ưa thích. Cụ cũng có ra tạp chí Tuổi Xanh dành cho giới trẻ lúc cụ còn đi dậy học. Từ khi sang tỵ nạn Cộng Sản tại Canada, cụ đã soạn nhiều sách dậy Việt văn để cho con cháu ở hải ngoại không quên tiếng mẹ đẻ. Cụ đã cùng với một số hoạ sĩ nổi tiếng hợp soạn một bộ Lịch Sử Việt Nam bằng tranh rất quý để cho giới trẻ Việt Nam ở hải ngoại không quên nguồn cội dân tộc.

Cụ Bảo Vân Bùi Văn Bảo mất ngày 25 tháng Ba năm 1998 tại Toronto, Canada hưởng thọ 82 tuổi.

Giáo sư Hoàng Xuân Hào đã kể lại châm ngôn cuộc sống của cụ Bùi Văn Bảo gồm tám chữ: "Yêu Nước, Thương Nhà, Mến Trẻ, Qúy Bạn" và giáo sư nói nếu tóm gọn lại chỉ còn hai chữ thôi thì cuộc đời của nhà giáo, nhà thơ Bảo Vân Bùi Văn Bảo là một người "Thuỷ Chung."

Trong số những người lên diễn đàn phát biểu ý kiến có một vị đã vái di ảnh của cụ Bảo vân Bùi Văn Bảo và nói rằng ông vái dùm cho một người bạn hiện đang trên Washington D.C. Người bạn này nói rằng ông không có may mắn làm học trò cụ nhưng nhờ cuốn Giải 141 Bài Toán Đố của cụ Bùi Văn Bảo đã giúp cho ông thành công trong cuộc đời này. Ông nói cả 141 Bài Toán Đố của cụ Bảo soạn mà ông còn giải được thì trên đời này không có chuyện gì khó mà ông làm không được cả.

Giáo sư Hoàng Xuân Hào nói chuyện về nhà giáo Bùi Văn Bảo tại Phòng Sinh Hoạt Nhật báo Người Việt ngày 15-7-1998. *(Ảnh Anh Thành)*

Ngoài ra, người cháu ngoại của cụ Bùi Văn Bảo là anh Nguyễn Anh Hoàng sang Canada lúc mới sáu tuổi đi

học và làm việc chung quanh toàn người ngoại quốc nhưng anh đã chịu khó học tiếng Việt với ông ngoại, chẳng những anh nói sõi tiếng Việt mà còn làm thơ bằng tiếng Việt nữa. Anh Nguyễn Anh Hoàng đã làm một bài thơ Khóc Ông Ngoại và cảm động khi đọc lại bài thơ trước cử tọa.

Nhà văn Nguyễn Thạch Kiên giới thiệu cuốn "Kỷ Vật Đầu Tay và Cuối Cùng" của Khái Hưng

Nhà văn Nguyễn Thạch Kiên đã giới thiệu tác phẩm của nhà văn Khái Hưng: Kỷ Vật Đầu Tay và Cuối Cùng tại chùa Liên Hoa vào chiều Chủ nhật ngày 16 tháng Tám năm 1998.

Thượng Tọa Thích Trí Cao, trưởng ban tổ chức buổi ra mắt sách đã giới thiệu nhà văn Khái Hưng như là một con người tiêu biểu dám viết, dám nói và dám hành động để đòi những quyền tự do cho con người lúc bấy giờ. Có lẽ chính vì vậy mà ông đã bị đối phương thủ tiêu. Thượng Tọa cho biết lúc còn là thiếu niên T.T. đã đọc tác phẩm Hồn Bướm Mơ Tiên, một cuốn tiểu thuyết đi giữa Đời và Đạo qua một câu chuyện lý tưởng.

Giáo sư Lưu Trung Khảo giới thiệu tác phẩm Kỷ Vật Đầu Tay Và Cuối Cùng gồm ba tác phẩm của Khái Hưng: Hồn Bướm Mơ Tiên xuất bản lần đầu năm 1933 và hai tác phẩm cuối cùng là Bóng Giai Nhân và Khúc Tiêu Ai Oán (1945-1946) do nhà văn Nguyễn Thạch Kiên đã dầy công sưu tầm cùng với các bài đóng góp của nhiều văn hữu viết về Khái Hưng, đúc kết thành một bộ hai cuốn dầy hơn một ngàn trang.

Đêm thơ nhạc Du Tử Lê

Khoảng hơn 150 khách thưởng ngoạn đã đến đầy phòng hội của VAALA vào tối Chủ Nhật 16 tháng Tám năm 1998 để thưởng thức một chương trình tuyển chọn thơ nhạc của Du Tử Lê.

Giáo sư Nguyễn Đình Cường và Luật Sư Phạm Đào Bạch Tuyết điều khiển chương trình. Hai vị đã giới thiệu Du Tử Lê là một nhà thơ nổi tiếng không những ở trong Cộng Đồng Việt Nam mà tác phẩm của ông đã được giới văn học quốc tế tuyên dương. Thơ của ông đã được dịch sanh Anh, Pháp ngữ và tuyển chọn đăng cùng với những nhà văn nhà thơ nổi tiếng của những nước khác. Nhưng có một điều đáng nói là thơ của anh đã được phổ nhạc rất nhiều. Nhiều nhạc sĩ nổi danh Việt Nam đã phổ thơ Du Tử Lê, có đến cả trăm bài

Thi sĩ Du Tử Lê đang trình bày về thơ lục bát mới của ông trong Đêm Thơ Nhạc Du Tử Lê. *(Ảnh Anh Thành)*

được phổ nhạc từ trước 1975 và cho đến gần đây.

Luật Sư Phạm Đào Bạch Tuyết còn cho biết thơ Du Tử Lê được trích giảng tại một số các trường đại học ở Hoa Kỳ và Luân Đôn. Thơ ông còn được tuyển đọc trong Tháng Văn Hóa Á Châu cùng với thơ của Tagore (Ấn Độ), Bashau, Nhật Bản. Nhưng những thi hào trên đã tạ thế, chỉ có mỗi ông Du Tử Lê là còn tại thế. Ông cũng đã được các trường đại học Hoa Kỳ mời diễn thuyết về thơ...

Luật sư Tuyết đã giới thiệu một tiết mục ngoài chương trình: đại diện Văn Phòng Dân Biểu Liên Bang Jim Moressey lên sân khấu trao bằng tuyên dương nhà thơ Du Tử Lê như là một người đã có công đóng góp thi ca vào kho tàng văn chương Việt Nam.

Tiếp theo, thi sĩ Du Tử Lê đã lên diễn đàn nói về những sáng tạo của ông trong thể thơ lục bát mà ông đã bứt phá không đi theo những vết chân của các thi sĩ trước đây. Ông giải thích những sáng tạo của ông như là một thích ứng với thời đại mà ông đang sống. Ông cũng cho biết những sáng tạo của ông lúc đầu cũng đã gặp nhiều chống đối vì cho rằng ông lập dị. Nhưng dần dần cách viết thơ độc đáo của ông với những dấu chấm (.), dấu phết(,) hay dấu gạch(/) đã được giới thưởng ngoạn

chấp nhận.

Một chương trình nhạc và thơ qua những sáng tác của Du Tử Lê đã được các ca sĩ Anh Dũng, Quốc Việt, Mỹ Thúy, La Sương Sương, Vũ Anh, Song Hằng... với tiếng đàn dương cầm của Lucie Hoàng đã mang đến cho giới thưởng ngoạn một đêm văn nghệ hào hứng. Nhạc sĩ Ngô Mạnh Thu, đại diện cho VAALA nói rằng Hội Văn Học nghệ Thuật Việt Mỹ sẽ tiếp tục tổ chức những đêm sinh hoạt văn nghệ tương tự để thành một nếp sinh hoạt văn học nghệ thuật thường xuyên.

Tiểu thuyết Đoạn Tuyệt của Nhất Linh lên sân khấu kịch

Kịch Đoàn Hải Ngoại vừa trình diễn vở kịch Đoạn Tuyệt phóng tác từ tác phẩm cùng tên của Nhất Linh, do Nguyễn Minh Phương đạo diễn, vào lúc 1 giờ chiều ngày Chủ nhật 16.8.1998 tại hý viện La Mirada thuộc thành phố La Mirada, Nam California.

Hý viện thuộc loại lớn, hai tầng, đầy khán giả. Sân khấu kịch đã hiếm hoi ở hải ngoại, tác phẩm Đoạn Tuyệt nổi tiếng trải qua nhiều thế hệ người Việt Nam, đạo diễn và diễn viên đều là người được đào tạo trong ngành kịch nghệ và thiết tha với sân khấu, đó là những điều kiện làm cho buổi diễn duy nhất của Đoạn Tuyệt tại Nam Cali được đón nhận một cách nồng nhiệt. Vai chính của vở kịch, cô Loan nổi tiếng từ thời Tự Lực Văn Đoàn, do Mai Phương thủ diễn. Mai Phương là diễn viên kiều diễm và tài năng nhất của sân khấu hải ngoại hiện nay, đã đóng trọn vai trò, lột tả tâm trạng đau đớn người tình của Dũng trước ngày lên xe hoa về với Thân, người đàn bà mới chịu ép mình trong cảnh sống cổ lỗ của nhà chồng, người tù nhân với cái án giết chồng trước tòa, cảnh huống nào cô cũng nhập vai một cách chân thành đầy xúc động, làm sụt sùi biết bao khán giả. Đối trọng với Loan là bà Phán Lợi, mẹ chồng của Loan, do diễn viên kỳ cựu Ngọc Nuôi đóng. Đối trọng, vì Loan làm cho người ta thương cảm bao nhiêu thì bà Phán Lợi làm cho người ta ghét bấy nhiêu, Mai Phương làm cho người ta khóc bao nhiêu thì Ngọc Nuôi làm cho người ta cười bấy nhiêu, nàng dâu càng cố gắng ép mình thích ứng với nhà chồng bao nhiêu thì bà mẹ chồng càng độc ác tai ngược bấy nhiêu. Có thể nói hai người đàn bà ấy đã làm nên sân khấu Đoạn Tuyệt, còn tất cả là phụ, tuy là phụ cũng rất cần thiết và có cái hay của nó. Ông thầy cúng (Lê Tín) diễu vui, tiếng cười bể rạp; Phi

Nữ diễn viên Mai Phương

Khanh trong vai nữ luật sư biện hộ cho Loan, một luật sư vừa đẹp vừa tài năng, rất chững chạc và hùng hồn, gặt hái nhiều tràng vỗ tay đồng tình của khán giả. Đoạn Tuyệt đã đem lại cho người xem những giây phút đầy thẩm mỹ trong cảnh sắc cũng như trong xúc cảm. Thuần túy về sân khấu, đây là một vở kịch thành công.

Tuy nhiên khi cải biên Đoạn Tuyệt cho sân khấu, có lẽ người viết kịch bản đã phải đắn đo và trải qua nhiều chọn lựa khó khăn. Đó là việc làm mờ nhạt đi cái bối cảnh lịch sử của tiểu thuyết Đoạn Tuyệt. Kịch Đoạn Tuyệt không phản ảnh chủ đề của Nhất Linh khi viết tiểu thuyết này, là trưng ra sự xung đột giữa cũ và mới trong xã hội Việt Nam vào những thập niên đầu của thế kỷ hai mươi. Sự xung đột ấy, vào thập niên hai mươi, ba mươi là một vấn đề thời sự, vào thập niên chín mươi đã trở thành sự kiện lịch sử từ lâu. Vở kịch không có ý tái tạo lịch sử, mà biến hóa thành một ý nghĩa khác, thành phi lịch sử. Chính hai chữ Đoạn Tuyệt rồi cũng phải chuyên chở một nội dung khác. Nhất Linh muốn đoạn tuyệt với cái cũ của thời ấy, để theo cái mới của thời ấy. Vở kịch thì muốn con người phải biết đoạn tuyệt với tâm trạng nhùng nhằng không dứt khoát để quyết định lấy số phận của mình, tức là biến một chuyện hữu hạn thành một vấn đề

muôn thủa, phi thời gian. Vì phi thời gian, không gian của nó cũng thành vô nghĩa, cái gian nhà của bà Phán Lợi ấy không nhất thiết phải là ở tại Hà Nội cách đây bảy tám mươi năm, anh chàng Dũng có vẻ bí mật ấy không nhất thiết phải hoạt động để chống thực dân Pháp... Tất cả là ước lệ, người xem phải chấp nhận một ước lệ để thưởng thức cho hết vở kịch, để chịu đựng tính cách lơ lửng phi thời gian và không gian mà người cải biên đã cố tình tạo nên cho vở kịch. Một sự chịu đựng khá nặng nề. Đó cũng là cái giá phải trả khi xem những vở kịch được viết từ những tiểu thuyết quá danh tiếng, quá quen thuộc.

LOS ANGELES

Họa sĩ Trịnh Cung triển lãm tại Los Angeles

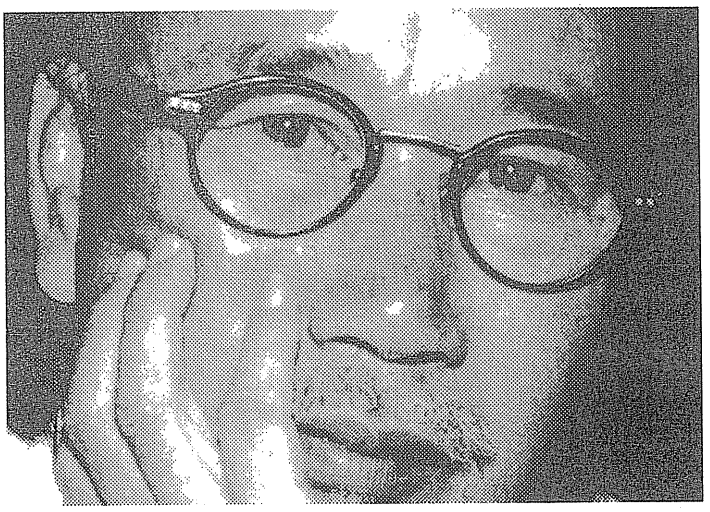

Họa sĩ Trịnh Cung

Họa sĩ Trịnh Cung từ Việt Nam sang sẽ triển lãm tranh của ông tại LA ARTCORE AT UNION CENTER FOR THE ARTS, 120 Judge John Aiso St. (former N.San Pedro), Los Angeles, CA 90012; điện thoại (213) 617-3274, từ ngày 4 đến 30 tháng Chín 1998.

Trong dịp sang Mỹ tháng Bảy năm ngoái, họa sĩ Trịnh Cung có gặp bà Lydia Takeshita, giám đốc điều hành hệ thống LA ARTCORE Gallery thuộc thành phố Los Angeles, và bà đã lập chương trình một cuộc triển lãm cá nhân cho Trịnh Cung vào tháng Chín 1998 tại một trong các gallery của LA Artcore Center. Về chuyến đi Mỹ để triển lãm tranh lần thứ hai này, họa sĩ Trịnh Cung cho biết:

"Tháng Hai 1998, ở Việt Nam tôi nhận được hồ sơ báo trước về việc tổ chức cuộc triển lãm của tôi sẽ diễn ra như chương trình đã hoạch định, nhưng ở nhà đang "tang gia bối rối" tôi không còn thiết tha với việc triển lãm, nên tôi không chuẩn bị gì cả và không trả lời xác nhận. Tôi nghĩ cuộc triển lãm sẽ bị hủy bỏ, thế nhưng vào tháng Sáu tôi lại nhận được thư mời của LA Artcore do bà Lydia ký. Tôi lên đường sang Mỹ ngày 9 tháng Bảy 1998, trong tay không có gì ngoài bảy tuần lễ để vẽ. Chưa bao giờ tôi tự đặt mình trong một hoàn cảnh gay go đến như thế. Bằng mọi nỗ lực, tôi làm việc ngay. Cũng may nhờ khí hậu dễ chịu và phương tiện đầy đủ, tôi đã làm việc có hiệu quả. Cộng với một ít bức tranh vẽ năm 1997, số tranh đang sáng tác của tôi sẽ đủ cho cuộc triển lãm. Phòng tranh mang tên "Ân huệ từ những cái bóng" sẽ ra mắt công chúng Hoa Kỳ và Việt Nam tại LA Artcore Center Gallery, một gallery đẹp nằm ngay trung tâm thành phố Los Angeles."

Đây là phòng tranh cá nhân giới thiệu một phong cách trừu tượng mà nhà phê bình người Mỹ Norma Jean Squires đã nhận xét: "Tranh Trịnh Cung đang đi vào một lối trừu tượng đẹp nhưng cũng đầy thách thức. Đây không phải là loại trừu tượng của người theo chủ nghĩa biểu hiện (expressionist), mà được sáng tạo một cách cẩn trọng và tự chủ." Phòng triển lãm này cũng là dịp kỷ niệm 35 năm hoạt động hội họa của Trịnh Cung.

Cuộc triển lãm sẽ kéo dài từ ngày 4 đến ngày 30 tháng Chín 1998. Tiếp tân gặp gỡ sẽ được tổ chức vào ngày 13 tháng Chín. Giờ mở cửa hàng ngày: từ Thứ Tư đến Chủ nhật, 12 giờ đến 5 giờ chiều. Riêng ngày Thứ Năm từ 12 giờ đến 8 giờ tối.

CANADA

Tin buồn trong tháng Tám

Tin từ Canada cho biết một số văn hữu đã qua đời tại đây trong tháng Tám:

- Nhà văn Nguyễn Văn Ba, mất tại Saskatoon
- Học giả Trần Trọng San, qua đời tại Toronto ngày 17 tháng Tám 1998
- Nhà thơ Vũ Kiện qua đời tại Québec City ngày 17 tháng Tám 1998.

Đây là những cái tang gây mất mát cho văn giới, học giới của chúng ta.

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Thiền Sư Tăng Hội

biên khảo của **Nhất Hạnh**, An Tiêm xuất bản, Văn Nghệ phát hành, 201 trang, giá US$12.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2301 Westminster, CA 92683, USA. Tel: (714) 527-5761.

Cuốn *Thiền Sư Tăng Hội* cho chúng ta biết rằng Phật giáo từ Ấn Độ đã truyền sang Việt Nam trước, rồi từ đây mới truyền ngược lên phía Bắc vào Trung Hoa. Từ thế kỷ thứ I trước Công nguyên các thuyền buôn Ấn Độ đã ghé bến Giao Châu để buôn bán, và các nhà sư Ấn Độ đã đến truyền giáo tại đây, trung tâm Phật giáo lớn ở Giao Châu lúc bấy giờ là Luy Lâu. Thân phụ của Thiền sư Tăng Hội là người Ấn Độ sang buôn bán tại Giao Chỉ, mẹ của Thiền sư là người Việt, ông sinh ra vào đầu thế kỷ thứ ba, xuất gia tu tại Luy Lâu, và được coi như là sơ tổ của Thiền tông Việt Nam.

Năm 247 (vào thời Tam Quốc bên Tàu) thiền sư Tăng Hội đến Kiến Nghiệp thuộc Đông Ngô, và giảng dạy Thiền học tại đây. Có hai bài do chính Thiền sư viết còn truyền đến ngày nay là An Ban Thủ Ý và Phương Pháp Đạt Thiền. Phần giảng "Thiền học của Thiền sư Tăng Hội" mà tác giả Nhất Hạnh viết trong sách là dựa vào các tài liệu này. Ngoài phần giảng còn phần tài liệu giá trị: bản dịch hai bài An Ban Thủ Ý và Phương Pháp Đạt Thiền và một số bài khác như Thiền Sư Tăng Hội (Cao Tăng Truyện), bài tựa sách Mâu Tử Lý Hoặc Luận (Hoằng Minh Tập)...

Sự nghiệp của thiền sư Tăng Hội rất lớn. Nhờ vào những trước tác của thiền sư, ta biết được hành tướng của sự thực tập thiền tại Việt Nam cách đây gần hai mươi thế kỷ. Cuốn *Thiền Sư Tăng Hội*, với lời giảng giải rất đơn giản và trong sáng, đã trình bày được những nét chính về hành trạng và tư tưởng của thiền sư Tăng Hội mà Phật tử Việt Nam thờ phụng như là vị sơ tổ của thiền học Việt Nam.

Nói Thầm Với Đá

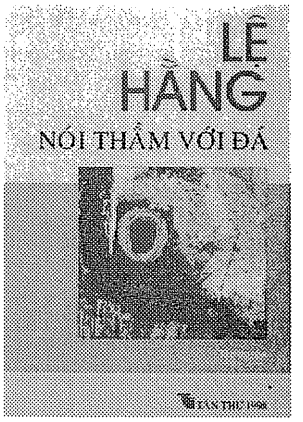

tập truyện của **Lệ Hằng**, Tân Thư xuất bản, 177 trang, giá US$10.00, ngoài nước Mỹ $12.00. Không ghi địa chỉ liên lạc.

Sách gồm chín truyện, trong đó "truyện" đầu tiên, Mea Culpa, viết về Mai Thảo, truyện cuối, Lòng Nhân Ái Muộn màng, về Nguyễn Tất Nhiên, còn lại là các truyện ngắn bình thường. Hầu hết là truyện tình. Hai truyện có bối cảnh thành phố Huế của Việt Nam có lẽ thời thập niên 60, cho độc giả cái không khí nên thơ của tình yêu học trò và cái cảm giác gần gụi và chân thật của quá khứ, mặc dù đó là mối tình một chiều tuyệt vọng: con chiên yêu linh mục. Các truyện khác có bối cảnh ngoại quốc, dù là nhân vật Việt Nam, cũng đều ở trong những tình huống lạ, có khi rất lạ đến độ quái dị. Hình như dưới mắt tác giả, người Việt đi tị nạn ở nước ngoài, ít ra trong thời điểm hiện tại, đều trở thành ít nhiều không bình thường. Sống với não trạng cũ trong khi vẫn ráo riết chạy theo cuộc đời vật chất mới là những nét làm cho tác giả khó chịu. *Chúng ta cũng không lương thiện với chính mình nữa, chúng ta hối hả hấp thụ văn minh người, hối hả làm lụng như trâu bò để mong nhà đẹp xe sang (...) chúng ta quên phắt mình là ai, từ đâu đến...*

Sự cường điệu đôi khi cần thiết cho một nhà văn, khi muốn nhấn mạnh điều mình cần nói. Các quan điểm về văn nghệ và về đời sống

tinh thần của cộng đồng người Việt đã được tác giả mổ xẻ khá mạnh tay qua các bài viết về Mai Thảo và Nguyễn Tất Nhiên, nhất là trong bài về Nguyễn Tất Nhiên mà tác giả đã hư cấu nên một buổi gặp gỡ giữa mình với bóng ma nhà thơ sau khi ông đã tự tử. Cả hai người trong truyện, nhân danh người làm văn nghệ, đều có nhiều điều bất mãn với cộng đồng quanh mình, nhưng một người tìm cách thoát đi bằng cái chết, một người *bằng lòng uống cạn chén đắng của tôi, tới cùng.*

Tuy không hẳn là viết với một chủ đề, hình như truyện nào tác giả cũng muốn nêu lên một vấn đề, một trạng thái nào đấy của người Việt Nam. Các điều ấy, trong những truyện hư cấu thì được cảm nhận một cách mờ nhạt, ngược lại, rất rõ rệt, cụ thể khi tác giả mượn đối thoại với các tác giả khác để nói lên các cảm nghiệm của mình.

Miền Thơ Ấu

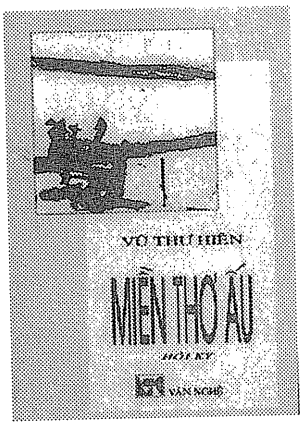

hồi ký của **Vũ Thư Hiên**, Văn Nghệ xuất bản, 258 trang, giá US$13.00, ngoài nước Mỹ $15.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2301 Westminster, CA 93683, USA. Tel: (714) 527-5761.

Có thể gọi là hồi ký, cũng có thể gọi là truyện, vì kỹ thuật viết ở đây đạt đến mức độ rất tinh vi của nghệ thuật tiểu thuyết. Tất cả vẫn rất thật, không ai nghi ngờ đây không phải là một đoạn đời tác giả thời thơ ấu, nhưng được kể "hay" quá, tinh tế duyên dáng quá, đến độ người đọc tự nâng sự thưởng ngoạn của mình lên hàng tiểu thuyết lúc nào không hay. Đọc hồi ký thường là để "biết," không trông mong được "thưởng thức," nhưng *Miền Thơ Ấu* đã làm người đọc say mê và cảm phục. Tác giả đã viết rằng: *"Tôi cho rằng có thể chép cuộc đời vào sách và tạo ra cho nó một dáng vẻ nghệ thuật, nếu ta học được cách nhìn đời theo cách nghệ thuật,"* và ông đã hoàn toàn thành công trong quan niệm ấy.

Vũ Thư Hiên bắt đầu viết cuốn *Miền Thơ Ấu* ở trong tù (ông bị Hà Nội bắt năm 1967 và giam chín năm không xét xử), dĩ nhiên viết lén lút, trên giấy bao thuốc lá, giấy gói kẹo... và tìm cách chuyển dần về cho gia đình trong những lần thăm nuôi. Khi tác giả ra tù vào năm 1976 thì ở gia đình đã có một tập bản thảo đánh máy hoàn chỉnh cất để... làm tài liệu. Mãi đến 1988 *Miền Thơ Ấu* mới được in lần đầu ở Sài Gòn, và năm sau, mặc dầu nhà xuất bản cũng như tác giả không dự thi, cuốn sách vẫn được hội Nhà Văn Việt Nam trao giải nhất sách dành cho thiếu nhi.

Ngoài tính cách hồi ký, có thể coi đây là một cuốn tiểu thuyết phong tục. Một làng theo Thiên Chúa giáo "toàn tòng" (100%) ở vùng Bùi Chu, cách đây hơn nửa thế kỷ, làm ăn sinh hoạt ra sao? Nó có những sắc thái nào khiến không thể nào đồng hóa nó với một làng Việt Nam truyền thống? Và ngược lại, những nét cổ truyền nào từ ngàn xưa vẫn được lưu giữ nơi đây, mặc dù một không khí thần quyền rất khác lạ với cái truyền thống đã ngự trị hoàn toàn trong đời sống tinh thần người dân? Người đọc sẽ gặp nhiều bức tranh, nhiều hoạt cảnh đáng giá về đời sống gia đình, làng xóm, giòng tộc, tôn giáo... được ghi lại, vừa rất nghệ thuật vừa độc đáo về mặt tài liệu, mà từ nay có lẽ khó có ai có thể tái tạo lại được.

Do giá trị nhiều mặt của nó, *Miền Thơ Ấu* chắc chắn sẽ có một chỗ đứng được kính nể trong văn học Việt Nam. Rất nhiều đoạn trong đó đáng được trích để giảng dạy cho học sinh.

Những Giọt Mưa Trên Giàn Bông Giấy

truyện dài của **Nguyễn Hùng Vũ**, Văn nghệ xuất bản, 370 trang, giá US$14.00, ngoài nước Mỹ $17.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2301 Westminster, CA 92683, USA.

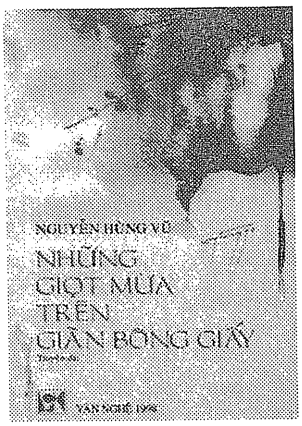

Nguyễn Hùng Vũ đến Hoa Kỳ năm 1975 lúc 22 tuổi, mang theo với mình bao nhiêu hình ảnh cuộc sống tại quê hương giữa lúc sự cảm nhận đang ở giai đoạn bén nhạy, tinh tế và trong sáng nhất. Vài năm sau đó Vũ đã ngồi tái hiện mảng cuộc sống tình cảm của những người trẻ tuổi tại Sài Gòn từ đầu thập niên 70, trong đó có lẽ có chính tác giả, bạn bè, người thân của tác giả, cộng với các hư cấu do

lòng thương nhớ vẽ vời thêm. Cuốn sách viết xong năm 1980, còn mang đầy hơi hướng của cuộc sống Sài Gòn. Thời gian ấy những người ở lại trong nước dù ở lứa tuổi nào cũng không ai nghĩ đến chuyện ngồi xuống để... viết chuyện tình; người đi tản ra nước ngoài cũng lao đao lận đận lo thích ứng với đời sống mới. Có thể vào cuối thập niên 70, Nguyễn Hùng Vũ là người duy nhất thực hiện một cuốn tiểu thuyết với khung cảnh Sài Gòn mà mình mới rời bỏ, với các chất liệu còn tươi nguyên trong tâm hồn. Đó là sự độc đáo của cuốn tiểu thuyết tình cảm này. Nó mang toàn vẹn hương vị tuổi trẻ Sài Gòn những năm trước 75, như một chứng tích. Nhiều người bắt gặp mình trong đó. Lớp người thuộc lứa tuổi hai mươi vào thời điểm 75 có một điều thiệt thòi là không có một nền văn chương cho họ, của họ, ghi lại những nét thơ mộng của đời họ, dù là ngắn ngủi, trước khi cơn đại họa 1975 ập tới. Nguyễn Hùng Vũ cũng thuộc lứa tuổi trẻ gãy đổ ấy, và giữa nỗi cô đơn nơi đất lạ, đã tiếp tục tuổi thanh xuân của mình bằng cách âm thầm dựng lại một lớp người bị quên lãng, với tình yêu và cuộc sống của họ.

Những giọt mưa trên giàn bông giấy sau khi hoàn tất đã nằm yên trong bóng tối suốt hơn 15 năm. Đó là điều đáng tiếc. Nhưng dù sao nó cũng đã xuất hiện trước khi thế kỷ này chấm dứt, như một tác phẩm văn chương, đồng thời cũng như một hoài niệm cho một lớp người có thời tuổi trẻ có vẻ như bị "đứt ngang" do một biến cố lớn lao và bất ngờ của đất nước.

Những Cuộc Đảo Chánh Cung Đình Việt Nam

biên khảo của **Trần Gia Phụng**, Non Nước xuất bản, 346 trang, giá $15.00. Liên lạc: Trần Gia Phụng, 69 Mac Farland Ave. Toronto, Ont. M6H 3M9 Canada.

Đảo chánh là cướp chính quyền, thường là bằng bạo lực, từ đó sự cai trị đất nước được chuyển giao từ giòng họ này sang giòng họ khác, từ thế lực này sang thế lực kia. Mấy chữ "cướp chính quyền" tự nó lên tính chất bất hợp pháp của hành động, nhưng chỉ trừ những quốc gia theo chế độ dân chủ như hiện nay việc bàn giao chính quyền là do kết quả của bầu phiếu, còn trong chế độ phong kiến hoặc các dạng độc tài khác thì chính quyền mới chỉ thành hình được sau khi diệt xong chính quyền cũ. Đó hầu như là một quy luật không tránh khỏi.

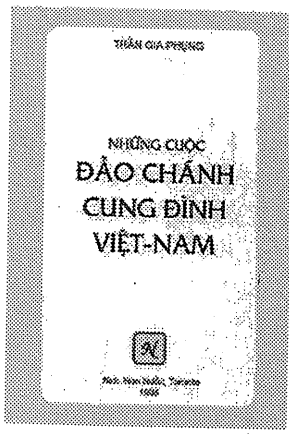

Từ cuộc đảo chánh đầu tiên của Khúc Thừa Dụ thế kỷ thứ chín cho đến các âm mưu của Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết thời Tự Đức thế kỷ 19, tác giả đã điểm qua các cuộc tranh đoạt suốt trong mười thế kỷ lịch sử tự chủ của Việt Nam. Động lực của những âm mưu đảo chánh rất phức tạp, khi vì nghĩa lớn, khi chỉ là tranh giành quyền lực nhỏ nhen, nhưng cùng có một tính chất chung là tàn bạo, vì đó hầu như là phương cách duy nhất để chiếm quyền. Tác giả cố gắng dùng tài liệu để dựng lên bối cảnh cũ hầu hiểu tâm trạng cùng động lực của những người trong cuộc, chứ không khen chê theo một định kiến có sẵn. Mỗi cuộc đảo chánh là một bài học lịch sử rút ra cho đời sau, và bài học lớn nhất có tính chất chung nhất là muốn tránh những thảm kịch đã xảy ra rất nhiều lần trong quá khứ, xã hội phải được điều hành một cách dân chủ. Khi có một cơ chế để toàn dân có thể tham dự vào việc điều hành đất nước thì cách thay đổi chính quyền bằng đảo chánh sẽ không còn cần thiết nữa, và các tai họa do bạo lực đem lại trong việc cướp chính quyền sẽ không còn. Những tấn kịch đảo chánh cung đình trong quá khứ mà tác giả Trần Gia Phụng cố gắng dựng lại một cách khách quan trong cuốn sách này sẽ giúp người đọc cảm thấy thấm thía nhu cầu dân chủ hóa đất nước trong thời đại ngày nay.

Cõi Thơ

thơ của **Khánh Hà**, Làng Văn xuất bản, 134 trang, giá US$10.00. Liên lạc: Nguyễn Thị Khánh Hà, Midtskogveien 7a, n-2020 Skedsmokorset, Norway.

Ta sẽ gặp nhiều từ ngữ hầu như đã đi vào kho sáo ngữ của thơ văn Việt Nam: *tuyết, khói sương, sơn khê, làng xưa, thiên cổ*... Nhưng thơ Khánh Hà lại không sáo, đó là những bài thơ có lực, dù đề tài và cả từ ngữ ít có gì mới. Cái mới là ở chỗ này: tuyết đây là tuyết thực, sương khói đây là sương khói thực, của xứ Na Uy lạnh lẽo tận Bắc Âu

có những chiều đông gió lạnh về

tuyết vờn bay trắng nẻo sơn khê
đất trời vạn vật chìm đâu mất
một giải không gian trắng não nề

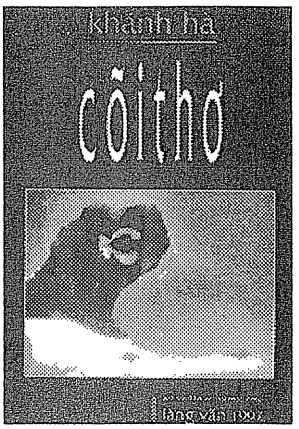

Đâu phải là thứ tuyết sương vờ của một người cả đời ở xứ nhiệt đới bắt chước theo lối mòn của thơ văn người đi trước? Ta sẽ bắt gặp cái lạnh lẽo của một người con của vùng sông Tiền sông Hậu bỗng dưng phải xa quê, vào ở giữa xứ tuyết, cái lạnh rất thật, rất tê tái của một nỗi lòng vời trông *đâu rồi màu nắng ấm quê ta?* Lòng nhớ quê là một đề tài được trang trải nhiều nhất trong thơ của người đi tị nạn, và Khánh Hà có những vần thơ vào loại hay nhất trong thể tài này. Nỗi nhớ quê thật đến độ như một ám ảnh, nhớ suốt bốn mùa, nhớ trong mọi thời tiết

ở đây đâu phải quê nhà
tiếng chim hót cũng nghe ra ngậm ngùi
quanh năm nào có gì vui
xuân hay hạ cũng phận người lưu vong

Nhưng đó là sự lưu vong tự chọn. Thiết tha với quê hương là thế mà phải đành bỏ mà đi, chỉ để tìm nơi có tình của con người. Thơ của Khánh Hà lời lẽ có khi hoa mỹ, có khi thật thà, nhưng luôn luôn toát ra sự đáng tin cậy.

Người đã vớt tôi lên
cho tôi đủ mọi điều cần có
...
nhưng mà trên tất cả
người đã cho tôi biết
một điều có thật
là tình thương giữa con người
điều mà nơi tôi vừa từ bỏ
người ta đánh mất

Một tiếng thơ thành thật bi thống của một người tị nạn như Khánh Hà cần thiết và gần gũi với chúng ta hơn những lời la lối ồn ào biết bao!

Kỷ Vật Đầu Tay Và Cuối Cùng (tập I)

sách in lại tác phẩm của **Khái Hưng** và những bài viết tưởng niệm Khái Hưng của nhiều tác giả, do Nguyễn Thạch Kiên thực hiện, Phượng Hoàng xuất bản, 545 trang, giá US$40.00. Liên lạc: Nguyễn Thạch Kiên, P.O. Box 2311 Westminster, CA 92684, USA.

Tập I gồm truyện Hồn Bướm Mơ Tiên và 29 bài viết của 29 tác giả về cuộc đời và tác phẩm của Khái Hưng. Có thể gọi tập này là *Kỷ Vật Đầu Tay*, vì Hồn Bướm Mơ Tiên là tác phẩm đầu tay của Khái Hưng, còn tập II (sẽ xuất bản) sẽ là *Kỷ Vật Cuối Cùng* vì đăng hai tác phẩm sau cùng của Khái Hưng viết năm 1946.

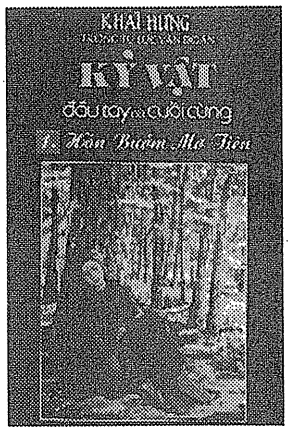

Hồn Bướm Mơ Tiên có một chỗ đứng đặc biệt trong văn học Việt Nam. Xuất hiện lần đầu tiên năm 1933, đây là tác phẩm đầu tay của Khái Hưng mà cũng là tác phẩm đầu tiên của Tự Lực Văn Đoàn được xuất bản. Vai trò của Tự Lực Văn Đoàn lớn lao như thế nào trong lịch sử văn học Việt Nam thì vai trò của tác phẩm đầu tiên của nó cũng hệ trọng không kém. Hơn 60 năm qua, Hồn Bướm Mơ Tiên đã được đọc qua không biết bao nhiêu thế hệ người, đã được chọn giảng dạy trong chương trình Việt văn trong trường học Việt Nam, và vẫn tiếp tục làm say mê các thế hệ độc giả hiện tại, xứng đáng vai trò là tác phẩm tiên phong của một trào lưu đổi mới văn học lớn lao.

Số bài viết về Khái Hưng rất phong phú, của những tác giả như Nguyễn Tường Bách, Thái Văn Kiểm, Lý Thái Như, Vũ Đình Trác, Nguyễn Thị Vinh, Đặng Trần Huân, Tạ Tỵ, Nguyễn Sĩ Tế v.v... Mỗi người nhìn một góc cạnh, về cuộc đời, về giai đoạn lịch sử, về việc hoạt động cách mạng và hoạt động văn học, về các tác phẩm của nhà văn Khái Hưng. Tất cả các bài viết đa dạng này không những soi sáng riêng về thân thế sự nghiệp của tác giả Hồn Bướm Mơ Tiên mà còn góp phần soi sáng cả một giai đoạn lịch sử đầy biến động và cũng đầy đau thương của lịch sử Việt Nam. Thế kỷ hai mươi sắp chấm dứt, việc tưởng niệm nhà văn Khái Hưng bằng một tuyển tập như thế này càng cho thấy vóc dáng to lớn của ông trong hoạt động văn học của thế kỷ, mà cái bóng của vóc dáng đó còn đổ dài đến những năm tháng này, khi sắp bước qua ngưỡng cửa của năm 2000.

Nhà Sách HỒNG BÀNG

2471 Alvin Avenue
San Jose, California 95121
Tel: (408) 270 0865
Fax: (408) 238 0106
Email: HongBangBo@aol.com

Cơ Sở Xuất Bản Và Phát Hành Sách Báo Lớn Nhất Miền Bắc California

- BÍ ẨN VỀ TIỀN KIẾP HẬU KIẾP, *Đoàn Văn Thông*, 520 trang, $16.00
- CƠ SỞ MẬT GIÁO TÂY TẠNG, *Trần Ngọc Anh*, 390 trang, $16.00
- CUỘC CHIẾN BÍ MẬT LỰC LƯỢNG BÍ MẬT, 320 trang, $20.00
- GÁI LƯU VONG, truyện dài, *Nguyễn Thụy Minh Ngữ*, 200 trang, $12.00
- GÁI TRAI TRƯỚC NGƯỠNG CỬA HÔN NHÂN, *Nguyễn Ngọc Bảy*, 200 trang, $12.00
- GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM 50 NĂM XÂY DỰNG, 530 trang, bìa cứng, $40.00
- GIÓ SÔNG HỒNG, tuyển tập truyện ngắn, *Linh Linh Ngọc*, 200 trang, $10.00
- HÁT RU BA MIỀN, *Lệ Vân*, 240 trang, $12.00
- HỒ SƠ MẬT TÂN ĐỨC QUỐC XÃ, *Nguyễn Hoàng*, 330 trang, $14.00
- HỒI KÝ CỰU ĐẠI TƯỚNG WILLIAM C. WESTMORELAND, *Duy Nguyên*, 630 trang, $18.00
- HƯỚNG DẪN CẤP TỐC VỀ ELECTRONICS ASSEMBLY, *Phạm Việt Hoàng*, 65 trang, $9.00
- LÀM THẾ NÀO ĐỂ BIẾT ĐỜI NGƯỜI ĐÀN BÀ, *Đoàn Văn Thông*, 200 trang, $14.00
- LUÂN HỒI, *Võ Văn Dật*, 215 trang, $12.00
- MAFIA TỔ CHỨC TỘI ÁC, *Vũ Quân*, 180 trang, $14.00
- MIỀN BẢY NÚI, tập truyện, *Nhật Giải*, 120 trang, $8.00
- MỘT CẢNH HAI QUÊ, tập truyện, *Nguyễn Tấn Hưng*, 205 trang, $12.00
- ĐẤT VIỆT NGƯỜI VIỆT (Vietnam and Vietnamese), song ngữ Anh Việt, *Le Van Doan*, $15.00
- NGƯỜI ĐÀN BÀ MANG THAI TRÊN BIỂN ĐÔNG, tập truyện, *Nguyễn Thiếu Nhẫn*, 210 trang, $12.00
- NHƯ ẢO NHƯ THỰC, truyện dài, *Thái Chinh Lưu Kim Loan*, 560 trang, $20.00
- NHỮNG BỨC TƯỜNG BIẾT NÓI (Talking Walls), song ngữ Anh Việt, *Nhu Xuan Nguyen*, $20.00
- NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG JOHN F KENNEDY, 215 trang, $12.00
- NHỮNG NGƯỜI CÓ NĂNG LỰC SIÊU PHÀM, *Đoàn Văn Thông*, 304 trang, $16.00
- NHỮNG ĐIỀU HUYỀN DIỆU CỦA KIM CANG THỪA, *Phương Dung*, 480 trang, $22.00
- ĐOẢN VĂN XA NƯỚC, *Vũ Khắc Khoan*, 200 trang, $10.00
- NỮ TƯỚNG, *Vũ Thị Hảo*, 160 trang, $8.00
- NOSTRADAMUS VÀ NHỮNG TIÊN ĐOÁN HẬU BÁN THẾ KỶ 20, 215 trang, $14.00
- THE BALLAD OF MULAN (Bài Ca Mộc Lan), truyện tranh thiếu nhi song ngữ Anh Việt, *Song Nan Zhang*, $17.00
- THE BEST OF VIETNAMESE & THAI COOKING, sách gia chánh Anh Ngữ, *Mai Phạm*, 275 trang, $19.00
- VĂN ĐEN VÀ CÁC TÁC PHẨM HỘI HỌA, *Hoàng Phúc Kế*, 160 trang, bìa cứng song ngữ Anh Việt màu, $40.00

Quý vị cư ngụ tại Hoa Kỳ xin gửi chi phiếu hay money order kèm theo thư mua hàng, chúng tôi chịu tiền cước phí. Quý vị cư ngụ ngoài Hoa Kỳ xin gửi International Money Order cộng thêm 10% tổng số tiền hàng để trả cước phí.

KT FURNITURE
2775 W. LINCOLN AVE., ANAHEIM
(Góc Lincoln & Dale)
(714) 821-4989

EXPO FURNITURE
149 E. ORANGETHORPE AVE., ANAHEIM
(Góc Orangethorpe & Lemon)
(714) 871-1817

Bộ Giường ngủ Italy

Bàn ghế phòng ăn, Tủ chưng

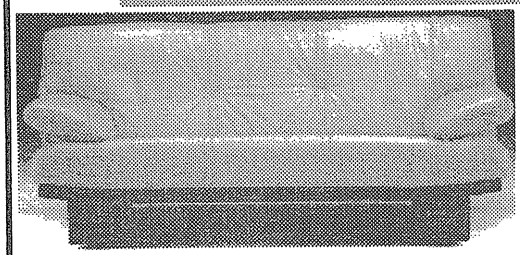

Bộ Sofa - Italy

Show Room rộng 15,000 sqft cung cấp đủ loại FURNITURE sang trọng với giá phải chăng

*** NHẬN LAYAWAY * FINANCING DỄ DÀNG**
*** MASTER CARD * VISA**

Viễn đông

Thuần Túy Món Bắc

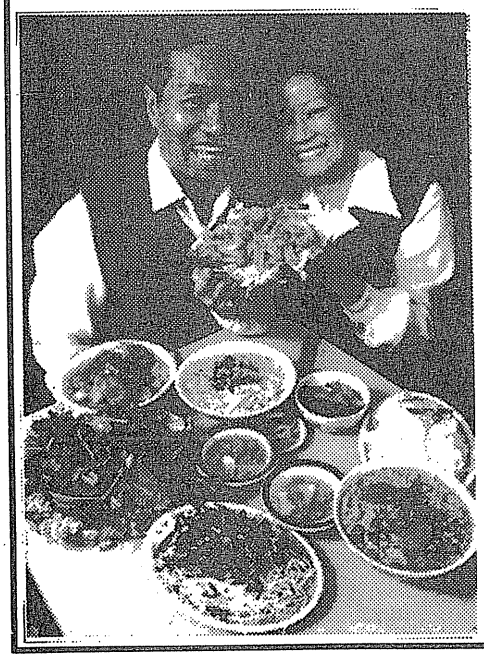

Người Việt từ khắp nước Mỹ, từ khắp thế giới về thăm Little Saigon, muốn thưởng thức các món ăn quốc hồn quốc túy, xin mời đến

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster, Garden Grove, CA 92844
(714) 539-4614

Giờ mở cửa: 9 AM - 9 PM
Nghỉ ngày thứ Ba

CHÚNG TÔI CÓ BÁN CƠM PHẦN GIA ĐÌNH

Ăn Chơi Ngon Hơn Ăn Thiệt

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

Bolsa Medical Center

Bolsa Medical Group

Thuộc nhóm Y Tế AMVI Medical Group

10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683
Tel: (714) 531-2091
Fax: (714) 531-7926

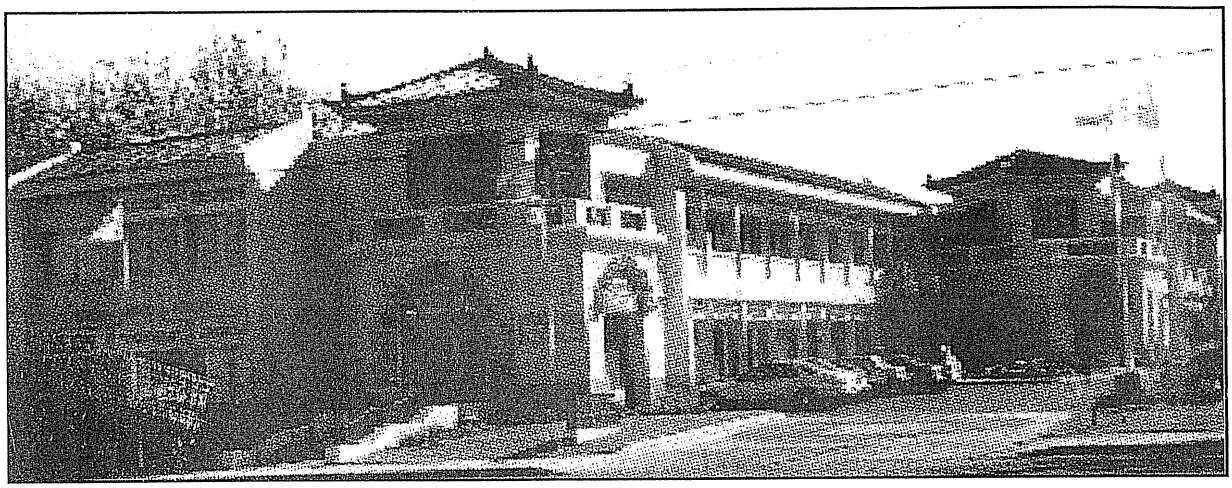

TRUNG TÂM Y TẾ TOÀN KHOA

TRUNG TÂM GIẢI PHẪU NGOẠI CHẨN
PHÒNG ĐIỀU TRỊ KHẨN CẤP, QUANG TUYẾN & THỬ NGHIỆM

- Trung tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất trên thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà ngay không cần ở lại đêm.
- Trung tâm có bác sĩ chuyên khoa về gây mê và bác sĩ chuyên khoa về tim thường trực để bảo đảm và theo dõi sự an toàn của quý vị.

* Nội, Ngoại Thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Nha Khoa, Bệnh Người Già...
* **Chuyên Trị:** Các bệnh khẩn cấp, nóng sốt, tiêu chảy, ói mửa, tiểu rát, tiểu ra máu người lớn và trẻ em.
* Các tai nạn xe cộ, nghề nghiệp, ở nhà & ở sở - Khâu các vết thương.
* Các bệnh cấp tính đau nhức, đau xương, đau bụng, đau lưng, nhức đầu, đau mắt, bong gân, gẫy xương.
* Các bệnh khó thở, tức ngực, suyễn, sưng phổi, đau tim.

Xin mời quý vị đón nghe Chương trình của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group, hàng tuần vào mỗi thứ Tư, từ 2 PM - 3 PM trên băng tần 106.3 FM VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

* *Nhận Medi-Cal, Cal OPTIMA, Medi-Care, HMO & PPO & hầu hết các loại bảo hiểm.*
* *Giá đặc biệt cho khách trả tiền mặt hoặc thẻ tín dụng với các dịch vụ giải phẫu & săn sóc thai nhi.*
* *Có xe chuyên chở cho quý vị không có phương tiện di chuyển (Xin lấy hẹn)*
* *Có chỗ đậu xe rộng rãi và an toàn đằng sau Trung Tâm.*

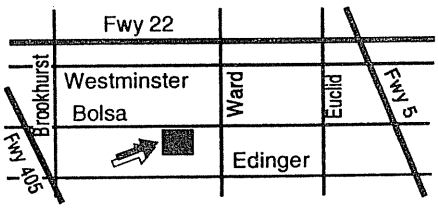

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9 AM - 8 PM
Thứ Bảy: 9 AM - 4 PM

AMVI Medical Group, Fountain Valley Regional Hospital and Medical Center, affiliated with Telnet.

Ấn Phí: Năm Mỹ Kim

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

Bolsa Medical Center

Bolsa Medical Group
Thuộc nhóm Y Tế AMVI Medical Group

10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683
Tel: (714) 531-2091
Fax: (714) 531-7926

TRUNG TÂM Y TẾ TOÀN KHOA

TRUNG TÂM GIẢI PHẪU NGOẠI CHẨN
PHÒNG ĐIỀU TRỊ KHẨN CẤP, QUANG TUYẾN & THỬ NGHIỆM

- **Trung tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất trên thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà ngay không cần ở lại đêm.**
- **Trung tâm có bác sĩ chuyên khoa về gây mê và bác sĩ chuyên khoa về tim thường trực để bảo đảm và theo dõi sự an toàn của quý vị.**

* Nội, Ngoại Thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Nha Khoa, Bệnh Người Già...
* **Chuyên Trị:** Các bệnh khẩn cấp, nóng sốt, tiêu chảy, ói mửa, tiểu rát, tiểu ra máu người lớn và trẻ em.
* Các tai nạn xe cộ, nghề nghiệp, ở nhà & ở sở - Khâu các vết thương.
* Các bệnh cấp tính đau nhức, đau xương, đau bụng, đau lưng, nhức đầu, đau mắt, bong gân, gẫy xương.
* Các bệnh khó thở, tức ngực, suyễn, sưng phổi, đau tim.

Xin mời quý vị đón nghe
Chương trình của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group, hàng tuần vào mỗi thứ Tư, từ 2 PM - 3 PM trên băng tần 106.3 FM VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

* *Nhận Medi-Cal, Cal OPTIMA, Medi-Care, HMO & PPO & hầu hết các loại bảo hiểm.*
* *Giá đặc biệt cho khách trả tiền mặt hoặc thẻ tín dụng với các dịch vụ giải phẫu & săn sóc thai nhi.*
* ***Có xe chuyên chở cho quý vị không có phương tiện di chuyển (Xin lấy hẹn)***
* *Có chỗ đậu xe rộng rãi và an toàn đằng sau Trung Tâm.*

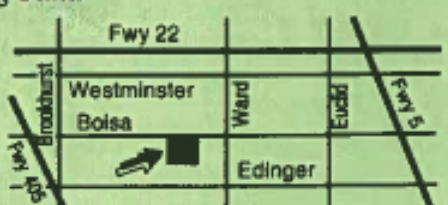

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9 AM - 8 PM
Thứ Bảy: 9 AM - 4 PM

AMVI Medical Group, Fountain Valley Regional Hospital and Medical Center, affiliated with Telnet.

Ấn Phí: Năm Mỹ Kim